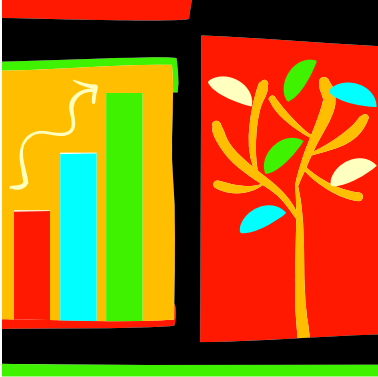


Mai Ngũ

Tập truyện ngắn Mai Ngũ



Sinh thành

Những năm trước, khi còn khỏe, ông già Thước thường đi bộ ra cái quán cách nhà chừng vài trăm mét ngồi uống bia hơi. Ông không uống nhiều chỉ gọi một vai rồi ngồi ngắm ngọi và ngắm nhìn người và cảnh vật chung quanh. Nơi ông ngồi xế đó có một cây bàng rất lớn, thân to người ôm xuê, cây bàng cao xòe cánh phủ lên kín mái nhà lợp tôn. Mùa hè, lá bàng xum xuê, xanh mượt làm mát rợp cả một khu vực rộng, nhìn lên không thấy mặt trời đang phóng những tia nắng xuống. thỉnh thoảng có gió mạnh những trái bàng xanh rơi trên mái tôn kêu to như tiếng súng lục, làm giật mình. Về mùa thu sang đông, lá vàng úa đỏ dần khô lại và rụng xuống. Những chiếc lá bàng khô cong queo như bánh đa nướng, có hôm chiếc lá đỏ khế rơi sát ngay vai bia đang uống dở của ông cụ. Nhìn chiếc lá khô xám xịt, ông già thấy cả sự tàn lụi của sự vật... Ông về nhà, đêm nằm như thấy chiếc lá bàng khô bên mình. Tết đến rồi tết qua đi, mùa xuân với những cơn mưa phùn làm nhót nhát lối đi và trong nhà cũng ẩm ướt, hôi hám. Sang xuân, khi có nắng mới, ông già ra ngồi trong quán bia,

thấy trên cành bàng trụi lá nhô lên những búp nhỏ như ngón tay đũa bé, màu non tơ. Rồi chỉ một hai ngày sau, những búp non tơ ấy xòe ra thành lá và những cái lá bàng chẳng mấy chốc đã phủ kín cành cây, cây bàng đang hồi sinh trở lại, sức sống đang sinh thành, thay cho sự tàn lụi ngày nào. Cây bàng như chàng trai đang ưỡn bộ ngực tràn trề sức lực trước nàng gió và giông bão... Nửa đêm, ông già tỉnh giấc nghe tiếng một nghiến kèn kẹt trong nhà. Chẳng cần ngồi lên ông cũng biết đàn một đang tàn phá mấy thứ đồ gỗ kê cạnh đấy. Đó là bộ bàn ghế, cái tủ đứng và ngay cả cái giường nằm của ông, những thứ mà cơ quan cấp phát cho ông khi về hưu, toàn những thứ làm bằng gỗ tạp, những thứ người ta cấp phát theo tiêu chuẩn. Hơn hai mươi năm rồi, những đồ gỗ ấy đã xuống cấp, đã quá tuổi thọ, gỗ tạp làm sao bì được với các nhóm gỗ tốt, những sến, hồng sắc hay lim dành cho cán bộ cấp cao... Bây giờ, cứ về đêm là các thứ đồ gỗ ấy nổi lên bài ca của sự tàn lụi, như nhắc nhở ông liệu liệu, sẽ có một ngày nào đó chúng sập xuống... Nhưng tất cả chẳng làm cho ông già phiền lòng, dàn đồng ca của đàn một gỗ ấy như ru ông đi vào giấc ngủ. Ông chỉ lo ngôi nhà này, vào mùa mưa, trong nhà như ngoài đường. Cái nhà cấp bốn, lợp ngói tây, ngói gác vào những thanh gỗ tạp làm rui mè đã mục, ngói ngấm nước càng nặng, gian nhà đã bị thương tích do nhà bên đào móng, đóng cọc xây nên ba bốn tầng, tường nứt toác, nền sụt xuống mỗi ngày một ít. Đó là điều đáng lo nhất. Nhưng ai lo bây giờ. Ông thì ông không lo nổi, bà vợ ông là một người đàn bà đoảng nhất trần gian. Vợ chồng ông tuy ở chung nhà nhưng chẳng bao giờ nói với nhau được điều gì tử tế, đến trông mặt nhau còn chẳng muốn. Bà ấy cứ đi suốt, hết vào nhà này lại sang nhà khác tán chuyện, không có thì ra ngồi một mình ngoài vườn hoa

ngắm trời, ngắm đất, đôi thì nhai bánh mì. Có tiền là sả vào bàn chân cạ, tổ tôm tài bàn, khi thua khi được. Tiền lương hưu của ông, ông tiêu riêng, tiền hưu của bà, bà cũng tiêu riêng, thiếu thì bả xin con cái, chúng nó mỗi tháng trợ cấp cho bà, đưa một chục, đưa vài ba nghìn đồng, chúng không đưa nhiều bởi chúng biết có tiền là bà lại vào đám bạc. Bà cũng giống như ông, chẳng bao giờ nấu cơm ăn ở nhà, cứ ra ngoài hàng mua năm trăm bạc cơm với bát canh rau là đủ bữa, có hôm cũng chỉ năm trăm đồng bún với bìa đậu chám mắm tôm, ăn xong chùi mép đứng lên mò tới đám bạc cho đến tối mới về... Hai vợ chồng sống như vậy đã hàng chục năm rồi. Con cái cũng quen cảnh ấy, kệ cho ông bà sống thế nào tùy thích. Cô con dâu ở cùng nhà cũng kệ, có ai nhắc việc nấu cho bà hay ông ăn, nó bảo: “Biết nấu cho ai? Nấu cho bà chẳng lẽ không nấu cho ông, mà nấu tất cả thì cháu không còn hơi sức, với lại đi làm về muộn lại đi chợ, về nấu cơm dọn lên các cụ đã đi ngủ. Cuộc sống của ông già Thước cứ diễn ra như thế... như thế... như ngôi nhà cấp bốn dột nát chỉ chờ ngày đổ sập mà chẳng ai ngó nghiêng tới... Sự tàn lụi diễn ra ngày càng rõ rệt...

Mấy năm gần đây, ông già không đi lại được, đi đâu phải kèm theo cây gậy chống. Quán bia hơi lâu nay ông cũng không tới, nhưng hình ảnh về nó vẫn đọng lại trong ông như những kỷ niệm khó quên.

Trước hết là cây bàng xanh lá vào mùa hạ, đỏ lá vào mùa thu, tới mùa đông thì trụi lủi, chỉ còn trơ trọi những cành khẳng khiu giơ lên bầu trời xam xám. Quán bia hơi vẫn rất đông khách tới nhậu, nhất là vào những ngày cuối tháng âm lịch, khách hồi hải đến ăn thịt chó, bởi sang ngày mồng một cho tới mồng năm, thịt chó nghỉ bán. Những ngày đông khách, người quay lấy hàng thịt và cô bán hàng thái thịt lia

lạ, khách chỉ miếng này miếng khác, miếng nào cô cũng chiều, khách lễ mễ bụng hai đĩa thịt chó đầy tú hủ rồi quay lại lấy rau và một túm sả sống rồi chấm mắm tôm chanh ớt. Có đám khách trưa nào ông cũng gặp, thân thể họ lực lưỡng, mặc toàn đồ thể thao: giày thể thao, mũ thể thao, ngực phanh ra để lộ sợi dây xích vàng chóa đeo quanh cổ, những cái túi to dùng đựng vợt, bóng, xe máy phòng ào ào. Những đĩa thịt chó được bụng lên và ăn, và vắng tục, ý hẳn đó mới là tinh thần thể thao chân chính... Khách đến với bia hơi và thịt chó diễu xe máy qua mặt ông, đó là cán bộ dân sự com lê cà-vát miếng phì phèo thuốc Ba số, là sĩ quan quân đội hoặc công an, anh trung tá, anh đại tá, quân hàm và vành mũ đỏ chói, anh cấp thấp xun xoe đi trước dẫn đường... Xã hội bây giờ có lẽ chỉ có ăn và nhậu là rõ ràng, ông già nghĩ bụng, chẳng ai đoái hoài gì đến ông già ngồi lặng lẽ ở đây. Xã hội đang hoạt động như vậy ư? Đây là ông ngồi trong cái quán nhỏ, còn ở những quán khác sang trọng hơn, lại có các em xinh đẹp phục vụ, thì khách ăn tha hồ ném tiền qua cửa sổ. Năm nay ông đã quá già, năm ngoái Chi hội Người Cao tuổi đã tổ chức lễ mừng thọ ông tròn tám mươi tuổi, tặng ông cái bằng màu đỏ to bằng tấm vở học sinh có ghi tên tuổi ông kèm theo lời chúc tụng, lại được chụp ảnh chung với cấp lãnh đạo của phường, của cụm cũng là điều vinh dự, an ủi tuổi già... Sang năm nay, ông quá yếu, không đi lại được như trước, quanh quẩn hết ở nhà lại ra hè phố uống chén nước chè nóng ngắm nhìn thiên hạ đang đi lại như điên như dại mà nuối tiếc thời trai trẻ của mình. Hai mươi năm trước, khi về hưu, ông đâu có chịu nghỉ, hết tham gia công tác trên quận lại về phường, cứ chiếc xe đạp được mua cung cấp, kèm thêm cái cặp da cán bộ kẹp vào xe, đi đi về về, nói năng đĩnh đạc, sai bảo vợ con,

chẳng ai dám trái lời... Vậy mà giờ đây giá ông có nói cũng chẳng lọt tai đứa nào chẳng ra nghe, chẳng ra không, cứ ngậm tăm đi thẳng. Ôi, tuổi già sao mà đáng ngán... Rồi ông già ít khi ra khỏi nhà, có cô gái bán rượu thường đến đem rượu cho ông, ông uống rượu để giải cơn sầu. Uống buổi tối chẳng cần gì đến sự ăn, chỉ cần uống, và khi uống, ông lại nhớ đến thời trai trẻ của mình, đến các đồng đội của mình. Mà những đồng đội của ông họ đã chết gần hết, thỉnh thoảng lại thấy họ xuất hiện trên màn hình ti vi trong mục Tin buồn, với đầy đủ họ, tên, chức tước với các huân, huy chương, người an táng tại nơi này nơi khác, người được đưa đi hỏa táng... Ôi, nỗi buồn cứ trĩu nặng trong trái tim và mỗi lần như thế, ông lại vớ lấy chai rượu rót ra chén, vừa uống vừa ngẫm lại cuộc đời mình... Và ông nức lên khóc như đứa trẻ. Con cháu và bà vợ ông, cả những hàng xóm láng giềng nghe tiếng nức nở của ông, ai cũng nghĩ ông đang say rượu. Người ta cứ rượu vào là la hét, chửi bới, thậm chí còn đập phá, chỉ có ông là khóc. Những giọt rượu nốc vào, những giọt lệ trào ra, đó là sự say cay đắng.

Bây giờ bè bạn chẳng còn ai, hay còn một vài người, ông cũng không thể tới thăm bạn hay bạn cũng không thể tới nhà thăm ông. Bây giờ gọi là bạn của ông chỉ có hai người phụ nữ. Người thứ nhất là cô gái thường đem rượu đến cho ông, cứ tuần một lần vào sáng thứ hai khi cả nhà đi vắng, con cháu đi làm, đi học, bà vợ thì đi đánh bài. Cứ mỗi tuần, cô hàng rượu xách cho ông chiếc can năm lít, sau đó cô nấn ná ở lại dọn dẹp căn phòng bừa bộn và hôi hám của ông. Trước kia, ông nói với cô gái, căn phòng này sạch sẽ, sáng sủa, kê chiếc giường, cái bàn làm việc rồi tủ sách lại một bộ bàn ghế. Rồi bao nhiêu là báo, là tạp chí xếp hàng chồng bên cây đèn bàn. Ông

thường ngồi đó nghiên cứu tài liệu với những cuốn sách dày cộp, nào Tự điển Triết học, nào Lịch sử đảng cộng sản Liên Xô, cả Lịch sử Đảng ta, rồi Tuyển tập Lenin, Tuyển tập Hồ Chí Minh v. v... Toàn những cảm nang để ông đi giảng ở các lớp Tuyên huấn của quận, của phường mà học viên là những đảng viên mới hoặc cảm tình Đảng... Rồi bức tượng nhỏ Hồ chủ tịch bằng thạch cao đặt trên bàn, đối diện với ông. Trên tường treo những tấm lịch tờ từ mấy năm đổ lại, treo cho vui mắt chứ ông chẳng cần gì đến chúng, toàn những quà biếu của người ta khi ông còn tham gia công tác. Chính giữa bức tường treo tám ảnh chân dung ông, ảnh bán thân, mặc quân phục đeo quân hàm đại tá bốn sao với các thứ huân, huy chương vàng chóa. Trông ông lắm liệt, uy nghi, có lẽ đó là thời kỳ vàng son nhất của đời ông. Vậy mà năm kia, khi ông phải nằm viện mất hai tuần, thằng con trai ông đã thu dọn sạch sẽ, cả tượng Bác Hồ, cả ảnh chân dung ông cùng các tờ lịch, sách báo của ông, nó ấn hết vào cái hòm gỗ đẩy tít vào gầm giường, nên khi từ bệnh viện về nhà, ông cứ đứng sững, tất cả trống trơn, tưởng như ông vào nhà ai đó đâu phải nhà mình. Ông lạng người rồi cơn giận bốc lên đùng đùng, ông nằm vật ra giường, chiếc giường không có chiếu trải, đây bụi. Ông giận nhưng nào làm gì có ai để trút nỗi giận hờn. Cả nhà đi vắng hết, bà vợ sau khi đưa ông vào thoáng cái đã biến mất... Chỉ còn mỗi cách, trút cơn giận vào chén rượu. Thế là ông ngồi uống, vừa uống vừa nhìn ngắm căn phòng trống trơn. Tất cả đều sạch sẽ nhưng là sự sạch sẽ hoang vu... Mãi chiều, hai vợ chồng thằng con trai cùng hai đứa cháu nội mới về nhà. Tức thì cơn giận nung nấu trong ông được dịp bùng ra. Ông đứng sững giữa nhà, tay chống cây gậy mà mắng chửi, cứ chúng nó mà mắng chửi, rồi ông đập phá, cây gậy vung lên

gạt phăng tất cả. Thằng con chạy ra định nói, ông vụt luôn. Con vợ nó khôn ngoan cứ im thít. Bà vợ vừa thò đến cửa cũng biến luôn. Hai đứa cháu nội coi như không nghe thấy gì cả, đem quần áo ra bể nước tắm dội ào ào xong, chúng nó bật ti vi lên xem... Anh con trai hùng hổ bê mấy chai rượu của ông bày trên bàn: “Đây, ông có thích đập nữa cứ đập...” Và chính anh ta ném luôn chai rượu xuống nền gạch, cái chai vỡ tan, rượu đổ tung tóe và hơi rượu bốc lên nồng nặc... Ông gào lên:

- Chúng bay cút hết đi, mày được cấp nhà chẳng ở, đem cho thuê lấy tiền. Mày dồn cả nhà mày về đây báo hại ông... Đồ chó đẻ, nhà này là tiêu chuẩn của ông, mày biết nhưng mày cứ ỳ ra, mày chỉ mong ông chết để mày hưởng cả. Ông có chết cũng không đến lượt mày... Cô con dâu từ trong bếp nói ra:

- Được thôi. Ông đuổi thì chúng con đi. Hết tháng này sẽ dọn đi. Sở dĩ là do bác cả bảo phải ở đây để trông nom ông bà.

Bà vợ từ này vẫn lấp ló ngoài cửa, lúc ấy bước vào:

- Thôi đi chị ơi... Chị đừng có giả bộ nhân bộ nghĩa. Bảo phải ở đây để trông nom bố mẹ già, thử hỏi bao nhiêu năm anh chị trông nom gì chúng tôi. Nói thế không sợ hàng xóm người ta cười cho.

Anh con trai ý chừng xấu hổ mới ngăn bà mẹ lại:

- Con xin bà... Rồi nay mai chung con dọn đi nơi khác trả lại nhà cho ông bà, ông mà muốn cho ai thì cho...

Bà vợ lên nhà trên thấy đức ông chồng ngồi lặng đi trước mấy chai rượu đặt trên mặt bàn. Bà lặng lẽ lấy chổi quét những mảnh vỡ trên nền nhà. Ông già nhìn bà như nhìn một người xa lạ, không ai nói với ai lời nào, như thế cũng là hoà bình thân thiện lắm rồi...

Khi bà vợ đã bỏ vào nhà trong nằm ngủ, ông già vẫn chưa rời chai

rượu, nhưng càng uống ông chỉ cảm nhận được mùi vị đắng chát. Lúc ấy có bóng người đẩy cổng đi vào, nhẹ nhàng đến bên ông, đưa ra gói gì đó bọc giấy báo:

- Bác ăn đi, xôi chả nóng đấy, cháu vừa mua... Bác ăn đi...

Ông già nhìn lên nhận ra đó là người bạn thứ hai của ông, một người đàn bà tật nguyền ở cách nhà ông hai dãy. Một cô gái thì đúng hơn, tuy cô đã vào tuổi năm mươi nhưng chưa hề lấy chồng. Lúc đó ông già mới nhận ra mình đang đói, đói thật sự, ăn cơm buổi trưa ở bệnh viện, chiều về nhà lại sa vào chuyện to tiếng này, ông càng nốc rượu càng xót ruột. Ông nói: "Cảm ơn cô..." Cô gái nói: "Thôi bác đừng uống nữa, bác ăn xong rồi đi nghỉ, cháu về bán hàng..."

Cô gái nhẹ nhàng đi ra, lát nữa cô sẽ đem mẹt thuốc lá ra ngồi bán ở ngã tư đường phố. Mấy năm trước ông còn khỏe đi lại được ông thường gặp bà mẹ cô, một bà cụ già hơn ông đến chục tuổi. Bà cụ lưng còng như gập xuống, chống cây gậy ra ngồi sưởi nắng ngoài hiên, ấy là vào mùa đông. Mùa hè bà cụ cũng chống gậy ra ngồi đó hóng gió. Một bà mẹ già gần chín mươi sống với người con gái không chồng lại tàn tật, bên cánh tay bị teo quắt và bên chân dẹt dẹo, mỗi khi bước đi, người cứ ngã nghiêng, cánh tay hất lên và bàn chân cũng hất lên. Hai mẹ con sống trong căn phòng nhỏ chừng chín mét vuông kê vền vện chiếc giường đôi, mùa đông hai mẹ con nằm chung, đắp chung chăn. Mùa hè, người con gái trải chiếu nằm trên nền nhà, nhường giường cho mẹ. Hai mẹ con sống bằng tiền trợ cấp của người con trai, gian nhà ấy, chú ấy chiếm phía ngoài mặt phố, ngăn thành cửa hàng cho thuê, mỗi tháng hai triệu, biếu mẹ và chị gái mỗi tháng năm trăm ngàn, giao hẹn chị phải chăm sóc mẹ chu đáo. Hai năm trước bà mẹ bị ốm liệt, thoát đầu còn ngồi lên được

sau nằm không nhúc nhích, cô gái tận tình săn sóc mẹ cho đến khi bà cụ qua đời. Bây giờ người em trai chỉ đưa cho chị mỗi tháng hai trăm nghìn đủ để chị sống dè sẻn. Cô muốn có thêm tiền chi dùng, đành bê cái mẹt ra ngồi đầu phố bán thuốc lá lẻ nhưng cũng chỉ vào buổi tối khoảng từ sáu giờ đến chín giờ. Cô gái có hàm ơn với ông già bởi đã một lần ông cho cô vay một trăm nghìn làm vốn. Cô nhớ mãi ân nghĩa ấy nên cô thường hay qua lại giúp đỡ, mua bán cho ông, lúc gói mì, khi gói xôi...

Ông già ngồi lặng lẽ ăn gói xôi chả mà cô gái vừa mua về, ăn mà nước mắt cứ ghen ghen. Ông sống thật cô đơn chẳng biết trò chuyện cùng ai, nói với vợ không xong vì chỉ nói câu trước câu sau là cãi nhau, với con cháu cũng không được, trước hết bao giờ chúng nó cũng sẵn ấn tượng ông là người lắm cảm, dờ hơi, cũng chỉ câu trước câu sau là ông cáu lên với chúng nó... Người con gái lớn của ông thì ở xa, mãi trong thành phố Hồ Chí Minh, năm thì mười họa mới viết thư ra hỏi thăm ông bà. Người con trai cả sắp về hưu, sống với vợ con tuy cùng hàng phố nhưng cũng ít đến thăm nom, nó đang bận xin đất hay mua đất xây nhà ngôi nhà những ba bốn tầng. Hôm xây xong nhà nó mời ông xuống ở với nó, nhưng ông lắc đầu. Lên sống với nó tất nó sẽ đùn ông lên ở trên tầng ba, sống ngất ngheo trên ấy tuy tiện nghi đầy đủ nhưng sống thế như bị quản thúc. Ông cứ nhà ông ông ở, căn nhà được cấp trước khi nghỉ hưu tuy dột nát, sập sệ nhưng là nhà của ông, bây giờ ông chỉ còn mỗi cái quyền ấy.

Năm trước, thằng con sống với ông gạ ông phá nhà để nó xây lại lên tầng cho đàng hoàng, nhưng ông dứt khoát không nghe. Nó phá nhà cũ làm nhà mới, thì hiển nhiên đó là nhà của nó, ông thành kẻ ở nhờ, ông há miệng mắc quai. Vì nếu nó có tử tế thì cũng mời bố trèo

lên sống ở tầng ba, nghĩa là cũng quản thúc bố. Trờì, chưa bao giờ ông thấy cuộc sống đảo điên như vậy?

Cô gái tật nguyên ngồi bán thuốc lá ở ngã tư đầu phố. Gió từ bốn phía thổi tới lành lạnh, cô gái nghĩ đến ông già ngoài tám mươi tuổi mà cô vừa mua xôi cho ông. Thật tội, cô thấy thương cảm cho ông già, có vợ, có con có cháu hẳn hoi mà như người cô độc, cô quả chẳng khác thân phận cô bây giờ. Mười mấy năm trước, cô nhớ sau khi ông nghỉ hưu trong quân đội, ông tham gia công tác trên quận, sáng sáng ông đạp xe đạp ra đi, quần áo chỉnh tề, giày đen, âu phục đen đeo ca-vát nghiêm túc như một công chức thực thụ, chẳng ai nghĩ ông đã bảy mươi. Khi ông về qua nhà cô, ông còn dừng xe đứng nói chuyện với mẹ cô, hỏi han thân tình. Bà cụ quý ông lắm vẫn thường răn dạy cô phải biết quý trọng ông, rằng già rồi vẫn say mê công việc cách mạng, rằng gia đình ông là gia đình nề nếp v.v... Vậy mà chỉ chục năm sau, con người biến đổi hoàn toàn, lúc nào cô qua nhà ông cũng thấy ông ngồi uống rượu một mình hoặc ông chống gậy mò mẫm ra mấy hàng phở, hàng mì hoặc hàng rượu. Có hôm say quá, ông không đi được phải bò bốn chân, ngã dúì dụi, may có người vục lên dìu về nhà. Cô gái đi báo với anh con trai, anh ta vẫn coi như không, có lần còn bảo: “Kệ ông ấy, ông ấy ngã thì đứng lên bò về nhà... Ai đỡ được, ngày nào ông ấy chẳng ngã vì rượu...”. Ông già được dìu về nhà, nằm lăn trên giường, tưởng ngủ nhưng ông vẫn thức và la lối kêu rên rồi chửi “chúng nó” chẳng ai hiểu “chúng nó” là ai? Và “chúng nó” làm gì ông? Căn nhà đầy đặc không khí buồn phiền như có thể xấn ra được. Gia đình anh con trai vẫn lặng lẽ trong phòng, người vợ ngồi giặt bên bể nước, hai đứa con ngồi học bài, còn anh thì bó gối giữa nhà, hút thuốc lá, bà mẹ vẫn đi chưa về.

Đã một tuần nay, ông già không ra khỏi nhà. Bà vợ sáng mua cho ông bát phở, trưa lại bát phở còn bữa tối, ông ăn bát phở còn lại. Rồi bà ra đi. Nhà bây giờ quá vắng vẻ. Vợ chồng thằng con trai và con cái nó đã dọn nhà đi nơi khác. Chúng nó cũng không thể ở mãi trong cái nhà này bởi ông già cứ rượu và chửi rủa. Hôm nó ra đi, chúng nó có vào chào ông nhưng ông nằm quay mặt vào tường, coi như không nghe tiếng, mặt ông dần dụa nước mắt, ông không dám quay ra, hơn nữa ông cũng không muốn nhìn mặt chúng nó. Chúng nó dọn sạch, chẳng để sót lại vật gì kể cả chổi cùn rế rách, có con chó nuôi từ chục năm nay, nó cũng đưa đi. Con chó khôn ngoan cứ rúc vào gầm giường không chịu ra, thằng con phải chui vào bế ra xe. Thế là chúng nó đi hết... Còn lại ông bà già ở lại, chúng nó không muốn dính dáng gì đến ông nữa. Nhà ông ông ở, nhà nó nó ở.

Có một đêm, ông già thức giấc, ông lại mơ thấy cây bàng. Về mùa này, cây đã trụi gần hết lá. Chiếc lá khô rời khỏi cành, quay cuồng trong gió và rơi bên cạnh ông, chiếc lá đỏ khé, cong queo. Tiếng lá rơi như một tiếng thở dài nặng nề. Những ngày gần đây, ông già cảm thấy cái chết đến gần ông. Cái chết ám ảnh ông cả ngày lẫn đêm, mỗi khi nhắm mắt ông lại cảm thấy cái chết đến mỗi lúc một gần, không phải hình ảnh ông lão Thần chết với bộ xương trắng hếu khoác tấm áo choàng đen cầm lưỡi hái của châu Âu, không phải hình ảnh ấy mà là cây bàng mấy năm trước ông ngồi ngắm nó ở quán bia, cây bàng mùa đông khắng khiu trụi lá... Đó là sự tàn lụi giống như ông bây giờ.

Khoảng gần sáng ông thấy bên cạnh sườn có cái gì như ngọn dùi nóng xiên vào đau nhói. Đau không ngủ tiếp được, đau đến mức ông bật kêu lên. "Ồi mẹ ời, đau quá, mẹ ời...". Nước mắt ông dần ra, tay

ôm bụng, cơn đau âm ỉ, chốc chốc lại dội lên. "Mẹ ời, cứu con, con đau quá, mẹ ời...". Con người ta dù là tuổi cao bao nhiêu, những lúc gian nan đều cất tiếng gọi mẹ, cầu cứu đến mẹ, chỉ gọi không gọi ai khác, đó là phản ứng tự nhiên của con người... Tiếng gọi mẹ, tiếng kêu la của ông vang trong căn nhà trống, chẳng ai nghe thấy. Bà vợ nằm ngủ gian bên thức giấc càu nhàu: "Rượu lắm, đêm cũng không để cho người ta ngủ...". Bà cắn nhằn vậy rồi tiếp tục ngủ. Ông cứ la hét như vậy đến khi quá mệt thiếp đi...

Khi ông tỉnh dậy, trời đã gần trưa. Ông ngồi lên thấy ngay cái cặp lồng đựng phở nguội ngắt, ông ra đi giải rồi chống gậy lồm khồm ra cửa. Cánh cửa đóng chặt, luồn tay vào cái lỗ xích ông nhận thấy cái khoá to tướng. Bà ấy đã khoá trái cửa và đi rồi, chẳng biết đi đâu, ra ngồi ngoài công viên hay trong chiếu bạc? Bà đi, sau khi làm xong nhiệm vụ với ông: mua sẵn cho ông bát phở...

Hồi này ông luôn luôn nằm mê, trong cơn mê, ông thấy nhiều người, nhiều chuyện. Có đêm ông mê thấy ông chết, đám ma ông tổ chức ở Nhà tang lễ, vòng hoa chất quanh quan tài và người đi đưa toàn những anh em đồng đội cũ, những người đã hy sinh từ lâu hoặc mới mất. Gia đình chẳng thấy ai, chỉ có bà mẹ ông qua đời từ mấy chục năm đi theo quan tài ông, bà cụ cũng còng lưng gập xuống như bà mẹ cô gái thường vào nhà ông, còn cô gái ông lại thấy cô ngồi bán thuốc lá trước linh cữu. Đột nhiên có luồng gió mạnh những chiếc lá bàng khoả đổ rơi trên nắp quan tài rồi chính ông lại chạy ra nhặt lá vớt xuống đất... Ông tỉnh giấc, người mơ màng như vừa uống hết chai rượu mạnh rồi ông đau cơn đau đột ngột đến âm ỉ và ông bật kêu lên, la lối, gọi mẹ...

Ông đau nặng, người con cả nghe tin vội gọi xe cấp cứu đưa ông

vào bệnh viện. Bác sĩ bảo phải mổ vì gan ông đã xưng tấy. Mổ xong, ông kiệt sức qua đời... Sự tàn lụi kết thúc vào mùa đông năm ấy. Ai cũng nói ông chết vì rượu, chỉ có cô gái tàn tật là im lặng không bình luận.

Mùa đông đi qua rất nhanh rồi mùa xuân tới với những đợt mưa phùn. Cây bàng bên quán bia hơi đã mọc lên những chồi lá non, ít ngày sau biến thành những chiếc lá non thay thế đám lá khô còn sót lại. Sang hè, lá bàng xanh mơn xoe kín, cây bàng như hồi sinh trở lại, một sức sinh thành mới khỏe khoắn và tươi tắn đầy sức sống... Trưa hôm ấy, trời nắng, có hai người đàn ông vào quán uống bia. Một người nhiều tuổi, chừng năm nhăm năm sáu, một người ít tuổi hơn, kém người kia đến chục tuổi. Họ ngồi trước hai cốc bia và đĩa lạc rang. Đó là hai anh em ruột. Người anh nói:

- Hôm nọ trăm ngày ông, chú bảo tôi hôm nay đến để chú bàn việc nhà. Lúc nãy chú nói có bà ở nhà không tiện bàn, bây giờ chú nói đi. Chắc chú muốn bàn về cái nhà phải không?

Người kia gật đầu:

- Vâng, em muốn bàn với anh về cái nhà. Em muốn phá đi xây lại, nhà sập sệ quá rồi, phải làm lại mới ở được. Kỳ này em sẽ phá cả đi xây lên hai tầng rưỡi... ý anh thế nào?

- Chú phá đi xây lên vài tầng nhưng cho chú hay cho bà?

- Tất nhiên là em xây gia đình em ở... Vợ chồng em đã sống với ông bà mấy chục năm, chịu đựng mọi nỗi, dĩ nhiên cái nhà ấy là thuộc phần em... Anh chị đã có nhà cao cửa rộng, thừa thãi rồi...

- Trước hết tôi hỏi chú, ý định này là của chú hay của vợ chú?

Người em gãi đầu, nói:

- Tất nhiên là em với vợ em...

Người anh uống cạn cốc bia, gọi thêm và nói:

- Thế này nhá: Chú nói là tôi đã có nhà cao cửa rộng nhưng đó là nhà của tôi bỏ tiền ra xây, cơ quan chia cho bốn chục mét đất. Mà chú nói tôi đã có nhà thì vợ chồng cũng có nhà tuy không rộng rãi như nhà tôi nhưng là nhà được cấp, chẳng mất đồng nào. Còn chú nói mấy chục năm vợ chồng chú đã chịu đựng, tôi thật sự thông cảm nhưng chú nên nhớ rằng chú có nhà riêng đem cho thuê và sống với ông bà tất nhiên sao bằng mình sống ở nhà mình. Với lại, vợ chồng chú cần nhớ rằng vợ chồng con cái chú đã sống chung với ông bà mấy chục năm, của chú chú ăn, của ông bà ông bà ăn không ai ăn nhờ ai, đến khi ông ốm gần chết thì chú dọn nhà đi nơi khác, bỏ ông cụ nằm liệt cho bà cụ hầu hạ. Nếu vợ chồng chú không nhớ thì hàng xóm láng giềng người ta đều nhớ, người ta còn mua cơm, mua phở cho ông cụ...

Người em tự ái vặc lại:

- Thế sao ngày đó vợ chồng anh không nghĩ đến ông cụ, không xuống trông nom ông cụ? Anh là trưởng kia mà...

- Phải, đó là sai lầm lớn nhất trong đời tôi. Tôi quá chủ quan, tôi chỉ nghĩ ông cụ chỉ bệnh rượu thôi, không ngờ...

Hai anh em ngồi im lặng rất lâu, cuối cùng người anh nói:

- Thôi được, tôi tính thế này, nếu vợ chồng chú đồng ý: Ngôi nhà ấy là tài sản duy nhất của ông cụ để lại cho con cháu. Ngoài này chỉ có hai anh em mình. Gia đình cô Tâm thì ở xa. Chú muốn lấy cả nhà rồi phá đi xây lại, tôi chấp nhận nhưng vợ chồng chú phải cam kết giành lại hai phòng ở gác hai, một phòng đặt bàn thờ ông, một phòng để bà ở.

Người em gạt phất:

- Anh là trưởng, anh phải đặt bàn thờ ông ở nhà anh, còn bà cũng xuống ở với vợ chồng anh...

Người anh cười gằn:

- Chú tính toán khéo lắm. Tôi là trụ ởng thì lẽ ra ngôi nhà ấy thuộc quyền tôi sử dụng. Bàn thờ ông phải đặt ở nhà ông, bà cũng sống ở đây để thờ phụng ông. Tôi biết vợ chồng chú không muốn để bà sống chung, tôi biết. Vậy đó là phương án một còn phương án hai là; ngôi nhà chia đôi ra, tôi cho vợ chồng chú một nửa chú muốn xây bao nhiêu tầng tùy còn một nửa tôi cũng xây, nhỏ thôi, để bàn thờ ông và nơi bà sống. Dù nhà tôi có cao to bao nhiêu, bà cũng không đến ở với tôi đâu. Như thế, có hai phương án, vợ chồng chấp nhận phương án nào cũng được chú cứ bàn bạc với vợ chú đi, mà mình chú cũng chẳng quyết định được phải vợ chú kia, sáng mai chú lên trả lời tôi. Chú lấy cả cái nhà ấy thì bà cụ không bao giờ chấp nhận. Ông mất thì nhà thuộc quyền bà, chú quyết định đi, tôi sẽ thuyết phục bà đồng ý. Thế nhá...

Hai người trả tiền rồi đứng lên ra về. Cuộc thương thuyết hai bên chưa ngã ngũ. Gió lại xào xào trên cành bàng, những chiếc lá xanh mướt phe phẩy, vài chú chim sâu giật mình bay vọt lên như những chấm cũng màu xanh, tiếng chim kêu chiêm chiếp, chích chích...

Ba tháng sau, khi mùa thu đến, gió heo may xào xạc, lá bàng sẫm lại và dày, đã thấy sắc đỏ giữa thân lá, trên ngôi nhà cấp bốn của ông già Thước đã bị phá đi, mọc lên hai ngôi nhà giáp lưng nhau và đối lập nhau về phong cách. Ngôi nhà thứ nhất một tầng mái bằng trên có lợp thêm mái tôn Ausnam, ngôi nhà quá khiêm tốn. Đó là ngôi nhà của bà cụ sống với bàn thờ ông cụ ở giữa nhà, dưới tấm chân dung một sĩ quan với đầy đủ quân hàm quân hiệu, huân huy chương vàng

chóe nhưng nét mặt người trong ảnh cứ u dột, cau có thế nào? Ngôi nhà thứ hai là của người em, cuối cùng thì họ chấp nhận phương án hai, thà chật một chút nhưng tự do thoải mái, ngôi nhà ba tầng ngất ngheo, bên ngoài trang trí đầy màu sắc với hai tấm cánh cửa kiểu “chuồng gà” (theo lối gọi của mấy anh thợ nhà quê) nghĩa là những thanh sắt dày hàn gần sát nhau, chỉ lộ ngón tay, sơn đỏ sẫm. Một ngôi nhà khá đẹp, mọc lên như là sức sinh thành của một thế hệ mới. Chiều chiều, tiếng réo con, tiếng quát mắng cứ vang lên của người vợ nay đã thành bà chủ, xen vào tiếng chuông điện thoại gắt lên khiến người lạ đi qua phải giật mình...

Tập truyện ngắn Mai Ngữ

Lãng đãng chiều sương

Hà nội - mùa thu, trời đẹp. Một buổi sáng tôi đạp xe cùng nhà văn Tô Hoài đi dọc phố Bà Triệu. Chúng tôi có hẹn với ông bạn Vạn Lịch đến một quán cháo lòng tiết canh mà ông Lịch khoe rằng ở đó có món hàng lợn luộc trắng như ngó sen, lại tròn.

Gặp để chơi và trò chuyện là chính không phải vì món quà sáng mà ông Vạn Lịch giới thiệu. Ông Vạn Lịch là người bạn thân thiết của giới văn nghệ chúng tôi, ông rất quý những tài năng và hết lòng giúp đỡ nếu có thể được. Ông thân với nhà văn Nguyễn Tuân, Kim Lân hay Tô Hoài, chơi với các ông Phạm Văn Khoa, Phan Kế An hay Nguyễn Sáng, đặc biệt với Văn Cao. Hồi chống Pháp, ông Vạn Lịch từng là chính uỷ trung đoàn thuộc Sư 312 về sau ông chuyển đơn vị khác thì ông Hà Minh Tuân về thay. Hồi năm 63, ông Tuân gặp cái nạn Vào Đời, ông Lịch rất thương ông Tuân và bà vợ sau này của Tuân cùng đứa con của bà cũng quý mến ông Lịch vì ông chẳng nề hà gì, hễ giúp được bạn là giúp hết lòng. Ông Nguyễn Tuân cũng vậy, còn sống thì ông Lịch thường mua bia hơi đến cho ông và sau khi ông mất, chẳng có ngày giỗ nào của ông mà ông Lịch không đến nhà thắp hương cúng ông. Ngày xưa, nghĩa là cách đây khoảng hơn

hai chục năm, ông Vạn Lịch còn đến được Câu lạc bộ Ba Đình ngồi với bè bạn và uống bia hơi, khi về bao giờ ông cũng mua thêm vài ba vại đổ vào bi-đông đem theo nói là “để đem về cho thằng Tuấn”. Một buổi sáng, tôi đến Hội nhà văn thấy ông Nguyễn Tuấn đang ngồi đọc báo ở phòng Hành chính. Ông ngẩng lên bảo tôi: “Chiều qua Vạn Lịch lại đem bia đến cho mình. Này, Vạn Lịch là người rất tốt phải không?”. Tôi gật đầu. Cái ông nhà văn cao tuổi này rất dè dặt khen mà đã khen ai thì chắc là đúng.

Tôi nhớ lại hồi Hà Nội xử vụ án Tạ Đình Đề, thiên hạ hiếu kì đến ngồi đầy trong sân toà án cả người lớn cả trẻ em. Tôi nghe trong đám trẻ chừng mười bốn, mười lăm tuổi đang ngồi xúm quanh một đứa lớn hơn đang liến láu kể chuyện, mắt mũi tròn trạo: “Thế này nhé, hồi Bác Hồ sang Trung Quốc, con mụ Giang Thanh mời Bác hút thuốc lá. Bác vừa ngậm điếu thuốc trên môi thì ông Tạ Đình Đề đứng bảo vệ Bác rút súng lục bắn “oành” một phát trúng điếu thuốc rơi xuống, ghê không? Chẳng là Giang Thanh đã tẩm thuốc độc vào điếu thuốc lá mà... Lũ trẻ ngồi ngẩn mặt nghe... Sau ba ngày xét xử, toà án đã tha bổng cho Tạ Đình Đề vì ông chẳng có tội gì cả và tôi biết một trong những đã tích cực bảo vệ cho ông Đề trước toà chính là ông Vạn Lịch, ngày đó ông còn làm Chánh Văn phòng của Tổng cục đường sắt. Còn cái xí nghiệp sản xuất dụng cụ thể thao, những quần vợt, bàn bóng ping-pong của ông Đề thuộc Tổng cục đường sắt nằm ngay đầu phố Quán Sứ.

Sau này thỉnh thoảng gặp ông Đề ở nhà bè bạn, khi nghe có người giới thiệu, ông Đề thường nói: “Cả nước đánh đề mà không trúng đề...”. Hình như ông lại bị bắt lần thứ hai và khi ra tù, ông lại nói vui: “Tôi vừa đỗ tú tài (tái tù)...”. Nói cho vui thế thôi nhưng Tạ Đình Đề là con người rất hiền lành, bia rượu hay thuốc lá chưa bao giờ dùng, cái con người mà hồi chín năm tôi được nghe bao nhiêu là chuyện như là huyền thoại sao mà ít nói hay có bao nhiêu điều không muốn nói ra. Hôm đi lĩnh huy hiệu 50 tuổi Đảng, ông đến Câu lạc bộ Ba Đình bỏ cái phong bì kèm theo huy hiệu ấy có năm chục nghìn mua bia cho tất cả anh em cùng uống, riêng ông thì không. Một lần có bạn nào đó đọc lại hai câu thơ kiểu Bút Tre cho ông nghe: “Hoan hô anh Tạ Đình Đề. Trước làm gián điệp sau về với ta”. Ông chỉ cười nụ, bảo rằng thiên hạ đồn thổi về ông quá nhiều nên ông cũng hay mắc vạ về những lời đồn thổi ấy. Ông im lặng và tôi cũng im lặng ngắm gương mặt đã sạm, bộ ria con kiến của ông và không hỏi gì về ông.

Mà có hỏi ông cũng chẳng muốn nói, ông như cái bóng mờ mờ ảo ảo, ai muốn hiểu thế nào thì hiểu, chỉ biết một điều ông là một người tốt, một nhà cách mạng lão thành, vậy thôi.

Sáng hôm ấy, đi dọc phố Bà Triệu, qua ngã tư Trần Hưng Đạo, quãng sắp đổ dốc Hàng Kèn cũ thì ông Tô Hoài chỉ tay về phía bên trái bảo: “Trái nhà kia đúng một trăm tuổi đấy, ông ạ”. Tôi nhìn theo tay ông, bên kia đường có một ngôi nhà một tầng ba gian nhưng cửa khép (hồi đó có lẽ cái “mặt tiền” chưa có giá) ngôi nhà xây trên cái nền rất cao có bậc tam cấp đi lên, trán nó quét vôi trắng, hai bên đắp hoa văn cổ cây hoa lá gì đó, chính giữa đắp hàng chữ số nổi “1891”. Có nghĩa khi chúng tôi đi qua, ngôi nhà vừa tròn một trăm tuổi. Ngôi nhà cổ lạng lẽ, chẳng có chút khoe khoang với bàn dân thiên hạ đang hối hả trên đường và nó cũng lạng lẽ nhìn thiên hạ với con mắt khoan dung và độ lượng, ra ý rằng lúc ta ra đời thì các người còn ở đâu ở đâu. Cái ngôi nhà đã đứng đó suốt một thế kỷ, chứng kiến bao biến thiên của Hà Nội, đã đứng đó suốt một trăm năm qua, suốt ba vạn sáu ngàn ngày qua lạng lẽ. Tôi cũng lạng lẽ đạp xe qua và ông Tô Hoài cũng lạng lẽ không nói gì thêm nhưng tôi hiểu trong lòng ông đã có gì cộn rộn không yên khi nhìn thấy ngôi nhà cổ. Ông là một người hiểu nhiều, biết nhiều, đi nhiều và nhớ cũng nhiều, những chuyện từ thâm cung bí sử đến đời thường vật mảnh. Nếu có điều gì không biết, không hiểu tôi thường hỏi ông, ông vui lòng nói lại cặn kẽ, ông nào, bà nào, năm nào tháng nào và sự việc xảy ra như thế nào. Ông như cuốn sử sống của Hà Nội. Có lần tôi thấy trên tivi xuất hiện một nhà kiến trúc sư phong cảnh nói về dự án xây dựng của mình ở gần Hồ Tây. Ít ngày sau nhân cùng đi uống rượu với ông, ở cái quán đầu phố Trần Hưng Đạo tôi hỏi ông, ông cười nụ rồi nói: “Cô ấy là em vợ thằng Phong Lê mà cũng sắp ra toà nay mai về cái vụ ấy...”. Quả nhiên ít ngày sau lại thấy trên tivi nói rằng sắp xử vụ án lừa đảo của cô kiến trúc sư phong cảnh ấy có liên quan đến quan chức thành phố. Tài thật, cái ông Tô Hoài hóm hỉnh mà như thánh sống ấy...

Sau lưng tôi vẫn là ngôi nhà cổ tròn trăm tuổi, tôi có cảm giác như nó đang dõi mắt nhìn theo chúng tôi mỉm cười, nụ cười giống như nụ cười của nhà văn Tô Hoài hay như nụ cười của ông Tạ Đình Đề. Nghĩa là những người biết rộng hiểu nhiều về cuộc đời này, bỏ mặc thiên hạ với những lời đồn thổi và nhìn họ bằng đôi mắt khoan dung và độ lượng. Sáng hôm ấy, chúng tôi xuống đến ngã tư Nguyễn Du thì trông thấy ông Vạn Lịch đứng chờ trên vỉa hè cùng với cái xe đạp

minh của ông. Ông Vạn Lịch bảo rõ đen cho chúng mình, sáng nay nó đi chợ chưa về nên chẳng có gì hết. Đành quay xe đạp theo đường Hàng Bài về nhà ông Vạn Lịch ở giữa phố Lý Thường Kiệt mà vào mùa này hàng cây bên đường rụng gần hết lá giờ lên trời thu những cành gãy guộc. Xưa kia, khoảng gần ba mươi năm trước, bạn tôi, nhà đạo diễn điện ảnh Phạm Kỳ Nam rất mê hàng cây hai bên đường phố Lý Thường Kiệt từ trường Đại học Tổng hợp đổ xuống. Kỳ Nam ước mong anh có dịp đưa lên màn ảnh hàng cây mà anh cho là đẹp nhất, thơ mộng nhất của Hà Nội cuối thu. Anh còn ấp ủ rất lâu được làm bộ phim Bỏ vó theo tiểu thuyết cùng tên của Nguyên Hồng, cái cảnh phim đầu tiên, ông bảo, là cảnh bến tàu thủy ngồn ngang và bần thiêu khi chuyển tàu Nam Định cập bến, cô gái từ vùng quê ra thành phố sợ sệt trước cảnh hỗn loạn và sương mù phủ là là mặt sông. Kỳ Nam bảo khác nào những thước phim mở đầu của bộ phim “Thời thơ ấu” của Goóc-ki. Ông tha thiết lắm mà không sao được, đành phải làm những cái mà ông chưa thích thú. Phạm Kỳ Nam người làng Đông Ngạc tục gọi là làng Vẽ, một làng có rất nhiều quan và họ Phạm của ông cũng là họ to. Kỳ Nam học điện ảnh từ Pháp về nước vào năm 55, 56 và cũng dính tí Nhân văn - Giai phẩm bởi lúc đó bên điện ảnh có ra tờ báo Sáng Tạo, Kỳ Nam tham gia tí chút và không may tờ Sáng Tạo lại có bài viết chê phim Liên Xô. Thế thôi vậy mà bộ phim truyện đầu tiên của ông làm cùng với Nguyễn Hồng Nghi, ông không được đề tên thật, phải đề là Phạm Hiếu Dân, đó là phim Chung một dòng sông, phim thứ hai “Vật kỷ niệm” cũng chung Hồng Nghi và cũng phải đề tên như vậy. Mãi đến phim thứ ba, lần này ông làm một mình, phim Chị Tư Hậu, một bộ phim khá nhất trong lịch sử điện ảnh Việt Nam, ông mới được đề đúng tên mình. Bộ phim phải đương đầu với bi kịch gia đình.

Một buổi trưa tôi đến nhà ông thì ông bảo trưa nay mình phải ra toà ký giấy ly hôn. Trên bàn của ông còn ngồn ngang những kịch bản phân cảnh đang làm dở. Kỳ Nam để tôi ở nhà, xách xe đạp chạy đi khoảng nửa tiếng quay về, nét mặt bơ phờ, nhàu nhĩ như vừa phải làm công việc quá sức. Rồi lại ngồi ngay vào bàn làm việc. Bây giờ Kỳ Nam không còn nữa, một ngày vào năm 1984 tôi đến Hội Văn Nghệ Việt Nam thì gặp Phan Kế An, An tóm lấy tôi: “Thằng Kỳ Nam chết rồi, chết ở Sài Gòn rồi!...”. Tôi sửng sờ cả người, làm sao mà chết nhanh thế, bệnh gì? Chẳng ai biết? Cái phố Lý Thường Kiệt mà Kỳ Nam yêu thích nhưng chưa đưa được lên phim đã chết, cái phố dài xưa kia tôi thường đến hỏi mới tiếp quản Hà Nội, ở góc phố có

mấy quán bán sách cũ bằng gỗ nằm nép trên vỉa hè. Một cái quán chật đầy sách cũ mà chỉ những người mê sách tìm đến, tôi đã đến đó lục lọi tìm mua được cả bộ sách Liêu trai chí dị của Bồ Tùng Linh do cù Tản Đà dịch sang tiếng Việt, đó là vào đầu năm 1955. Bên này đường là trường Trưng Vương rồi đến ngôi nhà khá lớn, nhà của ông Xuân Thủy nay thành Bảo tàng Phụ nữ. Tiếp đó là cái quán bán mì vằn thắn của người Trung Hoa, tôi cũng nhiều lần vào ăn, bát mì rất ngon và đậm đặc mùi vị. Sau năm 1980, chủ quán bỏ về Trung Quốc vào dịp “nạn kiều”. Tôi đi qua chỉ thấy còn lại cái lò than thấp xây bằng gạch bỏ không ở cổng. Bên kia đường là ngôi nhà tập thể của Tổng cục đường sắt 39 Lý Thường Kiệt trong đó có ông bạn Vạn Lịch của tôi. Ông sống một mình trong căn phòng nhỏ khoảng 20m² ở ngay tầng trệt. Sau ngày tiếp quản thủ đô, ông Lịch chuyển ngành về làm việc ở Ban thanh tra chính phủ do cụ Nguyễn Lương Bằng lãnh đạo rồi ông lại chuyển sang làm Chánh văn phòng của Tổng cục đường sắt. do đó mà ông được ở trong số nhà 39 Lý Thường Kiệt sau ngày nghỉ hưu. Bà vợ ông đã qua đời mấy chục năm qua, các con ông đều trưởng thành có gia đình riêng ở nơi khác. Ông sống một mình trong căn phòng nhỏ với mấy tủ sách cao ngất ngều, toàn những sách do bạn bè tặng và những cuốn ông đi mua về, trên tường treo những bức tranh cũng do bạn bè vẽ tặng những bức tranh của Phái, Sáng, Nghiêm, Liên, “tứ quái” của hội hoạ.

Có lẽ nguồn vui duy nhất của ông là ngoài việc trò chuyện với bè bạn, ông ngồi một mình nhấp chén trà ngắm những bức tranh trên tường, tai nghe cái máy quay đĩa cổ lỗ đang phát ra giọng hát ca trù của các đào nương già... Có hôm ông gọi điện cho tôi bảo trưa đến ông ăn mắm tép, buổi trưa tôi đến thấy có ông Tô Hoài cùng ông Nguyễn Văn Bổng. Ông Vạn Lịch đã chuẩn bị xong, sáng sớm ông đi chợ mua thịt ba chỉ, mua rau, mua bún cùng các thứ gia vị: gừng, hành khế, chuối xanh, ông đã luộc thịt, thái mỏng, rau rửa sạch, bún để vào liễn, lọ mắm tép đặt ở góc mâm bên chai rượu trắng. Bốn người cả chủ và khách ngồi xuống chiếu, ông Vạn Lịch lấy thêm cái bát, đôi đũa và rót thêm chén rượu đặt trong bát để kê bên, ông bảo “đây là của thằng Sáng”, tức hoạ sĩ Nguyễn Sáng, bạn thân của ông đã qua đời trong Sài Gòn nhưng đến bữa ăn cùng bè bạn bao giờ ông cũng để riêng phần cho Sáng, phần cho linh hồn Sáng... Chúng tôi lặng lẽ nhìn chủ nhân. Ông Bổng kém mắt nên ông Tô Hoài phải gấp mọi thứ vào bát ông, đưa chén rượu cho ông. Cứ thế chúng tôi ăn và uống đến hết chai rượu. Tiệc rượu chỉ có vậy nhưng đầm

thăm...

Ông Vạn Lịch qua đời vào năm 1997 sau ngày ông Văn Cao mất. Hôm ông Văn Cao mất, ông Tô Hoài rủ tôi ông Nguyễn Văn Bổng và ông Vạn Lịch đến viếng ở nhà riêng của ông Cao số nhà 108 Yết Kiêu bởi nếu đến đám tang thì rất đông người, chúng tôi ngại. Sáng hôm ấy, xe hơi của ông Tô Hoài đưa chúng tôi đến gian gác nhà ông Cao, bà Băng quả phụ tiếp chúng tôi và cô con gái nhạc sĩ vừa từ nước ngoài về chịu tang bố cứ ôm lấy ông Vạn Lịch mà nức nở: “Chú ơi, xưa kia hễ bố cháu gặp nạn đều có chú giúp đỡ, bây giờ bố cháu không còn nữa, chú ơi!...”. Ông Vạn Lịch xúc động vỗ về an ủi cô cháu gái.

Đầu năm ấy, sau tết nguyên đán, tôi và ông Vạn Lịch có đến thăm ông Cao, ngồi uống chén rượu với ông. Sau này mới hay đó là bữa rượu cuối cùng của ông với chúng tôi. Trong bữa rượu ấy tôi có nhắc đến một người đàn bà mà ông Cao từng yêu hồi trước cách mạng tháng Tám, tôi vừa gặp tại Hải Phòng. Nhắc đến người tình cũ, ông Văn Cao xúc động, cả bà Băng, vợ ông cũng xúc động bởi người đàn bà này thỉnh thoảng vẫn lên thăm vợ chồng ông...

Bữa rượu diễn ra trong những kỷ niệm của thuở thiếu thời. Thoáng cái, ông Văn Cao đã đi xa. Tôi bồi hồi nhớ lại thuở ông còn vấp phải cái nạn Nhân văn - Giai phẩm, gian gác vắng vẻ ít người đến thăm, hôm tôi đến thì gặp ông Đặng Đình Hưng cũng là nạn nhân của vụ án này. Hưng đeo cái bị cói trên vai, bỏ xuống khoe vừa mua được cổ lòng bò, món này vào tay ông sẽ trở nên món nhắm ngon lành lại rẻ. Tôi đã được xem ông Hưng diễn chèo ở Việt Bắc năm 1954, ông sắm vai anh Điền trong vở “Chị Tám anh Điền” do đoàn Văn công nhân dân Trung ương diễn. Ông Hưng cũng hát chèo, nghe nói ngày ấy ông Hưng là Chính trị viên của đoàn mà cũng tham gia diễn, vở chèo được cải biên từ chuyện cổ tích Tám Cám thêm một anh nông dân là anh Điền, và Hoàng tử thành một tên cường hào gian ác. Ngày đó tôi vừa từ địch hậu khu Ba ra, bản khoán không hiểu sao vở chèo lại được cải biên đến như vậy, có lẽ do công cuộc cải cách ruộng đất đang tiến hành rộng rãi ở vùng tự do và tất cả đều phải đề cao nông dân cho nên Hoàng tử mới trở thành đối tượng của cuộc đấu tranh... Nhìn cái bị cói của Đặng Đình Hưng, tôi nhớ lại mới tối hôm qua tôi vừa trông thấy cái bị cói như thế này được đeo trên vai nhạc sĩ Tử Phác.

Tối qua, tôi ngồi uống bia hơi ở phố Huế cùng với Lê Chính của báo Văn Nghệ và Tử Phác. Tử Phác nguyên là trưởng phòng Văn nghệ quân đội rồi cũng dính đến vụ Nhân văn - Giai phẩm, bị ruồng bỏ về sống với gia đình ở phố Hàng Giầy nhìn sang chợ Đồng Xuân. Tối hôm đó, thấy xe điện chạy đến, Phác vội vã từ biệt chúng tôi, đeo cái bị cỏi đuổi theo để về nhà. Ông vội vã nắm lấy cái tay nắm bằng đồng, nhảy lên nhưng hụt chân, ngã quay lơ trên đường ray. Rồi ông lại nhồm dật đuổi theo xe và nhảy lên, lần này thì được. Chuyến xe điện ấy có lẽ là chuyến cuối cùng trong ngày đưa ông về nhà ở phố Hàng Giầy...

Tôi và ông Tô Hoài ngồi nhà ông Vạn Lịch một lúc lâu rồi ra đi. Đến đường phố, ông rủ đi uống bia, cái quán bia ông thường uống ở góc ngã tư Trần Nhân Tông - Nguyễn Đình Chiểu đối diện với ngã tư Quang Trung - Nguyễn Du. Ông Tô Hoài rất thích ngồi ở đây bởi ở góc này có thể ngắm mọi người nhưng chẳng ai nhìn thấy mình vì họ mãi đi, mãi tránh nhau. Có thể nhìn thấy cả các nhà văn trẻ hay già hối hả tiến vào trụ sở Hội nhà văn ở số 9 Nguyễn Đình Chiểu cách đây chừng vài chục mét.

Chúng tôi ngồi trước vỉa hè và lần lần đủ thứ chuyện chẳng ăn nhập đâu vào đâu. Thoáng có một người đi bộ qua chỗ chúng tôi. Người đó đi khập nhệ, hai tay thu trong bọc lưng khom khom. Ông ta liếc chúng tôi, mỉm cười. Ông Tô Hoài gọi: “Vào đây ông Trọng Hứa”. Ông Hứa dừng lại chào rồi nói: “Xin phép hai anh, tôi phải về”. Ông Trọng Hứa nguyên là Chánh văn phòng của Hội nhà văn đã về hưu lâu rồi. Một con người có cách sống đặc biệt khiến nhiều người phải suy nghĩ về mình. Ông Trọng Hứa chỉ dừng lại ít phút, nói đôi lời, từ chối lời mời uống bia của chúng tôi. Tô Hoài bảo Trọng Hứa đã cai rượu cai bia và cai cả thuốc lá rồi. Trong Cát bụi chân ai, ông đã viết về ông Hứa này. Nhà ông ở gần đây, cuối phố Tuệ Tĩnh trong một căn phòng nhỏ gác hai. Tôi đã đến thăm ông tại đó. Căn phòng bao giờ cũng nhờ nhờ tối, có ngọn đèn đỏ quạch lòng thòng trên cao rủ xuống, sàn gỗ trải chiếu, khách và chủ đều ngồi trên chiếu bên cái bàn thấp có đặt khay chén và chai rượu. Quanh phòng thấp thoáng những pho tượng gỗ, tượng nhà mồ Tây Nguyên mà ông thu nhặt ở đâu về, những gương mặt tượng cúi xuống lặng lẽ và ma quái, tử

sách thấp cũng sát tường và cái máy quay đĩa cũ kỹ dưới chân tủ. Trọng Hứa có thú chơi khá đặc biệt, ngoài tượng gỗ Tây Nguyên là những bản thảo viết tay của nhiều nhà văn của Nguyên Hồng hay Nguyễn Công Hoan v.v... Một thứ nữa là những đĩa nhựa chuyên đọc tác phẩm của nhà văn Pháp: An-phông Đô-đê hay Guy đơ Môpănsăng... mà cái máy quay đĩa cũ kỹ kia sẽ phát ra giọng đọc tác phẩm đó. Tối hôm ấy, tôi ngồi im, lắng nghe cái truyện ngắn nổi tiếng của A. Đô đê Buổi học cuối cùng giọng đọc rất chuẩn và dễ nghe của dân Paris chính hiệu...

Một buổi trưa, tôi và Hoàng Trung Thông đến quán rượu của ông Liêm già ở 91 Bà Triệu, quán nằm típhòng trong nên ánh sáng cũng nhờ nhờ, đôi mắt còn quáng nắng bên ngoài tôi chỉ thoáng thấy có bóng người ngồi sát trong cùng. Rồi một giọng nhỏ nhẹ quen thuộc chào: “Xin kính chào hai anh...”. Cái giọng của ông Trọng Hứa. Tôi nheo mắt nhìn sang, đúng là ông đang cười cười, chúng tôi bảo ông già chủ quán lấy thêm cái chén và mời ông ngồi cùng nhưng ông Liêm già xua tay: “Xin hai ông, ông Hứa uống đủ rồi”. Ông lão vốn đã biết rõ tửu lượng của ông Trọng Hứa nên ngăn lại, ông Hứa cũng chẳng lấy làm buồn, đứng lên từ biệt chúng tôi, rồi ra về. Cái dáng đi xiêu xiêu của ông, hai tay thu lên bọc nổi bật trên lối đi ra cửa làm tôi liên tưởng đến gã nho sinh nghèo nghiện rượu ở phủ Thiệu Hưng của Lỗ Tấn, cái gã Khổng Ất Kỷ. Bữa ấy ông lão chủ quán nói với chúng tôi: “Ông Hứa mà uống thêm chén nữa thì không về nhà được, hồi này ông ấy không khỏe lắm, mà cũng túng lắm. Tôi mới khuyên ông ấy ngồi nhà chịu khó cuốn thuốc lá sợi đưa cho tôi rồi tôi bỏ cho các hàng nước. Thế đấy, hai ông ạ...”. Hồi ấy, thuốc lá hiếm, phải có phiếu mới mua được nên thiên hạ bình dân thường hút thuốc cuốn sợi vàng, một hào bốn điếu. Chúng tôi ngồi uống chén rượu và vẫn nghĩ về ông Trọng Hứa. Hồi chưa về Hội nhà văn, ông làm việc bên Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam, làm đến chức Biên uỷ cũng là người được tin cậy lắm, ông khoe ông có thể ra vào phòng thu phát, nơi mà không phải ai cũng vào được. Ông Hứa cũng là nhà văn tuy ông viết không nhiều. Ông có tập truyện ngắn Ngã Ba hay Ngã Tư gì đó tôi không nhớ kỹ chỉ biết nhân vật trong truyện toàn là những con người rất bình thường với cuộc sống bình thường, nếu không nói là tầm thường, quanh quẩn gần nhà ông, trụ bên cái ngã ba hay ngã tư những ông thợ giặt là, những ông mài dao kéo, sửa xe đạp hay các bà nội trợ, các cô công nhân quét rác v.v... trong khi ấy các nhà văn thường được khuyến khích đi đến những nơi tiên tiến, tiếp xúc với

những người tiên tiến và viết về họ. Nên tác phẩm của ông ít được các nhà phê bình quan tâm tới. Với lại ông viết không nhiều nhưng ông am hiểu khá nhiều. Đôi lần, ông kể cho tôi những nhân vật này, nhân vật khác rất thú vị. Qua câu truyện của ông, các nhân vật hiện lên đủ mọi góc cạnh, dường như họ đã hình thành trong ông từ lâu chỉ cần đặt bút viết loáng cái là xong. Vậy mà ông chỉ kể thôi, không viết, chẳng rõ vì sao? Gặp chúng tôi ở Hội nhà văn hay trong các cuộc họp, bao giờ ông cũng cúi chào rất thấp, liếc nhìn chúng tôi nhẹ nhàng, ý nhị và mỉm mỉm cười, bỏ đi để lại cho chúng tôi cái ấn tượng về nụ cười và khoe mắt của ông vừa lễ phép lại vừa chế giễu, vừa khiêm tốn lại vừa như khoan dung, độ lượng, y như ngôi nhà trăm tuổi mà ông Tô Hoài chỉ tôi xem. Ông Trọng Hứa sống độc thân nhưng lại là người đa tình, mối tình của ông giữ kín trong lòng, không hề lộ với ai, vẫn nhỏ nhẹ và khiêm tốn với mọi người.

Rồi ông qua đời, buổi tối, tôi cùng Đỗ Chu với nhà văn Kim Lân đến viếng ông tại nhà căn phòng hẹp của ông ở cuối phố Tuệ Tĩnh bây giờ, sau khi ông mất, người anh ruột ông, họa sĩ Linh Chi đã tiếp thu nó, không còn u uẩn như trước, sáng sủa hơn và đời thường. Ông Linh Chi kể cho chúng tôi nghe thêm một mối tình cuối đời của người em trai mà ông Hứa vẫn giữ kín cho đến hết đời mình y như chàng Trương Chi thuở nào. Con người ấy có sức gì mà bỏ hẳn những gì mình đã mê đắm: bia rượu và thuốc lá, bỏ hẳn không nuôi tiếc, tuy vẫn sống lặng lẽ và can đảm trong sự cô đơn của mình? Cái ông Không Ất Kỷ của chúng tôi...

Rồi ông Vạn Lịch cũng qua đời vào cái tuổi 75. Hôm ông mất, tôi không có ở Hà Nội, vợ tôi gọi điện thoại báo nhưng tôi không về được, chỉ dặn bà ấy thay tôi đến đưa tang ông. Bà ấy đã đi cùng với họa sĩ Phan Kế An và Mai Văn Hiến tiễn đưa ông. Tôi về, đến ngôi nhà 39 Lý Thường Kiệt, vào căn phòng nhỏ nhưng lạnh lẽo, thấp nén hương tưởng nhớ bạn. Người con trai ông, ít ngày sau đến mời đến dự 49 ngày của bố anh. Anh đem theo cái gậy của ông cụ, nói: “Bố cháu có hai cây gậy chống này, bố cháu dặn cháu đem biếu bác một và bác Tô Hoài một cây, đây là di vật của bố cháu”. Tôi cảm động nhận cây gậy bằng gỗ trắc, tiện con triện của người bạn đã quá cố, cây gậy rất quen thuộc đối với tôi, xưa kia ông Lịch vẫn chống vào buổi sáng hay buổi chiều đi dạo bên bờ Hồ Gươm, có lần kể lại cho tôi nghe hôm đi Lào Cai dự lễ kỷ niệm gì đó, từ trên xe ô tô bước xuống, chống cây gậy này và tự dựng nó gậy làm ông suýt ngã vấp

mặt xuống đường. Rồi căn phòng của ông ở Lý Thường Kiệt được bán cho một ông cùng số nhà. Anh con trai thêm vào xây ngôi nhà ba tầng ở Kim Ngưu. Hôm giỗ đầu cha mình, anh đưa xe tắc xi đến đón chúng tôi đến giỗ và tiện thể tham quan ngôi nhà mới. Anh dẫn chúng tôi lên gác hai, vào căn phòng nhỏ, nơi anh đặt bàn thờ cha mình cùng những di vật của ông cụ. Những cuốn sách đặt trong tủ, những bức tranh treo quanh tường, cả cái máy quay đĩa cổ lỗ và những đĩa hát ca trù của ông để lại. Chúng tôi thắp hương lên bàn thờ, trước chân dung ông, lặng lẽ cúi đầu nhớ lại những kỷ niệm về ông, về một bạn chí tình của giới văn nghệ sĩ chúng tôi. Tấm ảnh ông với đôi mắt đăm đăm nhìn bè bạn. Ông Vạn Lịch qua đời không lâu thì ông Tạ Đình Đề cũng đi. Câu lạc bộ Ba Đình nơi tôi thường đến đó bây giờ vắng quanh bè bạn. Mấy năm gần đây, họ kéo nhau đi vắng... Xưa kia, nhà văn Nguyễn Thành Long cũng đến. Ông không uống nhiều, chỉ rử rử ngồi trò chuyện hay nghe người khác nói chuyện, mặt hơi ngẩng lên, miệng hơi cười. Nhà ông ở số 9 Dã Tượng. Mỗi lần đến chơi, tôi thường thấy chủ nhân ngồi sồm trên sàn gỗ, hai cánh tay choàng ngoài đầu gối, đầu nghiêng nghiêng nhìn qua cửa sổ to, ra ngoài mảnh trời trên kia, không hiểu ông ngắm cái bầu trời cao vợi ấy hay nghĩ ngợi điều gì. Long là con người sâu sắc, hiền lành, nói cũng nhỏ nhẹ với giọng khu 5 pha Bắc vì ông tập kết ra Bắc mấy chục năm qua. Ông biết văn khá cẩn thận chau chuốt và hay nhận đọc giúp những anh em trẻ ở nơi khác về, đọc và góp ý tận tình. Hồi ấy thường có tôi, Nguyễn Khải hay Trần Đĩnh đến ngồi chơi, chuyện tào lao. Trần Đĩnh làm ở báo Nhân Dân, đọc nhiều và cũng nhớ nhiều, con người luôn lạc quan với thời thế, tưởng như sự may mắn sắp đến với anh nay mai, Đĩnh bị sa vào vụ chống xét lại, tuy tài giỏi nhưng không được trọng dụng, nỗi đau của anh. Gần đây gặp lại, Trần Đĩnh vẫn sống ở ngôi nhà của vợ được cấp ở mạn Cầu Giấy, râu tóc đều bạc trắng nhưng da dẻ hồng hào và vẫn lạc quan. Phan Kế An gặp tôi bảo: “Nó vẫn lạc quan lắm”. Chúng tôi bốn người trạc tuổi nhau, Long nhiều tuổi hơn cả, ngồi trò chuyện đến ngang trưa ai lại về nhà nấy. Câu chuyện chỉ quanh quẩn bao giờ chiến tranh chấm dứt và sau đó là gì? Nguyễn Thành Long là một trong số hai nhà văn không biết đi xe đạp, nhưng đi bộ rất nhanh, hai cẳng chân ngắn bước gáp gáp. Rồi Long cũng phải tập xe bởi chiến tranh còn phải đạp xe chở các thứ nhu yếu phẩm lên chỗ vợ con sơ tán hay đến nơi cơ quan mình sơ tán cách Hà Nội vài ba chục cây số. Thế mà Long cũng đi được như ai. Lâu dần không thấy Nguyễn Thành Long đến Câu lạc bộ, hỏi có người bảo hồi này Long bị bệnh

bệnh gì mà khám mãi chẳng phát hiện ra. Rồi ông bị chứng nhũn não không nói được, không nghe được và không ngồi dậy được. Long qua đời, đám tang tổ chức ở Hội Văn nghệ Việt Nam 51 Trần Hưng Đạo, Hội nhà văn đứng ra lo liệu vì vợ ông đang đi chuyên tu ở nước ngoài không về được, con gái lớn hiện ở bên Nga, nhà chỉ có đứa nhỏ. Đưa tang ông, tôi lại nhớ những tối mùa hè tôi thường gặp Long đi bộ lững thững và nói chuyện với nhà thơ Khương Hữu Dụng. Ông già Dụng ở phố Phan Bội Châu còn Long thì ở Dã Tượng, hai phố cũng gần đây nên hai người thường gặp nhau và đi bộ đến gần Cung Lao động, đầu đường Yết Kiêu trò chuyện...

Hồi ấy tôi cũng thường gặp nhà văn Đoàn Giỏi ở Câu lạc bộ Ba Đình. Sau ngày thống nhất, anh em Nam bộ về quê cả, chỉ có Đoàn Giỏi vẫn trụ lại và sống trong căn phòng ở phố Cổ Tân. Ngôi nhà trước kia toàn anh em Nam Bộ sống ở đó, gần ngay quán bia hơi Cổ Tân nổi tiếng một thời. Những nhà văn Bùi Đức Ái, sau là Anh Đức, Nguyễn Quang Sáng hay Xuân Vũ cũng ở đó sau tập kết. Vào năm 1965, Nguyễn Quang Sáng và Xuân Vũ vào Nam, buổi sáng tôi đến để tiễn đưa hai người mở cửa phòng tôi thấy cả hai đều say bí tỉ, Xuân Vũ nằm ngoài chỉ có thể ngẩng đầu nói lè nhè: “Mày cứ bước qua người tao mà vào”. Tôi rón rén bước qua rồi tránh những chai lọ và ly chén ngổn ngang. Sáng mai cả hai đã lên đường vào chiến trường. Ông Đoàn Giỏi rất yêu Hà Nội vì vậy ông không trở về Nam, hôm tôi gặp ông ở Câu lạc bộ Ba Đình sau tết, ông nói ông vừa từ Sài Gòn ra, đêm giao thừa ông nhớ Hà Nội và ông đã khóc. Lúc đó ông đang sống với bà vợ sau ở phố Cổ Tân, ngày đó tôi đến nhờ ông viết cho tạp chí Văn nghệ quân đội một bài. Ông hứa sẽ viết, bài ông viết là những con rắn của nhà bác học Yéc-xanh. Ông hứa vậy và ông nói đứa con bà vợ cũ của ông đang làm phiền ông, nó muốn gia đình ông dọn đi nơi khác để nó lấy vợ, đành nhẽ phải dọn đi thôi. Đoàn Giỏi đành về ở nhà bà vợ mới ở phố Khâm Thiên nhưng mùa hè năm ấy, mưa quá to, cái phố bị ngập và nhà ông cũng bị ngập, ông phải đưa vợ con đến tá túc ở Hội nhà văn 65 Nguyễn Du. Cái trụ sở cũ của Hội ở bên kia đường số nhà 84, sau nhường cho Ban Đối ngoại Trung ương để Hoàng thân Suphanuvông ở. Khi cách mạng Lào toàn thắng, hoàng thân chuyển về Viên Chăn trụ sở ấy vẫn là thuộc Ban Đối ngoại rồi cấp cho hai vị trưởng ban và phó ban. Một ngôi biệt thự khá đẹp, xây theo kiểu Nhật mái cong, có vườn cây ngay giữa, nghe nói trước là của một nữ ca sĩ nổi tiếng của Hà Nội xưa. Hai vị biến thành nhà riêng. Một hồi báo chí đã làm ồn lên về

chuyện hai vị tranh chấp gì nhau xây cất gì thêm làm hồng ca kiến trúc ngôi nhà. Gần đây, tôi lại thấy trên tivi có phát hình các cô ca ve ưỡn ẹo quần lầy mấy cây cột làm điệu vũ cuồng dâm như những con rắn cạp nong mà tivi nói là ở cái số nhà 84 ấy. Người ta bảo các vị quan chức nghỉ hưu cũng biết cách làm ăn lắm.

Hội nhà văn chuyển sang ngôi nhà đối diện, có cái gác trong nhà ngang phía sau. Gác có hai phòng hẹp, gia đình Nguyễn Kiên ở một phòng. Xưa kia, Kiên sống với mẹ già ở làng Vạn Phúc Hà Đông, cái làng nổi tiếng về nghề dệt lụa, dệt gấm. Hồi chiến tranh, tôi với Nguyễn Thành Long hay Xuân Trinh từ nơi sơ tán của báo Văn Nghệ ở làng pháo Bình Đà mỗi khi về Hà Nội bao giờ cũng rẽ vào Vạn Phúc thăm Kiên. Rồi Kiên chuyển về làm việc ở Tạp chí Tác Phẩm mới, sau về Nhà xuất bản Hội nhà văn, vợ anh cũng từ Đài truyền thanh tỉnh được chuyển công tác về Hà Nội, gia đình Kiên sống trong căn phòng nhỏ. Một phòng nữa coi như phòng khách của Hội. Nhà văn ở các tỉnh về tá túc ở đó. Có hôm tôi gặp ông Nguyễn Hồng từ Bắc Giang về nghỉ ở đó, có lần cả nhà văn Vũ Huy Tâm từ vùng mỏ về cũng ở đó. Và năm ấy gia đình ông Đoàn Giỏi chạy lạt từ Khâm Thiên về đó tá túc. Tôi đã gặp ông đặt ông viết bài cho Văn nghệ quân đội ông vui vẻ nhận lời và kể tôi nghe về câu chuyện những con rắn của nhà bác học Yéc-xanh, lúc đó ông rất hào hứng làm tôi cũng hào hứng theo nhưng bây giờ ngồi trong căn phòng nhỏ và nóng của Hội nhà văn, ông có vẻ buồn, buồn cho số phận mình, buồn vì thằng con và buồn vì có thể nay mai ông sẽ chuyển hẳn vào thành phố Hồ Chí Minh, xa cái thành phố mà ông yêu quý này. Rồi ông Đoàn Giỏi xin lỗi tôi vì ông đã không làm đúng lời hứa nghĩa là viết bài cho tôi cho tạp chí Văn nghệ quân đội. Tôi hiểu bây giờ ông còn lòng dạ nào mà viết. Rồi Đoàn Giỏi đưa vợ con vào thành phố Hồ Chí Minh cái thể không vào không được, ở Hà Nội, chẳng còn nhà cửa, chẳng nhẽ tá túc mãi trong căn phòng hẹp của Hội nhà văn. Ông vào đó, ít năm sau nghe tin ông mất...

Ở Câu lạc bộ này cứ dần dần thừa thớt đám người già, họ lần lượt về châu Chứa, có người Chứa đã cho gọi nhưng chưa cho gặp, cứ nằm đấy chờ đợi. Nhớ khi xưa, hai ba mươi năm về trước tôi còn nhìn thấy những dòng người xếp hàng dài mua bia hoặc những dãy bì đông hay chai lọ xếp thay cho người. Lại có quy định là ưu tiên những bác nào tập thì được mua trước, cho nên có ông láu cá đến nơi vội cởi áo, sắp tí nước lên mặt thay cho mồ hôi rồi thùng thắn

vào chen mua bia trước, mua được lại ra mặc áo vào, ngất ngưỡng bên vại bia sủi bọt. Có cái ông Tiến An mà cả Câu lạc bộ đều biết mặt, mắt hiếng hiếng, thân thể gầy gò lòng không nhưng nhanh thoăn thoắt, một lão thành cách mạng quen thuộc tất cả, ai cũng hiểu rõ tên tuổi đến lý lịch, nơi công tác của họ. Ông đến Câu lạc bộ từ hai giờ chiều, xem báo, đánh cờ, tập rồi bơi lội trò chuyện với anh em bên gốc lim già mà trên bàn là gói thuốc Lào nắm đóm diêm, lại gói trầu cau để lát nữa nhai bồm bồm, với cái điếu cày muôn thuở. Bàn của ông là nơi tập trung khách thuốc Lào, ai muốn hút cứ đến điếu đấy, thuốc đấy cả bật lửa lẫn đóm, móc thuốc vế ấn vào nõ điếu rồi châm lửa rít một hơi dài, khói bay mờ mịt. Tiến An là con người rất tốt bụng ai nhờ vả điều gì sẵn sàng chạy nhào đi hỏi họ. Con người đã tám mươi còn bỗ bã, đùa bỡn như trai trẻ, ai đau đâu sẵn sàng đâm bóp hay bấm huyết cho, con người tưởng không có tuổi già. Vậy mà rút cuộc ông cũng về chầu Chúa. Hôm đưa ma ông, tôi thấy họa sĩ Phan Kế An vẫn còn ngồi đó, trong nhà tang lễ đợi giờ đưa ma. Cái gốc cây nơi ông thường ngồi ở Câu lạc bộ vẫn im lìm đứng đó tưởng như nó vẫn chờ đợi ông... Bây giờ mỗi khi đến Câu lạc bộ, tôi ngoái nhìn lại nơi ông ngồi xưa kia mà bùi ngùi... Một con người ra đi để lại sự luyến tiếc cho cả bạn bè và cây cỏ? Nhưng cũng có ông khi đương chức là quan chức cao cấp khi đến thường đi xe hơi, ông đi vào Câu lạc bộ, công vụ hay lái xe vào trước mua bia bưng ra, đám quần thần cũng vội vã bu đến, cười cười nói nói, cung phụng hết mình. Ít lâu sau, ông nghỉ hưu, ông đến bằng đôi chân của chính mình, xe hơi không còn nữa, chẳng ai mua bia cho ông, chẳng ai bu lấy ông, ông đến chẳng ai hay, ông đi chẳng ai biết, rồi ông không đến nữa... Cái nhân tình thế thái lộ ra trong cả quán bia. Trong cái nơi bán bia này, mỗi người đều biểu hiện rõ tính cách của mình. Ví như nhà thơ Vương Linh, chiều chiều đến mua vại bia cầm tay đến đứng sau hàng rào, nhìn đám cầu thủ đánh tennis, uống hết vại bia lạng lẽ ra về. Lại có nhà văn trẻ hơn đến đánh quần vợt xong ra mua hai vại bia và hai trái vịt lộn, ngồi một góc xa ăn uống xong cũng lạng lẽ ra về, anh ta không các bạn hay bạn toàn cấp to cả?

Không phải tất cả bè bạn mà tôi quen biết đều đến Câu lạc bộ Ba Đình, có người chẳng bao giờ đến, có lẽ vì không có tiêu chuẩn hay vì mãi vui nơi khác, bè bạn nơi khác. Ví như Phùng Quán chẳng hạn. Tôi biết Phùng Quán từ lâu, từ đầu năm 54 khi tôi và ba anh nữa từ khu Ba lên Việt Bắc dự Đại hội văn công toàn quân. Khu Ba lúc đó không có đoàn văn công. Chúng tôi, bốn người: tôi từ trung đoàn chủ

lực của Khu, Hoài Giao từ tỉnh đội Hà Nam, Phi Vân từ tỉnh đội Nam Định, lên khu thêm Trịnh Vân là cán bộ tuyên huấn của khu. Trịnh Vân lãnh trách nhiệm trưởng đoàn. Khi đi, đơn vị cho mỗi anh mượn chiếc xe đạp, chỉ có Hoài Giao là không, đành nhẽ mỗi anh đèo Hoài Giao một ngày. Lên đến Phú Thọ, phải góp tiền sinh hoạt phí mua cho Hoài Giao chiếc xe đạp với giá 5 vạn đồng tiền ngân hàng. Thế là mỗi anh một xe đạp lên Thái Nguyên, chiếc xe đạp được bán lại vì tới đây đã gần điểm họp, chúng tôi cần tiền hơn cần xe. Chiếc xe đạp bán hoà vốn, lãi là Hoài Giao đi xe không mất tiền. Vào Đại hội, chúng tôi sống bên đoàn Văn công Liên khu Bốn, đoàn có hai nhân vật nổi tiếng: nhà thơ tiền chiến Thanh Tịnh và người em kết nghĩa của ông: Phùng Quán. Ông Thanh Tịnh thì tôi quen biết từ 43, 44... bắt tin ông, sau mười năm tôi được gặp lại. Tôi nhớ ngày ấy, vợ chồng ông ra Hà Nội vào mùa hè, vợ ông, chị Bích Đào cho tôi hai mét vải lanh, thứ vải khi khô thì mềm, và mát như lụa nhưng nhúng nước nó dày như mo nang. Ngày ấy Hà Nội sắp rơi vào nạn đói, nhà thông tin Tràng Tiền có trưng bày loại áo dệt bằng đây, dài quá đầu gối lại cụt tay áo chống rét cho người nghèo. Vậy mà mười năm có lẽ...

Vào Đại hội, Thanh Tịnh được bổ sung vào Ban tổ chức nhưng Đại hội phải hoãn ngày khai mạc vì chiến dịch Điện Biên Phủ đang phát triển thuận lợi. Tất cả được đi phục vụ cho mặt trận. Chúng tôi đi cùng với đoàn Văn công Liên khu Bốn vì vậy mà quen biết Phùng Quán, ngày đó đã là “đối tượng” của lãnh đạo đoàn. Phùng Quán năm đó mới 22 tuổi nhưng tính tình nghênh ngang và mắc bệnh “tự do vô kỷ luật” nên bị liệt vào hàng “đối tượng”. Hồi đó, khi ông Thanh Tịnh rời khỏi đoàn thì Quán thay thế ông, cũng làm thơ, cũng đọc tấu với dáng điệu hết như ông anh kết nghĩa. Hai anh em kết nghĩa đều gốc dân xứ Huế nên dễ dàng bắt quen nhau.

Khi bế mạc Đại hội văn công toàn quân, Thanh Tịnh không về đoàn nữa, ông được điều đi làm nhiệm vụ “chống cưỡng ép di cư”, tập hợp các bác hát xẩm, dạy họ những bài hát mới, kêu gọi đồng bào công giáo ở lại đừng nghe theo lời nhảm nhí của địch. Ngày đó ở nhà thờ Phát Diệm hay Kim Sơn, hàng ngàn giáo dân tập trung để đi “theo Chúa vào Nam”. Còn Phùng Quán theo đoàn văn công Tổng cục Chính trị 2 ra Sầm Sơn đón tiếp đồng bào và chiến sĩ miền Nam tập kết rồi tham gia cuộc trao trả tù binh. Nhờ vậy Quán ghi chép được nhiều tài liệu về ngục Côn Đảo và những cuộc đấu tranh cho tù nhân

ở đó. Về Hà Nội Quán viết Vượt Côn Đảo, cuốn sách ra đời lập tức được hoan nghênh, nhất là các bạn học sinh, sinh viên và thanh niên vùng mới giải phóng. Và Quán trở thành người nổi tiếng, được mời đi các nơi, các nhà trường nói chuyện và đọc thơ. Giọng thơ sang sảng của anh lúc đó đã cuốn hút mọi người. Dáng điệu và phong cách khi đọc thơ gần giống như nhà thơ Nga Eptusenkô sau này. Cũng vóc người cao dong, cũng lời thơ hùng hồn ca ngợi tổ quốc. Rồi những cuộc họp thảo luận về Vượt Côn Đảo về sau thêm Việt Bắc, thơ của Tổ hữu liên tục tổ chức tại gác ba số 1 phố Bà Triệu. Người khen, kẻ chê đủ cả. Từ những cuộc tranh luận ấy, một nhà phê bình xuất hiện, đó là ông Vũ Đức Phúc, ngày đó nghe nói ông là Trưởng phòng Thông tin huyện Gia Lâm. Ông Phúc từ đó bước vào văn học và sau này ông về Viện Văn học. Lúc đó tình hình chính trị trong nước và thế giới có nhiều biến động, Đại hội 20 của Đảng Cộng sản Liên Xô vừa họp, ở đó người ta phê phán tệ sùng bái cá nhân thực ra là sùng bái Stalin, ông Khorutxốp lên nắm quyền lãnh đạo, thi hài Stalin được đưa khỏi lăng Lênin, rồi đưa đi hỏa táng. Ở Trung Quốc, Mao Trạch Đông viết “Bàn về mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân”, chiến dịch “Trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng” kết thúc thì cuộc Chỉnh phong bắt đầu phê phán Hồ Phong và những phần tử phái hữu, nhà văn nữ Đinh Linh, tác giả “Mặt trời chiếu sáng trên sông Tăng Càn” bị chỉ trích và tác giả của nó bị đưa đi lao động cải tạo. Luồng gió đấu tranh giai cấp thổi qua biên giới vào nước ta; vào lúc đó, cuộc cải cách ruộng đất của ta mắc sai lầm nghiêm trọng, hiệp định Giơnevơ bị phá hoại, cuộc tổng tuyển cử theo quy định vào năm 1956 bị Diệm ôm chân Mỹ quyết tâm chống lại. Hồi đó, anh em miền Nam tập kết thất vọng, nỗi thất vọng thể hiện trong Thao thức của Đoàn Giỏi, Một sáng chủ nhật của Nguyễn Huy Tưởng hay Trò chơi nguy hiểm của Nguyễn Thành Long và cả bài thơ Tôi sợ của một nhà hoạt động sân khấu cũng bị phê phán... Nhóm Nhân văn Giai phẩm nảy sinh, tức là một nhóm văn nghệ sĩ ra tờ báo mang tên Nhân Văn và tạp chí Giai phẩm mùa thu hay mùa đông. Hồi ấy Phùng Quán ở tạp chí Văn nghệ quân đội làm thơ và viết văn. Quán viết nhiều, sự nổi tiếng của Quán cũng nhiều nhưng sau đó duy nhất chỉ một bài thơ ngắn Lời mẹ dặn đăng trên tuần báo Văn đã hạ gục Quán. Hồi đó tôi đang nằm trong trại sáng tác văn học của quân đội ở làng Nghi Tàm, phía sau khách sạn Thăng Lợi bây giờ, trại văn vẹn có bốn người: tôi, Lê Khâm sau là Phan Tứ, Nguyễn Quang Sáng và Hoàng Kim Chung tức Chung “rám má”. Hồi đó tôi biết Phùng Quán đang bị rầy rà, đến tá túc trong ngôi nhà liền kề với chúng tôi ở làng Nghi Tàm, làm con

nuôi cho bà cụ già ở đó, đêm đêm thường ngồi câu cá bên Hồ Tây... Hồi đó tôi nghĩ Quán còn rất trẻ lại đã nổi tiếng chắc sẽ được ưu ái được bồi dưỡng, ít ra được đi nước ngoài vậy mà cái số của Quán chẳng ra gì... Rồi Phùng Quán chuyển khỏi quân đội, cùng đi thực tế lao động với các văn nghệ sĩ. Trong Chiều chiều của Tô Hoài, ông có viết những chương về chuyến đi thực tế lao động của ông và Phùng Quán tại một làng ở Thái Bình, những chương viết rất hay nhưng đọc lên thấy buồn ngủ và cay đắng. Về sau Quán chuyển về Bộ Văn hoá, làm ở Cục Văn hoá quần chúng. Hồi chiến tranh, Quán về trông coi cái trại tăng gia của Cục tít trên vùng rừng núi Thái Nguyên. Một hôm, tôi gặp Quán ở Hà Nội, Quán hěn hěn kể cho tôi nghe rằng đêm rồi anh hút chết. Từ Thái Nguyên đạp xe đến Cầu Chui, trời tối khuya thì một chiếc xe tải chở đầy những cuộn dây đồng lồng cồng chạy theo anh. Xe vượt lên và cuộn dây đồng bung ra rơi xuống ngoắc luôn vào cổ và lòi đi. Kêu lên không được. Quán phải cố đạp theo xe tải vì cái dây cứ mắc vào cổ lòi đi, mãi quá Cầu Chui, anh mới tháo được cái vòng dây oan nghiệt như vòng Kim Cô kia, dừng xe ngồi bệt bên đường thở dốc, hút chết... Sợ quá, Quán nói vậy, đó cũng là một kỷ niệm chiến tranh của Quán... Lần cuối cùng tôi gặp Phùng Quán là một buổi sáng, từ phòng Giám đốc nhà xuất bản văn học, bước ra. Cái phòng ở ngay tầng trệt, có bậc tam cấp bước lên. Ngay chính diện lúc đó có một lò than tổ ong đang quạt, khói bay mờ mịt cả vào phòng nhà thơ giám đốc. Hỏi ra thì đó là bà chủ của một gia đình ở căn phòng nhỏ dưới nhà ngang của cơ quan, cái gia đình ấy bây giờ nở phình ra và chiếm luôn cả sân giữa của nhà xuất bản biến thành xưởng mộc, còn hai bên cổng cơ quan cũng thành hai hàng nước thêm cả hàng ăn. Chưa có cơ quan nào bị lấn chiếm tệ hại như thế, ngay cái bậc thềm chính giữa, ngày nào bà chủ cũng dinh lò than tổ ong lên quạt khói. Nhà xuất bản cứ rút lại trước sự tấn công man rợ ấy vì giám đốc nhà thơ Lữ Huy Nguyên vốn rất hiền lành các cán bộ biên tập toàn nhà văn nhà thơ cũng hiền lành không kém nên chi họ cứ lấn lướt. Hôm ấy tôi tới thì vừa lúc bà chủ nhà dưới tầng cái lò than lên sát cửa buồng giám đốc Lữ Huy Nguyên về làm giám đốc nhà xuất bản không lâu, trước ông đã là biên tập viên ở đây hồi còn giám đốc Như Phong. Hồi đó nhà xuất bản lục đục vì những tranh cãi nội bộ, giám đốc kéo bè cánh loại những người không ăn ý với ông.

Rảnh rồi ông lại kéo Nguyễn Thế Phương ra chợ Hôm ăn thịt chó uống rượu ở quán ông gù, có hôm quá say sưa trèo cả lên bàn thịt

cho chửi nhau rất là đời thường. Rồi Như Phong nghỉ hưu, thay ông là một cán bộ từ Ban Tuyên huấn Trung ương chuyển về, Lữ Huy Nguyên sang làm giám đốc nhà xuất bản Văn hoá, được ít lâu lại trở về làm giám đốc Văn học. Gia đình ông sống trong căn phòng của cơ quan ở cuối phố Trần Nhân Tông. Ông hay đi qua phố Lê Văn Hưu của tôi, gặp tôi bao giờ ông cũng dừng xe, đưa ra những kinh nghiệm của mình về ăn uống sau khi mổ dạ dày tôi vừa mổ xong mà. Sáng hôm ấy, Phùng Quán từ phòng giám đốc đi ra, tránh cái lò than như đặt bầy trên bậc thềm, bước xuống thì nhìn thấy tôi đi vào. Quán reo lên rồi nắm tay kéo ra ngồi trên ghế hàng nước, lôi trong cái túi vai đeo bên người, lấy ra một trang giấy phôtô bài thơ Nguyễn Văn Trỗi vừa in trên tạp chí Xưa và Nay trân trọng viết trên đầu bài thơ tặng tôi. Rồi Quán chia tay dắt xe đạp ra đi. Chỉ thế thôi. Quán có người bạn gái thân thiết bao nhiêu năm, bà ấy làm ở nhà xuất bản nọ thường giúp đỡ Quán bằng cách đặt anh viết một cái gì đó rồi ký tên khác, lấy chút nhuận bút còm. Tình bạn hay tình yêu trôi theo dòng năm tháng, lặng lẽ nhưng sôi nổi. Vào năm 90, người đàn bà được cơ quan cấp cho căn hộ mới xây. Có bao nhiêu việc cần làm để có thể sống được ở đó mà bà chỉ có mỗi mình với đứa con nhỏ. Phùng Quán đã đến giúp đỡ, xúc đất hay đào đất, tâng cái nền bếp hay vườn cây, hì hục hết ngày này qua ngày khác. Người ta thấy một ông già rất chịu khó, một ông già râu tóc bạc ai cũng nói: “Ông cụ chịu khó quá, chăm sóc con gái tốt đến thế là cùng...”. Chẳng ai biết đó là Phùng Quán và người bạn tình bất đắc dĩ của mình.

Hôm đưa tang Phùng Quán, tôi cùng anh em trong cơ quan đến viếng ông trước linh cữu đặt trong ngôi nhà nhỏ của ông tại trường Chu văn An, nhìn ra Hồ Tây. Tôi nghĩ thầm: “Cha này thật gắn bó với cái hồ này từ năm 55, 56 đến nay”. Có Lê Đạt trong Ban tang lễ đưa cuốn sổ cho tôi ghi lại vài dòng thương tiếc một con người tài hoa, có tài lại có tật. Nhìn vào buồng trong thấy một ông già đang ngồi cúi đầu, đó là ông Nguyễn Hữu Đang. Anh em trong nhóm Nhân văn - Giai phẩm chí tình với nhau, yêu thương nhau, “đồng bệnh tương lân” chắc thế! Họ năng đi lại thăm hỏi nhau và bây giờ người qua đời cũng dựa vào người đang sống. Tuy xã hội có “vô hiệu hoá” nhưng họ vẫn sống... Mà anh em đâu phải là những người xấu, như Phùng Quán chẳng hạn bây giờ anh em trẻ thường nói: ông này như người lính xung kích sẵn sàng xả thân vì Đảng, vì Tổ quốc. Có thể cách thức của Quán không phù hợp với mọi người, Quán có cách riêng của Quán, cái cách ấy khác mọi người? Sau này, sau khi nước nhà

thống nhất, Quán cũng như anh em Nhân văn - Giai phẩm được cời áo hay nói như Trung Quốc là “được bỏ mũ”, Quán còn viết bộ ba cuốn sách Tuổi thơ dữ dội và cuốn đó được chuyển thành phim ảnh. Cái chân lý của cuộc sống được sáng tỏ. Lại thêm mấy nhà bình luận văn nghệ, hồi họ bị đánh thì các ông xông vào đánh hồi vô hồi kỳ trận, đến khi người ta được ngẩng cao đầu thì các ông lại bu đến khen ngợi hết lời. Trước kia chẳng ai dám nói đến Vũ Bằng, vậy mà gần đây Vũ Bằng được ca tụng, được nói đến nhiều. Hồi Văn Cao được “bỏ áo” tôi ít đến thăm ông vì tôi biết hồi này nhà ông chẳng mấy khi ngót khách, khách đến tầng bốc và chúc tụng, ăn theo, thậm chí có người còn tự nhận mình là nhà Văn Cao học. Rồi bình tán Trương Chi là “bài ca cách mạng” v.v... Thói đời là như vậy, anh thích hay không là tùy.

Năm 1963 xảy ra vụ Vào Đời của Hà Minh Tuân. Vụ này còn sau vụ Nhân văn - Giai phẩm nhiều năm. Tôi biết là Hà Minh Tuân từ ngày trong quân đội, sau khi làm chính uỷ trung đoàn 209, tham gia chiến dịch Điện Biên Phủ, hoà bình lập lại ông được điều về Cục Tuyên huấn (Tổng cục Chính trị) làm trưởng phòng Câu lạc bộ với quân hàm trung tá. Sau đợt Nhân văn - Giai phẩm, quân đội chia sẻ một số cán bộ vững vàng về chính trị và tư tưởng bổ sung cho giới văn nghệ, ông Võ Hồng Cương sang làm Vụ trưởng Vụ Văn nghệ Ban tuyên huấn Trung ương, ông Đỗ Nhuận về Hội nhạc sĩ, ông Hà Minh Tuân và Vũ Tú Nam về Hội nhà văn. Hà Minh Tuân làm giám đốc Nhà xuất bản Văn học, lúc đó đóng ở 38 Hai Bà Trưng Hà Nội. Ông vừa viết xong và cho in cuốn Hai trận tuyến nói về hoạt động của thanh niên thành Hoàng Diệu hồi trước cách mạng tháng Tám. Về sau cuốn sách của ông có một bài trong tờ tạp chí nọ phê bình là viết theo khái niệm, không có tính văn học lại viết xuôi chiều. Để khỏi bị phê là viết “dở” đợt đi thực tế năm ấy, ông vào trong Nhà máy trung quy mô ở Cầu Mới ba tháng rồi về viết Vào Đời. Ông viết về tấn bi kịch cá nhân, một cô gái, bỏ tự tử trong cải cách ruộng đất, bỏ làng ra thành phố làm công nhân, chẳng may lại bị hai tên mất dạy đón đường hãm hiếp, số phận cô gái thật bi đát nhưng cô vẫn có nghị lực vươn lên thành người tiên tiến. Cuốn sách vừa ra lập tức bị đánh toi bời, bởi lúc đó Nghị quyết 9 vừa ra đời, nghị quyết “chống xét lại”. Vào Đời được xếp và loại đó. Tôi có cảm giác như có một cây gậy đã giơ cao chờ đợi, rình rình anh nào ló ra là quật. Vào Đời vừa vận đúng lúc người ta cần đến. Thế là nó bị quật chí mạng, có đến năm năm bài báo trong tất cả các báo trên miền Bắc phê phán nó và có

thể có người viết phê phán chỉ nghe loáng thoáng rồi dựa vào bài đã đăng mà đánh hơi chứ cũng chưa hề biết mặt mũi nó tròn méo thế nào, cứ phang thật lực để chứng tỏ lập trường giai cấp đúng đắn của mình và báo mình... Hồi đó, Chế Lan Viên bảo tôi: “May mà Vào Đời của thằng Tuân quá dở, nếu hay thì nó còn chết nữa!”. Trận đòn hội chợ ấy làm cho tác giả tôi bời khói lửa. Lúc đó, bên Liên Xô ông Khorútxốp đang nắm quyền lãnh đạo, ông này nói năng và phong cách rất mới mẻ không giống các lãnh tụ trước. Tôi còn nhớ ông đến Liên Hiệp quốc đã rút giày đạp lên mặt bàn mà nói, phong cách thật kỳ lạ và rất nông dân. Giới báo chí văn nghệ nước ta tỏ rất khoái nhưng Trung Quốc thì ra rả chửi ông là “bọn xét lại hiện đại”, nên có nhà thơ vừa viết ca ngợi “Nikita của chúng ta” đã vội rút lại, càng ngờ ngác không biết nên theo ai, chống ai? Đến khi vụ Vào Đời tóe loe ra mới biết thế nào là “chủ nghĩa xét lại”, khổ thế! Hà Minh Tuân bị đánh chí mạng mà vẫn ngẩn ngơ, không hiểu mình có tội lỗi gì mà bị nông nổi này, mình chống Đảng ư? Không, ngàn lần không. Ông không thể chống Đảng ngay cả trong ý nghĩ mà nếu biết có kẻ chống Đảng thì ông quyết không tha, vậy mà... Rồi Hà Minh Tuân phải rời nhà xuất bản do ông làm giám đốc chuyển sang bên Tổng cục Thủy sản giữ chân vụ trưởng hay vụ phó gì đấy. Nhưng ông là một người mê say, rất mê say văn chương, lẽ ra ông dừng dính dáng đến văn học thì đời ông đỡ lặn lội. Nhưng cái nghiệp chương ấy đã trót dính vào thì khó mà rút ra được. Nhất là sau khi ông đã viết cuốn Hai trận tuyến về thanh niên thành Hoàng Diệu xưa kia, ông viết nó từ ngày còn trong quân đội vả dù có ai chê bai, ông vẫn tự hào về nó và không ít độc giả vẫn nhớ đến nó. Nhớ khi xưa, thỉnh thoảng gặp tôi, ông lại cho xem những lá thư của bạn đọc thăm hỏi số phận các nhân vật của ông, giục ông nên viết tiếp, những lá thư ấy làm ông vui lắm. Vậy mà lại có kẻ chê ông, phen này ông phải viết cho nó sáng mắt ra. Cho nên đường quang lối thẳng, ông không đi, lại đâm quàng vào bụi rậm. Cuốn Vào Đời ra đời vì thế. Vài năm sau, ông lại cạy cục xin về với văn nghệ, lúc này cái án của ông cũng đã nhạt, có lẽ trên cũng thương hại ông nên ông mới được về làm Chánh văn phòng Hội Văn nghệ Việt Nam ở 51 Trần Hưng Đạo rồi lại về Nhà xuất bản cũ làm trợ lý cho Giám đốc Như Phong. Và ông đã viết một cuốn sách về thủy sản, cuốn sách ấy không được ai nhắc tới... Một con người hy sinh hết thảy cho văn chương, vợ con bỏ cả và sau này lấy một bà vợ khác, sống nghèo nàn trong căn phòng hẹp từ phố Huế rồi chuyển về phố Hàng Giấy. Vào đầu những năm 90, tôi viết về ông, những mong giải tỏa cho ông nỗi ám ảnh nặng nề về vụ án Vào

Đời. Bài viết của tôi đáp ứng được phần nổi mong mỏi của ông là tái bản được Vào Đời. Năm ấy nhà xuất bản cũng cho tái bản lại, trình bày với độc giả rằng cuốn sách đó chẳng có tội lỗi gì hết. Nó ngây thơ và hồn nhiên như chính tác giả của nó vậy. Bà vợ ông đã đem tới nhà ông Vạn Lịch hai cuốn, một biếu Vạn Lịch, một tặng tôi. Nghe nói khi nhận được sách in, Hà Minh Tuân cầm cuốn sách mà khóc nức lên giống như lúc tôi đưa một anh bạn hoạ sĩ đến thăm và biếu ông ít tiền vừa bán tranh của anh, ông cầm tiền mà nước mắt đầm đìa.

Sau khi bài báo của tôi về Hà Minh Tuân đăng trên báo Văn Nghệ một chiều tôi về nhà thấy nói vừa rồi có người tìm đến tôi, tôi đi vắng nên ông ta viết thư lại, nhắn mời tôi đến nhà ông ta. có việc gấp. Tôi nhìn tên ký trong thư thấy lạ hoắc vì chưa bao giờ tôi biết ông ta. Tôi tò mò đạp xe tìm đến một ngôi nhà ba tầng phía Nam thành phố. Chủ nhân, một người đứng tuổi tự giới thiệu cũng là nhà văn, vào Hội nhà văn do sự giới thiệu của ông Nguyễn Tuân và Xuân Diệu (sang quá) nhưng chưa bao giờ tôi được gặp ông ta ở Hội và cũng chưa bao giờ được đọc tác phẩm của chủ nhân. Rồi ông ta nói rất hoan nghênh bài viết của tôi về Hà Minh Tuân và ông ta có viết thêm một bài “để nói rõ thêm”. Bài đây, ông ta đưa tôi đọc. À tôi hiểu rồi, chiều nay tôi đã thấy cái bài ấy nằm trên bàn làm việc của Tổng biên tập báo Văn Nghệ. Hữu Thỉnh bảo tôi có người viết thêm về Hà Minh Tuân đấy, anh đọc đi, tôi không đọc. Thỉnh lại nói: “Cũng chẳng có gì đâu nhưng họ muốn nói rõ thêm kéo hiểu lắm”. Bây giờ cái ông nhà văn mà tôi chưa bao giờ quen biết kia cũng đưa bài viết của ông ta bảo tôi đọc, tôi cũng không đọc. Ông ta bảo “Tôi định đưa đăng trên báo Nhân Dân...”. Tôi nói: “Anh đưa đâu thì tùy anh thôi, tôi không có ý kiến gì cả”. Tôi ra về, cứ băn khoăn mãi về tên ông này, ông ta là ai mà mình không biết, cái tên nghe ngờ ngợ hay là cái ông trước kia nghe nói làm việc ở trường Nguyễn Ái Quốc rồi bê bối chuyện tình ái gì đó, không biết có phải ông ta không? Làm sao lại dính dáng đến Hà Minh Tuân, có gì mà cần nói rõ thêm?

Ít ngày sau, trên trang nhất của báo Văn Nghệ đúng vào chỗ mà họ đã đăng bài của tôi, đăng bài viết của ông ta. Rồi số sau lại đăng tiếp một đoạn ngắn mà toà soạn xin lỗi là “đã để sót”. Tôi đọc và tự cười với mình. Tôi đã xem cái bản thảo tác giả ấn cho tôi khi tôi về nhà, so lại thì đúng nguyên thế sao lại có đoạn thêm nào mà bảo “để sót”. Vậy có lẽ cái đoạn in sau chẳng là viết thêm cho đủ ý, cái đoạn toàn nhân danh Hà Minh Tuân cảm ơn người này, cơ quan khác đã quan

tâm giúp đỡ ông v.v... Một hôm tới nhà Vạn Lịch tôi bảo cái ông Hà Minh Tuấn này đến tội, đã bị quất tôi bởi đến thế mà vẫn phải cảm ơn và cảm ơn... Rồi tôi kể cho Vạn Lịch nghe tôi đã gặp ông nhà văn vừa rồi như thế nào. Lịch bảo: Ông ta bị ép viết đấy mà. Rồi Lịch kể: Cái ông X. trong bài của tôi đọc xong bài báo, tức quá gọi điện cho cấp dưới cũ của ông đã về hưu đòi cải chính bằng được. Ông ta đi bộ đến nhà Hà Minh Tuấn ở phố Hàng Giày, đi bộ chứ không đi ô tô, kéo Tuấn thêm hai người nữa ra Hồ Tây ăn bánh tôm, sau đó bảo Tuấn ký giấy nhận là đã được cấp nhà, được tăng lương. Thắng Tuấn hỏi này lẫn lẫn rồi, bảo ký giấy gì chẳng ký. Sau đó ông ta bảo tay nhà văn kia viết bài “để nói cho rõ”. Bài đăng xong, chắc chưa vừa ý lại bắt viết thêm... Té ra là như vậy. Tôi chờ người, nghe Vạn Lịch kể, chẳng hiểu ra sao nữa, cái ông bạn tội nghiệp của tôi? Ông Hà Minh Tuấn có lần tôi gặp ông đi loăng quăng ngoài hè phố, miệng cười tủm tỉm, đúng là ông bị “chập” rồi. Hôm đến đưa ma họa sĩ Bùi Xuân Phái ở 19 Hàng Buồm, tôi cũng thấy ông tung tăng trên đường phố. Ông dắt tôi về nhà ông gần đấy nhưng không vào nhà được vì cửa khoá, ông móc mãi túi không thấy chìa khoá đâu, có lẽ ông vút mất đâu đó rồi? Đành gọi một anh thợ ngồi vỉa hè vào cửa khoá, ông ngồi trên bậc thang nhà bếp chờ đợi, còn tôi đứng cạnh. lát sau bà vợ về, ông cứ rúm người vì sợ bị vợ mắng. Càng ngày ông càng lẫn, đi không khoá cửa hoặc khoá xong ném chìa khoá mất, đi mà không nhớ đường về nhà, quên cả phố, cả đường. Có đêm nằm vật vạ đâu đó trên bờ hè bị bọn lưu manh đánh thối cả mặt mày, đến tội. Rồi ông qua đời, đó là đám tang buồn. Nhờ có ông Vạn Lịch giúp đỡ nên linh cữu được quàn tại 51 Trần Hưng Đạo. Tôi đến đưa tang ông, sau đó ông Tô Hoài giữ tôi ngồi uống bia, sắc mặt nhà văn cao tuổi buồn buồn, càng nghĩ tôi càng thấy cảm cảnh cho người quả cố, một số phận không may mắn, con người hiền lành, quá hiền lành mà cuộc đời cứ vùn lên vùn xuống như nướng khoai... Văn chương cái nghiệp chương là thế...

Vào cuối năm 1963, không khí của Nhà xuất bản Văn học nháo nhác về cái vụ Vào Đời. Sau Vào Đời lại Đồng rác cũ. Hà Minh Tuấn bị đình chỉ công tác, ngồi viết kiểm điểm mà cứ loay hoay chẳng biết viết thế nào? Căn cứ vào những bài báo phê phán mình thì chẳng rõ họ nói gì? Bài nào cũng giống bài nào, toàn lời lẽ đao to búa lớn, đọc cũng đủ rùng mình. Lại thường có phái viên cấp trên xuống kiểm tra tình hình, làm việc với cán bộ biên tập để tìm hiểu. Có một ông phái viên tôi đã gặp ngay giữa sân nhà xuất bản, một ông to mập, mặt

cũng mập, sùi lên những mụn trứng cá thâm sì. Ông hỏi tôi rằng chắc là ngoài bản thảo Vào đời, còn có những bản thảo khác chưa in cũng có nhiều vấn đề phải không? Tôi ngán ngẩm, cái ông này vừa rồi cũng đã xông vào đánh hôi, viết bài đăng báo phê phán đủ cả với một mớ lý luận chưa tiêu về chủ nghĩa Mác và mỹ học vô sản. Tôi gật đầu nói: “Đúng thế, ở đây còn nhiều bản thảo có vấn đề”. Ông gạ: “Anh có thể đưa tôi xem được không?”. Tôi hẹn ông sáng hôm sau tôi sẽ đưa cho ông. Rồi tôi vào mở tủ lấy ra một đồng bản thảo đã bị loại chữ viết tay nhòe nhoẹt, loằng ngoằng, đọc nổi chữ đã khó chứ đừng nói chuyện đọc văn. Những bản thảo mà chẳng cần đọc anh em biên tập đã biết là không thể dùng được, toàn chuyện ông Hoàng bà Chúa, nửa kiếm hiệp, nửa Phong thần, tác giả có thể là những ông thần kinh chập, lại quá dỗi việc dư thời gian. Tôi lôi ra khoảng chục tập như thế, ghi dấu cẩn thận. Rồi gói ghém, sáng hôm sau đã thấy ông phái viên mò tới. Tôi đưa ông ta bất kỳ nhận cẩn thận. Ông hoan hỉ ôm về, chưa đến một tuần ông đem tới trả tôi, chất vấn (thói quen của các vị phái viên là hay chất vấn): “Tại sao anh lại đưa tôi những thứ quỷ quái này?”. Tôi ngờ ngợ: “Sao anh bảo đưa cho anh loại “có vấn đề”, đây “không có vấn đề là gì?”. Ông biết bị lừa, gườm gườm nhìn tôi rồi bỏ đi...

Cứ mỗi cuộc đấu tranh lại nảy ra các nhà lý luận phê bình văn học. Và ngay như bản thân tôi, có lúc cũng trở thành nhà phê bình lý luận văn học khá quyết liệt, thế mới tai hại, bao giờ ngẫm lại thấy xấu hổ quá. Thỉnh thoảng mở tivi thấy những ông lý luận xuất hiện, giảng giải cho mọi người thế nào là cái Đẹp, thế nào là Chân, Thiện, Mỹ, thế nào là tính Nhân văn, tính Nhân đạo v.v... rồi bình luận về tác phẩm này, tác phẩm khác y như ông đã khai sinh ra nó, biết nó từ chân tơ kẽ tóc. Có ông râu ria xồm xoàm, có ông mặt nhăn nhui, nói là tiến sĩ này hay tiến sĩ khác, toàn tiến sĩ là tiến sĩ. Toàn các vị có học hàm học vị đủ cả... Tôi không có y vợ đứa cả năm, báo chí đã nói chán ra rồi. Tôi biết có nhiều người đúng là tiến sĩ thật sự, nghĩa là có học hàm hẳn hoi ví dụ như ông bạn tôi, tiến sĩ tâm lý học mà vừa rồi có người đã viết bài báo tràn giang đại hải, hai kỳ với cái tựa đề giật gân: “Hiện tượng Hồ Ngọc Đại”. Ông ta tâng bốc vị giáo sư này lên mây xanh giống như hơn mười năm về trước, người ta gọi “Hiện tượng Nguyễn Huy Thiệp” hay một số nhà văn trẻ khác cũng được ưu ái phong tước ấy và tôi nghiệm ra rằng những người hay phong tước cho người khác cũng là những “hiện tượng”...

Hồ Ngọc Đại từ ngày được phong tước mỗi lần gặp tôi thường gọi đùa anh là ông “phênomên”. Đại chỉ hà hà thú vị, không hiểu vì cái tước hiệu “hiện tượng” ấy hay vì câu đùa của tôi. Đại quen biết giới chúng tôi từ lâu và anh chơi với chúng tôi rất sòng phẳng, nghĩa là gặp nhau không bàn luận chính trị hay thời thế, không nói xấu người vắng mặt, chỉ nói người có mặt, tất nhiên là nói trêu cho vui cốc bia hay chén rượu. Đại là một trí thức, một nhà giáo đầy tâm huyết về nghề sư phạm của anh và có bản lĩnh, dám chống lại những cái mà anh cho là sai trái, bảo vệ đến cùng chân lý của mình. Và tôn trọng sáng tạo của nhà văn nên có thời đầu của Trường viết văn Nguyễn Du, Đại được mời đến giảng triết học cho học sinh nhưng cũng chỉ khoá đầu, anh nói: “Dạy người ta viết văn thì làm sao mà dạy được, nghề văn cũng giống như mọi nghề chỉ có điều khác là không ai dạy ai viết văn được. Đi đâu nghe được giới thiệu là đã từng dạy ở trường Viết văn, Đại dấy náy lên từ chối... Có lần, không nhiều lần, Hồ Ngọc Đại bảo tôi: “Bọn bạn tôi là những nhà khoa học thường hỏi tôi làm sao tôi dám chơi với các nhà văn, họ nguy hiểm lắm đấy...”. Tôi hỏi lại: “Thế ông trả lời các bạn ông ra sao?”. “Tôi thấy các nhà văn chẳng có gì đáng sợ, chơi với họ chẳng có gì nguy hiểm cả, họ cũng như chúng ta, chúng ta làm khoa học, còn các nhà văn thì làm văn học...”. Tôi mỉm cười sực nhớ lại một buổi chiều cách đây đã vài chục năm, tôi ngồi ở ngoài hiên nhà số 65 Nguyễn Du, trụ sở của Hội nhà văn, một chiều đã lâu quá nhưng tôi vẫn nhớ, chiều thật vắng vẻ vì đã hết giờ làm việc chỉ có tôi cùng ngồi với nhà văn Tô Hoài, hai người hai cái ghế gỗ trước cây mít sai quả trĩu chịt như một đàn con bám lấy mẹ. Phía sau tôi có kê cái bàn gỗ, bên trên mặt bàn, nhà văn Nguyễn Hồng chắc từ Bắc Giang mới về Hà Nội, ngắt ngừng với chai rượu trắng và cái điếu bát. Nguyễn Hồng cười khật khưỡng, ông vừa kể chuyện một bà sáng nay bảo ông rằng hai cây vông đầu phố nở hoa đẹp ời là đẹp, ông nói với chúng tôi: “Hoa vông thì có gì mà đẹp, lá vông mới đẹp chứ”. Lại cười, lại uống rượu và rít thuốc Lào. Cả ông Tô Hoài và tôi cũng cười. Rồi ông nói với tôi: “Cậu bảo mình phải giúp cho tay ấy viết khỏi nhạt ư? Làm sao mà giúp được bệnh viết văn nhạt, cái nhạt ấy từ khi sinh ra đã nhạt và nhạt đến hết đời chẳng ai giúp được”. Rồi ông ngồi trầm ngâm ngắm mẹ con cây mít trước mặt và tự dưng nói nhỏ với tôi, nói nhỏ như sợ ai nghe thấy: “Cái Hội nhà văn của chúng mình như con chó già rụng hết cả răng, nhưng ai cũng phải nể nó, sợ nó đớp phải thì hại quá...”. Ông ngửa mặt cười giống như ông Nguyễn Hồng đang ngắt ngừng trên mặt bàn với chai rượu và cái điếu thuốc Lào, chòm râu vểnh lên thỉnh thoảng

lại được chủ nó vuốt ve... Cái buổi chiều đã xa quá rồi, khi tôi còn trẻ nhưng tôi chẳng hề quên, buổi chiều đã tắt nắng trong cơ quan Hội rất vắng vẻ... Bây giờ nghe Hồ Ngọc Đại nói bạn bè trong giới của anh nghĩ về các nhà văn thật lạ, chợt nhớ đến câu nói của bậc nhà văn đàn anh. Tôi vào Hội nhà văn từ năm mới thành lập, viết không mệt mỏi nhưng phải đến cách đây trên mười năm tôi mới thực sự hiểu thế nào là văn chương, thế nào là văn học. Tự dưng thôi, chẳng phải ai dạy bảo cả, tự dưng như hai cánh cửa chân trời bung ra và tôi hiểu được cái thực chất của nó. Dù sao tôi cũng chỉ vào loại “tầm tầm” như có người đã viết toẹt trên sách, cũng không sao, tầm tầm hay nguyên si vẫn là văn học, cũng không nên trách có nhà văn viết đến mòn mỏi cuộc đời, rất nhiều tiểu thuyết hay truyện ngắn nhưng lại chẳng có chút gì gọi là văn chương, thế mới lạ...

Cái buổi chiều sau khi Phác Văn qua đời, tôi ngồi ở Câu lạc bộ Ba Đình thì Hồ Ngọc Đại đến, nghe tôi báo tin ấy, Đại lẳng lặng bưng vai bìa đầy rót xuống cái gốc cây lim nơi Phác Văn thường ngồi khi sống. Phác Văn thường ngồi uống bia và cười lớn ở đó, tròng cười kha kha khà khà, nghe rất vui, rất thoải mái tưởng như cuộc đời chẳng có gì đáng phải nghĩ ngợi nhưng nghe kỹ ra nó chát nghét và đắng cay... Phác Văn làm thơ và cả vẽ nữa, một con người còn hồn nhiên hơn cả những bài thơ và những bức tranh của anh... Nhuận bút thơ của anh cũng còm cõi như tên tập thơ in vào năm 1962 “Ngọn lửa nhỏ”. Tôi cứ nhớ hôm đi dự đám cưới của anh ở nhà cưới Trăm Hoa phố Bà Triệu, nhà thơ Hoàng Cầm mừng tập thơ mới in của ông và ông cụ thân sinh ra Phác Văn từ quê ra đứng lên đọc tặng con trai và con dâu mới một bài thơ ông vừa ứng tác. Đám cưới hồi ấy không ăn uống, chỉ tiệc trà, vài cái bánh quy và nước chè, thuốc lá nhưng đầm thắm. Vậy mà bây giờ người đã ra đi. Tôi thoáng nghe tiếng nước bia mà Hồ Ngọc Đại vừa rót xuống gốc cây xèo một cái như tiếng thở dài...

Lại nhớ Phùng Quán trong những năm chiến tranh, bỏ mặc vợ con ở Hà Nội, lên sống trong trại tăng gia của cơ quan giữa vùng núi heo hút tận Thái Nguyên, nằm trên đó có viết được gì không? Và các bà vợ các anh, như bà Thuý, vợ Trần Dần mà Nguyễn Khải đã một lần viết, bà Trâm vợ Phùng Quán, một bà giáo, họ là những người đàn bà nhẫn nại và chịu đựng từng ấy năm chồng bị chôn vùi trong dĩ vãng, cho tới khi chồng qua đời, tiếng thोर để lại chẳng còn bao nhiêu, chẳng thể bù lại với nỗi vất vả gian truân trước...

Chiều, tôi đến Câu lạc bộ Ba Đình không phải để luyện tập mà chỉ để gặp bè bạn bên vại bia hơi. Cái thói sinh hoạt của những anh cán bộ nghèo về hưu chỉ có vậy. Hồ Ngọc Đại là người tôi hay gặp, anh chỉ vắng mặt vào những ngày đi công tác xa và mắc những bữa tiệc ngoại giao, nhiều lần đi công tác xa về đến Hà Nội là Đại phóng xe đến Câu lạc bộ mang theo gói quà mua ở nơi đó những con mực khô hay cá khô v.v... Một lần sau khi đọc loạt bài của Đại trên tuần báo Văn Nghệ, bài viết cái công nghệ giáo dục của anh, mở đầu có loạt bài cùng đề tài là cái bài nói về giải mã gen người. Đại viết: Bây giờ khoa học đã giải mã được toàn bộ gen người và đối chiếu mới biết chúng giống nhau đến kinh khủng, và cũng chỉ giống hệt nhau ở mức 99,9%, ai cũng vậy. Và cái khác nhau là 1/1000. Tôi nói với anh: Vậy cái phần nghìn đó chính là phần NGƯỜI, 99,9% chỉ mới là CON. Cái phần nghìn đó là cái khác nhau giữa người này và người khác. Khoa học co thể nhân bản gen người nhưng sinh ra đâu phải là CON NGƯỜI thật sự, chẳng qua đó chỉ là thứ sinh vật mà thôi. NGƯỜI còn Tâm Linh, còn linh hồn, có tư duy, và tình cảm, cái CON kia chỉ là bản năng và nhờ có cái phần nghìn đó mới có tội, có anh, có người này tốt, người kia xấu, tóm lại mới có xã hội loài người có chiến tranh, có hoà bình có mong ước và hy vọng, có nước Mỹ, có Việt Nam v.v... Hồ Ngọc Đại cười sáng khoái: “Đúng thế”. Tôi nói: “Có lẽ chính vì vậy mà Nhà Thờ phản đối việc nhân bản gen người. Cỗ phải vậy chăng?”

Tôi thường đạp xe từ nhà phía chợ Hôm lên cơ quan, đi theo con đường Thợ Nhuộm và tôi hay gặp một người đạp xe ngược lại, một người cao lớn trông thấy tôi, hét toáng lên: “Mai Ngũ”, rồi dừng xe nói với tôi cái giọng ồm ồm: “Tao vừa đi vẽ về, tao đi Tuyên Quang...”. Đó là họa sĩ Văn Giáo từ nhà ở Nguyễn Thái Học đạp xe đến hội Mỹ thuật Việt Nam. Văn Giáo là họa sĩ tôi biết qua tác phẩm của ông hồi trước cách mạng. Hồi ấy vào năm 43 hay 44 gì đó, tôi đến xem tranh bày trong nhà Khai Trí Tiến Đức ở Bờ Hồ, Salon Unique năm ấy thấy có tranh Văn Giáo, những bức bột màu vẽ phong cảnh rất đẹp và cạnh đấy là những bức sơn dầu vẽ theo kiểu lập thể (cubisme) của Nguyễn Đỗ Cung. Tôi nghe nói hai người đang ở miền Trung. Mãi đến năm 54, nhân đi chiến dịch Điện Biên Phủ, tôi mới gặp Văn Giáo ở Phú Thọ. Ông đang bày tranh lần thứ bao nhiêu

ở đây, trong nhà dân. Tranh được treo trên dây, mắc ngoài sân cho đồng bào tới xem. Chủ nhân phòng tranh, một người cao lớn đang kéo người này ra xa, đẩy người khác vào gần tranh để xem. Rồi về tiếp quản Hà Nội, một buổi tối khuya, tôi đi cùng Văn Giáo xem phố xá về đêm, chợt nhìn thấy tấm bảng khẩu hiệu chằng ngang đường bị lệch, Văn Giáo bảo tôi đứng chờ, rồi sộc đi tìm cán bộ cơ sở lôi ra bắt treo lên cột điện sửa lại cái bảng đỡ cho ngay ngắn. Cái phố ấy là phố Hàng Thiếc. Tôi nghĩ cái ông họa sĩ bồ bã này được việc hơn mình. Rồi chúng tôi thân nhau, Một hôm tôi thành thật nói với Văn Giáo: “Này tôi thấy ông vẽ phong cảnh rất đẹp lại hợp với sở trường sao ông lại bỏ nó mà đi vẽ người?”. Sáng hôm sau, Văn Giáo đến nhà tôi trợn trừng: “Tiên sư mày, mày đéo biết gì cả. Ngày xưa, mày phải hiểu ngày xưa năm 36, tao đã đi mít tinh ngày 1 tháng 5 ở nhà Đấu xảo. Rồi mật thám nó nghi tao, nó theo dõi tao nên tao phải đi vẽ phong cảnh cho nó đỡ nghi. Mày chẳng hiểu gì cả dám nói thế chứ tao vẽ người là chính, hiểu chưa?”. Cái sự biện luận nghe có vẻ sang, chưa hợp lý lắm nhưng tôi không dám nói gì hơn. Lại nhớ đến lớp học chính trị của tất cả văn nghệ sĩ vào năm 57 ở ấp Thái Hà. Tất cả tập trung, cả ăn, cả ngủ ở đây, chủ nhật mới được về nhà. Lớp chia thành các tổ. Tổ trưởng của tôi là Thanh Tịnh. Buổi tối, cơm nước xong, tôi và ông thường la cà xuống căng tin uống cà phê và tán gẫu. Khi chúng tôi lững thững đi bao giờ quay lại cũng thấy Văn Giáo theo sau. Văn Giáo vừa bày tranh xong, cuộc trưng bày lần thứ bao nhiêu không rõ và khoe là được chính phủ mua nhiều lắm, cả anh Tô cũng mua. Ông cứ bám lấy chúng tôi và nói về phòng tranh của mình.

Thanh Tịnh cúi xuống nói nhỏ với tôi: “Ngũ xem, mình chỉ nói một câu là Văn Giáo rút ngay mà xem...”. Rồi ông dừng lại chờ họa sĩ tiến lên và nói rất nhẹ nhàng: “Này, Văn Giáo ơi, nghe nói cậu bán nhiều tranh, bọn mình thì đang hết tiền, có thể cho bọn mình mượn vài chục chứ...”. Văn Giáo sững lại quát: “Chỉ vớ vẩn, tiền nong cái gì?”. Rồi đi thẳng không ngoái lại. Tôi và Thanh Tịnh không dám cười to chỉ sợ ông ấy mà nổi khùng thì rắc rối. Nói vậy nhưng Văn Giáo là người hảo tâm. Vào năm 65, tôi túng quá, tiền nong nhẵn cả phải hỏi mượn cơ quan, một sáng Văn Giáo đến nhà tôi, ngồi xuống nói luôn: “Mày hỏi này túng quẫn lắm phải không? Tao cũng chẳng giàu có gì nhưng tao giúp mày năm đồng...”. Năm đồng hồi ấy không nhỏ, anh có đưa con mới sinh anh được thêm 5 đồng hàng tháng, với số tiền ấy anh có thể gửi con nhà trẻ kèm thêm tem phiếu là yên trí, chẳng

phải lo gì cho con. Với năm đồng có thể đem sổ ra hàng gạo đồng được hơn yển gạo đủ ăn cả tháng cho bản thân anh. Vậy mà Văn Giáo đã bỏ ra năm đồng cho tôi mà lương của ông cũng thấp chỉ dăm chục lúc đó. Tôi lúng túng và xúc động trước vẻ chân thật của ông. Văn Giáo đứng lên ấn tờ giấy bạc vào túi sơ mĩ của tôi. Khoảng hơn tháng sau, tôi đến Hội Văn nghệ Việt Nam thì vừa gặp Văn Giáo từ Hội Mỹ thuật dắt xe ra. Văn Giáo ôm lấy vai tôi khẽ nói: “Tao sắp đi về xa, hôm đã lâu tao đưa cho mày năm đồng, nhớ không? Hôm ấy mày túng nên tao giúp, bây giờ tao lại túng rồi mày đưa tao năm đồng được không?”. Tất nhiên là tôi vui vẻ đưa lại cho ông năm đồng vừa đi lĩnh về, và cảm ơn ông rất nhiều. Văn Giáo lại chửi: “Tiên sư anh, khi anh túng, thì tôi giúp bây giờ tôi túng, anh lại giúp tôi, có gì phải cảm ơn lắm thế”. Chúng tôi lại cười vui vẻ vì tính nết của Văn Giáo là như thế, con người to lớn ấy không hề nghiệm thức gì, thuốc lá hay chè rượu, chỉ sống bằng cơm rau và vẽ... Ông cứ đi suốt từ Việt Bắc đến khu Bốn một mình một xe đạp và chiếc cặp vẽ to đùng. Không có người mẫu, không vẽ được, thậm chí vào quê Bác Hồ cũng phải lên huyện mượn hai tiểu đội lính đưa về vẽ trước nhà Bác. Con người tính nết hơi điên điên, tàng tàng ấy rất chịu khó vẽ, đi và vẽ, tất nhiên những tranh vẽ người của ông không làm tôi thích thú bằng tranh phong cảnh. Mà ông sử dụng bột màu rất tài tình, dưới ngọn bút của ông, cây cối hiện lên lung linh và những đốm nắng nhảy nhót trên thảm cỏ xanh. Tiếc rằng ông đã bỏ nó mà đi vẽ người, lại vẽ lãnh tụ. Một buổi trưa tôi đạp xe về quê vợ ở làng Đình Bảng, gần đến lối vào đình, ngôi đình từ đời Lý, thấy Văn Giáo đứng cặp vẽ như chờ đợi ai đó. Thấy tôi ông gọi àm ỉ. Tôi dừng lại, ông bảo ông đang đứng chờ một ông già râu tóc nhang nhác giống Bác Hồ để đứng làm mẫu cho ông vẽ bức tranh “Bác Hồ về thăm Đình Bảng, có nhân dân vây quanh đón Bác”. Nhân dân thì đang tụ họp quanh họa sĩ, cái ông họa sĩ vừa từ Hà Nội về đã hò hét xếp mẫu, xếp người chỉ đợi ông già ra là vẽ... Tôi thỉnh thoảng đạp xe từ nhà phía chợ Hôm đến cơ quan nhiều lần gặp Văn Giáo cũng từ nhà ông ở Nguyễn Thái Học đến Hội Mỹ thuật Việt Nam. Ông dừng xe trên phố Thọ Nhuộm và nói tướng lên với tôi: “Tao vừa đi vẽ trên Tuyên Quang, tao vẽ cây đa Tân Trào, mày ạ. Đồng bào trên đó tốt lắm, vẫn nhớ đến cách mạng, quý lắm...”. Hôm khác gặp nhau cung quăng ấy, ông lại bảo: “Tao vừa đi vẽ, vẽ hang Pắc Bó, vẽ Bác Hồ ngồi trong hang...”. Tôi nhớ tới hứa hẹn của ông khi tôi vừa viết xong truyện anh hùng Ngô Mây, người đã ôm bom đánh địch trên đèo An Khê năm 1947. Năm 55, có một người đến gặp tôi tại toà soạn báo Quân đội

Nhân dân, tự giới thiệu là Quách Tử Hấp, đại đội trưởng đại đội Quyết tử của Ngô Mây xưa kia. Hấp có nói với tôi rằng hồi ấy trước khi đại đội vào trận có một họa sĩ trên khu đã xuống vẽ chân dung Ngô Mây đứng cầm máy. Họa sĩ ấy chính là Văn Giáo lúc đó còn ở khu 5. Tôi hỏi Văn Giáo và ông nhận có vẽ Ngô Mây, bức tranh rất đẹp vì người mẫu cũng rất đẹp nhưng lâu quá rồi ông cũng không nhớ bức tranh đó hiện nằm ở đâu, ông hứa sẽ cố nhớ lại và báo cho tôi biết sau... Còn Quách Tử Hấp vào những năm 90, tôi lại thấy anh xuất hiện trên tivi, một ông già đã nghỉ hưu, một đại tá quân đội ngoài bảy mươi còn khỏe mạnh, một mình một xe đạp làm cuộc hành trình Xuyên Việt, từ Bắc vào Nam...

Hôm chúng tôi, tôi và Văn Giáo cùng dự cuộc họp cộng tác viên của tạp chí Mỹ thuật, Văn Giáo kể lại cuộc hành trình của ông từ Khu 5 ra Bắc hồi năm 47, 48 đầy gian khổ, và ông đã ghi chép cẩn thận vào cuốn nhật ký, ông sẽ viết lại nhưng bức tranh vẽ Ngô Mây thì ông không sao nhớ nó đã ở đâu, hay có người cầm giữ hay thất lạc đâu đó.

Tôi đi xa về thì Văn Giáo không còn nữa, ông bị ốm vào bệnh viện Việt Xô không được vì mức lương của ông quá thấp chỉ đủ tiêu chuẩn vào bệnh viện E giống như Quang Dũng khi xưa nằm liệt ở bệnh viện E chán rồi về nhà và mất. Năm đó, Vạn Lịch hay rủ tôi đến thăm Quang Dũng ở bệnh viện E. Nhưng Văn Giáo nhờ có Hội cán thiệp nên được nằm ở bệnh viện Việt Xô mà sau đổi tên là bệnh viện Hữu nghị và mất ở đó...

Mọi người đều đã già rồi qua đời, đó là quy luật của cuộc sống, chẳng ai cưỡng lại được...

Đã lâu tôi không có dịp đi lại dọc con đường Bà Triệu bởi nhà tôi đã chuyển từ phía chợ Hôm lên gần chợ Ngọc Hà. Bạn bè cũng đi vắng; chẳng còn ai để đến thăm hay trò chuyện. Ngôi nhà Trăm tuổi ở đó còn hay mất tôi cũng không rõ, cái ngày ông Tô Hoài chỉ cho tôi thì cũng đã thấy chung quanh nó, bên trái hay bên phải nó là những ngôi nhà đang xây, những cột bê tông ngất ngưởng, những bức tường dở dang và trên vỉa hè là những đồng vật liệu xây dựng lùm lùm ngổn ngang... Mấy năm gần đây, tốc độ xây dựng phát triển nhanh

đến chóng mặt, loáng cái đã thấy những ngôi nhà hiện đại với kính, chớp lừng lững mọc lên cao vợi vợi. Loáng cái đã thấy phố phường thay đổi, đường xá mở rộng và xe cộ đan nhau như đàn kiến lao đi vùn vụt. Hà Nội ngày càng đổi thay đến nỗi tôi tự nghĩ không biết cái “duyên thâm” của nó còn hay mất? Nó sẽ giống một thành phố nào đó ở Singapo, Malaixia, hay Thái Lan, nham nhở, chẳng còn chút gì là Hà Nội khi xưa, Hà Nội đã từng làm say đắm tình người... Tôi lo cho ngôi nhà Trăm tuổi của tôi, có thể nó đã bị phá để xây nên một ngôi nhà cao tầng hiện đại hơn, văn minh hơn giống như người ta đã tôn tạo hay cải tạo đình chùa miếu mạo, tôn tạo đến mức không còn là cái cũ nữa nên mỗi khi trở lại thăm chốn xưa, tôi chỉ dám đứng ngoài không dám vào trong, không muốn chứng kiến cái công trình mới mẻ kia thô kệch và lai căng, nửa Nam nửa Bắc, nửa Tàu nửa ta, chen chúc bên những ngôi nhà dân lán chiếm. Tôi cứ nghĩ cái cũ khi nào cũng đôn hậu hơn, đầm thắm, còn cái mới cứ lạnh tanh thế nào ấy. Có thể tôi là một “người muôn năm cũ, nệ cổ...?”.

Năm nay, mùa thu Hà Nội ít sương mù. Mọi năm sương mù dày đặc cứ lãng đãng như tấm voan mỏng phủ xuống đường phố từ chiều hôm trước đến trưa hôm sau, và trong đám sương mù ấy, mọi gương mặt cứ ần ần hiện hiện không rõ nét, không góc cạnh. Trên mặt Hồ Gươm hay Hồ Tây, sương mù cứ chìm dần xuống, nhô lên trong đám sương ấy là ngọn Tháp Rùa đứng im lìm, lẻ loi và quanh hồ thấp thoáng những hàng cây. Hồ Tây hay hồ Trúc Bạch càng ngày hẹp dần vì sự lấn chiếm, nó không còn là “tám gương Tây Hồ” phẳng lặng như mặt gương bởi nhiều hoạt động quấy động cái hồ nước bây giờ không còn những đàn sâm cầm trở về trú đông... “Ồi, những cánh chim giang hồ, đôi cánh đang cùng vật vờ trên khắp cổ đô”, Văn Cao đã viết như thế vào hơn nửa thế kỷ trước và sau đó ông lại viết “Chiếc xe xác đi qua phường Dạ Lạc” về nạn đói khủng khiếp năm 45 khi ông ngồi trong ngôi nhà ở phố Nguyễn Thượng Hiền trông thẳng ra phố Khâm Thiên, cái phường Dạ Lạc của Hà Nội xưa.

Tập truyện ngắn Mai Ngữ

Hũ vàng

Cái tin thấy giáo Thịnh tìm được một hũ vàng khi đào móng làm nhà gây xôn xao trong khu tập thể của trường. Cái tin ấy loang ra thì trước hết là các bà vợ đi làm về chưa nấu nướng vội nhao sang hàng xóm do hỏi, chán cũng chẳng có thông tin gì chính xác nên các bà lại quay sang hỏi các đức ông chồng. Các ông bị vặn hỏi cứ ú a ú, không nhận là đúng, không nói là không. Ông nói có lập tức lại bị vặn hỏi có là bao nhiêu cây, bao nhiêu lạng? Nào ai biết được, bị vặn vẹo mãi ông đâm khùng quất tháo ầm ĩ, chuyện nhà mình chẳng lo, toàn lo chuyện đầu chuyện đầu, để ông ấy đào được vài trăm cây, ông ấy sẽ cho bà à? Nhưng các bà chẳng chịu thua, điều gì không hỏi được ngọn ngành đâu có yên, bữa cơm tối hôm ấy nhà nào cũng ăn muộn... Chuyện đào được vàng chắc là có thật, chẳng thế mà ông ta xây ngôi nhà to đùng, thay thế gian nhà cấp bốn cũ nát, tiền xây dựng phải hàng trăm cây chứ ít, vả lại chẳng ai dại có bao nhiêu vàng bán đem xây nhà hết, xây được ngôi nhà xong thì bó gối hay nằm khoèo ngắm ngôi nhà hay sao? Có bà còn phóng lên khi đào được hũ vàng, ông ấy dẹp hết đám thợ xây, hai vợ chồng đóng chặt cửa, cài then hay khoá trái hẳn hoi mới dinh cái hũ ra đồ đạc xuống, vàng ời là vàng, vàng rơi ra loang xoảng, là các bà nói thế chứ vàng thì làm sao mà rơi xoảng xoảng được? Ừ thì gọi là trút ra chiếu đầy một đồng như đồng bã mía của cô bán nước mía ngoài cổng, cứ chói cả mắt. Lại nghe nói bà giáo sượng quá đến ngất lịm, ông giáo định gọi xe cấp cứu thì bà lại choàng dậy nhồm lên ôm lấy đồng vàng. Cứ thế, bao nhiêu huyền thoại được mọc ra từ cái hũ vàng. Rồi tin tức trong khu tập thể được các bà, chính các bà, truyền ra bên ngoài đường phố khiến mấy ngày liền những kẻ lạ mặt lảng vảng chung quanh dòm dòm ngó ngó, nhiều nhất vẫn là đám mua sắt vụn, mua phế thải, mua sách báo cũ. Anh thì xe đạp, chị thì tông teng quang gánh ra vào rộn rịp. Nhà thầy giáo Thịnh lúc nào cũng đóng cửa im ỉm, ngoài cửa sắt, trong cửa gỗ, lại thêm con chó béc-giê sủa ông ổng trong nhà, ngôi nhà mới xây rất vang. Ban bảo vệ của khu phải họp bất thường để ra phương án canh gác và huy động thanh niên tuần tra ban đêm...

Khu tập thể mấy hôm nay, chỉ có hai nhà là đóng chặt cửa, mỗi khi đi ra đi vào, mắt trước mắt sau. Đó là nhà thầy Thịnh và nhà liền kề, nhà thầy Sang. Hai nhà đều có liên quan về cái hũ vàng này. Theo dư luận thì chính thầy giáo Thịnh là người đào được vàng nói rằng cái hũ vàng ấy nằm giữa ranh giới hai nhà, nhà thầy Thịnh và nhà thầy Sang nên thầy Thịnh sau khi thấy hũ vàng đã tự nguyện chia

cho thầy Sang nửa hũ, nửa là bao nhiêu thì chẳng ai biết. Có bà đã mạnh bạo hỏi thầy Thịnh khi thầy đi dạy qua, chỉ thấy thầy mỉm cười, không nói gì hết. Còn vợ chồng thầy Sang thì lại im như thóc, vợ thầy nghe người hỏi chỉ sa sầm mặt bước thẳng, còn thầy Sang thì lắc đầu lia lịa, chẳng ra nhận chẳng ra không... Điều đó càng làm cho nổi tò mò của các bà sôi lên...

Buổi sáng đầu giờ, giáo sư tiến sĩ hiệu trưởng trường đại học thành phố có hai cú điện thoại liền. Một là của bên Ngân hàng, họ hỏi về chuyện cái hũ vàng, hỏi khá tỉ mỉ, bao nhiêu lượng, bao nhiêu nén bởi theo họ, tất cả của nả nằm dưới lòng đất: vàng, bạc, đá quý là thuộc sở hữu của Nhà nước do Nhà nước quản lý, ví như đất đai thuộc công điền công thổ không ai có quyền sở hữu. Vì thế mà các vị quan chức địa phương cứ dựa vào đấy để chiếm đất của dân, gây nên tình trạng khiếu kiện dai dẳng... Lại bên Sở Văn hoá cũng hỏi về cái hũ vàng, họ muốn biết tỉ mỉ và tận mắt nhìn hiện vật rồi nghiên cứu, kể cả dùng đến máy móc để tính niên đại mà họ nghe nói nguyên cái hũ đã là cổ vật từ ngàn năm nay, chưa nói đến trong ruột có bao nhiêu là đồ trang sức, thấy nói từ thời tiền sử, nếu mới cũng từ thời Lê, Trần. Bởi cái khu đất tập thể của “quý trường” xưa kia nhân dân đã chôn nhiều châu báu vì đất đó luôn gặp cảnh loạn ly. Thế thì nhất định là giáo sư phải tạo điều kiện cho các chuyên gia khảo cổ học đến tận nơi nghiên cứu... Cái hũ vàng đào được ở nhà thầy giáo Thịnh cứ làm loạn dư luận, nếu không giải quyết ngay rồi cả Trung ương cũng mò xuống.

Giáo sư tiến sĩ Hiệu trưởng bấn tứ túc, thằng cha Thịnh nó làm rầy rà quá. Lẽ ra đào được vàng thì cứ im đi cho xong. Đằng này nó lại báo cáo giữa Hội đồng nhà trường thành ai cũng biết, gây dư luận ầm ĩ, ra cả thành phố và bây giờ các cơ quan chức năng cứ nhè ông mà hỏi. Ông là một phó giáo sư trước kia mới chỉ là phó tiến sĩ, mãi gần đây mới được cắt bỏ cái đuôi phó lên chức tiến sĩ. Tất nhiên mọi người đều được như ông, nhưng ở cái trường này chưa có ai là giáo sư tiến sĩ như ông. Cả thành phố này, cái chức danh ấy cũng không nhiều, ngoài vị chủ tịch chính quyền thành phố, cái tay này mà đòi là tiến sĩ thì loạn thật. Hắn học hành chưa hết cấp ba trước kia rồi vào làm lái xe cho xí nghiệp vận tải, rồi làm bí thư đoàn của xí nghiệp, sau lên làm bí thư đoàn của quận rồi thành bí thư đoàn của thành phố, cơ cấu mà vào thành uỷ. Mấy năm sau trở thành thường vụ rồi chủ tịch Hội đồng Nhân dân, thoát cái đã thành Chủ tịch chính quyền thành phố. Cái thằng lái cái xe cũng chưa nổi mà bây giờ cầm lái cho bao nhiêu vạn dân thành phố kể cũng giỏi. Vậy mà cũng là tiến sĩ

điều đó đáng kinh ngạc, hẳn học tại chức bữa được bữa cái, bài vở đã có người học hộ và làm hộ, tốt nghiệp trung học là quá rồi thế mà đến đại học cũng xong lại thành giáo sư. Nước mình thật vui. Xưa kia thì chuộng những người lao động ít học, là thành phần cốt cán. Bây giờ thất thế giới toàn những tiến sĩ là tiến sĩ, lại chuyển sang bắt các quan chức phải có được học vị tiến sĩ, thế nên mới đua nhau đi kiếm cái học vị đó... Ông là người khác hẳn, bằng sắc của ông do học hành mà có ông học trong nước chán rồi học ở nước ngoài gần chục năm tuy có buôn bán đôi chút nhưng về nước có bằng cấp hẳn hoi tuy không phải bằng đỏ. Rồi được cử tham gia Ban giám hiệu trường Đại học này khi nó mới thành lập để đào tạo các cử nhân và kỹ sư cho các ngành, các thầy cô giáo cho các huyện, các bác sĩ cho các bệnh viện mà bác sĩ nếu không kiểm tra cẩn thận thì giết người như không... Ông lên hiệu trưởng khi hiệu trưởng cũ về nghỉ hưu, trong ba hiệu phó chỉ có ông lọt vào mắt xanh của thành phố vì ông trẻ, lại có học hàm học vị trước hai vị kia nhưng điều quyết định là ông phụ trách tổ chức của trường, bao giờ công tác Tổ chức cán bộ cũng là khâu quan trọng. Ông lên hiệu trưởng ít lâu thì được cất hai chữ phó: phó giáo sư và phó tiến sĩ, trần thôi lụi chỉ còn giáo sư tiến sĩ mà kẻ hay trêu đùa thường gọi là “Gà sống thiên sót (GSTS)”. Ông “Gà sống thiên sót” này quyết định tối thứ bảy tới sẽ đến trực tiếp kiểm tra cái hũ vàng ở nhà thầy giáo Thịnh để còn báo cáo lên cấp trên cùng các cơ quan chức năng vào đầu tuần sau trong cuộc họp Hội đồng Nhân dân thành phố mà ông là thành viên cơ cấu...

Buổi tối hôm đó, ông đi xe hơi vào khu tập thể của các giáo viên nhà trường. Lối vào hẹp nên xe đỗ ngoài đường ông xuống đi bộ. Không ngờ chỉ hơn năm ông không vào đây mà cái khu nhà cấp bốn đã đổi khác quá, nhiều nhà đã xây lên ba bốn tầng ngất ngheo và cũng nhiều nhà chưa xây vì có lẽ chủ nhân chưa chạy nổi tiền hay vì sợ thành phố nay mai vào quy hoạch bắt chuyển đi nơi khác thì rắc rối. Do đó nhà nào muốn xây thì cứ việc xây chỉ yêu cầu viết giấy cam đoan là nếu thành phố bắt di dời nơi khác thì không được đòi bồi thường gì hết v.v... Cho nên nhà nào cũng vừa xây vừa lo, anh liền thì cứ xây, một anh xây thì dăm anh khác bắt chước, anh có tiền xây đã đành, mà anh chưa có tiền hay không có tiền cũng đi vay mượn để xây hoặc bán bớt đi một nửa diện tích, lấy tiền xây cho mình theo phương châm “lấy mỡ nó rán nó”, tiện quá. Khi ông hiệu trưởng đi vào thấy ngay sự xây dựng lớn nhà lớn nhỡ nhà xây, nhà chưa xây, khắp khênh như răng bà lão. Tuy nhiên phải công nhận nhờ có những ngôi nhà mới xây mà cái khu tập thể cấp bốn này sang trọng

hắn lên tuy đường đi có như bị thu hẹp lại, ánh sáng tối tăm hơn vì nhà mới xây bao giờ cũng đóng chặt cửa nhà nào cũng hai cửa, cửa sắt bên ngoài cửa gỗ bên trong, gia đình chui cả vào nhà, đóng chặt cửa, cho nên những luồng gió thổi cứ vùn vèo như đang chui trong các ngõ ống, nghe vu vu vu vu. Giáo sư phải đứng lại một lát mới nhận ra ngôi nhà mà ông định tới, một ngôi nhà bốn tầng sừng sững bên cạnh ngôi nhà ba tầng khác xây trước. Ông nhận ra đó là ngôi nhà của thầy Thịnh. Ông đến trước cửa nhà thầy Thịnh, vừa định với tay bấm chuông đã nghe tiếng chó sủa ông ổng, loại chó bée giê xưa kia chỉ canh gác cho các nhà quyền quý, làm ông giật mình, mãi mới ấn được nút chuông điện. Rồi ánh điện bật lên, sáng bừng và tiếng mở cửa, những hai cửa nên cũng mất một lúc, giáo sư mới lọt vào đôi mắt chủ nhà. Chủ nhân, thầy giáo Thịnh cung kính chào ông và mời ông vào nhà. Chà, phòng khách của hắn mới sang trọng làm sao, một bộ bàn ghế chạm khắc kiểu Tàu, những đôn sứ, tượng sứ và chậu cảnh, trên tường treo bức tranh Thái bên trong lòe sáng vì ánh điện nên mọi hình ảnh cứ lập lòe, lập lòe. Đúng là một nhà đại gia, nhà này, phòng khách này có lẽ hơn đứt cả phòng khách của Tiến sĩ Chủ tịch uỷ ban chính quyền thành phố. Tiếng ro ro của máy điều hoà nhiệt độ bật lên, căn phòng mát lạnh tuy đang giữa mùa hè. Chủ nhân mang ra chai rượu ngoại nhưng, giáo sư lắc đầu, lại đem ra gói trà, ông cũng lắc đầu, chỉ nhấp chai nước khoáng La Vie, và hai người vào chuyện. Hiệu trưởng đề nghị chủ nhân nói lại tỉ mỉ về cái hũ vàng và muốn được nhìn tận mắt cái hũ ấy... Chủ nhân lúng ta lúng túng, ấp a ấp úng mãi mới nói được:

- Xin báo cáo thật với anh là tôi có đào được gì đâu ạ!
- Thì chính anh đã tuyên bố trước hội đồng nhà trường lại còn đưa ra tờ giấy biên nhận vàng của anh Sang mà? Sao bây giờ lại bảo không có vàng bạc gì cả, nghĩa là làm sao?
- Xin anh cứ để tôi trình bày đầu đuôi câu chuyện...

Và thầy Thịnh thuật lại cái hũ vàng mà thầy công bố cách đây hai tuần. Đó là mối quan hệ giữa thầy Sang và thầy Thịnh. Năm kia, thầy Sang làm nhà thầy tuy chỉ xây hai tầng thêm cái “tum”, coi như hai tầng rưỡi. Nhà thầy Thịnh sát bên bị chấn động nên tường nhà nứt, mái ngói bị xô dột lung tung. Thầy Thịnh sang gặp thầy Sang yêu cầu bồi thường thiệt hại, thầy Sang buộc phải đền cho thầy Thịnh mười triệu đồng là tiền chi phí cho việc sửa chữa ngôi nhà của thầy Thịnh bởi thầy Thịnh dọa nếu không bồi thường sẽ đưa việc này ra chính quyền quận. Thầy Sang xây nhà không có giấy phép, nếu mình không giải quyết êm thấm ắt sẽ lòi thôi với các cấp chính quyền mà

các cấp này chi chờ nhà nào bị kiện cáo là cho quân xuống làm rầy rà, nếu ngoan cố thì buộc đình chỉ xây dựng, trả lại nguyên dạng cũ. Mà cái đám này nó mà dò xuống thì không biết bao nhiêu tiền cũng chưa chắc nó đã dễ yên, tiến độ thi công đang tiến triển, nó bắt đình chỉ thì bao nhiêu là rắc rối, cho nên tốt nhất là bồi thường cho thầy Thịnh đúng như yêu cầu của thầy. Tiền đưa ra mà như mình móc họng mình. Hai nhà tuy ngoài mặt vẫn bình thường nhưng vợ chồng thầy Sang ôm ấp mối hận quyết tâm trả đũa. Rồi sau một năm, nhà thầy Thịnh cũng được phá dỡ để xây nên ngôi nhà mới cao hơn nhà thầy Sang một tầng, nguy nga tráng lệ vượt hẳn ngôi nhà thầy Sang. Ngôi nhà thầy Thịnh xây gần xong, đang trong giai đoạn hoàn thiện thì thầy Sang sang gặp thầy Thịnh. Thầy nói rằng, hai nhà trước kia được phân chia bằng bức tường chung, khi thầy Sang xây nhà, thầy đã không đụng đến bức tường ấy, nay thầy Thịnh sử dụng tất cả bức tường chung ấy, bức tường mỏng chỉ xây có mười phân, nghĩa là mỗi nhà chia đôi, mỗi bên hưởng năm phân tường, thầy Thịnh đã sử dụng tất cả nghĩa là chiếm toàn bộ bức tường, dôi ra năm phân tường của thầy Sang. Bức tường chạy dài mười mét, từ trong ra ngoài, tính ra là năm mét vuông thầy Thịnh đã chiếm của thầy Sang, bây giờ thầy Sang yêu cầu thầy Thịnh phải hoàn trả, tính theo thời giá, mỗi mét vuông một cây vàng, năm mét vuông là năm cây vàng. Thầy Thịnh há miệng chẳng biết nói sao, rõ ràng là mình có lấn chiếm của nó nhưng khi thợ đào móng xây tường nó cứ tỉnh như không để mặc mình muốn làm gì thì làm, giá như nó bảo trước, mình làm lui lại, trả nó bức tường chung ấy. Đằng này, ngôi nhà của mình đang hoàn thiện, chẳng lẽ phá dỡ đi? Mà phá tường còn móng thì phá làm sao? Điều đình chán, thầy Thịnh buộc phải chi trả cho thầy Sang hai mươi triệu đồng, nghĩa là gấp đôi số tiền mà nó bồi thường cho mình năm ngoái năm kia, cũng là sự ăn miếng trả miếng. Mà không trả cho nó không xong, trước kia mình nuốt của nó, bây giờ nó móc họng mình. Thầy Thịnh ức quá không làm sao được và thầy nghĩ ra độc kế mới. Thầy đưa cho thầy Sang hai mươi triệu nhưng buộc thầy Sang phải ký giấy biên nhận là đã nhận của thầy Thịnh năm cây vàng... Thầy Thịnh nắm lấy mảnh giấy biên nhận ấy, và đợi dịp "chơi lại" ông hàng xóm. Và dịp ấy đã tới, cái chơi lại của thầy quả thật gây nên nhiều phiền toái cho cả nhà trường lẫn thầy Sang...

- Tại sao anh lại diễn trò ấy? Giáo sư hiệu trưởng hỏi.
- Chính tôi cũng không hiểu tại sao, tôi cũng không có ý định từ trước nhưng trong túi tôi lúc nào cũng để sẵn giấy biên nhận vàng của anh Sang và lúc đó là sự bột phát của lòng mong muốn trả hận cũng

giống như anh Sang đã để tôi xây gần hoàn thành ngôi nhà mới buộc tôi phải đền bức tường chung của hai nhà... Tôi không thể từ chối được đành phải bỏ ra một khoản tiền lớn cho nó xong đi... Nhưng đâu có xong, thưa anh?

Ông hiệu trưởng lắc đầu, thấy câu chuyện nhảm nhí ấy đã gây ra cho ông nhiều phiền hà.

Bây giờ làm sao trả lời các cơ quan chức năng vào thứ hai tuần tới. Họ đã hẹn sẽ tới làm việc. Ông giận các thầy giáo của ông... Rồi ông nói:

- Cái việc trả đũa của anh phiền tôi rất khó xử, đã đưa tôi vào tình thế khó xử. Tôi sẽ ăn nói với cấp trên ra sao? Tôi sẽ trả lời bên ngân hàng và bên văn hoá thành phố ra sao? Họ sẽ coi trường chúng ta là trường trẻ con, đem nhau ra mà đùa bỡn ư?

Thầy Thịnh buồn rầu:

- Tôi xin thành thật xin lỗi anh về việc này, chẳng qua nó do thời thế tạo ra, chứ tôi cũng chẳng có lòng dạ nào.

- Thời thế, thời thế nào?

- Cái thời thế mà người ta quên hết nghĩa tình, toàn xử lý nhau bằng đồng tiền...

Giáo sư buồn rầu chấm dứt câu chuyện, trước khi ra về, ông nói:

- Tôi sẽ trao đổi với Đảng uỷ và Ban giám hiệu để xử lý vụ này. Nói trước là sẽ có án kỷ luật anh cũng như anh Sang. Riêng anh, tôi báo trước: đợt đề nghị Nhà nước phong tặng học hàm Phó giáo sư cho anh sẽ bị gác lại. Anh sẽ không bao giờ là phó giáo sư chủ nhiệm khoa nữa mặc dù anh rất có năng lực và uy tín với sinh viên... Thôi chào anh...

Thầy Thịnh tiễn giáo sư tiến sĩ hiệu trưởng ra về. Thầy nhìn ra ngoài đường thấy ánh đèn nhập nhòa, trong ánh sáng ấy, vị giáo sư tiến sĩ duy nhất của nhà trường bước đi thập thò. Thầy nghĩ ngợi điều gì, chẳng ai biết, khắc không phải là cái hũ vàng của thầy. Bởi cái hũ vàng đã bị hai thầy vứt bỏ mất.

Tháng 11 năm Con Rắn

Tập truyện ngắn Mai Ngữ

Giã biệt

Trên đê sông Đuống. Một chiều mùa đông năm 1948.

Có hai người đang ngồi dưới đê đê, nhìn lên thấy con đê cao vút chạy dài như bức trường thành. Hai người, hai anh em ruột. Người anh cao lớn và trắng trẻo, mặc bộ đồ vải nâu nhưng thêm cái áo len xanh cao cổ và chiếc áo vét-tông dạ cũ sờn, đầu đội mũ dạ méo. Người em nhỏ hơn, mặt khắc khổ, đen sạm cũng mặc quần áo nâu và phong phanh chiếc áo trấn thủ cộc tay, đội mũ bê-rê rách. Bên kia là nam phần Bắc Ninh, nơi quân Pháp chiếm đóng, thấp thoáng những xóm làng xa nhòe nhoẹt trong sương chiều. Thỉnh thoảng nơi ấy lại vọng đến tiếng súng “tắc bọp” tiếng nổ bị nghẹn lại trong hơi nước.

Người anh sốc lại bị quần áo và hỏi:

- Thế là chú nhất quyết lên Việt Bắc?
- Còn anh thì nhất quyết “dinh tê” vào thành?

Người em hỏi lại, mắt lử đừ nhìn. Người anh cúi xuống nhặt những bông hoa cỏ may bám ở ống quần, tránh luồng mắt vàng vọt nhưng nghiêm khắc của em mình. Giây lâu, anh ngẩng lên phân bua:

- Thì tôi đã nói hết với chú rồi, sức tôi không thể đi theo kháng chiến được nữa. Với lại tôi cần phải học tiếp, đi thì phải bỏ học dở dang, phí lắm. Công lao bao nhiêu năm đèn sách...

- Thôi được, anh đã nhất quyết thì cứ vào thành... nhưng phải cẩn thận đấy.

- Chú đừng lo nhiều cho tôi, bao nhiêu người “dinh tê” rồi có sao đâu. Chỉ có điều tôi mong chú phải hiểu cho tôi, tôi đâu có phải là kẻ phản bội. Nếu có về thành, tôi cũng cốt để tiếp tục việc học... mà sau này nước nhà độc lập, chinh phủ cũng cần những người có học chứ?

- Thôi, anh về đi...

Người em đứng lên. Người anh cũng vội vã đứng lên. Họ chỉ nhìn nhau, không ôm nhau, không bắt tay từ biệt. Người anh rất muốn có cử chỉ gì âu yếm đối với em nhưng ngó gương mặt như sắt lại kia thì anh lại đâm sợ. Anh cứ đứng sững, đầu cúi xuống như người chịu tội. Đến khi anh ngẩng lên, người em đã đi được một quãng dài, bóng anh ta thấp thoáng hiện trên nền cỏ ướt đẫm sương chiều và mưa bay, thấp thỏm nghiêng nghiêng với những bước chân dứt khoát tự tin. Người anh đứng mãi nhìn theo như muốn nuốt lấy hình ảnh cuối cùng của em trai mình, chưa biết bao giờ mới gặp lại nhau...

Lại có tiếng “tắc bọp” bên kia sông Đuống...

Mười năm sau tại thủ đô Hà Nội. Gian nhà của người em vừa chật vừa thấp, nằm lọt giữa khu tập thể của cơ quan vợ anh. Gian nhà chẳng có gì khác ngoài hai chiếc giường cá nhân kê sát nhau thành giường đôi, trên có khay chén cáu bẩn vàng khè vì nước chè, cái giường cũ trẻ con là nơi trút bỏ chăn màn, quần áo. Ngoài hiên, thau chậu linh tinh và cái xô chứa nước... Người em ngồi bệt trên nửa chiếc chiếu trải trên nền xi-măng và hí hoáy viết trên tấm cánh cửa hạ xuống kê làm bàn, vẫn dáng người ấy, khắc khổ, xương xẩu và nhỏ nhoi trong bộ quân phục cũ sờn. Đôi giày vải bộ đội cũng cũ rách, dùng thay dép bị bẹp dí ở gót.

Đột nhiên người anh bước vào, dáng người vẫn như xưa nhưng trắng hồng hơn, béo và bệ vệ hơn, ăn mặc tuy đã cổ làm vẻ giản dị, khiêm tốn vẫn sang trọng hơn. Người anh lặng lẽ đứng nhìn em trai đang cúi đầu say mê viết, mái tóc rũ xuống đã điểm nhiều sợi bạc. Người em chợt cảm thấy ánh sáng bị che lấp, ngẩng lên nhận ra và bỏ bút:

- Anh... mời anh ngồi tạm trên giường.

- Chú cứ mặc tôi... Thế nào? Chú không chịu dọn về nhà mình hay sao? Cứ chịu ở nhà nát này sao?

Người em nhún vai không trả lời. Mãi sau anh nói

- Thì em đã nói rồi, chúng em ở đây cũng được. Hai vợ chồng với cháu nhỏ ở thế này đủ chán. Với lại ở đây tiện bếp ăn tập thể, đỡ công chợ búa, nấu nướng...

- Hừ... tập thể... chú thì lúc nào cũng nghĩ đến hai chữ tập thể? Mà tôi cũng chịu chú, khi trước đi kháng chiến thì ăn ở thế nào xong thôi. Bây giờ về Hà Nội mấy năm rồi mà chú vẫn không bỏ được lối sống ở chiến khu... Thôi, tùy chú! Cái nhà của ông bà để lại và thành phố người ta cũng đồng ý trả cho anh em mình. Nếu bây giờ chú chưa cần ở thì tôi sẽ trông nom tất cả, khi nào chú cần cứ bảo tôi...

- Vâng...

Hai anh em, người ngồi dưới đất, người đứng giữa nhà nói chuyện với nhau. Người anh nhìn quanh quẩn gian nhà tự hỏi không hiểu sao thằng em mình cứ nhất định làm khổ mình, làm khổ vợ con mình mà chui rúc mãi ở đây? Thốt nhiên anh quay nhìn xuống và hỏi:

- Nay, chú có nhớ buổi chiều chúng mình chia tay nhau bên đê sông Đuống không?

- Em chẳng nhớ nữa, lâu quá rồi...

- Phải lâu quá rồi, mười năm... Ngày ấy tôi về thành, cậy cục xin đầy đủ giấy tờ là tôi phóng luôn sang Pháp, những năm sống ở Paris, tôi cứ ân hận mãi về việc đã bỏ lại chủ ngoài kháng chiến và lúc nào tôi

cũng mặc cảm mình là người có lỗi với thầy mẹ. Nói thật lòng là tôi rất ít hy vọng chú còn sống cho đến ngày thắng lợi. Vậy mà tốt nghiệp xong, nhận được bằng thạc sĩ là tôi nghĩ ngay đến chuyện về nước. Năm 56, bên ấy nhiều người xin về lắm, về để giúp cụ Hồ và chính phủ xây dựng, kiến thiết Tổ quốc... Mà ngày ấy chắc chú giận tôi lắm?

- Không... em nghĩ rằng trước sau thì anh cũng vào thành. Có muốn giữ anh lại với kháng chiến cũng chẳng được.

- Cũng không hẳn thế đâu. Giá ngày ấy tôi đã học thành tài như bây giờ thì dứt khoát là tôi... Chú hút thuốc?

Anh chìa bao thuốc lá ra mời người em lắc đầu:

- Cảm ơn anh em hút thuốc lào quen rồi.

Người anh châm thuốc hút rồi lại nói:

- Này, ở bên Pháp tôi cứ ngỡ chú đi kháng chiến từng ấy năm chắc phải làm to lắm vậy mà chủ chẳng hơn gì ngày rời Hà Nội ra đi. Vẫn làm cái anh văn nghệ kiết xác này. Mà chú đã vào Đảng chưa?

Người em thờ ơ lắc đầu, nhìn anh mình như nhìn một người xa lạ.

Người anh lại rít thuốc, không để ý, vẫn tiếp tục gi ọng điệu cũ: Tôi còn nghe nói chú bị kỷ luật gì đó? Thật ái ngại cho chú quá. Chú có học hành hẳn hoi, ít nhất cũng đã có cái Bắc phi-lô(1) vậy mà bỏ phí mất. Giá chú cứ tiếp tục học lên như tôi có phải hơn không? Tội gì lại đi vào con đường văn nghệ, viết lách không cần thận để đến nỗi này? Nước mình đâu có tự do ngôn luận như các nước văn minh mà đòi viết lách thoải mái.

Người em vẫn im lặng, không ra nghe mà cũng không hẳn bỏ qua lời người anh. Anh chỉ lẳng lặng ngắm gương mặt hồng hào, đôi mắt sắc sảo ẩn sau cặp kính trắng bộ ria đen và cái miệng quá rộng của người anh trai. Anh ta vẫn say sưa vừa nói vừa lẳng nghe lời nói của mình:

- Tôi sang Pháp cũng có tham gia hoạt động, được vào Đảng Cộng sản Pháp. Hoạt động chính trị bên đó vui lắm không gò bó như bên ta, chỉ cần chịu khó nhận bán báo “Luy-ma-ni-tê”, bán được càng nhiều càng tốt, là có thể được giới thiệu vào đảng rồi. Về nước, tôi xin chuyển sinh hoạt đảng về... Ở đây, các ông ấy định sắp xếp cho tôi vào dạy ở Đại học Tổng hợp, chỗ anh Ngụy Như Kon Tum, dù sao tôi cũng là một giáo sư, lại là đảng viên cộng sản... Chú xem đấy, ai cũng phải đi tới mục đích cả, nhưng nếu mình biết cách đi thì lâu lại thành nhanh, đi vòng lại hay hơn đi thẳng... phải biết cách đi vòng, chú ạ... Ngày đó, tôi đã khuyên chú mãi, chú đâu có chịu nghe, nói nhiều chú lại phê tôi dao động, cầu an, khó thể đấy. Giá chú nghe tôi

thì bây giờ cả hai anh em mình...

Người em chống tay đứng lên về uể oải, ra góc nhà rót ca nước và uống như người chịu khát đã lâu. Người anh vẫn nói:

- Chú xem đây, cách đi của tôi có mất gì đâu, lại được tất cả. Chẳng mất gì hết, chú thấy chưa?

- Có anh có mất đấy... Người em chùi miệng, nói thủng thẳng.

Người anh trợn mắt, gỡ kính xuống, hỏi:

- Chú bảo tôi mất gì nào? Mất gì nào?

- Anh mất chứ, anh mất nhân cách của anh. Mười năm trước, anh đã tự nguyện bỏ đi, anh đã là thứ bỏ đi rồi thì còn tính chuyện được, mất cái gì nữa. Mấy ngày hôm nay, tôi đang cố viết cho xong một vở kịch lấy tên là Giã biệt. Tôi dựa vào câu nói mà khi xưa còn bé, tôi thường nghe mẹ tôi, à mẹ chúng ta nói: “Con không chê cha mẹ khó, chó không chê chủ nghèo”. Vậy mà lúc khó khăn, gian nan nhất thì anh quay lưng lại và bỏ đi bây giờ thắng lợi rồi, vui vẻ rồi lại thấy anh xuất hiện? Thế đấy...

Chú thích:

(1) Tú tài triết học

Tập truyện ngắn Mai Ngữ

Con chuột

Con chuột làm tôi lục tục suốt đêm và suốt đêm nó hành tôi không sao chợp mắt được. Trong nhà, bất cứ xó xỉnh nào nó cũng luồn vào gậm nhấm, cái gì không ăn được thì nó cắn xé nát, ngay cái cây con tôi vừa trồng hể nhú lên là nó cắn đứt. Con chuột chỉ nhỉnh hơn cái cán dao mà nó phá tôi quá lắm, tôi không sao trừ được nó. Tất cả các thứ bầy cũng không sao đánh lừa nổi nó, mỗi mắc vào nó chén hết mà bầy không sập, thế mới tức! Có buổi sáng, tôi đang ngồi làm việc, văn chương đang lúc dâng trào thì nó rón rén bò đến ngay chân bàn, giương đôi mắt lác láo nhìn tôi vênh váo. Khi tôi đứng dậy, nó vụt biến mất... Trần nhà tôi là cái trần làm bằng cốt ép trải qua bốn chục năm hơn nay đã thâm sì lại và mục nát, vậy mà ban đêm chuột cứ rúc rích trên ấy rồi như là chúng liên hoan hay hội thảo gì đó, chạy rầm rầm cãi nhau chí chöhe, tôi phải lấy cây sào chọc lên trần mấy cái, nhưng cũng chỉ im im một lát rồi lại đầu vào đấy...

Tôi từng được nghe người nào đó đã nói rằng: “Trong cuộc chiến

giữa loài người và loài chuột thì loài chuột đại thắng và loài người đại bại . Bởi bằng cách mấy anh cũng thua loài chuột. Chuột là giống tinh khôn nhất trần đời. Thuở xưa, các cụ ta đã vẽ bức tranh “đám cưới chuột”, cũng ngựa anh đi trước, vồng nàng theo sau, cũng cò quạt, biễn lọng, cũng có những chú chuột già cầm cầm bó hương đi đầu, cũng những anh chuột nhỏ lẳng xăng theo sau. Nhưng đặc biệt là một chú chuột đôi mắt sắc sảo râu ria vênh lên điệu bộ lém lỉnh, tay xách con cá chép to, trước nó là chú mèo ngồi chờ. Nó đang làm cái công việc mà bây giờ con người vẫn làm là: hối lộ. Chú mèo nhận hối lộ sẽ bỏ qua cho đám cưới chuột đi qua, tiền mãi lộ đã nhét vào túi rồi thì có gì mà chẳng nhắm mắt làm ngơ...

Có anh chàng dắt xe đạp chuyên bán rong các đồ lặt vặt: xích chó, khoá xe, dây dù, bơm ga bật lửa và các loại bẫy chuột thường đi qua cửa nhà tôi Chính anh ta đã gạ bán cho tôi cái bẫy chuột quảng cáo là bẫy đó thuộc diện ISO mấy nghìn, mấy nghìn đó, đã được quốc tế công nhận. Tôi mua về và không sao nhử được con chuột nhà tôi, nó cứ nhờn như không. Hôm sau tôi gọi anh ta lại, đưa trả anh ta cái đồ vô dụng kia. Anh ta nhăn nhăn cười: “Chuột nhà ông quả là cú cáo, có khi nó thành tinh rồi...”. Rồi gã đưa cho tôi mấy ống thuốc bả chuột của Tàu. Tôi nói kháy: “Này, sao hôm qua anh bảo bẫy chuột của anh được dán mác Idô Idiéc mấy nghìn, mấy vạn kia mà?” – “Quảng cáo mà ông, sao ông thật thà thế. Thôi ông cầm hai ống uống Tàu này, cháu khuyên mại ông...”

Tôi lấy một ống thuốc, hỏi cách thức sử dụng rồi cầm về. Tối hôm ấy, tôi lẳng lặng bẻ ống thuốc tẩm vào con cá nướng thơm phức, con chuột ma giáo này nhất định phải chết...

Sáng sớm hôm sau, tôi vừa tỉnh giấc đã nghe tiếng chửi the thé bên bà hàng xóm, bà ta chửi đứ đũa nào vô lương tâm, đánh bả chết con mèo khoang, giống ngoại nhưng nuôi nội của bà. Con mèo vừa đẹp vừa ngoan, đêm nào cũng chui vào nằm trong chăn của bà. Vậy mà lúc gà gáy, chỉ loáng cái mà về lẩn ra chết. Mèo nhà bà toàn ăn thịt cá, giò chả làm sao mà chết được. Hẳn có đứ đũa khốn nạn nào, đứ đũa mất dạy nào đã giết chết nó, toàn bọn vô lương tâm, cấp to hay cấp bé cũng vậy mà mèo nhà bà có ăn tàn ăn hại gì nhà nó đâu? Mà nó nõ lòng nào như thế. Cái bà hàng xóm của tôi là một mụ ác bá nhất trong khu phố này, người mẹ khệ nệ, đi chân chữ bát, hai mông đít cứ xẹo xẹo hất bên này lại hất bên kia, mặt mũi vênh áo, gặp ai cũng chỉ đợi người ta chào trước, không chào thì mụ nhỏ phì như rắn hổ mang. Mụ chửi đến khiếp, ý hằn mụ nghi nhà tôi đã đánh bả chết mèo của mụ, con mèo yêu, con mèo quý, nửa nội nửa ngoại của mụ.

Của đáng tội cũng tại con mèo nhà mụ vốn ăn tham lại thèm của lạ, chứ đâu phải đói khát. Nó cứ trèo sang nhà tôi, chui vào bếp lục lọi, ăn vụng. Có đêm nó cạy nôi cá kho ăn chán rồi hất đổ tung tóe, có hôm nó rình bên nhà tôi, lừa lúc tôi sơ hở, nó đớp luôn miếng thịt lợn vừa mua về chưa kịp làm, cắn miếng thịt biến luôn. Nhưng với con chuột thì nó lờ đi y như con mèo trong tranh tết dân gian của làng Đông Hồ, coi chuột là tình bạn hữu nghị lâu đời, đã vừa ký hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau. Con chuột chạy qua mõm nó, nó cũng mặc kệ, mắt lim dim, coi như không thấy không biết, không nghe... Trời sinh ra mèo để mà bắt chuột mà nó không bắt thì nó làm gì? Nghề của nó là nghề rình ăn vụng của hàng xóm sao? Như vậy là trong nhà tôi có hai tên khùng bố quốc tế: tên chuột và tên mèo. Con cá nướng để đánh bả chuột, con mèo nhảy sang chén nhẩn, để đến nỗi chỉ kịp bò được về nhà là lăn ra chết. Và bây giờ bà chủ nó đang đọc điều vãn cho nó. Giá như con mèo yêu, mèo quý của bà chỉ chuyên đi lòng bắt chuột thì đâu đến nỗi phải bỏ mạng? Giống chuột là giống đại tinh khôn, nó không ăn phải bả tằm trong con cá nướng, con mèo của bà lại khù khờ, ngu đần nên mới đến nỗi thế. Con mèo đáng thương kia phải chết vì ăn phải bả dành cho chuột. Chắc nó nghĩ đơn giản rằng con chuột có phá thì phá ở nhà tôi, chứ có phá phách gì bên nhà nó mà nó phải quan tâm, nó sang đây cốt để ăn vụng mà thôi, ăn vụng mà không chùi sạch mép, chết là phải!

Anh chàng bán bẫy chuột có lẽ cảm cảnh cho nỗi chịu đựng của tôi, nên một hôm đi qua đưa cho tôi mấy cái bẫy mới, nhỏ thôi nhưng nhạy hơn, hình bán nguyệt, nghe nói đây là sáng kiến của nông dân Thái Bình, chẳng có ai công nhận Idô Idiéc gì hết. Anh ta gạ bán rẻ cho tôi: bốn cái năm nghìn đồng, lẽ ra anh phải bán hai nghìn một cái. Anh tập huấn cho tôi cách thức đặt bẫy, gài bẫy và bảo đảm với tôi thể nào con chuột của tôi dù tinh ranh đến mấy cũng bị sa bẫy. Chẳng còn cách nào, tôi đành cầm bốn cái bẫy về, sau khi chi cho anh năm nghìn đồng chẵn. Buổi tối, tôi lẳng lặng mắc mồi và đặt bốn cái bẫy ở các hướng mà con chuột hay đi lại. Quả nhiên, sáng hôm sau, con chuột ranh con bị kẹp đúng đầu, máu me toe toét, hai con mắt lòi ra và cái đầu bẹp dí. Ha ha... tôi reo lên. Chuột dù khôn ranh đến đâu cũng không thể bằng con người. Người là giống sinh vật cao cấp thượng đẳng với trí tuệ thông minh tuyệt vời, có thể đập mây, cưỡi gió, bay lên tận mặt trăng và tới các hành tinh xa xôi. Người còn chế tạo ra vô vàn máy móc tinh vi siêu hạng, có thể chỉ ngồi một chỗ mà trò chuyện với toàn thể giới, đang phóng xe máy cũng có thể “alô alô” nói chuyện, dặn dò vợ con hay bồ bịch, hẹn hò nhau đi karôkê

hay quán nhậu, đến quán “Bò tùng xẻo” hay quán thịt chó v.v... Con người còn, cứ ngồi ngay ở bàn giấy mà nghĩ ra đủ trò ma mãnh để móc túi thiên hạ hay tiền công quỹ, để xây nhà xây cửa, ăn tiêu xả láng mà vẫn bịt được miệng mọi người, chẳng cần biết trời biển là gì... Con người giỏi giang hơn loài chuột nhưng lại có nhược điểm lớn là lòng tham lam cực độ, vì quá tham lam nên mới thành bệnh tham nhũng hay tham ô. Vì quá tham nên mới sinh ra lý thuyết của kẻ mạnh, lợi dụng sức mạnh của mình mà lấn chiếm, mà bắt nạt nước khác hay dân tộc khác, sắc tộc khác, nuốt từng tấc đất, từng hải lý, chủ quyền của người khác gây nên bao cảnh giết chóc, đầu rơi máu chảy... Lại cũng vì tham ăn, tham uống và thêm khát đến mức ăn tiệt chén hết những kẻ thù của loài chuột: mèo và rắn, kể cả chó nữa. Có biết bao nhiêu quán thịt chó, quán tiểu hổ (tức là thịt mèo), biết bao nhiêu quán thịt rắn “phong độ”. Kẻ thù mà bị loài người giết hại thì tất nhiên là chuột phải múa râu ăn mừng và càng ra sức phá phách loài người.

Con chuột kẻ thù của tôi bị sập bẫy chết tươi nhưng nỗi mừng vui của tôi không lâu bởi ngay hôm sau lại thấy một con chuột khác xuất hiện, không biết có phải con chuột vừa chết hồi sinh lại hay không? Bởi nó cũng phá phách tôi không thua con trước. Buổi tối, tôi lại phải giương bốn cái bẫy ra chống lại và nó cũng bị tiêu diệt y như đêm trước. Nhưng rồi lại con khác mò đến, chúng như thể xếp hàng nối đuôi nhau xông vào nhà tôi, cứ thế, cứ thế... Cuộc chiến tranh giữa tôi, một con người và con chuột không sao ngừng nghỉ, cứ tiếp diễn liên tục, ngày này qua tháng khác...

Niềm mơ ước nhỏ nhoi của tôi là tiêu diệt cho hết loài chuột giống như mọi người đang mơ ước tiêu diệt hết được loài tham nhũng, tham ô. Bao giờ? Vậy đến bao giờ?

Tập truyện ngắn Mai Ngữ

Nước lên

Nước vẫn lên, ngày càng lớn. Những dòng nước đục ngầu cuộn cuộn đổ về, những bụi tre đã bị chìm đến nửa thân, những mái nhà lút dần lút dần. Bà đứng một mình, tay bám vào thân tre, ướt lướt thướt, tay ôm bụng chửa. Làng xóm vắng, chẳng có một bóng người, chẳng ai nghe thấy tiếng kêu cứu của bà hay là tiếng kêu nhỏ nhoi ấy

bị. tiếng gió, tiếng nước chảy ào ào lấp hết. Trời xám nhờ nhờ, những cuộn mây đen quay cuồng. Nhìn đâu cũng thấy nước, nước mênh mông. Những cây cột điện bên đường cái bị nước ngâm ngả nghiêng, xác một con trâu chết trướng lên to và đen trôi vật vờ. Và trong cái đám mung lung hỗn loạn ấy bà thấy cái bè chuối, trên bè một người đang cố sức chèo chống, tiến về phía bà. Đúng ông ấy rồi, vẫn quần phục hần hoi, lại đeo cái ba lô to tướng, lưng thắt túi gạo. Bà hốt hoảng giơ cánh tay vẫy. Ông ấy cũng vẫy vẫy, nhưng khoảng cách giữa hai người cứ xa dần. Rồi bất ngờ cái bè chuối lật ngược, ông ấy rơi xuống nước. Cái mũ cối lật ngửa nổi lênh bênh, quay tít, chỉ còn thấy cánh tay của ông ấy giơ lên khỏi mặt nước chới vờ. Lại một con nước tràn đến, cánh tay mất hẳn. Bà hét lên:

- Anh Trường...

Đúng lúc ấy chợt nghe tiếng gọi của cô con gái ở dưới nhà, tiếng léo xéo làm bà tỉnh giấc: “Mẹ ơi mẹ ơi...” Bà vội ngồi dậy, lại tiếng gọi: “Mẹ ơi mẹ dậy chưa?” – “Dậy rồi đây...”. Cô con gái bước lên mấy bậc cầu thang nói với:

- Mẹ ơi, con đi làm đây. Có nửa cái bánh mì với túi sữa, con để ở bàn ăn. Lát nữa mẹ dậy ăn...

- Được rồi, con cứ đi đi... À mà khi về nhớ xin cho mẹ mấy cái hộp giấy...

- Vâng, con sẽ đem về... Con đã dọn lại phòng dưới nhà, quét sạch sẽ, lát nữa các bác ấy đến làm...

- Được rồi...

Bà Trường đứng lên quán lại mớ tóc đã lựa thưa và bạc rồi bà ngồi thừ ra trong khi dưới nhà cô con gái mở cửa sắt, lát sau nghe tiếng xe máy nổ. Con bé đi làm rồi... Bà vẫn chưa hết bàng hoàng về giấc mơ vừa rồi. Bà lại trông thấy ông ấy, ông ấy đứng trên cái bè chuối gọi bà rồi ông ấy chìm xuống nước, bà chẳng làm gì được để cứu ông ấy. Bà cứ đứng đó hai tay ôm cái bụng chửa.

Ngày đó bà đang có mang đứa con gái lớn, chị con Hương này. Bây giờ nó đã có chồng con rồi. Ngày ấy bà sống bên nhà chồng ở Từ Sơn, vào cái năm 1971, đê sông Đuống vỡ, cả một vùng bên kia sông nước tràn ngập mênh mông. Làng của bà cũng bị chìm, ông cụ bố chồng và cậu em chồng phải đưa bà chạy lên đê rồi hai cha con lại quay về nhà chống đỡ với nước. Cả làng, đàn bà trẻ con sống trên đê, vẫy gọi máy bay trực thăng của chính phủ thả bánh mì xuống. Cây cầu sông Đuống rung rinh như sắp bị cuốn trôi, người ta kéo mấy toa tàu chở đầy đá nằm trên đê lên. Năm ấy, ông ấy vừa từ Quảng Trị về vội phóng xe đạp đến sông Đuống rồi gửi xe ngoài ấy,

đi đò về làng. Sau đó lại đóng bè chuối vào nhà. Mấy cha con đánh vật với nước cứu thóc lúa, cứu con gà con lợn phải bê chúng ngự trên cao, nước tràn vào mấp mé cái án thư thờ cúng tổ tiên. May nước đến đó thì ngừng lại. Ông bố chồng nói với con trai: “Thôi con hãy đưa nó ra Hà Nội tình hình này chưa biết bao giờ nước mới rút, vợ mày lại đang có thai, lội nước không được...”. Chiều sẩm hôm ấy, ông mới đưa được bà ra Hà Nội, vẫn cái xe đạp cộc cạch đèo nhau. Rồi ông ấy đưa bà vào ở tạm trong trạm khách của đơn vị. Thu xếp cho vợ xong xuôi, ông ấy lại lộn về làng dọn dẹp... Bà cứ nhìn ông ấy nhột nhột vì ngâm nước, môi tím tái, mặt mũi bơ phờ mà thương. Ba năm sau bà sinh thêm con Hương chưa đầy năm thì ông ấy lại vào chiến trường Trị Thiên, lần này ông đi và không bao giờ trở lại nữa. Ông thành liệt sĩ và bà là vợ liệt sĩ...

Bà Trường đang ăn dở mẩu bánh mì thì có tiếng gọi. Bà vội thừa và ra mở cửa, ba bà trong tổ phụ nữ kéo đến. Mỗi bà xách thêm mấy túi quần áo vừa quyên góp, có bà còn đem cả mấy cái hộp giấy cứng. Bà Trường mời cả vào rồi định đi pha nước.

Bà Tần xoa tay: “Thôi thôi, nước nôi gì, bọn này không uống nước chè. Ta làm đi...” Mỗi bà ngồi một góc chiếu, tất cả những gói quần áo quyên góp tối qua, cô con gái đã thu gom lại. Bà Trường bảo: “Thế này nhé, các bà cứ lôi tất ra, sắp xếp lại chần màn để riêng, quần áo người lớn để riêng, trẻ con để riêng rồi ta soát lại cái nào dùng được hẵng gửi đi, cái nào cũ quá để lại...!” Bà Vi thêm: “Gửi giúp đồng bào bị lụt thì cũng cho nó hẵn hoi... Hôm nay nhà bà Quý đem đến mấy cái quần cũ, tôi không nhận, quần cũ của bà ấy thì ai dám mặc... Lại thêm cả xì líp coóc xê nữa thế có quái không, nhà giàu nứt đổ đổ vách ra mà toàn thải những của làm giẻ lau cho người ta...”

Bốn bà vừa làm vừa trò chuyện. Chợt bà Sâm hỏi: “Sáng nay sao trông bà Trường có vẻ mệt?”. Bà Trường ngẩng lên: “Đêm qua tôi nằm mơ, sợ quá... Toàn nước là nước, cứ mênh mông mênh mông, chẳng thấy đâu là bờ. Tôi thấy ông nhà tôi chìm ngụp dưới nước, muốn nhảy xuống kéo ông ấy lên mà chân tay cứ bủn rủn...”. Bà Sâm kéo đồng quần áo sang bên: “Chắc là tối qua bà xem trên ti vi thấy cảnh lũ lụt ở miền Trung nên đêm ngủ mới nằm mê.” - “Vâng tối qua tôi với con cháu Hương ngồi soạn quần áo quyên góp đến khuya, vào nằm vừa chợp mắt là thấy toàn cảnh lũ lụt... Nghĩ mà thương đồng bào trong ấy. Xưa kia tôi đã bị vào cảnh ấy mới thấy sợ...”. Cả bốn bà vừa làm vừa trò chuyện. Bà Sâm lại nói: “Hôm nọ tôi đi với bà Tần vào nhà ông Sự quyên tiền. Ông ấy rút tờ năm nghìn. Tôi bảo:

Ông ơi, miền Trung hàng trăm năm nay mới bị cảnh lụt này, ông nên chia sẻ với đồng bào, ông nghĩ sao mà lại đóng góp có năm nghìn. Rồi danh sách chúng tôi phải báo cáo lên phường lên quận, ông không sợ người ta chê cười à? Ông ấy nhìn tôi và bảo: Thấy nói là tùy tâm... Rồi nghĩ thế nào, ông ấy vào buồng lấy ra tờ năm chục nghìn, thế mới phải chứ?". Bà ấy cũng góp chuyện: "Xem như nhà cô Thức, chồng liệt sĩ con ốm nằm viện ba tháng rồi cô ấy thì tối nào cũng đi quét rác ngoài đường, công nhân vệ sinh môi trường mà. Vậy mà tôi vào, cô ấy mở tủ ra đưa cho tôi cúng năm chục nghìn. Tôi thấy mà rớt nước mắt đành phải nhận...". Bà khác lại đế vào: "Nhà bà Quy vừa xây cái nhà ba tầng, vậy mà ném cho tôi toan loại quần áo như giẻ rách. Tôi không nhận, về nhà con bé nhà tôi nói bảo: Sao mẹ không nhận, mẹ cứ nhận rồi gói vào tờ báo đem lại cho bà ấy và bảo. Tôi thay mặt đồng bào lũ lụt cảm ơn lòng tốt của bà nhưng tôi đem nộp người ta không nhận bảo xe vận tải phải chở thứ khác... Nó bảo tôi thế đấy các bà ạ...". Bà Trường ngẩng lên: "Không nhận thì thôi việc gì phải nói ác với người ta...".

Những thứ quyền góp của cả khối mà các bà đang soạn lại ấy toàn đồ tốt, nguyên mấy bộ quần áo rét chưa mặc, lại cả chăn màn cũng còn mới. Tấm lòng, phải đây là những tấm lòng của các bà các chị giống như tấm lòng người hậu phương hướng ra tiền tuyến xưa kia. Mấy bà ngồi đây toàn những bà phải sống bằng đồng lương hưu còm cõi của chồng hoặc của mình. Bà Trường thì đến đồng lương hưu của chồng cũng không có vì ông ấy là liệt sĩ hăm năm nay, mình bà chạy vạy nuôi con, hai đứa con, có đứa còn chẳng nhớ mặt cha. Đồng tiền có bao giờ dư dật, mua mớ rau cũng phải tính, may mà cả hai con đều đi làm, mỗi tháng cho bà một hai trăm nghìn. Bà chỉ có điều tự hào duy nhất an ủi bà: nghèo nhưng trong sạch, con cái ngoan ngoãn, biết yêu thương

Bốn bà đang lúi húi thì tiếng chuông ngoài cửa gắt lên. Lâu nay bà Trường vốn sợ tiếng chuông bấm, có hôm đang ăn cơm tiếng chuông làm cho bà giật thót đánh rơi cả bát đĩa. Tim bà vốn yếu cả xóm ai cũng biết nên vào nhà bà ít người bấm chuông, chỉ đứng ngoài mà gọi ơi ới. Bà Trường đứng lên ra mở cửa. Một bà bước vào, to mập, quần áo đúng mốt, gương mặt kiêu hãnh. Chẳng thềm chào hỏi ai, bà hỏi trống không: "Thế nào xong chưa để tôi lấy xe con đưa lên quận. Các anh ấy dặn...". Bà Trường hỏi lại: "Các anh nào?" Người kia hơi sững sờ, vội tươi cười dàn hoà: "Các anh trên quận ấy mà... Thế mà bà phải hỏi, các anh rất quan tâm đến khối ta. Các bà chịu khó quá nhỉ, khi nào đóng gói xong nhớ bảo tôi đấy...". Nói rồi bà

quay quả bước đi có vẻ bận rộn lắm. Bà Trường quay lại chỗ ngồi, khẽ nói:

- Cái bà này rõ là, lúc nào hể mở miệng là “các anh ấy” nào ai biết các anh ấy là ai?

Một bà hỏi:

- Thế bà ấy có đóng góp nhiều không?

- Bảo là đã đóng góp trên quận rồi...

- Còn quần áo?

Bà Trường lắc đầu:

- Tối qua tôi sang nhà, bà ấy lục tủ lòi ra toàn những váy áo, váy ngắn váy dài sặc sỡ, xanh xanh đỏ đỏ đứng ngấm một lát rồi bảo: những thứ này gửi vào vùng lũ lụt không dùng được, của tôi toàn đồ sịn cả đấy bác ạ. Thôi tối nay tôi đợi cháu nó soạn lại rồi tôi đưa sang bác, vậy mà chẳng thấy gì hết...

Bà Sâm dễ dàng:

- Hồi này vận động bầu cử xem ra bà ấy có vẻ gần gũi với chị em mình. Trước kia đi chẳng chào, về chẳng hỏi người đâu mà tiệt lời.

- Có gì đâu, bà ấy công tác trên quận, kỳ này được giới thiệu ứng cử Hội đồng nhân dân nên tỏ vẻ đi sát quần chúng kiểm cái phiếu bầu...

Bà Vy nói:

- Tôi là tôi đã quyết định rồi, dứt khoát là tôi không có bầu cho bà ta. Trẻ con trong ngõ cứ gọi bà ấy là nữ quái. Ôi chào, chiếm dụng đất công rồi xây nhà hai cái nhà bán một cái, nói thác rằng cho bà chị ở nhà, nhờ vả gì, không có mấy chục cây vàng thì làm sao lọt vào được mà ở nhờ... Mà ở trên đâu có biết hay có biết cũng lờ đi, thế là êm, nay lại ra làm ứng cử viên, hay thật... Mà bà không bầu, chúng ta không bầu thì nơi khác, khối khác, phường khác họ đâu có biết, họ cứ bầu, thấy trên giới thiệu là người ta bầu.

Bà Sâm sốt ruột xua tay:

- Thôi thôi, xin các bà, các bà dù không bầu, bà ta vẫn trúng cử, có vậy thôi... Ta soạn nốt những thứ này rồi còn đóng gói gửi đi... Chiều nay làm xong, sáng mai tôi thuê xích lô chở lên phường, thế là hoàn thành... Mà cũng có dịp này chị em mình mới được ngồi lâu với nhau, các bà nhỉ!

- Phải, bà nói phải, sáng mai ta cứ thuê xe gửi đi, khỏi cần cái xe ô tô của ai hết, rồi người ta lại nhập những thành tích của họ. Của người phúc ta, tôi còn lạ gì...

Không hiểu sao mấy bà đều tỏ ý không ưa gì cái bà cán bộ quận kia, người đàn bà mới ngoài năm mươi, ăn diện nhất khối này và cũng làm về đài các nhất khối này. Bà Trường vừa làm vừa ngẫm nghĩ,

thân phận bà ta cũng chẳng ra sao, trông người thì thấy có mẽ mà chồng lại chê, nó bỏ đi với con khác, nuôi được thằng con lớn lên cũng chẳng ra sao, lêu lổng và đờ đóm, cộng ăn việc làm không có hay có mà nó chẳng chịu làm. Vậy mà mỗi lần họp phụ nữ, bà ta hay lên giọng răn dạy người khác. Thật lạ!

Chiều hôm ấy chỉ còn bà Sâm đến nhà bà Trường, hai bà kia xin kiểu bạn cháu, về sau thêm hai mẹ con bà Khâm. Cô con gái được nghỉ bù, nhanh nhẩu chạy đi mua cuộn dây buộc và cuộn bang dính khổ rộng, thêm thép giấy học trò. Cô đóng gói rất thạo, hòm nào cũng vuông vắn, chắc chắn, dán lên mỗi hòm tờ giấy viết dòng chữ đậm: Chi hội PN Khối... Hàng ủng hộ đồng bào miền Trung bị lũ lụt! Khi ra về, mấy bà đứng sững ngắm nhìn hơn hai chục cái hòm, cái hộp bìa cứng được đóng gói cẩn thận, được chằng buộc, được dán giấy ghi rõ ràng, những cái hòm xếp đầy nửa gian bà Trường. Đó là công sức, là tấm lòng của các bà mấy hôm nay chia sẻ với bà con bị nạn. Bà Sâm bước ra cửa còn nhắc lại:

- Nhớ tám giờ sáng mai, tôi thuê xích lô vào đây rồi tôi với bà theo xe lên phường...

Sáng hôm sau, chiếc xe xích lô chở đầy những hòm giấy cùng với hai bà đạp xe đạp ra đi. Tới đầu ngõ thì gặp đúng ngay bà cán bộ quận đang đứng mua xăng, bà nhanh nhẩu:

- Đã bảo các bác cứ ở nhà, em lên quận điều xe ô tô về chuyển lên chỗ các anh ấy... Các anh ấy dặn...

Bà Sâm cắt ngang:

- Cảm ơn bà, chúng tôi chờ lên Hội phụ nữ phường bây giờ đây...
- Ờ hay, sao lại chờ lên phường, lên quận chứ? Các anh ấy đã dặn...
Mà thuê xích lô thế này tiền đâu, ai chi?

Bà Trường nhẹ nhàng:

- Bà khỏi lo, chúng tôi lấy tiền riêng trả, không lấy vào tiền quyền góp đâu ạ. Mà chúng tôi đã hợp đồng với các chị trên phường rồi, các chị ấy hẹn sáng nay... Chỉ có điều cả ngày hôm qua đợi mãi chẳng thấy bà đem quần áo sang, đến nhà thì bà đi vắng...

Bà cán bộ phân bua:

- Em đã nộp tất tậ lên quận rồi, cả tiền, cả quần áo. Các anh ấy biết cả...

Rồi bà cụt hứng nhảy lên chiếc xe máy Chaly lùn tịt ve ve chạy trên đường phố đông người. Bà Sâm lẩm bẩm: “Cứ mở miệng là “các anh ấy, các anh ấy dặn, các anh ấy bảo, các anh ấy hỏi. Cứ vậy có khi chẳng có anh nào, bà ta cứ phịa ra để dọa người ta...”.

Bà Trường trèo lên xe đạp nghe bà Sâm nói gì đấy hỏi:

- Bà vừa bảo sao?
- Ấy là tôi nghĩ không hiểu trước khi bà ấy đi ngủ có được các anh dặn gì không?
- Cái bà này, già rồi còn nói nhảm! Bà Trường phì cười, đập theo chiếc xích lô. Ông già chờ hàng đợi hai bà đến mới nói: “Tôi tưởng các bà chờ hàng gì, chứ hàng này thì tôi không lấy tiền xe đâu... Tôi nghèo, có chút ít góp với bà con. Được không, hai bà...?”. Rồi ông mỉm cười đập đi. Chiếc xe ngất ngùng những hòm giấy, hộp giấy ngất ngư khuất dần ngay ngã tư. Hai người đàn bà ngẩn người nhìn ông già, rồi vội vã đập theo...

Tập truyện ngắn Mai Ngữ

Người đàn bà ngủ trong rừng

Người đàn ông đứng dậy từ biệt ra về thì vừa đúng chín giờ tối. Vào giờ này ngoài thành phố còn rầm rập người đi lại, xe cộ đầy đường, trai gái kéo nhau đến Câu lạc bộ nghe ca nhạc hoặc đến rạp chiếu phim. Vậy mà ở đây đêm tối mù mịt, sương mù bay lờn vờn trong gió rét. Mảnh trăng hạ tuần nhòe nhoẹt trên đầu dãy núi đá phía xa.

Người đàn ông nguyên là chủ nhân của ngôi nhà sàn, bắt tay anh trưởng bản, không phải là một ông già râu tóc như ta thường thấy trên màn hình mà là một thanh niên trạc ba mươi tuổi, đội mũ biên phòng, áo bông biên phòng, giày vải cao cổ, chỉ hiện đại có chiếc quần bò đã cũ, cồng trên lưng thằng con trai bốn năm tuổi đang ngủ, hai bố con về trước, sau khi quay lại nói:

- Hôm nào rảnh mời cô sang nhà cháu, ngay gần am Ni cô thôi, gần mà...

Người đàn ông nhìn theo trưởng bản, rồi nói:

- Cậu này tốt bụng lắm chị ạ. Đi nghĩa vụ trên biên giới mới về hai năm nay rồi lắm trưởng bản. Tiến bộ lắm giúp ai là giúp thật lòng, chị cần gì cứ đến bảo cậu ta... Chị bảo cháu Vượng nó đưa đến.. À, mai nếu nắng ráo, cháu Vượng nó đưa chị đi thăm khắp vùng, lên chùa rồi xuống am Ni cô, có cô sư nữ xinh đẹp lắm.

Nữ chủ nhân mới về, hỏi:

- Vậy sáng mai anh vào Nha Trang ngay sao?

- Chưa, tôi còn làm ngoài Hà Nội vài việc, rồi bay vào Buôn Mê Thuộc kiểm tra mấy lô cà phê, hồ tiêu cũng mất cả tuần. Sau đó mới

vào Nha Trang, tôi đã gọi điện cho hai mẹ con trong đó rồi... Bây giờ tôi coi như bàn giao xong ngôi nhà sàn này cho chị. Trước kia tôi định kinh doanh du lịch nhưng không đủ sức, hết ngoài Bắc lại vào Đắc Lắc rồi Nha Trang, không thể kham được, vợ con không chịu ra, chị bảo làm sao?

Người đàn bà nói:

- Tôi mua ngôi nhà sàn này của anh vì tôi thích chứ không hề nghĩ đến việc kinh doanh. Thằng con tôi nó cũng chỉ đá gà đá vịt đến đây thôi chứ học xong nó lấy vợ, hai vợ chồng nó chẳng bao giờ về ở đây đâu.

Chiếc taxi chở người đàn ông và con trai chị rời khu núi rừng vắng vẻ này trở về thành phố.

Người đàn bà quay lại thấy cô gái giúp việc đã dọn dẹp xong gian nhà sàn, hũ rượu cần được rửa sạch đặt vào cạnh bếp lửa và mấy cái mẹt cao chân đựng cơm lam với thịt nướng cũng được bỏ ra ngoài. Chị ngồi bên bếp lửa đang tàn với cô gái:

- Vượng này - chị nói - ngày mai cháu đưa cô lên chùa trên nhá, sau ta xuống am Ni cô. Mai cần đi chợ không?

- Chẳng phải đi chợ cô ạ, thức ăn hãy còn cháu để cả trong tủ lạnh, rau thì đầy ngoài vườn, có ai ăn đâu. Mai cháu đưa cô đi, mai là hai mươi âm, chắc vắng người đến lễ. Cô đi nghỉ đi. Chăn nệm của cô, cháu đã rũ rồi.

Chị lặng lẽ nhìn cô gái giúp việc người mà chủ nhân cũ đã bàn giao lại cho chị cùng với ngôi nhà sàn và các tiện nghi khác. Vùng này mới mắc điện sau khi được tỉnh đầu tư làm khu du lịch sinh thái. Du khách có thể đến đây tắm nước nóng thăm cảnh chùa, ngôi chùa cổ có từ mấy trăm năm nay rồi vào tham quan rừng quốc gia có hàng mấy trăm loài thực vật và động vật.

Đêm nay là đêm đầu tiên chị ngủ ở đây trong ngôi nhà sàn này, ngôi nhà được chủ nhân thiết kế vừa dân dã vừa hiện đại, làm toàn bằng loại gỗ tốt, những ván bưng và sàn nhà. Bếp lửa không đặt chính giữa nhà mà về gian cạnh. Ngôi đây có thể bao quát khắp dãy núi đá vôi phía đông, những dải rừng già và rừng tre trúc. Chị nhấp chén nước do cô hầu gái đưa tới.

Buổi tối diễn ra rất nhanh. Đấng, người chủ cũ của ngôi nhà sàn vừa bán cho chị đem lên mấy túi thịt bò nướng, túi mực khô, ở đây chị chuẩn bị thêm mấy ống cơm lam và vò rượu cần. Họ uống với nhau suốt buổi tối, rượu cần càng uống càng la đà cùng với món nhắm.

Anh trưởng bản cũng xách đến cân thịt lợn rừng. Bữa tiệc hoang dã làm vui cho mọi người và chị cảm thấy đã lâu lắm chị mới được

hưởng thú vui trong cái thung lũng nhỏ bé này. Rồi con trai chị sẽ chở lên bằng tắcxi mấy hòm sách của chị. Chị sẽ sống ở đây, nghiền ngẫm những cuốn sách mà chị yêu thích nhưng ở thành phố chẳng có khi nào giờ ra đọc được. Người đàn bà ngủ đêm đầu tiên trong rừng.

Trong ngôi nhà sàn đẹp đẽ mà chị đã mua lại. Con trai chị năm nay học năm cuối khoa Du lịch trường Đại học Mở. Thành bé lanh lẹn và cởi mở khác hẳn tính cha nó. Năm ngoái nó đã được mấy chuyến đưa khách du lịch đi khắp nơi. Nó đã lên đây và đã gặp chủ nhân của ngôi nhà sàn này. Ông ta dựng ngôi nhà với ý định kinh doanh du lịch, một ngôi nhà đẹp, nhà sàn nhưng lợp ngói với nội thất khá hoàn hảo. Nó rất mê và khi nghe chủ nhân nói ông ta có ý muốn bán bởi ông ta sống có một mình. Ở đây còn bao nhiêu cơ sở khác cần trông nom, mấy héc ta cà phê và hồ tiêu ở Đắc Lắc rồi cả cơ sở chế biến cá tặn Nha Trang. Vợ ông và cô con gái đang sống trong đó, cô gái học nghề thủy hải sản, còn mẹ thì dạy ở trường. Vậy nên tuy rất thích ngôi nhà mà ông đã bỏ nhiều công sức xây dựng, ông không kham nổi. Con trai chị về nhà nói với mẹ, thoát đầu chị lưỡng lự. Lên sống trong vùng rừng núi đó ư? Mặc dù vào mùa thu, mùa hè hay mùa xuân có từng đoàn du khách lũ hành đến đây, mặc dù vào dịp lễ hội, dân làng mở mấy ngày liên, khách các nơi đến rất đông và tháng nào cũng có đoàn Phật tử đến lễ trên ngôi chùa cổ bao quanh bởi những hàng thông. Rồi nghe nói cũng có nhóm mấy chục người từ kinh thành về đây cùng với ông thầy của mình đến để học thuật trường sinh, họ ở đó hàng tháng trời, trọ ở nhà dân, cơm nước đều thuê dân nấu.

Cậu con trai thuyết phục mẹ và chị đã dùng số vàng mà mẹ chị vừa bán ngôi biệt thự ở Quán Thánh chia cho các con. Ngôi nhà sàn cực rẻ, chị chỉ bỏ ra hơn chục cây vàng là mua được. Chủ nhân của nó cũng là người sỏi lỏi. Ông ta để lại hết nội thất cho chị, tuy nội thất chẳng có gì nhiều nhận. Trên nhà sàn, không có giường ghế chỉ trải nệm chiếu và mấy cái bàn thấp. Nhà được thiết kế đẹp, gầm sàn không cao lắm, đủ để xe cộ, trong là nhà tắm nhà vệ sinh, bồn nước bằng i-nốc treo cao đủ nước dùng cho bếp và toa lét. Trên nhà gian giữa là nơi tiếp khách gian bên có bếp lửa trông ra dãy núi đá vôi phía xa. Ngồi đó có thể nhìn thấy con đường nhỏ đi lên ngôi chùa cổ, chân núi là am Ni cô rồi bản làng lấp ló dưới những lùm cây. Ngôi nhà nằm giữa mảnh đất khá rộng phía trước trồng toàn hoa một rặng hoa ban sát bên lối hàng rào ngăn. Lối vào nhà được xếp những tảng đá phẳng giống như ngôi nhà của Nhật cả cổng vào cũng thiết kế

theo kiểu Nhật. Ngoài đường nhìn vào đã thấy mê. Phía sau nhà là khu vườn rộng trồng rau và các loại cây ăn quả, những gốc vải thấp loà soà, những gốc cam mà chủ nhân chỉ trồng cho đẹp chứ không có ý lấy quả. Mấy cây táo, nhót lá bạc biếc sà cành xuống đầu người. Ngôi nhà được mắc điện, có máy bơm nước từ giếng khoan, nước trong như nước máy ngoài thành phố. Suối nước nóng gần đó có thể nhìn thấy nước phun ra từ khe đá và khói bốc là là như sương...

Chỉ qua một đêm ngủ trong ngôi nhà sàn, lòng chị thư thái hẳn, yên tĩnh hẳn, không còn gợn chút băn khoăn không nghe tiếng còi xe máy, tiếng động cơ xe hơi tiếng ồn ào của những người hàng xóm, chỉ có mình chị với trời đất rừng núi. Vẳng nghe tiếng chổi tre quét ở ngoài lối vào nhà chắc là cô gái giúp việc đang đưa những nhát chổi vun những lá khô đêm qua rơi đầy trên lối đi. Một cô gái phúc hậu, chân chất và nghèo. Gia đình cô ngay trong bản, giáp am Ni cô, chắc cũng xóm với anh chàng trưởng bản tối qua.

Chị đứng bên cửa sổ nhà sàn ngắm nhìn cảnh vật trước mặt. Trên đỉnh núi nhuộm một màu vàng nhạt của nắng sớm. Mùa thu sắp qua và những cơn gió lạnh luôn lách qua dãy núi làm những vòm lá đu đưa. Cô gái giúp việc đã quét xong lối đi, ngẩng lên nhìn chị với nụ cười cởi mở, gió lạnh làm gò má cô rục lên. Chị khoác thêm tấm áo ấm, xuống cầu thang bước ra ngoài nhà sàn. Một bóng áo nâu đi lướt qua cổng, đó có lẽ là sư nữ trụ trì ở am Ni cô. Nhà sư đi đáng điệu hơi tập tễnh như bị vấp ngã hay bị tật. Bóng áo nâu khuất dần sau lùm cây. Nhà sư đi đâu mà sớm vậy. Sương đêm còn đọng trên lá cỏ và những bụi hồng. Chị quay lại đi lên nhà sàn. Người ở gái đã sắp sẵn món điểm tâm, hai quả trứng gà và một ly sữa. Tối qua chị đã dặn thư vậy. Chị ngồi xuống sàn nhà trên cái đệm cỏ, lặng lẽ ăn uống.

Người hầu gái hỏi:

- Sáng nay cô có vào núi không ạ?

- Ờ ờ... - chị lơ đãng trả lời.

- Nếu đi thì lát nữa có nắng hấy đi, bây giờ sương lạnh lắm cô ạ.

Chị mỉm cười gật đầu. Giọng nói của người con gái rất nhẹ nhàng, âu yếm làm chị cảm động. Ở đây chỉ có hai cô cháu chẳng còn ai khác Chị hỏi:

- Cháu có hay ra am lễ không?

- Dạ, có, tuần rằm mồng một nào cháu cũng đi. Trong am chỉ có ni cô và một bà giúp việc. Trên chùa cô sư cụ với dăm ba sư ông và chú tiểu. Ở đây vắng vẻ lắm, chắc cô buồn, khác với ngoài Hà Nội cô nhỉ?

- Cháu có ra Hà Nội bao giờ chưa?

- Có, một lần chuyến ấy chú Đăng có xe ra, chú ấy cho cháu ra chơi từ sáng đến chiều, hồi ấy cô ấy với em Minh còn ở ngoài này. Bây giờ vào miền Nam cả rồi...

Cô gái đứng lên:

- Thôi bây giờ cháu đi chợ...

- Thức ăn hôm qua hãy còn mà...

- Nhưng chỉ ăn buổi trưa là hết. Ngày mai chẳng còn gì cả. Cô thích ăn gì cháu mua?

- Cháu ăn gì thì cô ăn nấy. Có cá khô cháu mua vài lạng ăn dần, cô thích ăn cá khô...

- Vâng, cá khô vùng này hiếm lắm mà có thì đắt hơn ngoài thành phố. Cô ở nhà cháu đi khoảng gần trưa cháu về nấu cơm. Cô muốn lên chùa chiều nay cô cháu ta cùng đi...

Cô gái vào trong bếp cầm cái túi đi xuống cầu thang. Mình chị ngồi lại trong ngôi nhà sàn vắng vẻ.

Chị sinh ra trong một gia đình khá giả ở Hà Nội. Khi xưa, mẹ chị có cửa hàng vải ở phố Hàng Đào, cha chị làm nghề thầu khoán. Nguyên mấy vụ buôn bán dây thép gai và xây công sự cho quân đội Pháp thời kỳ bị chiếm đóng khiến ông giàu hẳn lên và tậu được ngôi nhà ở phố Quán Thánh. Năm Năm Tự, ông và bà vợ quyết định bán cửa hàng tơ lụa ở Hàng Đào và thu xếp đưa con cái di cư. Ông không dám ở lại sợ Việt Minh tính sổ việc xây lô cốt cho quân đội Pháp, mặc dù về lý lẽ ông không làm thì sẽ có bao nhà thầu không xông vào nhận. Nhưng dù sao cũng là tiếp tay cho giặc. Ai đời bố xây lô cốt cho giặc, còn đưa con trai đầu của ông lại chỉ huy bộ đội xông vào đánh, thế là hai bố con đánh lẫn nhau. Ông sợ, muốn di cư vào Nam nhưng lại nghĩ đến đứa con trai đã theo Việt Minh từ ngày đầu nổ súng. Sau ngày tiếp quản thủ đô, hai vợ chồng nán ná chờ con, cuối cùng thì ở lại với bao nỗi lo âu và phấp phỏng. Đứa con không trở về giấy báo tử ghi rõ con ông bà hy sinh trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Gia đình ông là gia đình liệt sĩ, chẳng lẽ lại ra đi?

Rồi cũng không ai đã động tới chuyện ông thầu xây đồn bốt cho Pháp. Nhưng ông vẫn lo, nỗi lo gặm nhấm ông nhất là khi cải tạo tư sản. Lo quá đến sinh bệnh và qua đời. Ngôi biệt thự của ông còn nguyên vẹn cho tới ngày một hợp tác xã may thuê ở tầng dưới. Bốn đứa con ông vẫn tiếp tục đi học nhưng cũng chỉ đến hết cấp ba thì chuyển thi vào trung cấp rồi tự chung mảy mò học lên đại học. Cha chị qua đời, người mẹ tham gia may trong hợp tác xã và nuôi bốn người con hai gái hai trai. Năm ấy bà cũng trạc tuổi chị bây giờ, thời

kỳ chiến tranh bao nhiêu là khó khăn gạo sỗ, vải phiếu, thịt tem... Rồi sơ tán, mỗi người một nơi, đưa theo trường, đưa theo cơ quan xí nghiệp và mẹ vẫn sống với người con gái út làm việc bên cái cái bàn may trong ngôi nhà cổ. Năm ấy chị đã đi làm trong xí nghiệp in, sau đó chị lấy chồng người chồng là kỹ thuật viên về máy móc. Lần lượt các em đều lấy chồng lấy vợ, trừ chị, còn tất cả đều sống chung trong ngôi nhà của cha mẹ, mỗi cặp ở một phòng. Cách đây chừng ba năm, mẹ chị đòi được tầng dưới của hợp tác xã may mặc, thực ra cái hợp tác xã này cũng đã giải thể nhưng họ vẫn muốn chiếm nhà. Mẹ chị, khi thu hồi được toàn bộ ngôi nhà, bán rồi chia cho các con, mỗi người một phần, bà cũng một phần, anh chị nào cũng đều mua nhà riêng, mẹ chị cũng có căn hộ riêng, ngày chủ nhật các con về đoàn tụ với bà. Nhờ món vàng được chia, chị đã có thể mua được ngôi nhà sàn này cộng với căn hộ mà chị và con trai chị đang sống.

Người đàn bà đã ngoài năm mươi tuổi trải qua một cuộc đời tưởng là bình dị mà đầy nỗi niềm. Người chồng cũ của chị mất khi đưa con gái được năm tuổi vì mắc một căn bệnh hiểm nghèo, kết thúc sự đau đớn vật vã, nằm liệt hai năm trời, hết ở bệnh viện lại về nhà. Người vợ tận tụy chăm sóc chồng tuy biết anh không thể sống được. Chị đã làm tròn chức phận của người vợ cộng với lòng thương chồng. Tình yêu ư? Chị lấy anh không hẳn vì tình yêu, chị lấy anh bởi lúc đó chị cần lấy chồng, cần một chỗ dựa về chính trị và tinh thần. Lúc ấy cuộc cải tạo tư sản đang diễn ra, cha chị đi đâu cũng phải cúi mặt xuống vì nhưng cái nhìn của hàng phố, về nhà cũng len lét sợ sệt... Ở nhà, chị là con dâu, làm sao cùng với mẹ chia sẻ được nỗi mất mát và gồng mình lên để nuôi ba em ăn học. Trên tường hình ảnh người anh trai được lồng trong chiếc khung lín viền đen lặng lẽ nhìn mẹ và các em. Người mẹ ngày càng hốc hác, cùng với cô gái lớn, nhận lạc vò mậu dịch về bóc lấy mấy hào công mỗi ngày. Hết bóc lạc lại nhận hộp giấy về bồi dán. Rồi bà góp mấy khâu vào làm trong hợp tác xã thuê ở tầng dưới. Chủ nhiệm hợp tác xã nguyên là ông thợ may đồ tây thời trước thông cảm với hoàn cảnh của bà vui lòng chấp nhận. Mãi sau này, khi ông qua đời, chủ nhiệm mới lên đã xoay sở, ỳ ra không chịu trả lại nhà bà. Hợp đồng thuê hai năm vậy mà hai mươi lăm sau, hợp tác xã rệu rã, công việc chẳng có, các xã viên bỏ đi gần hết, ông ta vẫn cứ ôm lấy và đòi bà phải trả mấy chục cây vàng mới chịu đi. Bà phải nhờ cậy đến toà án thành phố căn nhà hoàn toàn về với người chủ cũ. Lấy lại được nhà, lập tức bà muốn bán. Bốn người con cùng với dâu rể cũng tán thành với mẹ và sẵn sàng ký vào văn tự bán nhà cùng với mẹ...

Có bà dì, em ruột của mẹ chị sống bên Pháp. Bà sang đó từ mấy chục năm qua, lấy chồng rồi goá chồng. Bà về thăm quê hương và ngỏ ý muốn nhận đứa con gái chị, đưa nó sang học ở Pháp bởi bà không con. Mẹ chị hỏi chị, thoát đầu chị không ưng thuận nhưng sau chị nghĩ đến tương lai của con, chị bằng lòng. Đứa con gái mới năm tuổi vẫn sống với bà ngoại bởi chị đã tái giá, lấy một người đàn ông mà chị cũng chẳng có tình yêu. Anh ta hơn chị mấy tuổi, mới đầu nói chưa vợ nhưng về sau chị mới rõ anh ta đã có vợ ở quê, thành danh ngoài thành phố anh không thể sống với bà vợ quê mùa lại già tuổi hơn mình, anh đã là người thành phố, ăn diện vào mới chỉ xóa đi chút ít về quê kệch nhưng cách nói năng và ứng xử thì vẫn nguyên như thế.

Hai người sống với nhau được dăm năm và chị có được đứa con trai. Đứa con gái riêng của anh ở nhà quê tháng tháng vẫn ra Hà Nội buộc bố phải đưa tiền cho nó và mẹ nó. Cuộc sống của chị giống như địa ngục bởi người chồng giữ tiền, chi tiêu đến mức quá tiết kiệm. Khi nào anh ta sống ở nhà cả tháng thì đưa tiền cho chị cả tháng, y như người ăn cơm tháng. Chị làm sao sống nổi, nhiều ngày chị không nấu cơm cho ăn mà anh chồng cũng không dám ra tiệm ăn, cứ mua gói mì tôm dội nước sôi vào và sì sụp giống như anh lực điền. Họ chia tay nhau. Bây giờ anh chồng đã bỏ vào miền Nam, hy vọng tìm được người phụ nữ nào đó mà anh ta ưa thích lại giàu có. Đứa con trai của chị lớn lên, học hành không giỏi giang lắm nên hết trung học, chị xin cho nó vào học ở khoa Du lịch một trường đại học dân lập. Thành bé giống bố ở cái tính khôn ranh và chi ly. Học sang năm thứ hai nó đã biết cách làm ăn bằng cách nhờ bè bạn cho đi làm thuê các tour du lịch mỗi tour được trả 50 đôla. Vì thế nó đã đưa khách về vùng này và làm quen với ông chủ của ngôi nhà sàn và chấp nhận mua khi ông muốn bán. Nên bây giờ chị về đây, ngủ đêm trong thung lũng này, cái thung lũng bao quanh là núi và rừng. Chị đã thoát được sự ồn ào của cuộc sống đô thị, thoát được mọi nỗi ưu phiền thoát được mọi tranh chấp về đất cát trong khu chung cư của chị, thoát được những đôi mắt hằn học của người hàng xóm bởi chị không cho họ lấn sang đất của mình. Ai cũng kêu gọi đoàn kết nhưng hễ chạm đến quyền lợi mà họ cho là của họ thì lại tranh giành nhau, cắn xé nhau rồi đưa nhau ra cửa công mà anh nào cũng sắp sẵn cái phong bì tiền để đút lót. Chao ôi cuộc sống sao mà mệt mỏi, mà vất vả trong cái cơ chế thị trường này? Người nào cũng nói năng như rồng bay phượng múa mà chi ly như lão hà tiện chỉ thích nuốt của người khác dù là một tẹo đất bằng bàn tay...

Mãi quả trưa hai cô cháu, chị và cô gái mới đi vào núi. Con đường đã được rải đá rậm cho xe đi lại được nhưng vào đến chân núi thì hết. Đến đây phải leo lên những bậc đá xếp, con đường ngoằn ngoèo giữa các lùm cây thấp. Chị vào chùa, ngôi chùa cổ mà dấu tích của thời gian chỉ là những chữ Hán viết trên các bức hoành phi, câu đối và những cây đại cổ thụ mọc trên các hốc núi. Từ cổng chùa, chị nhìn rõ cái thung lũng dưới chân và ngôi nhà sàn của chị nhờ mái ngói mới còn tươi. Chị nhìn thấy cái am Ni cô dưới chân núi, cái am nhỏ xíu nằm nép bên lùm cây và gần đó là một rừng hoa nở trắng xóa, một con suối uốn lượn lẫn quất quanh rừng hoa trắng kia. Hoa gì mà nở vào mùa này?

Hai cô cháu rời ngôi chùa cổ xuống núi. Tới cửa am thì họ gặp sư nữ đang quét lá rụng. Một người đàn bà tu hành thon thả cầm chổi tre dài đứng bên gốc đại già. Một gương mặt rất quen, chị rung mình. Cô gái đi trước chấp hai bàn tay lễ phép cúi đầu: “Con chào sư thầy”. Nhà sư cũng chấp hai bàn tay: “A di đà phật, chào con...”. Chị tiến lên và biết chắc không thể lầm, chị kêu lên: “Kìa Thuý, sao lại ở đây?”. Ni cô nhìn lại: “Xin lỗi.. bà là..” “Trâm đây, Thuý không nhận ra sao? “Trâm, Bích Trâm...”. Ni cô hốt hoảng vội vắt cái khăn nâu che kín cổ. Chị chạy lên nắm hai bàn tay nhà sư: “Ồi, sao Thuý lại ở đây, lại đi tu...?”.

Ni cô cúi đầu không nói. Chị quay sang cô gái đang ngạc nhiên: “Vượng ơi, cháu về trước đi, cô ở lại rồi về sau...”. Nhà sư cầm chiếc chổi tre dựa vào gốc cây đại đi vào trong am, Bích Trâm theo sau. Hai người ngồi trên chiếc chiếu trải dưới ban thờ phật. Sư nữ lấy khay nước và ấm ra rót mời khách. Người đàn bà tu hành khi nào cũng cúi đầu lặng lẽ, chị cũng lặng lẽ nhìn theo.

- Bà xơi nước, nhà sư bưng chén nước mời.

- Đừng gọi mình như thế, mình vẫn là Bích Trâm như xưa. Mình hỏi lại, sao Thuý lại đi tu? Tu từ bao giờ. Năm ấy mình nghe Thuý đi Thanh niên xung phong, có phải không?

Sư nữ gật đầu:

- Năm 67, tôi tình nguyện đi thanh niên xung phong. Vào chiến trường Trị Thiên, rồi vào tận Tây Nguyên suốt mấy năm chiến tranh. Sau khi bị thương tôi được ra Bắc điều trị an dưỡng rồi về nhà...

- Thuý bị thương có sao không?

Ni cô lặng lẽ bỏ chiếc khăn nâu lúc nào cũng quàng kín cổ, ở đó những vết sẹo loang lổ sần sùi.

- Tôi bị napan cháy cả ngực, cả cổ. Hồi đó tôi nằm ở Viện điều trị tiền phương, vì bị thương ở chân, chúng nó bay đến và rải bom napan...

Tôi tưởng lần ấy chết cháy may anh em cứu được vết thương nay chỉ còn sẹo. Nhưng thôi bây giờ Trâm sống ra sao? Chồng con vẫn ngoài Hà Nội chứ?

- Mình đã qua hai đời chồng nhưng chẳng ra sao cả. Người chồng thứ nhất qua đời vì ung thư phổi, để lại cho mình đứa con gái. Bây giờ nó sống ở Pháp lấy chồng bên ấy, một cậu người Việt nhưng quốc tịch Pháp, nó cũng vào làng tây, hai con rồi. Hai vợ chồng và con nó cũng có về nước thăm mình. Năm ngoái chúng nó đón mình sang chơi, đưa mình đi gần hết châu Âu, nó giữ lại nhưng mình về. Người chồng thứ hai thì bỏ nhau rồi, anh ta cũng để lại cho mình thằng con trai đang học đại học, chính nó đã mách mình mua ngôi nhà sàn ở đây. Mình muốn về sống ở đây cho yên tĩnh, chẳng biết có trụ nổi không? Gặp Thuý, cứ nhớ lại ngày nào hai đứa còn học ở trường Hàng Cót, bé tí tẹo, vậy mà đã năm mươi năm rồi!

Chị uống cạn chén nước, đăm đăm nhìn bạn. Cô gái hồi nào cùng học với nhau, ngồi cùng bàn với nhau suốt cả thời thơ ấu hết tiểu học lại sang cùng trường Trưng Vương cho hết lớp bảy. Ngày ấy nhà chị ở Hàng Đào sau chuyển về phố Quán Thánh, còn Thuý ở Hàng Phèn, hai cái đuôi tóc ve vẩy bên nhau vậy mà thoát cái, số phận đưa mỗi người đi mỗi nơi. Thuý ra tiền tuyến rồi kết cục sống trong cái am thờ phật này. Chị cũng bươn trải với đời, hai người đàn ông đến với chị, hai đứa con ra đời, bao nhiêu nỗi vất vả, bao nhiêu cảnh ngộ, cái chết thảm hại đến với người chồng trước và mọi nỗi ưu phiền mà người đàn ông thứ hai đem lại cho chị. Hạnh phúc đấy ư? Hạnh phúc là gì? Câu hỏi cứ day dứt chị bao lâu vẫn chưa trả lời được. Bây giờ chị về đây, liệu cuộc đời còn lại của chị có đưa lại hạnh phúc? Còn Thuý, phải chăng những ngày vật lộn giữa cái sống và cái chết ngoài chiến trường là những chuỗi ngày hạnh phúc? Vậy thì tại sao bây giờ Thuý phải ẩn dật về sống nhờ cửa Phật? Phật có đem lại hạnh phúc cho Thuý?

- Năm 75, ni cô nói, tôi về nhà sống với bà cụ được ít năm thì bà cụ mất. Mấy anh chị em vẫn sống trong ngôi nhà ở Hàng Phèn, đưa em sát tôi cứ giục chị lấy chồng nhưng tôi không thể lấy ai được. Trâm thử nghĩ xem thân thể tàn tạ của tôi bị nhiễm chất độc da cam ngoài chiến trường, lấy chồng liệu có sinh ra đứa con nguyên lành? Tôi khước từ tất cả. Một lần tôi đi thăm các chị em, đồng đội của mình hiện đang đi tu ở Thái Bình, tôi nghiệm ra cuộc sống còn lại của mình nên nương nhờ cửa Phật là hơn cả. Tôi được các sư già giới thiệu lên chùa này và sư cụ ở đây chấp nhận cho cắt tóc quy y, cụ giao cho tôi trông nom am thờ này. Mình sống thế này là yên ổn. Trâm ạ

chẳng phiền lụy đến ai. Tháng lĩnh tiền thương tật rồi các em chúng nó gửi lên thêm, đủ sống mà cuộc sống của tôi bây giờ có đòi hỏi gì nhiều?... tôi còn dư tiền giúp đỡ bà con nghèo ở đây...

Nhà sư im lặng một lúc rồi nói tiếp:

- Mình về đây, đã được gần mười năm. Những năm trước vùng này rất vắng vẻ, dân địa phương rất nghèo, trẻ con thất học nhiều. Chúng không có tiền để đi học mà trường thì xa cách đây năm sáu cây số. Bây giờ là một vùng du lịch và nghỉ ngơi, du khách về mùa hè đến đây đông lắm. Người ta ăn uống nghỉ ngơi, tắm nước nóng rồi leo núi nhưng nếu chỉ có thế thì không sao, nhưng nó còn kéo theo nhiều tệ nạn khác, dĩ điểm hút hít, cờ bạc đủ cả. Chẳng biết cái lãi thu được cổ bù được vào sự mất mát ấy không? Đi đâu, mấy ông tỉnh, ông huyện cũng khoe khoang về khu du lịch này... phải, họ thì giàu có lên...

Chị im lặng nhìn gương mặt buồn buồn nhưng thanh khiết của bạn, tự hỏi liệu chị về sống ở đây có yên ổn? Chị như người đang chạy trốn cuộc đời, trốn mọi sự nhiễu nhiễu ngoài kia?

Hiểu được tâm trạng của chị, nhà sư nói:

- Tất cả đều do cái tâm của mình, Trâm ạ. Ở đâu cũng vậy, khi tâm mình yên thì sống ngay giữa chốn phồn hoa mình cũng thấy yên, tâm mà bồn chồn thì ở giữa rừng cũng không yên.

- Cậu còn được nương nhờ cửa Phật mà mình lại ở ngoài đời...

- Không, sống bên đức Phật mà tâm không yên thì sóng gió cuộc đời vẫn len lỏi tới... Mình hàng ngày tụng kinh niệm Phật, ngoài ra cũng có nhiều việc phải làm... Dạy học cho các cháu nghèo thất học cũng là một việc hay nó làm tâm hồn ta dịu đi. Trâm hãy làm đi, tiếp xúc với những cảnh ngộ khó khăn của chúng sinh, mình đỡ băn khoăn day dứt về đời mình.

Buổi chiều sập tối từ lúc nào. Trâm đứng lên ra về. Ra tới cửa am thì gặp anh trưởng bản tới qua đi tới. Vẫn con người ấy với dáng vẻ năng nổ và sởi lởi, vẫn bộ quần áo ấy, bớt cái mũ biên phòng nhưng thêm con chó lực lưỡng chạy quần bên chân. Trưởng bản chào chị và thưa với ni cô:

- Bạch thầy, tối nay con phải xuống xã họp an ninh nên con xin nghỉ học, thưa thầy...

Sư thầy gật đầu:

- Vâng, anh cứ đi họp, tối khác học cũng được...

Ni cô quay nói với chị như khoe:

- Anh trưởng bản đây rất chịu khó học. Trước kia anh ấy đã học hết tiểu học, đi bộ đội học lên cấp hai, về nhà mình đang dạy tiếp cho

anh ấy hết cuối cấp... Còn đây là cô Trâm, bạn học của tôi thời nhỏ. Anh biết chứ?

Người thanh niên gật đầu:

- Con biết ạ, tối qua con cũng được mời đến liên hoan tiễn chú

Đằng... Vậy là cô Trâm lên đây sống với bà con?

- Cũng chưa biết anh ạ... Tôi có thể ở lâu trên này mà cũng có thể về dưới xuôi...

Nhà sư nữ nói với anh:

- Này anh Xuyên này, tôi nghĩ ra rồi. Cô Trâm lên đây nếu chỉ ngồi nhà, cô sẽ buồn lắm. Anh tạo điều kiện cho cô tham gia công tác ở đây. Nhẹ nhàng thôi, như tôi chẳng hạn, cô Trâm dạy cho các cháu nhà nghèo, không có điều kiện đến trường..

Anh trưởng bản kêu lên:

- Ôi dồi... thế thì tốt quá...

Chị lưỡng lự:

- Tôi chưa dạy các cháu bao giờ... chỉ sợ...

Ni cô cầm tay chị:

- Thi tôi cũng chưa bao giờ dạy học, vậy mà làm được. Vui lắm Trâm ạ. Phải có việc mà làm, mà việc công ích. Này nhé, buổi sáng Trâm ra vườn trồng rau trồng hoa, chăm sóc cây quả. Buổi chiều dạy các cháu... Đừng để phí thời gian, cuộc sống có ý nghĩa bắt đầu từ đó, nếu Trâm ở đây không có ý định kinh doanh nhà nghỉ.

Chị lắc đầu:

- Không, chưa bao giờ tôi chưa bao giờ kinh doanh dịch vụ. Già rồi không thể hầu hạ người ta được dù có kiếm được bao nhiêu tiền, mà tiền của làm gì kia chứ...

Anh trưởng bản cười rất to:

- Thế là cô Trâm nhận lời rồi nhé... Đêm qua cháu về nhà nói chuyện về cô với mẹ cháu, mẹ cháu quý cô lắm đấy tuy chưa được gặp cô. Hôm nào mời cô đến chơi với mẹ cháu.

Cuối cùng thì chị nói:

- Hôm nào tôi sẽ thăm bà và chị ấy với các cháu, còn chuyện dạy học, tôi nghĩ nên dạy các cháu ở ngay nhà tôi và nên học vào buổi trưa, buổi chiều tôi sợ ban đêm các cháu đi lại không tiện... Vào khoảng bao nhiêu cháu, anh Xuyên?

- Ôi dồi... học ngay nhà cô thì tốt quá, tôi sẽ bảo các cháu khênh mấy các bàn ghế đến. Học buổi trưa càng tốt, chúng nó cả ngày chăn dê ngoài núi, trưa chúng nó về học rồi chiều lại lên núi xua dê về nhà. Các cháu suốt ngày chăn dê. Ngày xưa mỗi gia đình chỉ vài ba con dê bây giờ có hàng ăn đặc sản họ nhận nên gia đình nuôi dê cũng

bán được. Ôi tốt quá rồi. Chiều mai cháu sẽ huy động người đem bàn ghế đến.

Chị từ biệt ni cô theo anh trống bản đi về nhà. Anh ta vừa đi vừa kể chuyện làng bản gia đình cho chị nghe. Con chó chạy trước rồi rẽ ngoặt vào bụi cây, lại chạy ra đường. Anh trưởng bản bảo con chó này anh xin tận Cao Bằng, bố nó là giống chó miền núi anh hứa sẽ biếu chị một con để nuôi giữ nhà. Chiều sâm sẩm, tiếng bìm bịp hoang dã vùng lên từ hốc núi phía bụi cây phía nhà sàn của chị, mấy con khiêu lãnh lót hót giọng hót đối nhau của chúng làm xao xuyên lòng người. Anh trưởng bản đi thẳng ra khu nhà nghỉ, ở đó anh gặp trạm Công an lấy tình hình, tối nay anh còn lên họp trên xã bàn về công tác an ninh trong vùng.

Chị dừng lại trước cổng nhà, đứng nhìn theo anh con trai dân tộc, vai đeo khẩu súng săn, vừa đi vừa hát nghêu ngao. Con chó xám chạy vụt lên rồi quay ngoắt lại vòng sau lưng anh... Chị nhìn vào nhà, thấy ánh lửa lập lòe trong bếp, bóng cô gái đang cúi húi dưới ánh đèn. Ngôi nhà sàn im lặng, những chùm hoa phía trước đu đưa và tiếng suối xa rì râm, rì rầm.

Chị thở nhẹ nhàng, đẩy cánh cổng đi vào nhà trên những tảng đá xếp thành lối đi.

Tập truyện ngắn Mai Ngữ

Từ miền quê yên tĩnh

Thuỷ bước vào cuộc đời nghệ thuật một cách ngẫu nhiên, vô cùng ngẫu nhiên. Quê hương cô không xa thủ đô, chỉ cách chừng năm chục cây số đường chim bay nhưng lọt thỏm giữa những ngọn đồi thấp, hẻo lánh và khô cằn, lại không có đường cái lớn. Đó là một miền quê yên tĩnh, không hề bị quấy rộn vì không khi thị thành, một miền đất cổ sơ đã gần như bị hoá thạch: ruộng bạc màu ít còn khả năng canh tác, những thửa ruộng khoai, trồng ép chỉ có sinh ra những củ nhỏ và dài như chuôi dao lại đầy xơ. Người dân sinh sống chật vật, chỉ có nghề phụ duy nhất là sử dụng những lưỡi mai nạo hết đất bên trên, xén lượt đá ong phía dưới, đánh thành từng viên đá ong lỗ chỗ màu vàng xỉn to như năm sáu viên gạch xây, nạy lên xếp

vào xe cải tiến đem bán cho các vùng lân cận làm một thứ vật liệu xây tường và xây giếng. Đó là công việc rất nặng nhọc, chỉ có đàn ông trai tráng mới kham nổi. Đầu làng có cái chợ nhỏ họp ngay ngã ba rìa đồi vào buổi chiều để dân làng mua bán mớ tép, giỏ cua hay mớ cám, mớ rau lang cho lợn. Về mùa đông, có những gánh rau cải củ già mà nhà nào cũng về đem ướp muối ăn quanh năm...

Quê hương của Thuỷ chẳng có thứ đặc sản nào ngoài sự yên tĩnh đến hiu hắt, nhìn quanh chỉ thấy những ngọn đồi trồng bạch đàn thân gầy guộc và mốc trắng với những chùm lá phát phơ như lá liễu.

Ngoài bìa làng có một dòng sông nhỏ, dòng sông cũng hiu hắt kẹp giữa hai bờ đồi cao với những khóm tre cần trút lá xuống mặt sông, vài con thuyền cũng nhỏ nhoi như con sông thơ thẩn buông câu thả lưới, vét lên những chú cá gáy và mỏng như lá liễu.

Thuỷ sinh ra và lớn lên tại một miền quê như vậy nên chưa bao giờ, khi còn sống ở làng, cô gái lại có thể nghĩ rằng một ngày nào đó cô bỏ chốn này ra đi đến nơi đô hội và bước vào cuộc đời nghệ sĩ, một cuộc đời mà cho đến lúc này cô vẫn chưa hiểu hết ý nghĩa của nó. Ngay cả cha mẹ cô cũng vậy, mặc dù cha cô giữ chức Trưởng phòng Văn hoá của huyện, cũng chỉ nghĩ được rằng sau này gia đình cố gắng lắm cũng chỉ có thể tạo điều kiện cho cô trở thành một cô giáo làng, một cô thú y hay cán bộ chăn nuôi của hợp tác xã nông nghiệp. Bà mẹ đơn giản hơn, chỉ mong sao con khôn lớn kiếm được một người chồng cùng làng, cùng huyện nhà chồng ít người và bà mẹ chồng mát tính thì tốt quá rồi...

Nói chung ước mơ của họ chưa bao giờ vượt qua những ngọn đồi thấp và cần cỗi bao quanh, chưa vượt qua dòng sông nhỏ, hắt hiu ngoài làng. Thế nhưng số phận cô gái lại rẽ ngoặt theo con đường khác lạ, vô cùng khác lạ chẳng ai kể cả bản thân cô ngờ tới...

Đó là thời kỳ mà Mỹ đe dọa sẽ đẩy xã hội miền Bắc Việt Nam về “thời kỳ đồ đá”. Những phi đội phản lực cơ của Hoa Kỳ ào ạt đánh phá vào những thành phố, thị xã, những khu công nghiệp vừa được hình thành ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa, những trục đường cùng những cầu cống, bến phà... Chiến tranh ngày càng lan rộng và tự nhiên cái miền quê yên tĩnh và hẻo lánh xa các trục đường giao thông của Thuỷ trở thành nơi tập trung các trường học từ thành phố sơ tán về. Lúc đó, Thuỷ vừa kết thúc chương trình cấp 2 phổ thông và đang băn khoăn xem có nên thi cấp 3 hay thi vào một trường trung cấp nào đó của tỉnh? Ngày ấy, Thuỷ cũng như đám bè bạn của cô biết rành rọt đặc điểm sơ tán của các trường nghệ thuật, trường Múa, trường Nhạc và trường Mỹ thuật thì đóng ngay ở làng. Những

trường sơ tán này đã đem đến miền quê cái không khí náo động bởi số người, số học sinh, sinh viên cùng với cách thức sinh hoạt hay ngôn ngữ mới lạ của họ. Chợ búa đông và sầm uất hơn, thực phẩm được đưa về dồi dào hơn, tất nhiên giá cả tăng hơn.

Mùa hè, trường Mỹ thuật kết thúc một năm học tập. Nhà trường tổ chức bữa cơm liên hoan chung với lãnh đạo địa phương nơi sơ tán để cảm ơn sự giúp đỡ của họ. Bữa tiệc ấy, phía chủ có Đảng uỷ và Ban giám hiệu, có các cán bộ phụ trách các khoa, các phòng ban; phía khách mời có chủ tịch, bí thư huyện, trưởng phòng Văn hoá huyện, bác sĩ trong bệnh viện, trưởng phòng Giáo dục cùng cán bộ chủ chốt của xã... Ông chủ tịch huyện là người chất phác nói với ông hiệu trưởng khi rượu bắt đầu ngấm, ngà ngà say:

- Nhờ có đợt sơ tán này nên huyện chúng tôi mới có dịp tiếp xúc với các vị nghệ thuật trung ương nhạc, múa lại cả mỹ thuật của các đồng chí... Thử hỏi các huyện nào tập trung được một lực lượng dồi dào như vậy? Nhưng dầu sao cũng là của trung ương, chúng tôi muốn đợt này, các đồng chí cho xuất chuồng... À, xin lỗi, cho ra trường học sinh tốt nghiệp, các đồng chí ưu tiên cho huyện chúng tôi vài ba nhà hoạ sĩ để phục vụ địa phương. Huyện luôn có hội nghị, có cả tỉnh xuống dự, chúng tôi cần người làm trang trí hội trường, kẻ khẩu hiệu, hoạ chân dung lãnh tụ... Mà cái lão truyền thần ngoài phố huyện chém đất lắm, không có không xong, chẳng lẽ hội trường lại trống trơn... Lần này dứt khoát là các đồng chí phải cho chúng tôi người đấy... Nào xin ngoắc tay.. Các đồng chí cần gì, chúng tôi xin phục vụ chu đáo.

Hiệu trưởng cũng say vội chìa ngón tay ra:

- Được thôi... gì chứ người thì chúng tôi không thiếu, mỗi khoá đào tạo dăm chục hoạ sĩ, chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho huyện ta hai cậu, một hoạ sĩ, một điêu khắc, được chưa? Muốn vẽ tranh có người vẽ, muốn nặn tượng có người nặn...

Bí thư huyện uỷ cũng gật gù, duy có trưởng phòng Tổ chức là còn tỉnh táo, vội đỡ lời thủ trưởng:

- Thưa các đồng chí, điều này xin để tổ chức chúng tôi lo liệu. Khoá này thì hơi khó vì chúng tôi đã có dự kiến phân công công tác rồi và đã báo cáo lên Bộ... Với lại tôi sợ rằng cấp huyện hình như không có hoạ sĩ trong biên chế thì phải?

Ông chủ tịch huyện ngơ ngẩn và quay hỏi ông Trưởng phòng Văn hoá huyện ngồi đối diện:

- Này, đồng chí Bàn, phòng Văn hoá của ta không có biên chế hoạ sĩ à?

- Vâng đúng thế! Trên Ty cũng chỉ có một biên chế là họa sĩ thôi, còn dưới cấp phòng chúng tôi tất cả đều kiêm nhiệm...

Bí thư hiệu uỷ ngó gương mặt của ông chủ tịch huyện đang vui bồng thuôn ra, vội xua tay:

- Xin các đồng chí cứ yên tâm khi chúng tôi còn sơ tán ở địa phương các đồng chí các đồng chí có công việc gì về mỹ thuật, các đồng chí cứ sai bảo, nhà trường sẽ điều các em học sinh sinh viên đến phục vụ không dám nhận tiền bồi dưỡng... Chúng tôi dự kiến dịp nghỉ hè tới sẽ cho học sinh đi thực tế ngay tại huyện ta, các em sẽ đi khắp các xã trong huyện vẽ tranh cổ động sản xuất và chiến đấu, rồi các đồng chí sẽ thấy chỉ qua vụ thu hoạch chiêm màu này, quang cảnh của huyện ta sẽ hoàn toàn đổi thay. Còn nếu các đồng chí có nhu cầu, nhà trường chúng tôi sẽ ưu tiên đào tạo cho địa phương mấy học sinh trong đợt tuyển sinh này, các đồng chí cử các em đi học rồi lại về phục vụ địa phương, khỏi phải mất kinh phí hay biên chế, đó cũng là chủ trương đường lối của Đảng, đường lối văn nghệ phục vụ công nông binh.

Các vị khách địa phương tươi tỉnh hẳn lên, ôi thế thì còn gì bằng?

Mọi người vỗ tay rào rào, lại nâng chén, lại chúc tụng và cạn chén.

Rượu quê quả là thơm ngon...

Ông Bàn, trưởng phòng Văn hoá huyện ngồi bên trưởng phòng Tổ chức của trường, chợt nghĩ ra, ghé tai hỏi:

- Bác Thành này, nếu học ở trường ta thì phải có bằng cấp lớp mấy mới thi vào được ạ?

- Hết cấp 2 thì thi vào hệ trung cấp, còn vào Cao đẳng phải tốt nghiệp lớp Mười...

- May quá, tôi có con cháu út vừa thi hết cấp 2 xong.

- Cháu có biết vẽ không?

- Tôi cũng chẳng rõ, đi làm trên huyện cả ngày chẳng còn thì giờ chú ý đến con cái nữa... Nhà tôi ở sát trường các bác đây, giá cháu nó được vào học thi tốt quá...

Trưởng phòng Tổ chức rất nhiệt thành:

- Thôi được rồi, nếu bác có ý cho cháu vào học trung cấp mỹ thuật tại trường chúng tôi, tôi sẽ cho mấy em học sinh của trường đến luyện thi cho cháu mấy tháng hè... Bác chuẩn bị hồ sơ cho cháu rồi nộp cho tôi. Đồng chí bí thư của chúng tôi vừa nói: Ưu tiên địa phương mà. Bác vừa là huyện lại vừa là xã, thừa tiêu chuẩn cho cháu thi vào. Mà chúng tôi hứa với bác là sẽ tạo điều kiện cho cháu trúng tuyển...

- Trăm sự nhờ bác giúp đỡ...

- Bác cứ yên tâm... chúng tôi đã hứa là trăm phần trăm... Nói thật với

bác chứ đợt tuyển sinh năm nay cũng khó khăn gay go lắm... Chiến tranh ngày càng ác liệt, lấy đâu cán bộ đi tuyển sinh tận các tỉnh khu Bốn, ngay học sinh Hà Nội mọi khoá gặt ra không hết, năm nay cũng ít đứa nào chịu về tận đây học. Chỉ tiêu Bộ cho năm chục mà đến nay chúng tôi mới nhận được chưa đầy hai chục đơn xin thi vào... Thiếu nhiều lắm bác ơi, vì thế tôi bảo bác cứ yên tâm.

Thêm là con gái ông trưởng phòng Văn hoá huyện có cái tên là Đậu, Nguyễn Thị Đậu vì cô sinh năm Đậu (1958) nghiêm nhiên trở thành học sinh hệ trung cấp trường mỹ thuật. Khi vào trường, cô đổi tên là Thanh Thuỷ... Sở dĩ tôi biết rõ sự tình vì chính tôi là Thành, trưởng phòng Tổ chức của nhà trường, người đã được ngồi uống rượu trong bữa liên hoan cuối năm đó. Sau bữa tiệc ngà ngà ấy, tôi đã thực hiện đúng lời hứa hẹn với ông Trưởng phòng văn hoá huyện, tìm cách thu xếp cho con gái ông lọt qua kỳ thi tuyển sinh một cách dễ dàng bởi cô được nhiều chiếu cố, nào là người địa phương, nào đào tạo theo yêu cầu của địa phương, không chiếm chỗ trong tiêu chuẩn tuyển sinh mà Bộ giao cho. Với lại cô gái cũng chỉ học ở trường, sau bốn năm lại về địa phương công tác, cán bộ tổ chức như tôi đỡ phải làm khâu sắp xếp bố trí công tác...

Ba năm đầu, nhà trường vẫn ở nơi sơ tán, sang năm thứ tư, khi Mỹ buộc phải ngừng oanh tạc miền Bắc, trường chúng tôi cũng như các trường sơ tán khác đều lục tục kéo về thành phố và một năm nữa trôi qua rất nhanh. Khoá học kết thúc, học sinh tốt nghiệp được phân công công tác ở các nơi, các cơ quan có nhu cầu đều nhận đủ người cần thiết. Lúc đó, công việc của tôi bận tít tít, đây là thời gian giành hết cho cán bộ tổ chức nhà trường, trưởng phòng lại càng bận hơn, tôi phải rà lại hết sổ học, sinh trung cấp vừa tốt nghiệp, sinh viên cao đẳng phải một năm nữa mới ra trường. Và khi xem lại hồ sơ của cô học sinh tên là Thanh Thuỷ tôi mới chợt nhớ tới cô gái người địa phương nơi sơ tán cũ. Dễ thôi, cô sẽ được điều động về ngay cái huyện của cô bởi cô được đào tạo theo yêu cầu của địa phương, địa phương trang trải kinh phí học tập và tất nhiên phải trả người của họ về. Tôi làm quyết định phân công cho Thuỷ. Và tôi rất ngạc nhiên thấy cô không chịu nhận quyết định, cô giống như nhiều học sinh khác chỉ muốn ở lại thành phố, theo họ phải sống và làm việc ở nơi này mới phát triển được tài năng nghệ thuật. Tôi buộc lòng phải nói lại cho cô hiểu lý do tại sao, cách đây bốn năm, cô được nhận vào trường với sự châm chước tối đa khi tuyển. Và tôi cũng nói cả sự cam kết của lãnh đạo huyện với nhà trường, rằng tiền cô ăn học từng ấy năm trời là do địa phương đóng góp, chúng tôi không có quyền

điều động cô đi nơi khác. Tôi kể lại cho cô nghe về lời hứa của bản thân tôi với cha cô trong bữa tiệc rượu năm ấy. Tôi nói thêm về viễn cảnh nơi quê hương cô về chủ nghĩa xã hội đang được xây dựng ngày càng vững mạnh ở nông thôn và cô nên đem tài năng, nếu quả thực cô có tài năng, về phục vụ cho bà con mình... Vội lại, chiến tranh đã chấm dứt, Tổ quốc đã thống nhất hoà bình vĩnh viễn, rồi đây nông thôn sẽ theo kịp thành thị, mọi thứ tiện nghi trong nhà đều có đủ, đời sống nhân dân ngày càng cao, nhu cầu về văn hoá ngày càng lớn. Tôi nói rất say sưa, tưởng như cái viễn ảnh huy hoàng kia đang hiển hiện ra trước mắt vậy...

Sú biện luận đầy tình nghĩa của tôi đã làm cho cô gái chưa đầy hai mươi tuổi xúc động và nhận quyết định công tác. Tôi nghĩ sự việc đến đây là kết thúc tốt đẹp...

Một tháng sau, tôi lại thấy Thanh Thuỷ đến trường xin gặp tôi, cô nói:

- Thưa bác, cháu đã đưa quyết định của trường về huyện nhưng các bác ở huyện không nhận. Các bác ấy nói: huyện không có biên chế hoạ sĩ...

- Sao cô không gặp bác chủ tịch?

- Thưa bác, bác chủ tịch trước đã về hưu, còn bác chủ tịch mới không cho gặp. Bác ấy nhắn cháu cứ về nhà, thỉnh thoảng huyện có công việc gì cần làm thì cho gọi, hết việc lại nghỉ. Như vậy là cháu không có biên chế, không có lương, không có cả tem phiếu sổ gạo...

- Sao cô không lên Ty Văn hoá tỉnh xem họ có cần hoạ sĩ không?

Dạ, cháu có nhờ người hỏi họ nhưng trên Ty bảo họ chỉ lấy Cao đẳng, không lấy Trung cấp...

- Thế bố cô không giúp gì được cho cô sao?

Cô gái cúi đầu:

- Thưa bác, bố cháu về hưu hai năm nay rồi... Bố cháu cũng chẳng giúp được gì cho cháu, chỉ bảo cháu lên đây nhờ cậy các bác nhà trường giải quyết cho cháu... Bác cứ phân công cho cháu ở Hà Nội cũng được...

Tôi kêu lên:

- Cũng được? Cô tưởng về Hà Nội dễ dàng lắm sao? Ai cũng muốn về Hà Nội, chẳng ai chịu đi các tỉnh? Cô muốn đi đâu, về đâu, trước hết nơi ấy đánh công văn xin đích danh cô. Lại còn việc nhập hộ khẩu nữa, giá như cô có hộ khẩu Hà Nội thì còn dễ, đằng này... Mà cơ quan nào muốn nhận cô cũng phải có chỉ tiêu hộ khẩu, rắc rối lắm cô bé ơi, ngay tôi định đưa bà vợ tôi ở quê ra đây cũng đang kẹt.

Cô gái cúi đầu nghe tôi nói và chỉ nhắc lại:

- Bố cháu nói trăm sự nhờ bác giúp đỡ... Cháu không thể về quê

được nữa. Giá như huyện nhận cháu, cháu cũng không về, về làm gì thừa bác? Bố cháu chỉ mong bác giúp đỡ...

Cô nhắc đi nhắc lại câu ấy, tôi thở hắt ra:

- Tất nhiên là tôi phải giúp cô, trăm sự cũng tại tôi. Tự nguyên tự lành, tôi đưa cô vào học trường này rồi chẳng lẽ lại bỏ rơi cô bé? Mà các vị ở địa phương cũng bốc lên trong bữa tiệc rượu rồi quên bồng mất, nay đến việc lại duỗi ra. Giá là con cái các vị thì lại khác hoặc các vị còn đương chức đương quyền, đảng này đã về hưu ráo cả, cái gánh nặng trút lên đầu thằng tôi đây...

Tôi lặng lẽ ngắm dung nhan cô học trò của tôi, lần đầu tiên tôi để ý đến cô, cô cũng trạc tuổi con gái lớn của tôi. Thuỷ không đẹp, một cô gái quê đang bị pha tạp bởi lối sống thành thị từ cách ăn mặc, đi đứng nói năng. Khuôn mặt Thuỷ nhìn lâu có những nét khá độc đáo so với các cô gái khác, đặc biệt là đôi mắt, đôi mắt đen và dài, hơi xếch lên trông vừa thơ dại vừa ngồ ngệ giống như mắt loài nai. Và khóe miệng lúc nào cũng he hé, nửa như cười nửa như không, nụ cười vu vơ chẳng rõ rệt. Đôi mắt và khóe miệng ấy tạo cho gương mặt cô gái một vẻ bí ẩn, ngây ngây như người thiếu sự cân bằng trong hệ thần kinh...

Tôi ngắm nghĩ rồi nói với cô gái đang đứng sững cúi đầu trước bàn tôi:

- Bây giờ cô cứ về nhà. Tôi hứa sẽ hết sức giúp cô có công ăn việc làm chu đáo nhưng phải đợi xem nơi nào có nhu cầu xin người. Mà nếu cô xem cơ quan nào xin cô bảo họ gửi công văn cho tôi, tôi sẽ làm quyết định sớm để cô làm việc... Bây giờ cô nên về nhà, khi nào có quyết định phân công, tôi sẽ gửi công văn về nhà bảo cô lên nhận. Thế nhé...

Tôi hứa với cô gái như vậy nhưng tôi vẫn gặp không ít khó khăn trong việc này, hơn nữa chẳng lẽ một anh trưởng phòng Tổ chức lại cấp cạo đi xin việc cho một cô học sinh trung cấp. Vì vậy thời gian trôi qua mà tôi vẫn chưa giải quyết được việc này và cũng từ ngày đó, tôi không thấy Thuỷ xuất hiện ở trường. Tôi đoán chắc cô đã tìm được một công việc gì đó, ở một nơi nào đó phù hợp, có khi chẳng liên quan gì với nghề thuật hoặc có khi cô đã về quê, sống cuộc đời dân dã với gia đình? Với lại ở trường tôi đã xảy ra bao nhiêu chuyện gọi là đấu tranh nội bộ, ông nọ hắt ông kia, chi bộ hay công đoàn cứ loạn xạ cả lên. Duy có tôi vẫn bình yên vì tôi chẳng thuộc về phe nhóm nào, cũng chẳng có ham hố gì, tôi biết chẳng bao giờ tôi trở thành hiệu trưởng hay hiệu phó làm một anh trưởng phòng Tổ chức đã là quá sức tôi rồi. Nhà cửa vợ con vẫn ở quê, xin mãi không

chuyển ra được Hà Nội đành chịu, con cái cũng vậy, chúng cam chịu là anh nông dân cày cấy vai bừa, chân lấm tay bùn. Tôi cũng mong sao từ giờ đến ngày nghỉ hưu không phạm sai lầm gì là tốt, rồi cũng về quê cùng vợ con. Ôi, làng quê tôi tuy nghèo nhưng lại giàu tình nghĩa.

Tình cờ, rất tình cờ, tôi gặp một anh bạn cũ cùng ở bộ đội về, nay làm công tác tổ chức ở một Ty Ngoại thương tỉnh. Anh phàn nàn với tôi rằng ở tỉnh anh rất cần đẩy mạnh mặt hàng mỹ nghệ xuất khẩu nhưng lại thiếu cán bộ có chuyên trách, có năng khiếu thẩm mỹ để giúp đỡ các hợp tác xã mỹ nghệ thủ công...

Tôi chú ý nghe và hỏi:

- Vậy các anh có cần họa sĩ. Tôi điều cho một người?
- Nếu vậy thì quá tốt.
- Trung cấp được không?
- Được, miễn là có trình độ để chỉ đạo cho thợ thủ công làm hàng.
- Nữ được không?
- Cũng được... Kể ra nam thì tốt hơn vì phải đi xuống các cơ sở nhưng chẳng có thì nữ cũng được, chưa chồng con thì tốt...

Tôi mừng quá vì tôi nhớ đến cô gái học sinh của tôi. Về nhà tôi liền viết giấy mời cô đến trường nhận quyết định công tác về tỉnh X. nhưng chẳng hiểu sao, tôi không thấy Thuỷ đến. Hay là công văn không tới nơi hay cô ta đã có công việc gì rồi nhưng ít ra phải trả lời tôi biết chứ? Lại một thời gian trôi qua, tôi chán nản, thôi thế là lỡ mất thời cơ rồi hỡi cô Thuỷ bé bỏng và thơ dại Một hôm, tôi nhác thấy một cô học sinh cùng khoá Thuỷ, đến trường có việc gì đó? Tôi mời cô bé lên phòng và hỏi thăm về Thuỷ, cô có biết tin tức gì về Thuỷ? Cô học sinh nhìn tôi ngạc nhiên:.

- Ơ, cháu tưởng bác biết chứ nhỉ? Thuỷ có ở quê đâu mà nhận được giấy báo của bác. Nó sống ở ngay Hà Nội từ ngày ấy đến giờ, sao nó không đến bác?

Đến lượt tôi ngạc nhiên:

- Cô Thuỷ sống ở Hà Nội à? Ở nhà ai thế cô?
- Nó ở nhà nó à, ở nhà chồng nó mà!

Lại thêm một sự ngạc nhiên nữa:

- Nhà chồng? Thuỷ lấy chồng rồi lấy hỏi nào vậy? Mà chồng làm gì?
- Vậy ra bác không biết gì thật. Người ta đồn ầm cả lên. Nó lấy ông V. được gần nửa năm nay rồi...
- Ông V. nào?

- Trời ơi, ông V. họa sĩ nổi tiếng cả Hà Nội đều biết. Bác chẳng để ý gì đến giới nghệ sĩ nên bác không biết là phải.

Cô gái nói đúng, tôi đâu phải là nghệ sĩ, chỉ là anh cán bộ tổ chức, chỉ quen biết với bè bạn cùng ngành, cùng lắm là những anh bộ đội cũ cùng chuyển ngành như tôi. Dù sao thì tôi cũng không nên lộ vẻ ngớ ngẩn trước cô học trò cũ, tôi chống:

- Tôi biết chứ... nhưng tôi nghĩ... Tại sao Thuỷ lại lấy ông V. mà sao ông ta lại quen biết và lấy nó? Hiện nay cô ấy làm gì, ở cơ quan nào, cô có biết không?

Cô gái trả lời tôi dè dặt:

- Thừa bác, cháu cũng không rõ tại sao Thuỷ lại quen biết và lấy ông ấy. Chúng cháu tuy cùng học với nhau nhưng cũng chẳng thân nhau lắm, với lại cháu cũng bận công tác, chỉ nghe bè bạn kháo nhau vậy thôi ạ...

Về sau, khi tìm hiểu những giáo viên và đám sinh viên của trường, tôi mới biết con đường đi của cô gái con ông nguyên trưởng phòng Văn hoá huyện trung du ấy, một cô gái quê thuần phác lọt vào môi trường hoàn toàn xa lạ với cô. Rồi cô cố gắng sống thích nghi với nó, hiểu nó một... cách mập mờ. Ròng rã bốn năm trong trường, cô chưa được dạy bảo đến nơi đến chốn, điều gì cũng lơ mờ và cái từ nghệ thuật, nghệ sĩ mỹ miều ấy đến với cô bé như một luồng sáng rực rỡ đến chói mắt khiến cô bé ngây ngất, cô chỉ tơ tưởng đến sự huy hoàng của nó, nên khi nhận quyết định về huyện nhà chán nản đau khổ. Từ chối thị thành trở lại miền quê cô chỉ thấy có màu sắc ảm đạm. Cô hiểu cô không thể nào sống ở đây được dù đó là nơi đã sinh ra cô, đã nuôi dưỡng cô, bây giờ ở đó không còn những vẻ đẹp bình yên chỉ là sự hiu hắt, nhỏ nhoi với những người dân quê chân lấm tay bùn không có chút hiểu biết gì về nghệ thuật để có thể hàng ngày trò chuyện với cô. Khi bị huyện khước từ vì không có biên chế. Thuỷ không buồn trái lại vô cùng vui sướng vì cô đã có cơ để rời xa nơi này như con chim bay càng xa càng tốt. Cũng không nên trách cứ cô gái dù cô làm công việc gì đi nữa thì tiếng gọi nơi đô thị đầy ánh sáng vẫn đủ sức lôi cuốn các cô...

Về Hà Nội, Thuỷ đến ở nhờ nhà một cô bạn gái cùng lớp và hiện chưa nhận quyết định công tác vì không muốn xa Hà Nội. Hai cô rất hợp ý nhau tự tăng bốc nhau và cùng một khát vọng đến cháy bỏng là muốn trở thành một nghệ sĩ lớn ít ra cũng phải là bạn các nghệ sĩ đương đại. Họ tìm mọi cách làm quen với các nhân vật nổi tiếng để được chiêm ngưỡng họ, được ngắm nhìn họ làm việc một cách nghệ sĩ Chính vì thế mà Thuỷ làm quen được với họa sĩ V.

Có lẽ suốt đời Thuỷ không bao giờ quên được buổi tiếp xúc đầu tiên với nhà danh họa. Hai cô gái ngồi khép nép như hải đũa trẻ dễ bảo

nghe hoạ sĩ nói chuyện. Thuỷ chẳng nghe ra điều gì, cô còn mãi ngẩn nhìn ông với lòng ngưỡng mộ kính yêu. Một người đàn ông đứng tuổi có lẽ quá gấp đôi tuổi cô, trán hói, mắt lồi gần như sắp bật ra khỏi tròng, hàm râu chưa cạo lởm chởm và hàm răng vàng khè vì khói thuốc. Ông nói chuyện nhưng đôi mắt cứ chăm chăm vào Thuỷ như sắp vồ lấy Thuỷ. Cô bé càng sợ hãi, càng rúm ró lại và chỉ muốn đứng lên đi ra phố, không bao giờ trở lại ngôi nhà này nữa... Người đầu mà dữ tợn? Nhà danh hoạ bỗng dừng ngừng câu chuyện đôi mắt vẫn không rời cô bé ông ta nói:

- Sáng mai cô đến đây ngồi cho tôi vẽ.

Giọng nói như ra lệnh bất luận người nghe có tuân theo hay không.

Thuỷ bối rối, bụng nghĩ: Mình từ chối, ông ấy làm như là cha chú mình. Mình từ chối. Chủ nhân nhắc lại, lần này giọng điệu mềm hơn:

- Sáng mai, cô nhớ đấy, khoảng chín giờ đến sớm tôi chưa dậy đâu. Mà đừng đến muộn quá, tôi không đợi được. Tôi có ít thời giờ lắm, cô rõ chưa?

Ờ hay, ông ta làm như mình đến xin việc, không không, Thuỷ định lắc đầu từ chối thì lại nghe ông ta nói, mắt vẫn chăm chăm nhìn vào cô:

- Cô có đôi mắt rất lạ... đẹp lắm, mắt nai mà, cô biết không... Vì vậy tôi phải vẽ cô...

Tự nhiên sự cương quyết chối từ của Thuỷ biến tằm, lòng cô cũng mềm xuống bởi cô chưa bao giờ nghe ai nói với cô như vậy, chưa một người đàn ông nào khen cô như vậy, cô gái thật sự xúc động như vừa được ve vuốt lấp bắp:

- Vâng... mai cháu đến...

- Sao lại cháu... Xưng là em, gọi tôi bằng anh... Tôi không ưa ai xưng cháu với tôi trừ những đứa trẻ... Thôi bây giờ hai cô về đi, tôi cần làm việc...

Ông ta chỉ bức tranh đang vẽ dở đặt ở góc nhà bên cái palét nhem nhuốc và những ống sơn ngổn ngang. Rồi chủ nhân đứng dậy coi như kết thúc buổi tiếp khách, tuy nhiên mắt vẫn không rời Thuỷ.

Bạn gái của Thuỷ đứng lên trước, Thuỷ làm theo. Nỗi sợ hãi và xúc động khiến Thuỷ lúng túng, chân như mất thăng bằng trượt ra khỏi chiếc guốc, chiếc guốc cao lênh khênh bị bật mạnh, văng tít vào gậm giường. Thuỷ kêu lên: “ôi” và nhà danh hoạ cũng kêu lên như vậy, kêu to hơn, khàn hơn. Rất nhanh, ông ta văng mình lên sàn gỗ, nhào người đuổi theo chiếc guốc như một thủ thành bắt bóng điệu nghệ. Ông ta nâng chiếc guốc, đặt vào lòng bàn tay rồi ghé miệng thổi phù phù, xong lại kéo vạt áo sơ mi lau thật kỹ càng như lau một

vật trang sức. Sự việc diễn ra quá nhanh, cả hai cô gái trở mắt nhìn và Thuỷ còn hoảng sợ hơn khi chủ nhân tay cầm chiếc guốc bò đến chân cô nâng bàn chân của cô lên lấy lòng tay xoa xoa, ngắm nghía rồi nhẹ nhàng lồng vào chiếc guốc nhựa. Cô gái đứng ngây ra, người cứng nhắc, mãi mãi mới cử động được...

Chủ nhân sắc mặt vẫn tỉnh như không, xoa gối đứng lên đối diện với hai cô gái:

- Tạm biệt nhá... Nhớ sáng mai đến, ông ta nói với Thuỷ.

Suốt đêm ấy, Thuỷ trần trọc, cứ nghĩ mãi về hành động của nha danh hoạ sáng nay. Ít ra mình phải là một người con gái đẹp, lại có tài năng, một nghệ sĩ...

Tuy vậy sáng hôm sau, Thuỷ cũng không dám mạnh dạn đến nhà ông ta như đã hẹn, lại đi một mình. Thuỷ cứ loay quanh hết phố này sang phố khác, đến trước cửa nhà ông ta mấy lần mà không dám vào. Mãi mãi Thuỷ mới mạnh dạn gõ cửa, gõ nho nhỏ thôi và khi nghe tiếng trong phòng: “Cứ vào”, cô gái run lên định bỏ đi rồi cố trấn tĩnh mở cửa bước vào. Đôi chân sao mà run rẩy? Chủ nhân đang nằm trên giường, thấy cô ông ta choàng dậy cau có:

- À sao mãi bây giờ cô mới đến hả?

- Thưa bác, cháu...

Chủ nhân e hèm làm Thuỷ chột nhót:

- Thưa anh... em quên số nhà... phải đi hỏi...

- Thôi, hãy vào đây... à mà cô ăn sáng chưa?

Thuỷ ấp úng không dám nói thật rằng đã từ lâu từ khi lên Hà Nội cô chưa hề biết gì về chuyện ăn quà sáng, cô không có tiền, ngày hai bữa cơm cũng hôm có hôm không. Ngó gương mặt cô gái đỏ lên vì xấu hổ, chủ nhân bảo:

- Chưa ăn thì cứ nói là chưa ăn, cô chưa ăn sáng phải không? Nói thật đi nào? Cô ngồi đợi tôi đi đánh răng rửa mặt rồi ta cùng đi ăn...

Ông ta rút khăn mặt cầm ca nước đựng bàn chải đánh răng và đi ra.

Lát sau ông quay lại vội vã mặc quần áo và cùng đi với cô ra phố, tới một quán hàng ăn, ông ta ân cần nói với cô gái như nói với con mình:

- Cứ ăn cho no, trưa nay không phải nấu cơm, ăn thoải mái, tôi có tiền đây, nhiều tiền...

Ông ta móc túi quần giơ ra một nắm tiền, chìa vào mặt cô gái. Nỗi sợ sệt ban đầu tan đi rất nhanh và Thuỷ thấy tin cậy vào con người cùng ngồi ăn với cô. Chưa bao giờ, cô được ăn những món sang như vậy, thức ăn bày đầy bàn, cái bàn nhỏ, ông ta gấp cho Thuỷ ép cô phải ăn cho hết. Cô gái ăn nhỏ nhẹ và ngắm nhà danh hoạ, ngạc nhiên vì

ông ta hơi dung tục, nhai tóp tép và nuốt vội vã rót rượu vào cái chén cáu bẩn và uống từng hớp. Lát sau, sắc mặt nhà nghệ sĩ sạm lại, đôi mắt đỏ kè giường lên nhìn cô gái. Gần một giờ sau, bữa ăn mới xong, hai người đi về. Dọc đường ông ta im lặng cúi đầu khật khưỡng đi trước, không ngó ngang gì đến cô gái theo sau. Vào nhà, ông ta ném cái áo khoác lên giường quay lại bảo:

- Này, cô châm bếp dầu đun nước mà uống. Bếp kia, nước lã mức trong xô đấy, cô muốn uống chè thì pha, chè trong lọ, ấm trên bàn... Thôi tôi làm việc đây. Đừng quấy rầy tôi nhá...

Cái ông này đến lạ, hẹn mình đến ngồi vẽ mà thế đấy... Có lẽ ông ta quên thật rồi, bởi từ lúc đó ông ta không hề ngẩng lên, cầm cúi bôi bôi quét quét lên bức tranh. Thuỷ nấu nước xong, pha xong trà rót ra mấy cái chén cũng chẳng thấy ông ta ngẩng đầu lên quay về phía cô. Dường như chủ nhân quên mất sự có mặt của cô và cả lời hẹn của ông. Thuỷ lặng im ngồi lên cái ghế thấp, tò mò ngắm ông ta vẽ, ngắm bàn tay rất dẻo đang bôi màu lên tranh, bức tranh hiện dần dần, một cô gái ngồi bắt chéo chân, chống hai tay, nghiêng mình bên bình hoa cắm chương đỏ gắt, người con gái có mái tóc rất dày buông xoã và khuôn mặt vuông, đôi mắt hơi xếch lên, sâu thăm thẳm...

Hoạ sĩ vẽ mãi mê, tưởng như trên đời này chỉ còn có ông và nhân vật trong tranh, sắc mặt ông rúm ró lại, đôi môi mím chặt, mắt lim dim hay trợn trừng.

Ông ta vẽ và Thuỷ bó gối ngồi im ngắm ông ta từ phía đối diện, người mệt rũ vì sốt ruột và buồn ngủ. Cô muốn làm một cái gì đó, động cựa hay ho hắng để ông ta để ý tới cô, ít ra một cái liếc mắt, một thay đổi trên gương mặt hay một nụ cười. Nhưng ông ta chẳng hề nghe thấy, nhìn thấy cái gì khác ngoài bức tranh đang vẽ trước mặt. Có lúc Thuỷ đứng lên, nhón chân mở cửa ra ngoài hành lang cô muốn ra đường phố rồi bỏ đi nhưng nghĩ thế nào, cô lại quay vào, lại ngồi nguyên chỗ cũ.

Chiều đến lúc nào không hay, đường phố đã ầm ào tiếng còi xe, tiếng động cơ, tiếng í ới gọi nhau, tiếng cười nói báo hiệu giờ tan tầm. Hoạ sĩ chợt ngừng tay, bỏ cái bút sơn lên palét, đứng lên vươn vai và ngáp... Ông ta nhìn Thuỷ chẳng chút ngạc nhiên và bảo:

- Chiều rồi, cô đi nấu cơm nhá. Gạo trong thùng, rá treo trên tường, cô đong bơ rưỡi rồi đem xuống dưới nhà mà vo, ở bể nước ấy, đem cả cái thau nhựa hứng nước. Xoong trên này, dưới gầm trạn. Tôi ra phố đi chợ mua thức ăn... Quên không hỏi, cô tên là gì?

- Cháu là Thuỷ, Thanh Thuỷ.

- Lại cháu, từ giờ cấm. Ông ta giơ một ngón tay như đe nẹt rồi xách

cái làn cỏi đi ra...

Buổi tối, hai người ngồi ăn cơm trong không khí ấm áp dễ chịu. Thuỷ tự hỏi tại sao cô lại có thể cùng ăn với một người đàn ông xa lạ, ăn uống thoải mái thân thiết tưởng như hai người đã từng quen biết nhau lâu lắm rồi. Sau bữa cơm, ông ta bảo:

- Cô cứ bỏ tất cả vào cái thau ấy, mai hãy rửa. Bây giờ cô ngồi cho tôi vẽ. Ngồi trên cái ghế đầu kia kìa.

Thuỷ ngoan ngoãn tuân theo, ông ta sửa lại dáng ngồi, nâng mặt lên, xoay mặt lại và chỉ một một điểm nào đó bảo cô tập trung vào nơi ấy.

Rồi hoạ sĩ kẹp tờ giấy lớn lên tấm bảng gỗ và vẽ bằng phấn màu.

Thình thoảng ông ta lại kêu lên: “Cô cứ ngồi thoải mái, đừng cứng người lên như thế... Nhìn vào kia kìa, mắt đừng cụp xuống. Thế thế...”

Khoảng hơn một giờ sau, ông ta bỏ tấm bảng khỏi lòng rồi nói:

- Thôi đủ rồi; bây giờ cô uống nước rồi ngồi đây nói chuyện tôi nghe...

Ông ta ngả lưng nằm trên giường và chỉ cái ghế bên cạnh cho Thuỷ ngồi, lắng nghe cô gái kể chuyện về cuộc đời của cô ngày nhỏ ở làng, nhưng ngày sống trong trường nghệ thuật. Khi cô nói về ước mơ của cô muốn trở thành một nghệ sĩ, lao mình vào con đường nghệ thuật thì chủ nhân ho húng háng rồi nhồm người vớ bao thuốc lá châm hút... Đôi mắt lơ đãng nhìn vào cỏi nào đó...

Đêm đã khuya, Thuỷ liếc nhìn nhà danh hoạ, cô đứng lên chấm dứt câu chuyện và sửa soạn ra về. Hoạ sĩ hỏi:

- Cô đi đâu bây giờ.

- Em đi về...

- Nhà em ở đâu?

- Em không có nhà, em ở nhờ nhà con bạn hôm qua...

Ông ta đứng lên, bước tới bên cô gái, nói dịu dàng:

- Đây đâu phải là nhà của em... Em ngủ lại đây đi!

Cô gái sững sờ, làm sao có thể ngủ lại trong phòng của một người đàn ông?

- Ở lại đây với tôi, em đừng về... Tôi sống cô đơn bao giờ cũng cô đơn... Và tôi yêu em, yêu thật lòng... Em hãy ở lại với tôi. Tôi van xin em...

Chưa bao giờ Thuỷ được nghe những lời âu yếm như vậy. Thuỷ mềm lòng và thấy thương ông ta vô cùng. Trời ơi giá như em có thể làm anh dịu bớt nỗi cô đơn? Thuỷ bối rối và nhà danh hoạ đã ôm lấy Thuỷ, cô gái nằm lọt trong vòng tay người đàn ông. Đêm hôm ấy, Thuỷ ngủ lại... và cô gái trở thành người đàn bà...

Sáng hôm sau, họa sĩ kèm xe đạp đưa Thuỷ về nhà cô bạn để thu dọn quần áo. Tất cả gia tài của cô gọn ghẽ trong cái túi du lịch giả da và cuộn tranh vẽ bằng bột màu. Cô bạn sau khi biết đêm qua Thuỷ ở đâu, nay đi đâu, trợn mắt kêu lên rất điệu:

- Trời ơi, tao phục mày quá Thuỷ ạ. Mày đã khuất phục được ông ấy, mày còn “áctit” hơn cả ông ấy. Thật tuyệt... chúng tao còn xa mới theo kịp mày, mày sống với ông ấy tha hồ vẽ, ông ấy chỉ bảo cho mà vẽ, chẳng mấy chốc mà nổi tiếng. Chồng là một danh họa, nguyên cái chuyện đó đã nổi tiếng khắp giới “nghệ” rồi...

Chẳng kịp nghe hết những lời tán dương của bạn, Thuỷ vội vã nhảy lên sau xe đạp, ngồi vắt vẻo với lòng tự hào đến kiêu căng. Chiếc xe đạp cộc cạch đưa Thuỷ vào một cuộc đời mới mẻ, rất mới mẻ, nghĩa là Thuỷ coi như đã lấy chồng, lấy một họa sĩ nổi tiếng và rồi Thuỷ cũng sẽ nổi tiếng không kém chồng. Hai vợ chồng nghệ sĩ tài danh. Đêm qua, mới chỉ đêm qua, khi Thuỷ tặc lưỡi liềm lĩnh để người đàn ông dìu cô vào giường, để ông ta ôm ấp, đã đưa Thuỷ đến quá sớm điều mà cô mong ước cháy bỏng. Cuộc sống mới hôm qua còn khó khăn trắc trở chỉ qua một đêm làm thay đổi tất cả trước hết bây giờ Thuỷ đã có chồng, được sống chung, được sáng tác chung với chồng, khỏi phải những tháng ngày vất vưởng lang thang trên hè phố. Cái chính có lẽ do mình sống phóng khoáng, tin cậy và hết lòng vì nghệ thuật... Nhưng nổi thất vọng đến với cô quá sớm, chỉ cần sống với ông ấy chưa đầy một tuần, dù hồn nhiên đến vậy, cô gái cũng hiểu ra rằng người đàn ông luống tuổi, độc thân này cần đến cô không phải vì mến phục tài năng, nhan sắc của cô và muốn dìu dắt cô trên con đường nghệ thuật. Mới qua hai ngày chung sống, một hôm, cô gái mở tung gói tranh bày lên sàn khoe với ông những tác phẩm của cô. Cô bảo:

- Anh xem tác phẩm của em đây này...

- Thuỷ vẽ bao lâu mà nhiều thế?

- Khoảng hai tháng, em còn nhiều nữa kia.

Người đàn ông thoáng vẻ nghi ngờ, hỏi dè dặt:

- Hai tháng mà được chừng ấy?

- Bột màu, vẽ nhanh lắm...

Giọng nói của ông ta đột trở nên gay gắt:

- Cô tưởng vẽ bột màu dễ lắm sao? Ông ta đứng lên - Thôi đừng giở ra nữa, đủ rồi.

Ông ta ra giường ngồi châm thuốc hút, mặt lạnh tanh trước vẻ tiu nghỉu của cô gái, lát sau ông hỏi:

- Cô nói cô đã học bốn năm ở trường?

- Vâng...

- Ở trường người ta dạy cô vẽ thế này?

Thuỷ thật sự bối rối không biết trả lời thế nào?

Người đàn ông nói thêm:

- Đây không phải là vẽ mà là trò đùa bôi bác của trẻ con. Cô không biết vẽ. Hội hoạ đâu phải như thế, nếu tất cả mọi người, cả tôi, cả cô đều vẽ vờ như thế này thì cái Hội Mỹ thuật phải đổi tên là Hội bôi phảm hay cái Hội nhăng cuội gì đấy. Mà thôi có nói ra cô cũng chẳng hiểu được, tốt hơn hết là bây giờ cô đi nấu cơm, muộn rồi đấy.

Trời ơi, người ta nở ăn nói với mình tàn nhẫn như vậy? Thuỷ cắn môi đừng bật lên rồi khóc oà làm gã đàn ông hoảng sợ. Ông ta nhồm lên ôm choàng lấy cô, ve vuốt dỗ dành. Cô gái giận dữ đẩy ông ta ra, giọng nói thê lên:

- Vậy mà... vậy mà đêm qua anh hứa là sẽ giúp đỡ em sáng tác...

Anh ác lắm!

Ông ta ngẩn mặt, à, thì đúng là đêm qua nằm trên giường mình đã nói như vậy? Mình đã hứa khi cô gái nũng nịu... Chết thật, ông ta lại ôm lấy đôi vai cô, nựng nựng:

- Thì anh đã hứa... Đúng thế, mà em cũng ghê gớm thật. Anh đã hứa nhưng phải có thời gian chứ.

Thuỷ lườm chồng bằng đôi mắt nai sừng nước của cô:

- Em biết tại sao anh lại chê tác phẩm của em rồi...

- Tại sao? Em nói nghe nào?

- Là vì anh ghen ghét với em, với tài năng của em... Các người ích kỷ lắm, em đã bị bao nhiêu kẻ ganh tỵ dìm em, họ chê bai em, họ sợ em vượt lên họ... anh cũng cùng một duộc với họ... Rồi em sẽ vẽ anh giúp hay không giúp em chẳng cần. Người nghệ sĩ chân chính không sống dựa vào sự giúp đỡ của người khác...

Người đàn ông đứng trở mắt nhìn cô, hết kinh ngạc này đến kinh ngạc khác. Chẳng biết kẻ nào đã nhồi nhét vào cái đầu non dại của cô bé những ý nghĩ kỳ quặc như vậy? Mình lại đi ghen ghét với cô gái. Một tài năng thật sự ư? Một nghệ sĩ chân chính ư? Cha mẹ ơi, té ra bốn năm học trong cái trường ấy, họ đã dạy dỗ như thế đấy? Họ biến cái đầu bình thường, thơ ngây thành cái đầu hoang tưởng bệnh hoạn? Hay thật đấy, mình đã vớ được cô gái điên rồ này, sống thế này quả thật rất vui và cũng rất mệt?

Nhà danh hoạ cố nén thở dài, mặt thuôn ra, lẳng lặng ngồi lên giường lơ đãng nhìn ra cửa sổ, ở đấy những cành lá xà cừ xoã xuống một màu xanh sẫm và gió thổi lay phay... Thuỷ nghĩ rằng ông đã biết lỗi, ngồi bên cạnh nói với giọng đắc thắng:

- Rồi anh sẽ biết, thời gian sẽ trả lời... Một ngày nào đó anh sẽ tự hào vì em, vì những tác phẩm của em... Từ nay em sẽ vẽ, vẽ rất nhiều.

Hoạ sĩ dần hoà:

- Thôi được, em cứ vẽ nhưng khi nào tôi đi vắng, em vẽ. Muốn vẽ gì thì vẽ nhưng khi tôi ở nhà thì em nghỉ... Thế nhé, chúng ta thoả thuận thế nhé!

- Sao lại thế? Em tưởng em với anh cùng vẽ có hơn không, có gì anh chỉ bảo thêm cho em... Không được, tính tôi khi vẽ mà có người khác ngồi xen vào cùng vẽ thì y như hấn ta chế giễu mình... Tôi chịu không thể vẽ được mà cũng không thể nào ngồi xem người khác vẽ.

- Nhưng đây là em kia mà, em cần sự giúp đỡ của anh.

- Rất tiếc, tôi đâu phải là ông thầy dạy vẽ. Tính tôi em biết đấy, ăn nói lỗ mãng em không chịu được đâu. Vừa rồi đấy, em đã nổi đoá lên.

Thôi nếu em thích vẽ, khi tôi vắng nhà cứ vẽ nhưng đừng quên đi chợ nấu nướng...

Sáng hôm sau, nhà danh hoạ ra đi từ sớm ông có việc cần đi hay ông cố tình để Thuỷ ở nhà một mình. Cô gái hăm hở chuẩn bị vẽ, căng giấy lên bảng gỗ, đặt lên giá và hí hoáy nghiền màu. Nhưng khi đứng trước giá vẽ, trước tờ giấy trắng trải rộng, đầu óc cô vừa mệt mỏi vừa trống rỗng, chẳng nghĩ ra điều gì, cô phác lên giấy mấy nét chì rồi đứng ý ra. Cô lục những ký hoạ cũ trải lên sàn, những ký hoạ cũng chẳng giúp gì được cô, toàn những hình vẽ nguệch ngoạc, màu sắc lem nhem, bây giờ làm sao đưa nó vào trong tranh, chẳng lẽ cứ quét lia lịa lên giấy? Và cô hình dung lát nữa ông ta về ngó vào tác phẩm của cô, bộ mặt ông ta sẽ dài ra đầy sự chán nản. Thuỷ loay hoay cho đến tận trưa, nhà danh hoạ về. Ông ta cũng chẳng buồn liếc nhìn “tác phẩm” của cô, lẳng lặng ra giường nằm. Lát sau, ông ta hỏi:

- Thuỷ đã nấu cơm chưa?

- Chưa, em mãi vẽ quên mất.

Ông ta đứng lên, móc ví rút tiền đưa cho cô:

- Muộn rồi, gần một giờ rồi, thôi đừng nấu cơm nữa, cô cầm tiền đi ăn phở vậy!

- Còn anh?

- Tôi ăn rồi.

Thuỷ về nhà thấy chồng vẫn thức, đang đọc tờ báo gì đó, ông ta cũng chẳng hề hỏi han gì về việc vẽ với của cô. Rồi ông ta nói:

- Bây giờ em thu dọn lại đi, chiều nay em ngồi cho tôi vẽ.

- Không, chiều nay em phải ra phố, em phải đi cho bớt căng thẳng

đầu óc và tiếp tục suy nghĩ về tác phẩm của em...

- Vậy em định vẽ gì?

- Em... Thuỷ nín lặng vì cô cũng chẳng biết mình sẽ vẽ cái gì, đầu óc cô cứ mụ đi, nó cũng giống với cái miệng cô, nó cứ leo lẻo nói về nghệ thuật mà đụng đến thì đầu óc chẳng hề tìm được chút ánh sáng nào?

- Ủ, em ra phố cũng được, nhân thể lên cửa hàng cung cấp mua thức ăn chiều nay. Tem phiếu cát trong cái hộp sơn mài kia kìa, tiền đây...

- Em chưa đi mua hàng cung cấp bao giờ, có vắng không.

- Tôi cũng chẳng biết, nhưng phải chịu khó xếp hàng...

Thuỷ đi suốt, mãi sẩm tối mới về, chẳng mua được thứ gì trong cửa hàng cung cấp. Bởi nhìn dòng người xếp hàng, cô đã phát khiếp mà có chịu khó đứng đây cũng không mua được, buổi chiều ít hàng, đến lượt thì vừa hết. Đành ra chợ tự do mua mớ rau, mớ tép vụn. Nhà danh hoạ nhìn các thứ thờ hắt ra, rau thì già mọc rễ trắng, tép đầy rác. Thật cái số mình vất vả, vớ được cô gái đoảng; cứ ngỡ cô gái nông thôn với đôi mắt nai thơ ngây này mình yêu thương và cô gái cũng yêu thương mình, chăm chút cho mình được ngồi yên mà sáng tác. Cuộc đời mình chẳng còn bao nhiêu thời gian nữa, rồi mình sẽ chết, cái để lại chẳng có bao nhiêu, làm gì còn thời gian để mà giúp đỡ cô ta thành tài? Giá như đó là một tài năng thực sự thì mình sẵn sàng hy sinh để vực lên một tài năng cho đời. Nhưng làm sao có thể coi đó là tài năng, lâu nay người ta cứ hoẵng lên về những hoang tưởng, ai cũng vỗ ngực xưng mình là thiên tài bị bỏ quên, dăm ba cái ký hoạ vẽ vội ngoài mặt trận hay ngoài cánh đồng cũng đem treo lên như là những tác phẩm nghệ thuật? Làm vậy chẳng qua để đánh lừa công chúng, để che dấu sự bất lực của chính mình trước yêu cầu của nghệ thuật? Bây giờ phải làm gì đây với sự hoang tưởng kè kè ngay bên mình. Bây giờ cô gái đã tin cậy mình, đã giao phó cuộc đời cho mình, không thể nhẫn tâm được... Làm sao nói để cô gái hiểu được cuộc sống của người bình thường lại rất đẹp hơn cả nhà nghệ thuật, bởi chỉ ít người bình thường còn làm lợi cho đời được chút ít, chứ cái anh nghệ thuật hoang tưởng hoàn toàn vô tích sự... Hoạ sĩ chẳng phải lo lắng lâu la gì, chỉ cần ông đi vắng liền vài buổi và chỉ cần cô gái ngồi thờ hắt ra trước giá vẽ, bao nhiêu mơ tưởng của cô tan thành mây khói. Rồi cô tò mò ngắm xem ông chồng làm ăn ra sao, khi ngồi vẽ? Nhưng suốt cả khoảng thời gian dài, ông chẳng vẽ gì hết, buổi sáng ra phố, chiều nằm ngủ và tối đọc sách, những cuốn sách bằng chữ nước ngoài với hình vẽ hay ảnh chụp kỳ dị, đầy màu

sắc, cuốn sách nói về vũ trụ mà cô gái tò mò ngắm kỹ ngớ đó là những bức tranh trừu tượng... Không hiểu sao hoạ sĩ lại làm việc đẽnh đoảng như vậy? Hay do sự có mặt của cô? Ngay bức tranh cô gái ngồi bên bình hoa cắm chướng vẽ dở dang, ông cũng không buồn hoàn thành, bức tranh được tháo khỏi giá vẽ, dựng úp mặt vào tường ôi, sao ông lại có thể thờ ơ với tác phẩm của mình như vậy? Mình muốn vẽ thì không vẽ nổi, còn ông vẽ được thì lại không chịu vẽ. Giá có cách gì đánh đổi tài năng của ông cho mình? Họ sống với nhau được mấy tháng thì một hôm, cô bạn đến tìm Thuỷ.

- Thuỷ ơi, hôm nọ ông cụ mày ở quê lên tìm mày đấy!

- Thế à, Thuỷ trợn mắt kêu, mày bảo ông cụ tao thế nào?

Tao chẳng dám nói gì hết, chỉ bảo mày đã chuyển đi ở nơi khác, tao cũng chưa biết chỗ ở mới của mình, tao bảo mày đến ở đây gần chỗ làm... Ông cụ có vẻ rất lo cho mày, bảo lâu lắm không thấy mày viết thư về nhà, bảo tao hãy biết chỗ mày thì báo tin cho ông cụ biết... Thế mày không viết thư về nhà bảo mày lấy chồng ư?

- Tao biết viết thư như thế nào?... Tao sợ lắm...

- Không được đâu, con khỉ ạ, mày phải viết thư cho ông cụ, bà cụ chứ, dù sao cũng là mày đi lấy chồng, ông ấy là người nổi tiếng chứ kém gì ai mà mày phải dẫu? Tao nói thật, mày định lấy ông ấy và hai người quyết tâm lấy nhau thì phải xin phép bố mẹ mày rồi cưới xin đàng hoàng. Nếu không, người ta coi mày như theo không, mày sống thế này nhớ khi ông ấy chết đi, ai người ta công nhận mày, người ta đuổi mày ra đường, mày dại lắm, con khỉ ạ,...

Nhớ ông ấy chết, ông ấy có thể chết, ông ấy già rồi, có thể chết lắm chứ... Chưa bao giờ Thuỷ nghĩ đến chuyện ấy, nghe khủng khiếp quá! Từ ngày về đây, Thuỷ không nhớ mình cũng còn cha mẹ, anh em họ hàng, chẳng nhớ cái việc cần làm và bắt buộc phải làm của người con gái đi lấy chồng. Thế ra Thuỷ đã có chồng, tất nhiên đã ăn nằm với người ta, đã coi nhau như vợ chồng, không thể không làm cái công việc cần thiết và nghiêm túc ấy... Và ngồi trước trang giấy, cô run sợ, mãi mới viết nổi lá thư về cho cha mẹ, một trang thư ngắn ngủi. Viết xong Thuỷ đưa cho chồng xem, nhà danh hoạ gật đầu:

- Lẽ ra Thuỷ phải viết thư từ lâu rồi, ngay sau khi Thuỷ về đây sống với tôi. Mà tôi cứ nghĩ em viết rồi, thôi được, Thuỷ mời ông bà cụ ra đây tôi sẽ xin thưa chuyện. Tôi không quen viết thư như thế này...

Nửa tháng sau, cha mẹ cô ra Hà Nội. Hai người tìm đến nơi cô gái sống. Hôm đó ông V. đi vắng và vừa bước vào nhà nhìn thấy cô gái, bà mẹ đã khóc. Người đàn bà từ miền quê không thể nghĩ rằng đứa

cô gái bê bông của bà lại có thể đại dột như thế này, có thể tự ý đến sống chung với một người đàn ông mà không hề được phép của cha mẹ, không hề có cheo cưới hẳn hoi. Bà đã khóc ngay từ khi nhận được thư con gái, bây giờ nhìn thấy nó không cầm được nước mắt. Ông bố bình tĩnh hơn. Mặc dù làm đến chức trưởng phòng Văn hoá huyện, ông chưa bao giờ chiêm ngưỡng nơi làm việc của một họa sĩ tài danh ngoài thủ đô. Ông cứ đứng sững nhìn khắp gian phòng, tất cả đều bừa bộn: chăn màn quần áo, cái gấp, cái treo, cái ném trên chiếc giường độc nhất. Góc nhà là nơi nấu bếp, là chạn chứa thức ăn, là xoong nồi chảo la liệt bên cái xô đựng nước. Lạ mắt nhất là chiếc giá vẽ lênh khênh choán hẳn một góc phòng và dưới chân nó là bảng màu, ống màu và cái lọ sành cắm bút vẽ. Tường treo những bức tranh vẽ cái gì đó màu sắc cứ đỏ rực hoặc tím sẫm... Mọi thứ đều kỳ lạ, ngay cả bộ quần áo trên mình đứa con gái in hình những nụ, những hoa sặc sỡ lại cũn cợn và lụng thụng, mái tóc buộc ngược lên như đuôi ngựa... Mãi ông cụ mới chịu ngồi xuống ghế, hỏi:

- Vậy chứ nó cũng làm nghề họa như mày à?

- Vâng, nhưng anh ấy là một nhà danh họa, một họa sư.. nghĩa là rất nổi tiếng.

- Nó bao nhiêu tuổi?

Cô gái đỏ mặt, đáp ứng:

- Con cũng chẳng biết nữa... Đại loại hơn tuổi con...

- Hừm!

Ông cụ định hỏi thêm điều gì đó thì nghe thấy tiếng gõ cửa rất mạnh. Rồi cửa mở, một người xuất hiện với mái tóc bạc loã xoã, râu nhọn cũng bạc, đôi mắt long lanh như mắt mèo. Người đó cúi chào ông bà cụ rất lễ phép, hai người vội cung kính đáp lễ:

- Không dám ạ, kính chào cụ...

Người khách không vào chỉ đứng ngoài hành lang hỏi:

- V. có nhà không cô Thủy?

- Anh ấy đi từ sáng mời anh vào chơi...

Khách từ chối, chào và quay đi. Ông bố chờ ông ta đi khuất, hỏi:

- Ông cụ nào thế?

- À bạn của chúng con, anh ấy là nhạc sĩ.

- Bạn? Người ta già cả thế mà mày gọi bằng anh?

Ông cụ ngó con gái bằng đôi mắt vừa ngờ vực vừa lo âu, và chỉ ít phút sau, cả hai ông bà cụ đều thất kinh khi nhìn thấy cái người sẽ là con rể mình vừa về, anh ta cũng già chẳng kém gì ông cụ. Hai người, bố vợ và con rể ngồi nói chuyện với nhau như đôi bạn già cùng tổ hươu. Bà cụ ngồi trên giường tức tưởi khóc, Thủy cũng khóc van vì

mẹ cha hãy tha thứ cho cô, chấp nhận cuộc tình duyên của hai người. Những giọt nước mắt và những lời van vỉ của con gái chưa làm bà mủi lòng bằng chính nhà danh hoạ đột nhiên nức lên khóc, tóc loã xoã, kể lể về nỗi cô đơn của mình, về tình yêu của ông với cô gái, van xin ông bà cụ hãy vì tình thương mà vui lòng để họ thành vợ thành chồng, dù sao thì họ cũng đã là chồng vợ... xin bố mẹ lượng thứ...

Bà cụ không thể cứ ngồi khóc trước một người đàn ông luống tuổi cũng van xin. Bà cụ nghĩ thôi cái số phận nó đã như thế rồi chẳng thể làm khác đi được, đời con gái mình coi như “đổ đã vào ngoàm”. Bà cụ lau nước mắt, dịu giọng nói:

- Ông... à anh đã đem lòng yêu thương nó và nó đã bằng lòng thì chúng tôi đành nhẽ phải chấp nhận. Dù sao gia đình chúng tôi cũng là gia đình tử tế, bây giờ em nó đi lấy chồng không cheo cưới gì còn họ hàng làng xóm. Tôi muốn cho nó hăn hoi nên cũng chẳng đòi hỏi gì... Anh nghĩ thế nào cho phải, cho đẹp mặt cả hai bên thì làm...

Ông con rề lẳng nghe và bối rối, lời lẽ của bà cụ tha thiết và chí tình, không thể không tuân theo. Nhưng bây giờ lấy tiền đâu ra? Cũng có thể nhờ cậy bè bạn giúp đỡ nhưng ai là người thực hiện... Tuy nhiên vẫn phải phúc đáp:

- Mẹ dậy thế là mẹ rất thương chúng con, nhưng xin bố mẹ thư thư cho chúng con ít ngày để chuẩn bị...

Ông cụ gạt đi:

- Thôi bày vẽ làm gì, bây giờ Nhà nước hô hào tiết kiệm, ta cũng phải tuân theo. Hôm nay chúng tôi ra đây, chúng tôi đồng ý cho anh chị lấy nhau, như thế là đủ rồi, còn thủ tục giấy tờ thì ngoài này anh lo liệu rồi tổ chức cưới xin như thế nào là tùy. Mà sau này chúng tôi cũng không thể ra được họ hàng cũng vậy, đi lại tàu xe khó khăn lắm...

Ông cụ nói thế bởi ông cụ nghĩ chán ra rồi, không muốn cuộc cưới xin tổ chức linh đình ầm ĩ, chỉ tổ để thiên hạ đàm tiếu. Cho dù ông con rề có là nhà gì đi nữa thì con gái mình vẫn mang tiếng là đưa theo không, còn hãnh diện gì khi người ta thấy bố vợ và con rề xấp xỉ tuổi nhau giữa đám đông.

Trưa hôm ấy vẫn nhà danh hoạ xách làn mây đi chợ mua gà, mua thịt. Bà mẹ và cô con gái ở nhà nấu nướng, trong khi ông bố nằm khướt trên giường như người say nắng. Ông cụ đau quá, nỗi đau không gì san lấp được, cái sai lầm của ông cụ là năm năm trước đây đã xin cho con gái vào học cái trường này.

Nếu như ngày đó nó vào học trung cấp y tế hay chăn nuôi thì đâu

đến nỗi... Ở quê nhận được thư con gái, tưởng nó chỉ mê muội thể thôi nên hai vợ chồng già lẳng lặng ra đây, tưởng như ngày xưa dùng uy quyền cha mẹ mà ngăn nó lại, lỗi nó về quê làm ruộng, xưa nay có ai chết vì làm ruộng đâu đành rằng làm ruộng thì nghèo nhưng yên tâm, tránh xa được những tệ xấu xa của phường phố... Nhưng lóc cóc ra đến đây, tìm đến ngôi nhà, căn phòng mà nó đang sống, ông bà cụ mới ngã ngửa ra khi thấy con mình đã ở chung với người ta, đã là vợ người ta mất rồi. Chẳng còn hy vọng gì để đưa nó về quê, mà cho dù có đưa được nó về thì còn gì là đời con gái nữa. Bữa cơm hôm ấy. Ông bố vợ và con rể đem về một chai rượu trắng, hai người đàn ông uống đến hết nhẵn mà chẳng ai nói với ai điều gì, bữa ăn âm thầm lặng lẽ. Ngay buổi chiều, hai vợ chồng rời khỏi thành phố ra ga đáp chuyến xe lửa đêm về nhà dù con gái và cả con rể thiết tha giữ lại.

Một ngày đầu năm, tôi từ cuộc họp của Bộ ra về đạp xe lóc cóc đến trường, nơi tôi đang làm trưởng phòng Tổ chức. Trời mưa phùn, mặt đường ướt nhầy nhựa nước và bùn, gió rét thổi mưa vào cả áo vào mặt, tôi muốn đi nhanh về nhà cho đỡ ướt át. Chợt nghe có tiếng người kêu đúng tên mình:

- Bác Thành, bác Thành...

Tôi dừng xe, ngó nghiêng tìm kiếm người vừa gọi. Trời mưa mau, hè đường vắng, chỉ có một người đang đứng nhìn tôi. Một người không rõ nam hay nữ mặc chiếc áo mưa bạt bộ độ dài sát gót, đội mũ tai bèo, lối ăn mặc kỳ dị này làm tôi ngỡ ngàng tuy nụ cười đọng trên gương mặt rất quen. Ai thế nhỉ? Tôi tự hỏi và người đó dần bước đến trước mặt tôi:

- Bác không nhận ra cháu, bác Thành?

Giọng nói của người đó rất thanh và vang làm mấy người đi qua quay lại. Lúc đó tôi nhận ra bởi đôi mắt nai hơi xếch lên, bởi gương mặt hơi ngầy ngầy. Tôi xuống xe:

- Chào cô Thuỷ, cô khác quá, tôi cứ ngỡ... Lâu này tôi rất muốn gặp cô mà chẳng biết cô ở đâu...

Thuỷ cầm ghi đông xe của tôi kéo lại:

- Mời bác vào uống nước đã, đang mưa mau, bác đừng vội.. Để cháu dắt xe cho bác...

Chúng tôi vào một quán nước gần đó. Thuỷ có vẻ thành thạo gọi nước chè và một đĩa kẹo lạc mời tôi. Tôi nhấp chén trà nóng, đưa mắt nhìn cô gái, cô già dặn hơn xưa, khuôn mặt gầy và xanh, đôi gò má cứ đỏ rực như người đang lên cơn sốt. Đôi mắt long lanh những

tia sáng. Điều làm tôi kinh ngạc là Thuỷ lấy ra hai điếu thuốc lá mời tôi, tôi cảm ơn không hút, cô bỏ một điếu vào bao rồi châm lửa hút điếu thứ hai rít những hơi dài, thở khói ra hai lỗ mũi. Điều đáng sợ hơn là khi tôi thoáng thấy mùi rượu bay ra lẫn trong hơi khói, có thể cô gái vừa uống rượu trước khi gặp tôi. Cái thời ấy tôi thật sự ngạc nhiên về một cô gái hút thuốc lá và nồng nặc hơi rượu trong cái quán nước dưới trời mưa, gương mặt cô ngà ngà với nụ cười vu vơ. Phải chăng đây là cô học sinh mà tôi đưa vào trường nghệ thuật cách đây sáu, bảy năm, một cô học sinh chân chất lớn lên từ một miền quê hẻo lánh. Chẳng lẽ thời gian đã làm cô gái biến đổi mau lẹ đến thế này sao?

Tôi vừa ngại vừa thương, tôi nhẹ nhàng hỏi:

- Bây giờ cô hút thuốc lá và hình cô còn uống rượu?
- Vâng, cuộc sống mà bác... Những lúc buồn, cháu cũng nhấp một chén rượu, hút điếu thuốc lá. Bác xem cháu có “nghệ” không?
- Cô nói gì thế! “Nghệ” là cái gì?

Cô gái bật cười:

- Nghệ là “áctít” ấy mà, có thể mà bác không hiểu, bác quê thật đấy...

Tôi hơi khó chịu nhưng cố nén:

- Tạo sao hỏi ấy tôi đánh giầy gọi cô lên trường nhận quyết định công tác, cô không lên? Cô không nhận được giấy?

Thuỷ gỡ điếu thuốc rơi tàn xuống đất, ngẩng lên:

- Có cháu có nhận được giấy của bác, bố cháu ở quê gửi lên cho cháu nhưng cháu chẳng đến trường làm gì, cháu biết bác sẽ phân công cho cháu về một tỉnh nào đó xa Hà Nội cháu chẳng đến...
- Nghe nói cô lấy chồng?

Cô gái trở mắt nhìn tôi vừa ngạc nhiên vừa ái ngại rằng tại sao đến giờ còn hỏi cô cái việc mà cả bàn dân thiên hạ đều biết và bàn tán, lát sau cô đáp:

- Vâng cháu lấy anh V., cả giới nghệ thuật đều biết. Nhưng cháu bỏ anh ấy rồi.
- Bỏ, sao lấy nhau rồi lại bỏ nhau. Bỏ lâu chưa?
- Khiếp, bác hỏi cháu y như hỏi cung. Cháu thích anh ấy thì cháu lấy, sau này chán lại bỏ. Chỉ có vậy thôi, cháu bỏ hơn hai tháng rồi... Sống với anh V. hai người lúc nào cũng chỉ muốn cãi nhau. Cháu muốn vẽ, anh ấy chẳng giúp thì chớ lại ngăn cản bảo cháu không biết vẽ, anh ấy bắt nạt cháu quá đáng ngày nào cũng bảo đi chợ nấu cơm, cháu sinh ra đâu phải để làm công việc ấy, cháu phải sáng tác, phải có triển lãm. Anh ấy ghen tỵ với tài năng của cháu, chê bai cháu, dìm tài cháu... Như thế làm sau cháu chịu nổi, đành phải bỏ

thôi, cháu cũng thương anh ấy lắm...

Cô gái cứ nói lảm nhảm, tôi chẳng hiểu ra sao nữa:

- Lâu nay cô có về quê không?

- Từ ngày lấy chồng rồi bỏ chồng đến nay, cháu chưa về. Về nhà làm gì, mẹ cháu thì khóc, bố cháu thì quát, chán chết đi được.

- Thế bây giờ cô có đi làm ở đâu không? Cô nói xem, tôi có giúp cô được gì không?

Cô gái cười buồn:

- Cảm ơn bác, bác chẳng giúp gì được cháu đâu. Hiện nay cháu cũng chưa định làm gì, có một anh bộ đội yêu cháu, đang xin cho cháu cái hộ khẩu Hà Nội, có hộ khẩu cháu làm đâu chẳng được...

Với lại có khi cháu vô thành phố Hồ Chí Minh, có một anh nhà thơ đang rủ cháu đi vô trong đó, cháu còn đang suy nghĩ...

Tôi muốn nói với cô gái một lời khuyên nhủ, tôi muốn khuyên hãy sống và làm việc như một người bình thường, rồi cô còn làm vợ, làm mẹ. Sống được như vậy đâu phải dễ dàng. Còn làm một nghệ sĩ, thú thực tôi chưa hiểu họ, thế nào là nghệ sĩ nhưng trước hết cô cần nghĩ đến tương lai, đến cha mẹ họ hàng, làng quê, cái làng quê bình dị của cô... Nhưng nhìn đôi mắt cứ rục lên vì hơi men và giọng điệu không bình thường, tôi nghĩ giá như tôi có nói ra những điều ấy sẽ chẳng bao giờ lọt vào tai cô. Tôi đành đứng lên, trả tiền nước, tiền thuốc lá, rồi từ biệt cô bước ra khỏi quán hàng. Khi tôi đưa xe xuống lòng đường, Thuỷ giữ tay tôi lại:

- Cháu có việc muốn đề nghị bác...

Tôi lắng nghe và nghĩ cô gái đang cần một sự giúp đỡ nào đó. Thì cô gái nói:

- Bác có mang tiền đây cho cháu giặt nóng hai trăm.

Tôi lại một lần ngạc nhiên, nói rằng tôi chưa bao giờ đem theo số tiền nhiều như thế trong người. Nếu cô thật cần, sáng mai cô đến trường, tôi sẽ hỏi vay cho. Làm sao cô cần nhiều tiền như vậy? Số tiền lớn như vậy?

Cô gái nói nhỏ:

- Có gì đâu bác, cháu còn thiếu tiền người ta, tiền cơm, tiền quà sáng và cả tiền rượu, tiền thuốc nữa. Cháu đã hẹn khi nào bán được tranh, cháu sẽ trả mà các bà ấy cứ rối lên, làm như cháu ăn quịt, phiền thế đấy. Tưởng bác có sẵn thì cháu vay, chứ vào trường cháu không vào đâu... Thôi, cháu chào bác...

Tay vẫn giữ xe, tôi lặng lẽ nhìn theo cô gái.

Cô đang bước xiêu xiêu trên hè đường ướt nhẫy, dưới màn mưa như rây bột. Chiếc mũ Giải phóng mềm oặt cúp xuống che kín mái

tóc, chiếc áo mưa quá rộng trông xa như con rối đang cử động... Cô gái đi, cô đi đâu về đâu bây giờ? Trong lòng tôi nhói lên một niềm ân hận vì chính tôi đã góp phần trách nhiệm làm thay đổi cuộc đời cô? Tôi đã đưa cô gái bình dị vào con đường vốn không giành cho cô, làm cô ngộ nhận, hiểu lầm một cách tai hại... Cuộc đời nghệ thuật đâu phải là những chuyện phù phiếm, đó là cuộc sống nghiêm túc và cực nhọc.

Bây giờ liệu có cách gì gỡ ra cho cô gái?

Tập truyện ngắn Mai Ngữ

Lời Mai trò chuyện - Đỗ Chu

Con người ta tưởng vậy chứ không dễ mỗi lúc đã gọi được ra cho đúng về nhau. Như anh Mai Ngữ đấy, nhà văn Mai Ngữ, quen biết nhau đã có trên bốn chục năm nay, vậy mà đến lúc muốn viết về anh lấy dăm ba trang thì thật khó. Không phải bởi anh nhạt, càng không phải vì chưa hiểu anh, vậy là làm sao, là thế nào?

Anh Mai Ngữ sinh 1928, năm Mậu Thìn, tuổi rồng rõ rồi còn gì. Trong mười hai con giáp, có nhẽ chỉ có con rồng được người đời kiêng nể nhất. Đến các bậc đế vương còn tự ví mình là rồng thì chả còn gì phải bàn nữa. Nhưng cũng thì là rồng! Có con lặn trên chín tầng mây, ẩn ẩn hiện hiện, lúc vẫy vùng ngoài bể Nam bể Bắc, lúc lặn sâu trong淵 trong vực, đó là rồng vàng. Lại có loài nằm khoanh trong chuôm trong ao, từ đầu đến đuôi đều trơn tuột. vây móng còn chẳng thấy nói gì đến bay lượn vẫy vùng, đích thị nó là rồng đất.

Có một lần vui chuyện tôi hỏi anh Mai Ngữ vậy anh xem mình là rồng gì ở đời. Anh đưa mắt nhìn xéo sang tôi đầy khinh khi, rồi thủng thẳng nói mình là thứ rồng đất kể gì. Liệu có phải vì vốn là một người khiêm nhường mà anh đã trả lời tôi như vậy không? Tôi cho là hôm ấy anh đã nói rất thành thật, anh thành thật với cả bản thân mình vì anh vốn biết mình, tin ở mình.

Chưa bao giờ tôi thấy anh Mai Ngữ nói to hay nói dài. Trong cuộc họp hoặc ở chỗ trà thuốc dăm ba anh em, anh đều vẫn chỉ có một giọng ấy, nói nhát gừng, nhiều khi lừng khà lừng khùng nghe rất khó chịu. Chùng mực, vừa phải, buồn buồn quanh năm rầu rầu cả nghĩ đó là anh.

Sống giữa một tập thể toàn những người xuất chúng, tài năng tiếng

tầm trù thiên hạ, Mai Ngữ lúc nào cũng chỉ là một người bình thường. Dù là một người bình thường thì anh vẫn có sự tỉnh táo lịch lãm của riêng mình, và anh tự hiểu từ rất sớm mình chưa bao giờ là một người quan trọng. Mà anh cũng chẳng dám có mong ước được là một người như thế. Anh bình thản sống, nhã nhặn, sống và dẻo dai sống, sống như hết thấy mọi người đã sống trong nhiều năm tháng qua.

Mai Ngữ nhập ngũ đầu 1947, vào trung đoàn 42, đại đoàn 320, gọi là đại đoàn Đồng Bằng. Vào Đảng 1950, suốt đời là một Đảng viên nhưng chưa một lần vinh dự tham gia cấp uỷ, ngay chức tổ trưởng tổ Đảng cũng không đến lượt. Tới 1952, có báo Chiến sĩ khu 3 anh được điều lên làm báo, sang 1954 được điều về báo Quân đội Nhân dân, 1956 sau khi dự trại viết toàn quân chuyển sang Tạp chí Văn nghệ quân đội. Đến dịp phong quân hàm anh cũng có tên trong danh sách, là thượng úy, chưa kịp đeo quân hàm thì lại chuyển ngành ra phòng biên kịch Xưởng phim tổng hợp Trung ương, đó là năm 1959, dạo đó cả nước cũng chỉ mới có một xưởng phim ấy mà thôi. Ở đó được vài ba năm, lại chuyển về giữ chân biên tập viên Nhà xuất bản Văn học, ngày ngày ngồi ngấp giữa những chồng bản thảo, bên cạnh là các ông Hà Minh Tuân, Bùi Hiền, Kim Lân, Quang Dũng, Nguyễn Thế Phương...

Đến 1966, do yêu cầu trước tình hình mới, Mai Ngữ một lần nữa lại được gọi vào quân đội, làm biên tập viên Tạp chí Văn nghệ quân đội, nhận lương chuyên viên, nghĩa là không cần đeo quân hàm.

Tôi gặp anh Mai Ngữ lần đầu là vào cuối 1963, trong một cuộc gặp mặt cuối năm với các bạn viết do tạp chí tổ chức. Anh Mai Ngữ và tôi đều được mời tới đó. Giữa đám đông quân hàm quân hiệu lấp lánh có một ông nom già chẳng ra già mà trẻ cũng không ra trẻ, ông ta khoác một chiếc áo bông xanh nom càng lụ khụ, lại thêm mùi dầu cù là từ chiếc áo ấy toả ra dữ dội khiến tôi không thể không chào anh. Hình như anh đã biết tôi là ai rồi cho nên vừa bắt tay tôi anh vừa tự giới thiệu: “Mình là Mai Ngữ”. Ôi giờ, anh Mai Ngữ. Tác giả Tiếng bom Ngô Mây, tác giả Câu chuyện quê hương, tác giả Đất nước. Tiếng bom Ngô Mây là một truyện vừa viết về anh hùng liệt sĩ Ngô Mây, người đã ôm bom lao vào quân thù trong một trận đánh phục kích ở Nam Trung bộ. Câu chuyện quê hương là kịch bản văn học của một bộ phim truyện dài khoảng sáu cuốn, đây là chuyện kể bằng hình ảnh cuộc sống nông thôn miền Bắc trong công cuộc hợp tác hoá.

Điểm lạ trong kịch bản này là ở chỗ tuy là một phim truyện nhưng lại

không hề có nhân vật chính, tất cả đều là nhân vật phụ. Có thể nói luôn đây là một kiểu tìm tòi ít thành công của tác giả và do đó bộ phim đã bị chết yểu ngay sau khi nó ra đời.

Đúng ra mà nói thì Đất nước mới là tập truyện vững vàng của Mai Ngữ. Đến Đất nước, Mai Ngữ đã khẳng định được vị trí của mình trong nền văn học nước nhà. Có hai truyện in trong tập ấy đã có thể xem là đạt tới mức chuẩn trong bút pháp Mai Ngữ, đó là truyện Đất nước và truyện Nhân.

Về sau này, đến những năm 90 của thế kỷ vừa qua, đứng trước những đổi thay lớn của đất nước cũng như của cả nhân loại với sự nhạy cảm đặc biệt của mình, Mai Ngữ đã viết một loạt bài in thành hai tập Chuyện thật như đùa và Chuyện đùa như thật. Thêm một lần nữa, cùng với Đất nước, Mai Ngữ đã mang đến cho người đọc những trang văn được viết bằng một tình yêu và một tình thần trách nhiệm lớn. Đó là những trang văn khiến người đọc cười trong nước mắt trước những hiện trạng xã hội đang diễn ra quanh ta, đó là những trang văn mang sức mạnh cảnh báo, mang tính dự báo cao, những trang văn rất chân thật và rất giàu tinh thần xây dựng, khiến mỗi chúng ta càng thêm tin yêu anh, và càng trân trọng những sáng tạo mà anh đã mang đến cho văn học.

Cũng như trong cuộc sống thường nhật, Mai Ngữ đã đi giữa những cơn giông bão của lịch sử bằng những bước đi bền bỉ ý chí. chân cứng đá mềm. Trong công việc của một nhà văn, Mai Ngữ cũng đã lần lượt vượt lên không biết bao nhiêu thử thách, anh đã kíp để lại cho chúng ta những ấn tượng mạnh, những kỷ niệm mình nhiều cảm động về một cây bút văn xuôi khiêm nhường mà lại từng trải, cốt cách.

Có một dạo chúng ta thường dễ xúc động trước những thành tựu đầu tiên, những công trình đầu tiên, những đứa con đầu tiên của nền công nghiệp non trẻ của cách mạng. Chẳng hạn nhà máy phân đạm đầu tiên, đập thủy điện đầu tiên, chuyến tàu đầu tiên rời cảng, mẻ than đầu tiên ra lò, rồi khu gang thép đầu tiên với mẻ thép đầu tiên... vân vân và vân vân. Bản thân tôi mỗi lần nghe thấy thế cũng hưng hực khua chân múa như thẳng sắp lên đồng. Anh Khải cời trần chấp tay sau đít đi lại trong căn phòng chật hẹp của mình mà trầm ngâm nghĩ ngợi như một nhà minh triết, anh Châu thổi khói thuốc lảo lên trời mù mịt. Chỉ có anh Ngữ và anh Nguyễn Thành Long là im lặng ngồi co ro mỗi người một góc, không dám tham gia ý kiến vì thấy không khí có phần nóng bỏng quá.

Rồi chờ đến một lúc thay tình hình như đã mềm xuống, anh Long nói,

bước vào học làm công nghiệp mới thấy có một nước Nhật là rất hiếm, không dễ mấy ai đã có đầy đủ bản lĩnh khôn ngoan như dân tộc đó.

Anh Ngữ nói, làm gì thì làm, đã là chuyện kinh tế tất phải xem có lãi hay không. Làm ăn mà bất chấp lỗ lãi trước sau cũng thành trò cười, kết cục sẽ là một đồng rác thải công nghiệp vĩ đại và các dòng sông chắc chắn sẽ ngộ bản ngộ độc mà chết dần chết mòn mất thôi. Tôi nhớ đó là những mùa đông đã rất xa. Hà Nội vắng. Thành phố phấp phồng trong báo động, bom nổ lúc như sấm, như sét, lúc lùm bùm như ai gõ trống ngũ liên. Những chao đèn treo lơ lửng ở các ngã ba, ngã tư đường bỗng tự dưng bật sáng vào giữa trưa nhưng suốt đêm lại tối om om. Tôi yêu cái ngôi nhà Tạp chí ở đường Lý Nam Đế và ngôi nhà có mảnh sân nho trong ngõ Dã Tượng mà gia đình anh Long đang sống. Đó là những nơi tôi thường lui tới để nghe hóng những câu chuyện của các anh và tôi hiểu nó chính là những buổi lên lớp cực kỳ tuyệt vời mà mình may mắn có được. Đối với tôi, cùng với trụ sở Hội nhà văn thì những nơi ấy chính là những địa chỉ mang ý nghĩa lịch sử trong đời mình. Nói đến những địa chỉ ấy đã có nghĩa là phải có các anh, rất nhiều các anh, nếu không có các anh thì nó có là cái quái gì. Trong rất nhiều các anh, chắc chắn với tôi phải có anh Mai Ngữ.

Lại một hôm tôi hỏi anh Nguyễn Minh Châu, vậy chứ cái ông Mai Ngữ nhà mình quê quán ở đâu, nom âm thầm nhút nhát thế chắc phải là con cái một ông hương sư ở một nẻo tí hút nào đó.

Anh Châu mở choàng mắt nhìn tôi một lúc lâu, rồi anh cười phá lên, cười và ho sặc sụa, ho không nói được. Lát sau anh giảng giải cho tôi nghe ngọn ngành về anh Ngữ.

Xấp chúng mình ở đây có vài ba anh kịp học tới Thành chung, còn thì đều nhì nhằng “cua suýt”. Anh Chính Hữu đã có tú tài toàn phần, anh Tứ Bích Hoàng còn trên nửa, đã từng là sinh viên trường thuốc. Mai Ngữ thì thế nào, Mai Ngữ cũng đã qua phần một tú tài, tiếng Pháp không buồn nói đấy thôi chứ ở đây anh ấy là người có nhiều sách Pháp nhất. Sức khỏe anh Ngữ không tốt lắm, chân có tật bẩm sinh, khó đi xa, cho nên anh ấy về đây ngồi biên tập là gánh một công việc trong nhà giúp cho chúng mình rộng chân rộng tay mà tung tẩy đến các mặt trận.

Ngữ chịu đọc, am tường nhiều mặt, làm biên tập rất vững. Còn như anh ấy quê đâu, từ đâu ra thì tiện thể mình cũng nói riêng để ông biết. Cụ nội, ông nội anh ấy đều làm quan, cụ ngoại ông ngoại đều làm quan. Các cụ đều là những người đỗ đạt, đều làm quan tới chức

Tổng đốc. Và đều được nhà vua ban hàm Thái tử Thiếu bảo Đông các Đại học sĩ. Tính ngược về trước nữa lại càng lắm phẩm tước lắm khoa bảng. Ông nội là cụ Mai Trung Cát - Tổng đốc Hải Dương chán lại sang Tổng đốc Bắc Ninh. Ông ngoại là cụ Nguyễn Khắc Vỹ, người gốc Hưng Yên, Tổng đốc Hà Nội thay cụ Hoàng Diệu, còn cụ ngoại nguyên là Tuần phủ châu Điện Biên thời Tự Đức, sau đó vào làm Bố chánh Sài Gòn - Gia Định.

Các cụ đều đã được quê hương đưa vào danh sách danh nhân. Đến thời ông thân sinh ra anh Mai Ngữ thì cùng với sự sa sút của Nho giáo nói chung, các gia đình quan lại An Nam mỗi nhà sa sút một cách. Ông cụ tuy cũng có học nhưng không thi cử gì nữa, lui về điền viên vui thú, kín cổng cao tường, thấp hương cúng giỗ, ra vào với vài ba bà vợ. Anh em nội ngoại vỡ ra tứ tung, người thành điền chủ, người đi du học, người thành công chức tầm tầm. Nhiều người qua lại Paris làm ăn, có nhà cửa bên đó, họa sĩ Mai Trung Thứ chính là chú ruột anh Ngữ. Tình cảnh này ông Nguyễn Bính lúc còn trẻ đã choảng mấy câu rất vui:

Mực tàu giấy bản là thôi,
Nước non không chọn những người áo xanh,
Vỡ duyên búi tóc củ hành,
Trường thi Nam Định hoá thành trường bay!

Nói tóm lại một câu Mai Ngữ là một câu ảm. Trông bộ dạng còm ròm thế mà gớm, ăn mặc thì xuềnh xoàng như thằng ăn mày, lúc nào cũng bước thấp bước cao như đứa không nhà không cửa, nhưng hỏi ra rõ nhà là toà ngang dãy dọc, xưa kia ở đường Nguyễn Thái Học, ở đường Tràng Thi đều có cả. Thằng ấy thuở bé đi học là có xe nhà đưa đón, tao với mày gặp ở ngoài đường chớ có gọi, vô phúc thằng xe nhà cậu nó cho mấy cái đá đít thì hết viết văn.

Rồi anh Châu lại nhìn tôi mà buồn cười. Tôi ngồi ngẩn tò te nhìn anh rồi cũng cười. Anh Châu bảo, thằng ấy lười bỏ mẹ, nó mà chịu khó ngồi viết tiểu thuyết hay hồi ký nhỉ, cứ lấy chuyện nhà mình ra mà viết thì Tào Tuyết Cần có sống lại cũng phải xem nó là bậc sư phụ. Mấy hôm trước, nghĩa là thượng tuần tháng sáu, tôi đến thăm anh Mai Ngữ ở khu tập thể phố Ông Ích Khiêm. Anh Ngữ nằm bất động trên giường, chân tay chỉ còn là những cái que, bác sĩ Viện 108 nói xương cốt của anh đã mục hết rồi, xương người ta về già đều thế cả gọi là bệnh loãng xương. Chỉ có hai con mắt là vẫn còn sáng, vẫn còn đầy đủ tinh thần, giọng nói vẫn trong mặc dù nghe đã run rẩy. Tôi thấy chỗ đầu giường có để một số tạp chí Văn học nước ngoài mới ra, hỏi ai đọc cho anh nghe, anh nói là vợ đọc chứ còn ai vào đây.

Tôi chợt nghĩ, hoá ra suốt một đời anh Mai Ngữ gần như cũng chỉ quần quanh ở Hà Nội và mấy tỉnh đồng bằng sông Hồng là chính. Trong đời anh ngoài vài chuyến vào các tỉnh phía Nam thì chuyến đi xa nhất là cùng ông Kim Lân qua thăm Liên Xô hai tuần lễ. Nhưng chuyến đi đáng kể nhất của anh có lẽ lại là chuyến sang công tác Campuchia năm 1980, một chuyến đi gặt hái được nhiều kết quả, anh viết xong tiểu thuyết Trong tay Angka in ở Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân và được nước bạn trao tặng Huy chương Hữu nghị. Đến lúc nghỉ hưu là vừa tròn bảy mươi tuổi, năm chục năm sống quần quanh ở Tổng cục Chính trị, từ thời còn ông Nguyễn Chí Thanh, ra về với bậc lương ngang một đại tá nhưng không hiểu vì sao lại không được tính thâm niên ba mươi hai năm kể từ lúc có quyết định trở lại quân đội. Việc này từ các đồng chí lãnh đạo cho đến anh em trong cơ quan đều lắc đầu lấy làm tiếc. Năm mươi năm ấy không thể nói là ít tình nghĩa lưu luyến nhưng vấn đề nguyên tắc thủ tục giấy tờ ở nước ta chỗ nào cũng còn lăm lỏi thôi. Đời như đùa như thật, thì chính anh từng nói thế. Riêng anh Mai Ngữ chỉ im lặng cười. Cũng dễ hiểu thôi, anh là một con rồng cơ mà. Con rồng đất cũng rất có thể còn là một con rồng ẩn. Cũng bình thường thôi, cũng xoàng xoàng vậy thôi, lam lũ mà sống vậy thôi, nhưng nó vẫn cứ là rồng. là không thể tầm thường là sống trọn một đời giản dị và luôn luôn biết giữ gìn, để không ai có thể khinh vào đâu được.

Đời anh Mai Ngữ là sự vượt lên trên chính mình, tìm lấy cho mình bước đi đường hoàng giữa nhân dân. Số phận một người chính là tính cách của người đó cộng với hoàn cảnh thời cuộc. Một cái tên người rất có thể đã mang trong nó nhiều tiên nghiệm: Khen cho các cụ nhà anh đã khéo chọn cho thằng cháu một cái tên vào ngày anh ra đời. Mai Ngữ là lời một cây mai. Là mai cốt cách tuyết tinh thần. Là gian nan mà cũng là kiêu hãnh. Hai mươi tuổi dám ra đi, từ chối sự nhàn tản đầy quần quanh bế tắc để tìm đến với một cuộc lên đường hùng vĩ của cả dân tộc. Một cuộc lên đường không mấy dễ dàng chóng vánh với một tương lai cơ chừng rất mong manh. Đó là một cuộc lựa chọn chỉ một lần trong đời, không bàn hơn thiệt được thua. Đó là phẩm chất đáng quý ở những người trọng danh dự, ở tất cả các anh, một thế hệ rường cột của thời đại mới đang đến. Sau mọi gian lao, cái mầm sống gan góc của một dòng tộc nhiều truyền thống đã trở thành một cây mai già biết thì thầm trò chuyện bằng những lời có mang buồn vui của những năm tháng giàu ý vị mà nó đã trải qua. Lão phổ y nhiên tài văn cú, sóc phong vô thức đổ cổ mai. Vườn xưa lác đác dăm ba bông cúc cuối mùa, cơn gió lạnh xiết

thổi ấy là đánh thức cây mai già bừng dậy. Một người vợ trẻ vẽ đẹp và đảm đang, một đứa con trai vẽ đẹp và hiếu thảo, cô con gái cực dịu dàng và thông minh, đó chính là quà tặng lớn nhất mà cuộc đời công bằng sau tất cả đã mang đến cho anh.

Hà Nội, mùa hạ 2004

Mai Ngữ

Con gái út của cha

Tôi là con gái út của cha tôi, trên tôi có sáu anh chị em nhưng cha tôi yêu tôi hơn cả. Tình yêu của cha tôi tế nhị, không bao giờ lộ liễu trong gia đình, bởi ông không muốn làm các con suy bì tị nạnh. Ngay đối với tôi ông cũng bộc lộ tình yêu trong cử chỉ thường ngày, trong đôi mắt cha tôi khi nhìn tôi, đôi mắt bao giờ cũng hiện ra nét hóm hỉnh và dịu dàng. Mẹ tôi lại khác, dường như bao nhiêu ý nghĩ của bà không bao giờ được giữ kín trong đầu. Giữa cha tôi và mẹ tôi là một khoảng cách về tính cách và ngôn ngữ. Mẹ tôi ăn mặc loè xoè, quần áo sặc sỡ, nói năng điểm đậm. Cho nên nhiều khi có khách lạ đến nhà, họ cứ ngỡ mẹ tôi là bà giúp việc, đến khi ngồi nói chuyện mới hay đó là vợ chủ nhân. Khi họ thú thật và xin lỗi, chẳng bao giờ mẹ tôi để bụng mà bà còn cho đấy là trò vui: “Thì đúng tao bà con ở của

bố mày chứ sao, tao là ai cũng được miễn là bố mày đừng có bỏ tao đi lén phéng với người khác...” Bố tôi cười và gọi đùa mẹ tôi là “mẹ Đốp”, về nhà là “mẹ Đốp đâu rồi...”. Nói vậy chứ cha mẹ tôi rất quý mến nhau, mẹ tôi xuất thân từ nông thôn, ra thành phố mấy chục năm vẫn là một bà nông dân thuần phác.

Còn cha tôi sống và phong cách như một nhà trí thức. Ông chịu đọc, chịu nghiền ngẫm, chịu hỏi han những người hiểu biết và suy nghĩ về họ. Cha tôi chẳng có bằng sắc gì cao nhưng am hiểu và lịch lãm của ông còn hơn khối người mà tôi biết.

Cha tôi về hưu vào năm sau giải phóng miền Nam. Ông là người sống mẫu mực, biết mình biết người. Từ ngày trẻ, vào ngày nghỉ, ông thường đưa các con ra ngoại thành chơi giống như người ta đi pích-níc bây giờ, cha con ngồi quây quần dưới gốc cây, trái mành báo cũ ra bày đồ ăn khô, hôm thì bánh mì, hôm thì cơm nắm mà mẹ tôi đã chuẩn bị với muối vừng thêm một chai nước. Mỗi cha con vui chơi đến chiều lại dong xe về nhà. Niềm vui của cha tôi là ở những nơi phóng khoáng, tránh xa được sự ồn ào nơi phố xá. Có lẽ vì thế mà sau này khi về già cha tôi thường đạp xe đến nhà tôi ở ngoại thành, cha tôi đến thăm vợ chồng tôi thường ở lâu hơn, ông đến ngồi một lát rồi dắt cháu ra đồng ngắm cảnh. Cả nhà tôi nấu cơm sẵn chờ hai ông cháu về. Cha tôi sống mẫu mực và điều độ trong nét ăn uống. Không bao giờ ông ăn quá cái mức cần thiết. Một lần ông ăn cơm ở nhà tôi, ăn xong hai lưng bát, ông dừng lại. Vợ chồng tôi nài ép cha ăn thêm, hôm nay có nhiều thức ăn ngon. Ông lắc đầu, chỉ vào cái suyvon ở góc nhà, bảo: - Các con có thấy cái vạch đỏ kia không, tăng điện đến đúng cái vạch đỏ là vừa vặn, đúng 220 hay 110 von, tăng quá là tất cả đồ điện trong nhà đều cháy hết. Cha cũng vậy,

cha chỉ ăn vừa đến vạch đỏ trong người thôi, ăn quá là lục phủ ngũ tạng có vấn đề, cho nên đừng ép cha...

Cái vạch đỏ, bao giờ cha tôi cũng làm đúng đến cái vạch đỏ ấy, không hơn. Ăn uống, chơi bời hay làm việc gì cũng chỉ đến đúng cái vạch đỏ là dừng lại, quá thì nguy hiểm. Một lần anh em chúng tôi đọc báo và bàn tán về vụ lừa đảo lớn vừa xảy ra trong thành phố, cha tôi tủm tỉm nói:

- Kể đi lừa đảo thì đúng là bọn lưu manh đáng ghét, nhưng những người bị nó lừa hầu hết là những anh tham lam. Có tham mới bị lừa, nó chia ra một chút cho anh là anh mắc ngay. Cha chẳng bao giờ bị lừa vì cha không tham. Các con có biết trên tàu xe thường có bọn đánh bạc gạ gẫm hành khách, khối anh mắc, bao nhiêu tiền nong hết sạch. Đó là những anh tham, thấy dễ ăn tưởng bỏ, lao vào là mắc câu của chúng nó. Ngày xưa thế mà bây giờ cũng thế.

Tôi nói:

- Con có chị bạn đi đường bị nó đánh thuốc mê lột sạch cả nhẫn cả dây chuyền...

Cha tôi cười:

- Làm gì có chuyện thuốc mê, vì tham nên bị nó lừa thôi. Giả dụ con đi đường gặp một anh có vẻ lớ ngớ mời chào bán rẻ hay đổi rẻ, nó nói đến khéo thế là tháo nhẫn, tháo dây chuyền đưa cho nó để đổi lấy mảnh vàng rơm. Về nhà biết là bị lừa nên nói tránh như thế... Cha nói với các con rằng ở đời mọi sự vất vả hay rắc rối đều do lòng tham mà ra. Cho nên đạo Phật mới răn người ta phải diệt dục...

Mẹ tôi tếu táo:

- Ôi dà, đứa nào tham cho nó chết bết đi. Cái xã hội này đã chẳng khốn khổ khốn nạn vì những đứa tham đấy sao?

Cha tôi lại cười:

- Nhưng xã hội mà không có kẻ tham thì buồn biết mấy. Có kẻ tham, có người không tham nên mới có bi kịch... Tôi cũng tham đấy, tôi tham hiểu biết, cái đầu óc già nua của tôi cứ muốn nhồi nhét vào những điều mình chưa biết...

Cha tôi nói cho vui, tôi biết thế nhưng tôi tự hỏi niềm vui của cha tôi là gì nếu không phải sự ham muốn hiểu biết. Và lại muốn khẳng định sự hiểu biết của mình. Có những chuyện rắc rối trong cuộc sống, cha tôi tự phân tích, tự lý giải nhưng sau đó tìm gặp những người mà ông tin cậy để hỏi họ, khi họ nói đúng như ý nghĩ của cha tôi ông gật gù: “Thế thì tôi yên tâm”.

Rồi mẹ tôi qua đời vì bệnh tim Bà bị suy tim, chạy chữa mãi không khỏi. Còn lại cha tôi sống chung với gia đình người anh sát tôi. thỉnh thoảng ông đi chơi đây đó một mình đạp xe đi có khi hàng trăm cây số, tìm lại người bạn cũ từ xa xưa hoặc cùng nhóm các cụ về hưu tổ chức đi du lịch nơi này nơi khác. Ngoài tám mươi sự kiện của cha tôi còn tốt, từ trẻ tới già, ông không hút thuốc, không uống chè, rượu chỉ nhấp nháp khi có cỗ bàn. Ông không đi tập dưỡng sinh ngoài công viên với các cụ già, ông chỉ ở nhà tập theo kiểu của ông theo sức của ông. Khi mẹ tôi còn sống, ngày giỗ tết hay ngày rằm, mừng một, bà thắp hương khăn vái, cha tôi không phản đối nhưng không tham gia. Sau khi mẹ tôi qua đời, trên bàn thờ mẹ tôi bao giờ ông cũng quét dọn sạch sẽ, sáng sáng thắp nén nhang, rồi đứng lặng trước ảnh mẹ tôi.

Niềm đam mê của cha tôi trong những năm gần đây là học thêm Hán Nôm. Xưa kia ông nội tôi đã dạy cha tôi chữ Hán, qua mấy chục năm không dùng đến, cái vốn chữ Hán rơi rụng gần hết. Giờ đây cha tôi

muốn học tiếp, chúng tôi phải đi tìm mua cho ông hai cuốn từ điển Hán Nôm và Hán Pháp. Khi tra cứu được một từ khó hiểu như “phò mã”, ông rất vui và đi khoe với các bác già. “Phò mã” thì ai cũng biết là con rể vua nhưng tại sao lại là “Phò mã”?

Tìm mãi thì ra đó là con ngựa phụ, con ngựa thứ 5 trong cỗ xe tứ mã, phụ nhưng rất cần thiết, nếu một trong bốn con ngựa kia bị qụy thì ắt là nó sẽ thay thế. Thú vui thứ hai của cha tôi là nghiên cứu về vũ trụ. Một người bạn cũ của cha tôi đang làm việc ở Trung tâm nghiên cứu vũ trụ Paris gửi tặng ông cuốn sách nghiên cứu về thiên văn do ông ta viết. Cha tôi quý lắm, bỏ ra hàng tháng trời đọc và suy ngẫm về nó. Năm 1994, nhật thực toàn phần. Cha tôi xuống nhà tôi từ sáng sớm và tôi phải bỏ công đi mượn cho ông cái kính thợ hàn, hai cái. Mười giờ, hai ông cháu kéo nhau ra cánh đồng xem nhật thực. Ông nói: - Cha phải xem nó ra sao, nghe nói vào lúc nhật thực này, chim đang bay tự nhiên rơi xuống đất...

Buổi trưa hai ông cháu từ cánh đồng về nhà, niềm vui hiện lên trên nét mặt ông. Ông vô cùng hể hả và bữa cơm trưa hôm đó thật vui. Cha tôi bảo:

- Cha cảm ơn các con... Các nhà khoa học thế giới họ phải tốn bao nhiêu công sức đến nước ta để nghiên cứu nhật thực vậy mà hai ông cháu chỉ mất mấy phút cuộc bộ ra cánh đồng... Thật là hạnh phúc mà không phải ai cũng có được...

Nhìn cha tôi rạng rỡ trên gương mặt, tôi xúc động muốn khóc. Lâu nay tôi những muốn làm một công việc gì đó để vui lòng cha, vậy mà chỉ hôm nay tôi mới đạt được. Lẽ ra tôi phải cảm ơn cha tôi mới đúng!

Sang tuổi 85: sức khỏe của cha tôi sút rất nhanh. Trước kia, ông cứ

ở nhà một thời gian lại nắc nỏm muốn đi đây đi đó và hàng năm, vào cuối tháng hai âm lịch thế nào ông cũng về quê giỗ tổ họ. Khi còn khoẻ, ông đạp xe, từ thành phố về quê chỉ trên mười cây số, sau ông lên xe buýt tới đầu hàng rồi đi bộ vào nhà thờ. Nơi ấy hàng năm tụ tập tất cả họ hàng con cháu.

Ông rất vui khi gặp lại người này người khác trò chuyện, rồi góp tiền ăn cỗ. Trước khi ra về, ông ra nghĩa trang viếng mộ mẹ tôi. Năm ấy, cha tôi không về được mặc dù ông rất muốn về quê, con cháu can ngăn và ông chịu nghe lời. Từ đầu năm cha tôi đã bị hai lần ngã, một lần khi qua đường, ông bị một người đi xe đạp húc phải, ông ngã dập xuống, phải vào bệnh viện cấp cứu, may chỉ bị sây sát ở mắt và bị gãy chiếc răng cửa. Hai ngày sau, ông về nhà, cái răng gãy làm gương mặt ông ngộ nghĩnh. Ông biết thế nên khi nói chuyện, bao giờ ông cũng lấy bàn tay che miệng. Điều đó càng làm ông trông trẻ con hơn, một lần tự nhiên tôi bật cười, cha tôi cau mặt có lẽ ông xấu hổ:

- Cười gì thế? Cô cười cha cô à?

Tôi đáp ứng nhưng vẫn không nhịn được cười:

- Không phải, con chỉ buồn cười thôi... Cha cứ soi gương mà xem... Những nét cau có trên mặt cha tôi dần ra, và ông cũng cười, không che miệng nữa, cười ha hả vẻ rất thích thú...

Sau đó chưa đầy một tháng, cha tôi lại bị ngã lần thứ hai. Tự ngã thôi chứ chẳng ai đụng phải, hôm đó cha tôi ra phố, từ hè đường bước xuống, hụt chân ngã khụy xuống, không đứng lên được, phải có người đỡ dậy, họ hỏi nhà rồi thuê hộ xích lô đưa về. Chúng tôi lo sơ định đưa ông vào viện nhưng cha tôi lác đầu, vén ống quần lộ bên đầu gối sưng tấy. Cha tôi bảo:

- Không sao, làm gì mà chúng mày cứ cuống lên. Chỉ xoa bóp mấy

hôm là khỏi. Vớ lại ai chẳng vài lần vấp ngã, con người ta lúc lắm chầm biết đi đã chẳng ngã lên ngã xuống, hề thấy cha mẹ là oà lên khóc, còn không thấy lại tự đứng lên, về già thì ai cũng giống đứa trẻ tập đi, ngã và ngã, thế thôi. Bây giờ cha không chỉ huy được hai chân nữa, mình muốn bước ra khỏi chỗ này, nó lại chuyển sang chỗ khác... Trên bảo dưới không nghe mà...

Rồi cha tôi cười, cũng chẳng buồn lấy tay che cái răng gãy nữa. Tôi nhìn cha mà thấy tội nghiệp. Mới dăm năm trước, cha tôi còn khỏe lắm. Toàn cuộc bộ, đi đứng thoăn thoắt. Xa thì đạp xe, đạp hàng dăm chục cây số như không. Ngày đó con cái khuyên cha không nên đi xe đạp, đường xá quá đông, họ lại đi ẩu, rất nguy hiểm, cha tôi lắc đầu: - Chúng mày không hiểu, xe đạp thì thấp mà hai chân cha lại quá dài, cần thì chống hai chân xuống, vững như thành. Cha đi xe đạp hơn nửa thế kỷ nên có nhiều kinh nghiệm lắm. Này nhé đến ngã tư thấy đèn đỏ từ xa thì đạp dần lên, đến nơi vừa vặn đèn xanh, ở xa thấy đèn xanh thì đi chậm lại, đợi nó sang đèn đỏ rồi chuyển đèn xanh, đến nơi là vừa vặn. Mà qua ngã ba, ngã tư mình phải tìm chỗ dựa, thấy anh xích lô hay ô tô cùng qua là mình bám theo nép vào bên họ, chẳng anh nào dám đụng đến... Cho nên ta mới có câu: “Đèn đỏ đi nhanh, đèn xanh đi chậm” là thế...

Đầu gối bị sưng phải mấy ngày cha tôi xoa bóp mới khỏi nhưng chúng tôi ngăn không cho cha ra đường, ngay trong nhà mỗi khi di chuyển ông cũng phải chống gậy. Tôi nói với cha tôi:

- Đến cái vạch đỏ rồi đấy cha ạ, cha đừng có vặn quá lên...

Cha tôi ngẩn ra ngó tôi và chột hiểu, ông cười phá lên. Và từ đó ông không đi bộ ra đường, mỗi khi cần đi đâu hay đến nhà con cháu, cha tôi đứng cửa gọi xe xích lô... Nhưng điều tôi lo ngại không chỉ sức

khoẻ của ông ở tuổi 85, ông còn hơn nhiều người ít tuổi hơn, điều tôi lo lắng là ông bắt đầu lẩn. Làm gì cũng quên quên nhớ nhớ, đầu óc cha tôi không còn minh mẫn như trước. Mới chỉ chưa đầy một năm, cha tôi biến đổi rất nhanh, định làm việc này rồi lại làm sang việc khác, trí nhớ giảm sút và có những hành động rất kỳ quặc. Đó là những triệu chứng không bình thường mà ở cuối đời con người hay mắc phải.

Một ngày chủ nhật, cha tôi xuống thăm tôi, ông nhìn thấy cây bách tán của chồng tôi trong trong chậu, ông thích lắm. Chúng tôi biểu ông mang về nhà. Tôi phải dặn bác xích lô để cái chậu cây dưới chân ông và khi đến nhà, bác hãy đưa cha tôi vào trước rồi mới bê chậu cây vào sau, ông cụ cần đặt ở đâu thì bác giúp hộ. Tôi nghĩ muốn làm vui cho cha, người già với cây cảnh là hợp nhất. Nhưng được hai tuần, giữa trưa nắng, cha tôi lại ngồi xích lô đến nhà tôi đem theo cái chậu cảnh nhưng cây thì không còn. Bác xích lô bảo: “Tôi đã nói với cụ đổ hết đất ra cho nó nhẹ, ông cụ nhất định không nghe, cứ bắt mang cả chậu cả đất...”. Cha tôi nghe xong, nói ngay: “Cái chú này đến lạ, trước kia tôi đem chậu cả đất của cô ấy về nhà thì bây giờ tôi cũng phải trả lại nguyên vẹn... Chỉ có cái cây bị chết tôi nhớ đi rồi...”. Cái cây bách tán nhà tôi đã ra đến mấy tán lá vậy không hiểu sao lại chết được? Tôi nghe mà rờn rợn. Nhưng cũng chưa hết, vừa ngồi chưa nóng chỗ, cha tôi lại bảo: “Con ra đồng lấy cho cha tải đất màu cha đem về vun vào các chậu khác cho nó tốt...”.

Lúc này ngoài đồng, lúa đã ngậm đòng, làm sao cuốc được đất cho cha? Nhưng ông cụ vẫn khẳng khái đòi đất. Tôi đành chạy sang nhà ông hàng xóm chuyên bán cây cảnh để xin ông nửa tải đất, ông cụ đã muốn thì không thể không có được. Ông hàng xóm bảo tôi:

- Được tôi sẽ biếu cô nửa tải đất màu dự trữ của tôi. Nhưng tôi thấy đây là điềm chẳng lành. Ngày mồng một đầu tháng mà đi lấy đất thì gờ rồi đấy, cô phải chú ý đến ông cụ...

Câu nói của người hàng xóm làm tôi liên tưởng đến cây bách tán bị chết, cây thì chết mà người lại đi lấy đất, đúng là điềm không hay rồi... Tôi là giáo viên tiểu học, không phải kẻ mê tín dị đoan và cha tôi hay chế giễu những bà chồng con chẳng quan tâm cứ hay kéo nhau đi hết chùa nọ đền kia, nay hội này mai hội khác, cúng bái lung tung. Tôi vác nửa tải đất về và giữ cha tôi ở lại ăn cơm, ông lắc đầu đòi về giữa trưa nắng, mái tóc cha tôi cắt ngắn có khi húi cua, chẳng bao giờ đội mũ, cứ đầu trần ngất nghểu phơi nắng, lúc trẻ vẫn thế, về già cũng vậy. Có lần, tôi mua một cái mũ và đem về ép cha tôi đội khi ra ngoài.

Cũng là nể con gái lắm cha tôi mới cầm chụp lên đầu rồi đạp xe đi, nhưng khi cha về nhà, cái mũ không còn nữa. Cha tôi nhìn tôi như xin lỗi và nói: “Thế đấy, con gái ạ, cha lại để quên đâu đó mà không nhớ ra hay nhớ ra nhưng chẳng nhẽ quay lại đòi mũ...”. Tôi nhìn cha tôi và cười...

Một đêm mùa hè, cha tôi không hiểu sao đang nằm đọc sách dùng dùng trở dậy mở cửa gọi xích lô ra đi, ông muốn đến nhà tôi có chuyện gì đó rồi ông quên luôn và quên cả nhà tôi. Bác xích lô hỏi, ông vẫy tay: “Chú cứ đi đi, tôi sẽ chỉ đường cho chú...”. “Nhưng cụ về phố nào kia chứ?”. “Thì tôi cũng chẳng nhớ nữa, thôi cứ đạp đi, tôi khắc nhớ mà...”. Chiếc xe chở cha tôi đi lòng vòng hết phố này sang phố khác, lúc rẽ trái, khi rẽ phải, cuối cùng cha tôi không thể nào nhớ được con đường vào nhà tôi. Ông đành bảo xích lô quay lại một phố gần đó, rẽ vào một hẻm gần đó rồi đến nhà chị gái tôi. Đây rồi, ông

đập cửa, chị tôi giật mình khi nhìn thấy cha tôi thôi léch thếch trong bộ quần áo ngủ, không hiểu có chuyện gì. Cha xuống xe bảo: “Cha định đến nhà con út mà quên mất đường”. “Nhưng ông tìm cô ấy có chuyện gì?” “À, à... cha định...” rồi dờ ra không biết mình định cái gì? Chị tôi vội khép cửa, đưa cha tôi ra xe, chị tôi ngồi kèm cha tôi về tận nhà, đưa cha tôi vào giường nằm và nói: “Thôi khuya rồi. cha đi ngủ đi, sáng mai con nhắn cô ấy đến gặp cha...”. Ông già ngóc dậy hỏi: “Mấy giờ rồi?”. “- Mười hai giờ đêm rồi cha ơi!”.

Về nhà, chị tôi gọi điện thoại báo cho tôi và anh chị em khác biết, chị tôi bảo: “Cha lẫn lẩn rồi, tình hình này là gay đấy”. Tôi nghe điện rồi khóc nức lên. Tôi biết cái thời gian cha tôi còn ở lại với chúng tôi không nhiều nữa. Cha đã đi đến cái chót vót của vạch đỏ rồi...

Trưa hôm sau, tôi ở trường về đến thẳng nhà cha tôi. Tôi hỏi đêm qua ông đi xe đến tìm tôi có chuyện gì? Cha tôi ngớ người hỏi: “Đêm hôm qua à? Đêm hôm qua cha đi ngủ từ sớm có đi đâu?”. Tôi im lặng nhìn cha, cha tôi đã chẳng thể nhớ ra cái việc đó cha làm theo bản năng, chột nghĩ và chột làm. Cái trí nhớ già nua của ông cụ không ghi lại dấu vết gì nữa? Cha tôi nhìn lại tôi, đôi mắt ông không còn những tia lấp lánh như trước, nhìn mà như chẳng thấy gì hết. Tôi nói:

- Cha có thích ăn nem rán không? Chiều nay con rán rồi đem lại cha dùng?

- Nem rán à? Ồ, đã lâu không ăn nem rán. Con cứ đưa lại nhưng đừng nhiều, chỉ cần ba cái thôi...

Ông giơ ba ngón tay chìa vào mặt tôi.

Chiều hôm ấy tôi làm nem rán cho vào cặp lồng đem đến. Tôi đặt trên bàn ăn rồi pha nước chấm mời ông. Cha tôi vui lắm, cười cười

ngó đĩa nem nhưng ông cau mặt:

- Sao mà nhiều thế, ta chỉ cần có ba cái thôi, ba cái là nhiều rồi...

Rồi ông cụ ngồi ăn rất ngon lành, đúng ba cái, ăn hết ông gác đĩa.

Chợt ông quay phắt lại nhìn tôi, giọng lạnh tanh:

- Mà cô là ai nhỉ?

Tôi nghe lạnh toát cả người, cái giọng rất lạ, khô khốc như không phải của cha tôi. Và khi tôi nhìn vào mắt ông cụ thấy đôi mắt bạc trắng như sữa, không phải mắt cha tôi, cũng không phải đôi mắt của người sống. Tôi vội đứng lên chạy ra sân, hai tay ôm lấy mặt. Hết rồi, đây là triệu chứng báo hiệu không lành. Tôi ở lại với ông cụ và bữa cơm chiều hôm ấy, tôi nói với các anh chị tôi:

- Hồng rồi, em biết là cha hồng rồi. Từ nay thiết quân luật cả nhà rồi chia nhau trực bên cha, không được lơ là giây phút nào hết. Thiết quân luật cả nhà, các bác nghe rõ cả rồi chứ. Bác cả ghi lịch chia rõ để nhớ, đến lượt ai người ấy phải ở lại đây, hăm bốn trên hăm bốn... Sáng hôm sau, cha tôi không dậy được nữa. Ông nằm trên giường, mọi sinh hoạt ăn uống đều trên giường, trừ đi tiểu tiện, ông bảo con cái vực dậy đi ra góc nhà và đi đại tiện thì vào nhà vệ sinh. Ông cụ vốn tính sạch sẽ, không muốn để con cháu thấy cảnh bê bết trên giường dù sức lực đã gần cạn kiệt. Chúng tôi mấy anh chị em và các cháu nội ngoại lúc nào cũng có mặt bên giường cha tôi. Ông cụ chẳng có bệnh tật gì hết mà là kiệt sức giống như ngọn đèn tàn cổ cháy leo lét cho đến cạn dầu.

Được vài ngày như thế, đêm thứ sáu, nửa đêm cha tôi kêu nóng bức, bắt con cháu phải bế vào nhà tắm vắn vòi nước nóng để tắm rửa. Tôi biết đây là những giờ phút cuối cùng. chúng tôi đặt cha lên chiếc ghế rồi múc nước ấm dội lên người ông già, vừa dội nước vừa

kỳ co. Cha tôi suýt soa sung sướng kêu lên: “Thích quá, kỳ đến đâu bỏ đến đây, bỏ như khoai luộc. Sướng quá, tắm được cái sướng quá. Muốn đi đâu thì đi cũng phải tắm rửa sạch sẽ chứ...”.

Chúng tôi lau khô người cha bằng tấm khăn sạch rồi đưa cha lên nhà, mặc quần áo mới cho cha. Chiếc sơ mi trắng lại thất cra-vát hằn hoi, bên ngoài bộ âu phục đen mà cha tôi thường mặc khi đi đâu xa, tóc chải lật, cha tôi được đặt ngay ngắn trên giường. Ông cụ vẫn tỉnh táo, ngọ ngoạy bàn chân và nói: “Đi tắt vào cho cha...”.

Chúng tôi ngồi xuống quanh giường cha, trong giờ phút cuối cùng của cha. Căn phòng được bật hết đèn để cha tôi có thể nhìn rõ từng người con, từng đứa cháu. Tôi quỳ bên cha, nắm lấy bàn tay gầy của cha, những ngón tay cha động đậy và nắm lấy bàn tay tôi. Cha tôi mở mắt đảo nhìn suốt lượt từng người con, con trai con dâu con rể và những đứa cháu vây quanh giường. Đôi mắt dừng lại ở tôi, đôi mắt như muốn cười, lấp lánh và hóm hỉnh, đôi môi cha tôi động đậy dường như ông muốn nói hay muốn che cái răng cửa bị gãy, đôi mắt vẫn đọng lại nơi tôi nhịp thở hồi hả. Và tôi thấy những ngón tay của cha tôi lỏng ra, tôi xiết chặt bàn tay như để truyền cho cha hơi nóng nhưng bàn tay cha tôi lạnh dần, rồi những ngón tay rời hẳn. Một nhịp thở dội lên, đôi mắt cha tôi khép lại. Nhịp thở dừng hẳn. Cha tôi đã ra đi thanh thản và nhẹ nhàng. Tôi gục xuống khóc, các chị tôi chị gái và chị dâu cùng khóc, các anh tôi nức lên...

Tôi chọt vùng dậy ôm lấy cha lần cuối cùng rồi tôi đưa thằng con trai nhỏ của tôi lách ra. Hai mẹ con đưa nhau ra ngồi ngoài sân, trong nhà tiếng khóc đầy ắp nơi cha tôi nằm. Thằng con tôi gục vào lòng mẹ, tôi nâng mặt cháu lên, lấy khăn lau nước mắt cho nó nhưng nước mắt của tôi lại trào ra không kìm lại được. Tôi mếu máo khi con

tôi khe khẽ gọi “ông... ông ơi...”, tôi nói: “Thôi thế là từ nay chẳng còn ai dắt con ra chơi ngoài đồng. Ông đã đi xa rồi...”.

Đồng hồ trong nhà điểm năm tiếng. Trời đã sáng. Cha tôi đã mất, đối với mọi người, cha tôi chỉ là một người bình thường, chẳng có chức danh chức phận gì lớn lao, một ông già hơi gàn gàn, hơi điên điên nhưng cũng chưa bao giờ làm phiền lụy đến ai. Đối với tôi, cha tôi là một con người đặc biệt với tính cách đặc biệt, sống một cuộc sống thanh đạm nhưng có nhiều ý nghĩa đối với con cháu. Suốt đời tôi không bao giờ có quên đi đôi mắt hóm hỉnh và nụ cười vừa độ lượng vừa châm biếm của ông. Cái vạch đỏ, ông đã tạo ra nó để tự kiểm chế mình, biết những điều cần làm, những điều không nên làm. Cái vạch đỏ như vạch ranh giới ấy không phải ai cũng biết hoặc biết mà không theo được.

Trời sáng, tiếng xe cộ vọng lại từ ngoài đường phố. Bác xích lô nhà bên đang chuẩn bị bữa ăn sáng và ạch cách lòi cái xe cổ lố ra cửa. Tiếng trẻ con líu lô, tiếng những người mẹ trẻ đang quát con dậy đến trường. Nhịp sống vẫn tiếp tục, người già mất đi, lớp trẻ lớn lên, như một dòng chảy không ngừng. Nhưng chẳng ai thay thế được cha tôi.

Năm Quốc tế người Già 1999

Mai Ngữ

Người trong đội danh dự

Phần I

Tưởng nhớ Văn Cao

Chuyến tàu hoả Hà Nội xuôi Hải Phòng sáng hôm ấy mãi chín giờ mới chạy. Văn không ra ga Hàng Cỏ. Văn nhảy xe điện lên đầu phố Hàng Than rồi cuốc bộ ra ga Đầu Cầu. Văn mặc áo dài trắng, quần trắng, đi giày ba-ta trắng và cả cái mũ kiểu tàu khoán dày cộp cũng quét phấn trắng. Nhưng cái màu trắng đã xuống nước, nhuôm nhuốm màu cháo lòng vì bụi bặm thời gian và vì lâu ngày chưa được thay giặt. Khuôn mặt Văn võ vàng, da tái mét, râu ria lởm chởm. Văn soi gương thấy khuôn mặt mình khá hợp thời, khuôn mặt của anh chàng nghiện oạt đang đói thuốc và đói ăn. Một anh hương sư nghèo hèn ở xó quê nào đó.

Lúc đó là mùa hạ năm 1945, nạn đói vừa qua đi để lại dấu vết khủng khiếp của cuộc tàn phá dữ dội trên các xóm làng vắng vẻ và xơ xác. Cây cối bị chặt trụi, loại cây ăn được thì bị đào bới tận củ, tận rễ, loại khác bị tróc đi để bán, chục cây tre mới đổi được bơ cám. Mọi thứ rau cỏ cũng bị vật sạch, nhà cửa cũng đã dỡ ra làm củi bán hoặc đốt lên để sưởi qua trận rét... Và trên cánh đồng, ven đường, chỗ nào cũng mọc lên những ngôi má lùm lùm đất mới chưa xanh cỏ, có ngôi

mả rộng to bằng cả gian nhà, dưới đó nằm mấy chục xác chết. Nạn đói đã qua nhưng con tàu dường như chưa được hồi sức. Nó hồng hộc, phì phò lết đi trên đường sắt. Hành khách càng vắng. Toa của Văn ngồi là toa hạng ba, bẩn thỉu và đen ngòm bụi than. Mấy người đàn bà nhà quê rách rưới ngồi bệt xuống sàn tàu, quang gánh thúng mủng xếp bên cạnh. Trên cái ghế dài, một người đang nằm chẳng rõ đàn ông hay đàn bà mặt mũi phù thũng húp híp và cả hai ống chân cũng phù nề xanh bóng những nước.

- Chết chết! - Một người đàn bà bỗng thốt lên khi nhìn ra cảnh đồng - Tôi chưa bao giờ thấy lúa chiêm tốt như năm nay. Lúa chín rục xuống mà chẳng có người gặt. Chết vẫn cả rồi còn gì, lấy đâu ra người ở vùng tôi, chẳng ai dám bước chân xuống ruộng hễ xuống là giẫm phải xương người...

- Ở làng tôi cũng vậy. Lại khổ nổi, qua đận chết đói giờ đến chết no. Nhịn đói lâu ngày nên ruột mình nó mỏng như tờ giấy bản thấm nước. Cái giống gạo chiêm vừa rần vừa lấm nhưa ăn vào ruột bực ra từng khúc. Chưa nuốt trôi bát cơm đã lặn ra chết. Khổ thế!

- Còn là chết, bà ơi! Chết đói, chết no giờ lại chết bệnh nữa... Làng tôi đang có bệnh tả... Chết mấy chục người rồi, có nhà chết tất, vợ chồng con cái chết tất tậ...

- “Mười phần chết bảy còn ba... Đến khi vua ra chết hai còn một”. Sấm đã nói thế còn gì.

Những người đàn bà im lặng, nheo nheo nhìn ra ngoài nắng. Văn nhắm mắt lại, anh không muốn nghe, muốn nhìn gì hết. Những vẻ kinh hoàng còn hằn trên gương mặt họ, những câu chuyện càng nghe càng khủng khiếp... Tất cả gọi lại cho Văn những cảnh dữ dội của vụ đói vừa qua. Những xác người khô đét như cành củi rong

chất đông trên các bãi chợ. Chiếc xe bò chở xác, những cẳng chân, cẳng tay lắt lẻo thò ra ngoài, chơi vơi, chơi vơi... Một con người hấp hối, cái chết đang đến, đôi tròng mắt trũng xuống không còn đồng tử bị kiến bâu đen ngòm chỉ có đôi chân run lên bần bật khi Văn đi qua...

Chết, cái chết vẫn chưa buông tha mình. Nó đang chờn vờn quanh đây trong câu chuyện của mấy người đàn bà, trong tiếng thở rít lên của người đang nằm trên ghế gỗ, như thiếu hơi, người đó vươn cổ ra để đón không khí, thứ không khí đặc quánh những bụi than và oi nồng.

Trưa nắng loá, con tàu ì ạch bò trên đường ray. Gió thổi không át được mùi thối khẳn từ đâu đó bốc lên. Văn úp mũ lên mũi, nhìn ra ngoài. Cánh đồng lúa hai bên đường vàng rực dưới nắng và những bông lúa trĩu nặng gục xuống, đan vào nhau trong cái thảm đậm đặc dài tít vào tận chân tre. Một đàn sẻ đồng bị tiếng còi tàu đánh động từ trong bụi lúa bay lên rào rào...

Nạn đói đã đi qua như cơn ác mộng và chính Văn cũng suýt nữa là con mồi của nó nếu như Văn không sớm chạy lên Hà Nội, sống bám vào mấy thằng bạn cùng cảnh, ăn rình mỗi bữa một bát, khi cháo, khi khoai... Chưa bao giờ kẻ thù đánh vào dân tộc mình cú đòn hiểm như vậy. Chúng nó dồn ta vào sát chân tường rồi, chỉ còn một con đường là tự cứu lấy mình, cứu lấy giống nòi mình...

Xình xịch xình xịch... Con tàu hỗn hển, nặng nhọc bò như bị quá sức... Xình xịch xình xịch, tiếng kêu buồn bã, đều đều... Xình xịch loảng xoảng... âm thanh ấy khiến Văn buồn ngủ quá. Đã mấy đêm liền thiếu ngủ rồi..

Tàu dừng lại ở ga Dự Nghĩa thì Văn xuống. Văn ôm chiếc cặp da cà khỗ đi men theo con đường sắt và rẽ vào nhà của Phúc. Chỉ có vợ Phúc đang ngồi nhặt rau và hai đứa con nhỏ đang chơi đùa trên chiếc chiếu rách trải giữa nhà. Ông ký ga chắc đang bận ở sân ga với chuyến tàu vừa tới...

Vợ Phúc ngẩng lên, vội xoa hai bàn tay vào nhau đứng dậy:

- Kìa bác, bác vừa về, bác không gặp nhà em ở ngoài ga?
- Tôi có trông thấy anh ấy nhưng không gọi anh ấy đang mải việc. Tôi xin chị cái xe đạp, tôi phải đi ngay mới kịp...
- Bác ở lại xơi cơm với nhà em. Ăn xong bác xuôi về Phòng kịp chán. Hôm nay có giảng.

Văn vội xua tay:

- Thôi xin phép chị, để khi khác. Tôi phải xuống ngay Quán Toan có chút việc rồi quay về chuyến tàu tối cho kịp...

Văn vừa dắt xe ra khỏi nhà thì gặp Phúc. Ông ký ga xép mắt mũi còn toét nhoèn của người vừa ngủ dậy, chắc đêm qua Phúc lại mò ra đám cô đầu ngoài phố. Hàm răng phô của Phúc càng thêm nhô ra, cái cằm đầy râu và tay Phúc phe phẩy cây cờ đỏ quần tròn như chiếc dù cui của đội xếp.

- Mày vừa trên tàu xuống hả, Văn? Sao tao không nhìn thấy nhỉ? Đi ngay à?

Văn gật đầu:

- Tao phải đi ngay. Mày có đồng nào trong túi, cho tao vài đồng..

Phúc lộn túi, móc ra đưa cho Văn ba tờ giấy bạc một đồng nhàu nát.

- Méc-xi(1)... Thôi tao đi đây, vài hôm nữa tao quay về, có thể vào chỗ mày nếu không có chuyện gì ô-rơ-voa(2).

Hai người bắt tay nhau. Văn nhấc chiếc xe qua đường sắt để sang

đường quốc lộ số 5, con đường xanh biêng biếc...

Đến đây là hết địa phận của Hải Dương, bên kia là đất Kiến An rồi.

Văn tháo chiếc dây lưng, gài cặp da vào khung xe đạp, buộc cẩn thận. Chiếc xe đạp cũ kỹ, cao lênh khênh, vành 700, ghi-đông ca-rê và chẳng có chuông, phanh, chẳng có chắn bùn, chắn xích nom thiếu não như chủ nhân của nó.

Văn chậm chạp móc trong túi ra chiếc cặp sắt, cặp chặt ống quần bên trái, xong vén tà áo phía sau, gài vào gọng ghê trong cặp quần.

Anh sửa lại mũ, đội sụp xuống trán, lấy cặp kính trắng noóc-man(3) đeo lên mắt. Văn làm từng ấy công việc một cách từ tốn, mắt liếc nhìn chung quanh coi chừng.

Con tàu đã bỏ lại bên ga lẻ vài ba hành khách rồi tiếp tục chạy về Hải Phòng. Cảnh vật hoang vắng và đìu hiu, chẳng có ai thèm để ý tới anh chàng có vẻ là ông giáo nhà quê như Văn...

Văn đạp xe thong thả, đầu óc nghiền ngẫm về cái kế hoạch đã được sơ bộ bàn bạc với anh em trên Hà Nội. Gọi là kế hoạch cho có vẻ, thật ra nó chỉ vền vện có câu nói của Khang truyền đạt lại ý kiến của thành uỷ: phải khử cho bằng được tên chó săn ấy. Vậy thôi và Văn ra đi Hải Phòng, cái thành phố cảng ấy có cái gì hấp dẫn Văn? Nó đang kêu gọi Văn?

Cách đây hai tháng Văn đã xuống Hải Phòng cùng với Đạo thường gọi là Đạo “đen” vì nước da miền biển của anh. Chuyến đi ấy theo kế hoạch đã được thống nhất với anh em dưới Hải phòng.

Hôm ấy, Văn xách cái hộp đàn violông, còn Đạo thì cặp cặp. Bên trong cái hộp đàn của Văn chứa đầy những truyền đơn và cờ Việt Minh cùng với những khẩu hiệu kẻ tay: “Đả đảo phát xít Nhật, ủng hộ Việt Minh”. Anh em dưới Hải Phòng đã hẹn trước họ sẽ đón hai

người ở ga An Dương vào chuyển tàu tối.

Tàu đến ga lúc 9 giờ khuya. Trời còn rét, phố xá im lìm trong những cơn gió lạnh và không khí chết chóc của nạn đói còn bao trùm lên thành phố.

Hai người đứng chờ trước cửa ga An Dương đến gần tiếng đồng hồ chẳng có ma nào ra đón.

- Làm thế nào bây giờ, Đạo? Tao đói quá...

Đạo đứng sững, dăm dăm nhìn suốt dọc con đường Cát Dài âm u:

- Chẳng lẽ chúng nó không ra? Các bố trẻ làm ăn như thế thì chết cha con nhà người ta!

- Chắc có chuyện gì rồi? Hay là chúng nó bị tóm hết? Hay là lộ...?

- Thôi được, mày cứ đi theo tao...

Đạo ôm cặp vào nách rồi đi về phía chợ An Dương. Văn xách hộp đàn lẻo đẻo theo sau. Tới một quán nước còn sáng đèn, Đạo rẽ vào mua nửa nải chuối. Đạo bẻ chia cho Văn ba quả:

- Ăn đi cho đỡ đói...

Hai người đứng nép dưới mái hiên, tóp tép ăn chuối. Thốt nhiên Văn cười sặc lên.

- Mày cười cái nỗi gì thế? - Đạo hỏi.

Văn rướn cổ nuốt nốt miếng chuối và nói:

- Giá như lúc này bọn con gái Ary-Anhbe(4) chúng nó trông thấy tao thì cam đoan với mày là ngày mai cả thành phố đều biết nhạc sĩ Trần Văn đứng ăn chuối ở chợ. Chẳng gì tao cũng là giáo sư âm nhạc, dậy hát chúng nó...

- Chúng nó trông thấy không đáng sợ bằng lúc này bọn chó Nhật phát hiện ra tao với mày đứng co ro ở đây với một đồng tài liệu... Bây giờ tao tính thế này: bọn Hải Phòng đêm nay chắc là không ra đón

chúng ta rồi. Mà tao với mày cũng không thể ôm những thứ này về nhà được. Nhà tao với nhà mày bây giờ thường xuyên bị chúng nó bao vây.

- Vậy thì mang đi đâu?

- Tán phát... Đẳng nào thì cũng phải tán phát bằng hết. Cờ và khẩu hiệu thì dán lên tường, còn truyền đơn nhét vào các khe cửa, thừa ra thì tống vào các boát-đờ-lét(5)... Bọn mình đành làm thay các tướng ở đây vậy. Sáng mai chúng nó sẽ vô cùng ngạc nhiên cho mà xem... Đi thôi, mày đi một bên hè, tao đi một bên, cứ thế mà làm, cách nhau dăm chục thước. Có động thì huýt sáo bài “Bạch Đằng Giang”. Đây mày cầm mấy quả chuối mà dán...

Tán phát và dán khẩu hiệu. công việc ấy rất quen thuộc với cả hai người. Ôi, linh thiêng làm sao cái đêm mùa xuân ấy, đêm xuân của Hải Phòng! Gã con trai Hải Phòng nào chẳng có một đêm lang thang trên đường phố quê hương. Văn cũng có nhiều đêm như vậy, có khi đi một mình chệnh choạng như một lãng tử, miệng ngâm nga mấy câu thơ của Thế Lữ. Đêm Hải Phòng cô quạnh sau những đợt rắc bom của máy bay Đồng Minh, những trái bom nhằm triệt phá các căn cứ quân sự của Nhật Bản toàn trật ra khu đông dân ở ngõ Chè Chai, ở Cầu Đất, ở đường Bônnan. Đêm mùa đông rét đến cóng đôi bàn tay và từ những ngôi nhà bị bom sập, người ta nhặt nhạnh những mảnh gỗ vụn, khung cửa, bàn ghế đốt thành đồng lửa sưởi. Văn đã nhiều lần phải sà ngồi bên đồng lửa ấy hơn hai bàn tay, ngọn lửa bùng bùng cháy át cả ánh sáng nhợt nhạt của những ngọn đèn phòng. không lấp ló trong vòm cây phượng vĩ...

Đêm ấy, Văn cũng đi trên những phố phường thân quen nhưng bước đi không chệnh choạng làm duyên như xưa, những bước nhẹ và quả

quyết. Đêm Hải Phòng giá buốt,, những đám người chạy trốn nạn đói từ Kiến An, Thái Bình nằm la liệt trên hè đường, dưới các mái hiên thành từng đống đen lùm lùm như những đống rác, ở đó hắt ra tiếng rên khe khẽ, tiếng khóc, tiếng thở khò khè hấp hối. Dù đói lả nhưng cũng phải cố đánh tiếng để tỏ là người còn sống, nếu không những cái xe bò đi qua sẽ hốt tất cả đem đổ vào những cái hố đã đào sẵn. Văn cố đi cho nhanh, không dám dừng lại để nhìn vào những đám đen đen chất chồng những thân hình khẳng khiu đang bị cái đói và cái rét hành hạ. Văn bước đi len lén, chốc chốc lại quay nhìn sang bên kia đường, cái bóng cao lớn của Đạo khi ẩn, khi hiện trong các vòm vây. Tới mỗi mảng tường, Văn dừng lại, dí quả chuối nhoen nhoét lên đó rồi áp vội lá cờ giấy. Trong bóng tối bỗng rực lên một chấm đỏ tươi, lá cờ Việt Minh, lá cờ kêu gọi mọi người đứng lên đánh Pháp, đuổi Nhật, đứng lên cứu lấy dân tộc đang bị chết dần, chết mòn... Lá cờ cùng với dòng khẩu hiệu được viết nguệch ngoạc nhưng có sức lôi cuốn mãnh liệt.

Gần bốn giờ sáng hai người mới giải quyết hết những bó cờ, truyền đơn và khẩu hiệu nhét đầy trong hộp đàn của Văn và chiếc cặp da của Đạo. Khi Đạo đưa Văn lần về đến nhà thì đồng hồ điểm bốn tiếng. Đạo vừa đập cửa đã thấy bà cụ xuất hiện trong cánh cửa y như mẹ Đạo vẫn thức đợi con trở về. Hai người chui lên trần nhà, lăn ra mảnh chiếu trải sẵn và ngủ như chết...

Trưa hôm sau, trong bữa cơm, bà mẹ Đạo kể lại buổi sáng bà đi chợ nghe người ta xì xầm không biết cơ man nào là Việt Minh mới về đêm qua, họ dán đầy cờ và khẩu hiệu trên các phố. Rồi nhà nào cũng có truyền đơn nhét trong khe cửa. Cảnh binh và hiến binh Nhật đi từng xe ô tô đổ xuống để bóc và thu hết lại... Đạo im lặng, ngồi ăn,

chốc chốc lại liếc mắt về phía Văn. Cả ông bố của Đạo cũng im lặng, mãi khi ăn xong, đứng lên ông mới bảo:

- Hai cậu đi phố phải cẩn thận. Chỗ nào chúng nó cũng rình mò...

Tuần vừa rồi, chúng nó bắt đi đến vài chục người, toàn đám thanh niên học trò như các cậu... Phải cẩn thận...

Nói xong, ông cụ lẳng lẳng lên gác. Chắc hẳn ông biết thừa biết cái chuyện Việt Minh dán cờ, khẩu hiệu và nhét truyền đơn đêm qua là do hai ông tướng trẻ đang ngồi ăn kia. Đêm qua mãi gần sáng chúng nó mới bò về là thế. Ông cụ biết nhưng ông không nói gì hết.

Văn nhìn thấy ông cụ, bụng nghĩ: “Thế là chúng nó bị bắt hết rồi...

Hèn nào đêm qua chẳng thấy thằng nào ra đón... Nhưng tại sao lại bắt hàng loạt như vậy? Nội phản chăng? Hay bọn Nhật mới mộ được tên chó mới, khá nguy hiểm đây? Nó là ai, thằng nào?...”

Buổi trưa, tắm xong, Văn rủ Đạo ra phố. Mỗi người thay bộ đồ mới.

Đạo hỏi:

- Mày có định về nhà không?

- Không... tao lộ quá rồi, về có thể bị chộp mất...

Hai người lững thững đi dưới cái nắng mới của Hải Phòng. Đi như chẳng có mục đích gì, như hai thằng vô công rồi nghề. Họ đi dọc theo con đường đêm qua. Những lá cờ, khẩu hiệu đã bị bóc hết chẳng để lại dấu vết gì nhưng Văn nhìn vào đó, trên những mảng tường vẫn còn những dấu đỏ son không thể nào xoá sạch. Họ đi hết con đường Cát Dài, vòng lên Cầu Đất rồi sang phố Lạcôm. Thành phố im lìm trong nắng trưa và đâu đó Văn vẫn có cảm giác thấy những đôi mắt rình mò của bọn mật thám. Chúng lảng vảng trong các quán giải khát, ngồi vạ vật ở dưới mái hiên, theo dõi người qua lại. Vài ba tên đội xếp quần quanh ở các ngã ba, ngã tư. Chiếc xe

nhà binh chở đầy lính Nhật lẫn bánh ẩm ẩm về hướng cầu Hạ Lý. Nhà Bưu điện đứng sững, cái thùng thư to phình đơm qua nuốt gọn mấy bó truyền đơn bây giờ không biết còn hay mất? Sáu Kho ở sau lưng Văn. Gần đó là bến Muối, bến Ngự, nơi có căn nhà của gia đình Văn, có phòng làm việc của Văn, căn phòng nhỏ xíu lại chứa cái máy phát điện to kèngh chiếm gần kín chỗ... Ôi, cái tổ ấm quen thuộc và thân thương cứ muốn níu lại bước chân của Văn... Hai người lộn về phố Cầu Đất. Quá tiệm nhảy Palát, Văn nghe có tiếng chào sau lưng:

- Lạylà thàylà ạ...

Văn quay lại. Hai cô gái chừng mười bốn, mười lăm tuổi, áo dài trắng, một cô tóc kẹp và một cô tóc thè ngang vai đang khoanh tay lễ phép đứng sau lưng Văn.

- Lạylà thàylà ạ! - Hai cô gái chào Văn lần nữa.

Và đoán chắc Văn chưa nhận ra, cô tóc thè e thẹn nói:

- Thàylà thàylà quên chúng con. Chúng con học ở Lê Lợi, thàylà đã đến dạy hát chúng con...

- À, phải, xin lỗi... Chào hai cô...

- Thàylà thàylà, chúng con mời thàylà... mời hai thàylà quá bộ vào nhà xơi nước. Nhà con ở ngay đây ạ.

Văn ngần ngừ nhưng bụng nghĩ: “Vào hỏi tình hình bọn này xem sao...”. Văn rủ Đạo đi theo hai cô gái nhỏ bước vào nhà, ở đó còn hai cô và ba cậu nữa. Hình như họ đang học hát vì trên bàn để mấy cuốn sách chép nhạc và hai cây đàn măngđôlin, một cây băng-giô đặt trên tấm phản...

Đám trẻ đứng cả lên, lễ phép chào. Văn hỏi:

- Các cô các cậu đang học hát?

- Vâng ạ... Thàylà thàylà, chúng con đang chuẩn bị để tối nay trình diễn

giúp Hội Truyền bá quốc ngữ. Tối nay ở Văn Minh Ca Quán ạ...

Một cậu khoanh tay thưa:

- Thưa hai thầy, tối nay chúng con mời hai thầy tới dự... Chúng con xin gửi hai thầy giấy mời, cả prôgam(6)...

- Méc-xi... Tối nay chúng tôi sẽ tới nếu không có việc gì trở ngại...

Cảm ơn các cô, các cậu...

Đạo ngồi xuống ghế, đỡ chén nước từ tay một.

- Nghe nói sáng nay dưới này nhộn nhạo lắm!

Mấy cô bé, cậu bé tranh nhau kể:

- Dạ vâng thưa thầy, sáng nay toàn cờ với khẩu hiệu Việt Minh dán đầy tường...

- Lại cả truyền đơn nữa ạ. Sáng nay để con dậy mở cửa hàng cũng thấy có truyền đơn Việt Minh nhét vào nhà...

- Thưa thầy ở Hà Nội mới xuống ạ?

- Chúng tôi đến Phòng trưa nay... - Văn gật đầu - Vừa xuống ga đã nghe đồn ầm cả. Dưới này Việt Minh cũng hoạt động ghê nhỉ?

- Thưa thầy, tuần trước Nhật bắt đi nhiều người lắm đấy ạ... Họ bảo bắt hết cả Việt Minh Hải Phòng, thế mà vẫn còn..

- Thưa thầy, anh trai cậu này cũng bị bắt mới được về.

- Thế hả? Anh cậu về nhà có kể chuyện gì không? Làm sao nó bắt nhiều thế nhỉ?

- Thưa thầy anh con bảo tất cả là do thằng Phin đi báo Nhật ạ...

- Thằng Phin?

- Vâng, chính nó ạ. Phin, giáo sư tiếng Nhật bây giờ nó làm cho Nhật Anh con bảo khi bị bắt vào hiến binh, chính thằng Phin hỏi cung anh con...

“À ra là nó!”. Văn ngửa người ra thành ghế suýt nữa bật lên tiếng

kêu. Thằng Phin, cái gã Đỗ Đức Phin, giáo sư dạy tiếng Nhật vào buổi tối, dạy cả chữ Nhật, thứ chữ đã được Latinh hoá vẫn không kém phần rắc rối như thứ chữ tượng hình, cái gã giáo sư lâu nay đi đâu cũng tuyên truyền thuyết Đại Đông Á của Nhật, trước kia gã ăn mặc chững chặc trong bộ com lê đùi trắng, thắt cà vạt đen, từ ngày đảo chính, gã trút lốt, đóng bộ lính Nhật, cũng ghệt, cũng kiêu, cũng cái mũ lưỡi trai mềm có đính ba mảnh vải che nắng ở sau gáy, mắt cũng đeo kính trắng, đầu cao nhẵn thín và để ria Hít le. Gần đây, ở Hải Phòng cũng nảy nòi ra những anh lính Nhật “lô-can” như thế, đó là những tay nửa áp phe nửa du đảng, theo đóm ăn tàn, lệt sệt kéo lê đôi giày đinh xì xồ dăm câu tiếng Nhật; “A-ri-ga-tô”, “dô-tô-nay”(7), miệng ư ử “ồ sì nà nổ ì ồ ru...”(8). Những gã lính Nhật “lô-can” ấy chỉ đủ để hù dọa mấy mục đầm già và trẻ con tây.

Thế là thằng Phin đã lộ chân tướng là một tên chó săn cho Nhật, phá hoại phong trào cách mạng của Hải Phòng. Văn biết nó nhưng nó chưa biết mặt Văn. Biết đâu vào giờ này, nó cho tay chân đi rình mò để bắt Văn.

Người trong đội danh dự

Phần II

Gần năm giờ chiều, Văn đạp xe về đến phố Quán Toan. Ánh nắng nhạt thếch chiếu chênh chếch những dãy quán lợp rạ với những bức tường đất mới đắp còn tanh mùi bùn. Có lẽ sau trận đói tháng ba, dãy phố đang được hồi sinh. Gần chợ là mấy căn nhà ngói, cửa hàng thuốc bắc của chú khách Sòi, rồi đến nhà đại lý rượu Phong ten của ông ký Đại.

Văn xuống xe, dắt quá lên một quãng và rẽ vào nhà Cẩn. Vừa đẩy cổng, Văn thấy Cẩn đứng sững phía trong y như Cẩn đứng sẵn ở đó từ lâu. Nhận ra bạn Cẩn reo lên, vội vã đưa Văn đi vòng lối sau thẳng

buồng riêng của Cẩn.

Lần nào cũng vậy, mỗi khi vào buồng, Văn cũng dừng lại trước tấm ảnh phóng to, tô màu, chụp vợ chồng Cẩn trong ngày cưới. Cẩn đội khăn xếp mặc áo gấm nghiêng đầu về phía vợ, người đàn bà chít khăn nhung, mặc áo nhung the đen, cổ đeo kiềng vàng... Chỉ trông vào tấm ảnh thì đôi vợ chồng quá là hạnh phúc nhưng lúc này đây họ đang sống trong tâm trạng lo âu và khắc khoải bởi sự túng thiếu và bởi căn bệnh ngày càng hiểm nghèo của Cẩn. Cẩn bị lao từ ngày còn đi học, chạy chữa mãi mới tạm ổn. Sau đó Cẩn đi làm chân thư ký cho hãng buôn Pháp LUCIA ở Hải Phòng rồi Cẩn lấy vợ. Cuộc sống như vậy tưởng là hạnh phúc nếu như Cẩn không bị bắt. Cẩn thuộc số anh em do Văn tổ chức vừa bị Nhật bắt trước cái đêm Văn đi cùng với Đạo dân cò và khẩu hiệu ở Hải Phòng. Chính Cẩn được anh em phân công đi đón hai người đêm đó ở ga An Dương. Chính cũng thằng Phin dậy tiếng Nhật ấy đã đem hiến binh đi quây bắt Cẩn. Ở nhà quê, ông tài Hiên, bố Cẩn lo cuống cuống, vội bán đi mẫu ruộng cùng với con dâu bỏ xuống Phòng lo chạy cho Cẩn được ra. Khi Cẩn từ trại hiến binh về nhà thì Cẩn không còn ra hình người nữa. Cẩn bị mất việc và bộ ngực vốn đã lép kẹp của Cẩn bị những mũi giày sắt đá của lính hiến binh Nhật thúc vào càng ọp ẹp, luôn thổ ra máu. Bây giờ, mấy tháng rồi, Cẩn thất nghiệp lại ốm đau, sống bám vào gánh hàng tấm của vợ, người cứ teo quắt lại lưng còng xuống như một ông già, sắc mặt Cẩn cũng già các như vậy... Vào buồng, Văn đã ngửi thấy mùi thuốc bắc sực nức. Ở góc nhà, chiếc siêu đất đang đun sôi trên cái bếp lò phì khói.

- Sức khỏe mày hồi này ra sao? - Văn ngồi xuống ghé khẽ hỏi.

Cẩn luồn tay xoa lên ngực, lắc đầu:

- Tao lo không chắc có sống được đến ngày ấy.

“Ngày ấy” có nghĩa là khi cách mạng thành công, niềm mơ ước duy nhất của Cẩn lúc này. Văn ái ngại, an ủi:

- Đừng lo lắng quá, phải dũng cảm mà sống, đấu tranh với bệnh tật mà sống... có điều mày phải giữ gìn...

Văn vội ngừng lời, không nói thêm. Anh nghĩ đến vóc người chắc đậm và mỡ màng, đôi gò má lúc nào cũng rục lên của vợ Cẩn... Hai người im lặng. Văn nghe rõ tiếng thở khò khè, nặng nhọc của bạn, có cảm giác như bộ ngực lép, xệu xạo và trống rỗng của Cẩn đang phát ra tiếng u u của bộ sáo điều...

Ở buồng ngoài, ông tài Hiên đang tiếp khách. Khách là một gã trai Phòng hăm năm, hăm sáu, mặc soóc trắng, đầu húi cua, người mập và đồ như một tay chơi thể thao nhà nghề...

Ông tài Hiên nói;

- Này, tôi nói để anh nghe nhá. Sấm Trạng Trình đã có câu: “Lồ lộ mặt rồng, trán thích chữ Vương...”. Câu ấy theo chiết tự thì đúng là chữ “Quốc” còn gì nữa.. Có phải là ông Nguyễn Ái Quốc rồi sẽ thay vua Bảo Đại không nào?

Khách nói choang choang, chẳng cần giữ gìn:

- Xin lỗi chú, chú cho phép cháu nói, trên đời này việc gì cũng phải có trình tự của nó. Ngay như trong sách Mác xít họ cũng viết vậy, họ bảo không thể à... đốt cháy giai đoạn, tiếng tây là “bruler les étapes”, đúng vậy đấy. Xã hội phải tiến hoá từng bước một, chế độ quân chủ sang chế độ dân chủ, sau đó có muốn thì mới chuyển thành chế độ cộng sản được, chú ạ. Ai chẳng biết ông Nguyễn Ái Quốc và đám Việt Minh theo ông ấy là cộng sản chủ nghĩa. Nhưng nước ta trước hết phải dân chủ đã, phải đi theo chủ nghĩa Tam dân của ông Tôn Trung Sơn. Tam dân tức là dân chủ, dân sinh và dân quyền... Làm sao với dân trí lúc này mà lên cộng sản được...

- Vậy chứ ngày ấy anh sang Tàu bao lâu?

- Cháu ở bên ấy gần hai năm, lúc thì ở Vân Nam, rồi sang Côn Minh sau lại đến Quảng Châu.. Chú không biết chứ ở Tàu, người của cụ Nguyễn Hải Thần rất đông, đông như kiến cỏ hàng mấy vạn quân, còn cánh ông Nguyễn Ái Quốc chỉ có một dúm. Họ chí giỏi tuyên truyền nên cứ tưởng nhiều thế lực lắm. Nay mai Nhật thua, người của Nguyễn Hải Thần đi theo quân Đồng Minh kéo về, chú sẽ biết. Còn mấy thằng Việt Minh ở đây cứ nho nhoe, trêu chọc thằng Nhật, chúng nó khùng nên lắm thiệt lây cả dân chúng. Thằng Cẩn nhà chú đấy, trẻ người non dạ, lại ốm yếu biết gì mà cũng học đòi, a dua... Cuối cùng thì bò lê bò càng, tiền mất tật mang, khổ cha mẹ, vợ con. Chú khuyên bảo nó, đừng có đua đòi với đám Việt Minh, chỉ chuyên xui giục bọn khổ rách áo ôm, nay phá kho thóc này, mai phá kho thóc kia, cứ tưởng Nhật nó chịu để yên à? Nó sợ là sợ quân Đồng Minh chứ sợ gì mấy bố Việt Minh...

Văn nhìn bạn, thấy gương mặt của Cẩn nhăn nhúm như nuốt phải ớt cay. Cẩn nhún vai:

- Thằng cha anh họ tao đấy. Hắn làm việc bên chemin de fer(9) vừa rồi vọt sang Tàu. Hắn ăn phải bả của bọn Tưởng Giới Thạch rồi.

- Sau này cách mạng sẽ còn rắc rối với bọn này đây - Văn đứng lên - Thôi tao đi đã... A, những thứ vừa rồi chuyển về, mày còn để nhà không?

Cẩn lắc đầu:

- Thì như đã bàn với mày, bà cụ tao sợ vì nhà tao gần phố, gần

đường... Tao đã cho chuyển vào nhà thằng Luyện(10). Nó ở tít trong làng, lại kín đáo. Mà nhà nó thì bố thằng nào dám động tới. Tao cũng đã dặn nó, hễ thấy động thì quảng tất xuống ao, có mà giờ tìm...

- Mà chuyển tất cả à?

- Tất cả, cả đá, cả ru lô, cả mấy hộp mực in. Lần trước chúng mày chỉ đưa về có vậy thôi mà...

- Cũng được, để trong nhà thằng Luyện cũng được. Bây giờ tao phải vào trong nhà nó, có chút việc phải bàn với nó...

- Tối nay mày ngủ trong đó?

- Không, tao phải đi ngay, có việc gấp lắm...

Văn chưa muốn nói công việc sắp tới cho Cẩn biết bởi lâu nay, Văn đã hình thành một thói quen: Ai biết việc người ấy. Cách mạng đòi hỏi như vậy. Vả lại công việc chưa ra sao, chưa có kết quả nên Văn càng không thể nói trước được.

Tiếng chuông đồng hồ treo tường ở buồng ngoài thong thả buông năm tiếng trầm trầm ngân nga. Văn bắt tay bạn, dắt xe luôn ra sau nhà rồi ra khỏi cổng. Vẫn nghe cái giống đầy tự mãn của gã anh họ của Cẩn. Gã đang say chuyện chắc lâu lắm mới dịp tuyên truyền cho cái chủ nghĩa Tam Dân của ông Tôn Trung Sơn.

Văn đạp xe trên con đường lát gạch đỏ vào nhà Luyện. Nhà Luyện ở tít cuối làng, trong một khu trại khá rộng.

Vượt qua hai tầng cổng, Văn mới vào tới sân, cái sân gạch rộng thênh thang. Một lũ chó đủ cỡ chạy xô ra nhâu nhâu sủa. Văn đứng chờ một người đàn ông từ nhà ngang chạy ra đuổi chó.

Anh ta lễ phép chào Văn:

- Lạy cậu, cậu về chơi.

- Tôi không dám, cậu Luyện có nhà không?

- Có đấy ạ, cậu cháu đang ngồi hoạ.

Văn mỉm cười về cái từ “hoạ” ấy. Anh trao xe đạp cho người lực điền rồi theo anh đi vào nhà. Lúc đó, Luyện cũng từ trong đi ra sân. Luyện mặc chiếc quần đùi đen, áo cánh trắng, tay còn cầm bút vẽ và trên trán Luyện dính màu nhem nhuốc.

Văn đứng lại bên giá vẽ của bạn, ngắm nghía. Cô em gái của Luyện đang ngồi màu cho anh vẽ, e then đứng lên chào rồi len lén vào nhà trong. Văn ngẩng lên khen:

- Bien, ca va(11) được lắm! Sao mày không vẽ peinture(12).

Luyện cười ngượng ngịu:

- Tao vẽ goat(13), nếu được thì chuyển sau.

Rồi Luyện đưa Văn lên nhà thờ, khu nhà âm u mà Luyện ngăn cho mình một phòng làm việc. Văn dắt chiếc xe tựa vào tường, tháo cặp

ôm trong tay. Luyện hỏi:

- Mày đem báo Cứu Quốc hay tài liệu gì mà nhiều thế?
- Quần áo chưa giặt

Và Văn vừa cười vừa mở cặp ra cho Luyện xem.

Luyện cũng cười, cái cười thật lạnh:

- Thế mà tao cứ tưởng mày đem báo về. Lâu nay tao thèm đọc quá.
- Lần sau sẽ có, đủ cả “Cờ Giải phóng”, cả “Cứu Quốc”.

Căn phòng của Luyện nhỏ, nhưng sáng sủa. Trên tường treo mấy bức tranh, trong đó có cả của Văn. Trên cái nền xám xám như đất, một chú bé đáng vẽ mệt mỏi đang ngồi bó gối, chiếc mũ dạ rách vứt bên cạnh. Chú bé chính là em ruột của Văn, thằng bé sống lam lũ và vất vả sau khi bố Văn bị mất việc làm. Nhưng Văn đã đề tên cho bức tranh của mình bằng tiếng Pháp: “Gavroche reposé” (Chú bé Gavrôt ngồi nghỉ).

Văn và Luyện, hai người thân nhau từ khi còn đi học trường Bonnan Hải Phòng. Hết ban Thành chung, Luyện lên Hà Nội kiếm việc làm còn Văn thì ra mỏ than Mạo Khê. Lận đận mãi mới có người nhận cho Luyện vào làm thư ký của hãng vận tải ô tô STAI nhưng Luyện phải nộp cho người đó hai trăm bạc. Làm được dăm tháng thì Luyện mất việc. Thì ra người kia lấy hai trăm đồng bạc của Luyện rồi nói với chủ hãng để Luyện làm phụ cho gã mà không lấy lương. Gã lấy tiền của Luyện để trả lương cho Luyện mỗi tháng hăm nhăm đồng. Được bốn tháng hết một trăm, gã kiếm cơ sa thải Luyện.

Rồi Luyện xin vào học trường Bôđa(14), lúc ấy Văn cũng về Hà Nội và cùng vào học với Luyện.

Luyện học lớp dự bị, còn Văn thì là auditeur libre (dự thính tự do).

Ngày hai buổi, họ gặp nhau ở quán cơm JOC (Jeunesse Ouvrier Catholique), quán cơm đầu phố Tràng Thi dành cho đám viên chức nghèo độc thân, thuyền thợ và sinh viên học sinh...

Văn chỉ học được hơn nửa năm rồi, vì phong trào, Văn thôi học xuống hoạt động ở Hải Phòng. Luyện vẫn cố đeo đuổi với trường lên tận Sơn Tây, mãi tới ngày Nhật đảo chính Pháp, trường đóng cửa, Luyện mới bỏ về Hà Nội và từ Hà Nội cùng với hai thằng em họ Luyện cuốc bộ về quê.

Người ở gái bưng lên thau nước và chiếc khăn mặt. Luyện bảo:

- Mày đi rửa mặt đi! Đã cơm nước gì chưa?
- Đạp đến chợ Hồ, tao chén hai cái bánh đa...
- Rửa mặt đi rồi ăn cơm, nhà tao vừa ăn xong...

Khi Văn rửa xong cái mặt, kỳ cọ hai bàn chân, quay vào đã thấy mâm cơm dọn sẵn trên ghế ngựa. Trên chiếc mâm đồng có đĩa rau muống

luộc bát tương, bát nước rau vắt chanh và đĩa tôm rang. Một nồi gang cơm khá to nhưng trong chỉ còn lưng lửng cơm gạo chiêm đã nguội...

- Mày ăn tạm, đợi nấu cơm mới thì lâu...

- Không sao, thế này là tốt rồi...

Vừa ăn, Văn vừa hỏi Luyện:

- Đám thanh niên của mày hồi này ra sao?

- Hồi này có lúa, bọn tao không đi khát thực nữa mà chia nhau đi dầy Truyền Bá... Tao cho mở nhiều lớp ban đêm, toàn đốt nhựa trám lên mà học... Bọn tao đang chuẩn bị đến rằm Trung Thu này sẽ tổ chức diễn kịch, tao có vở kịch thơ “Trưng Nữ Vương” của Thanh Tịnh rồi, đã phân vai cho mấy đứa học trước... Mày chép cho tao mấy bài hát Việt Minh, tao sẽ dạy chúng nó hát. Đêm ấy, bọn tao sẽ hát toàn bài Việt Minh, rồi trương cờ, khẩu hiệu nữa...

- Mày phải cẩn thận, bọn chó đánh hơi thấy...

- Không sợ! Ở trong này xa đường cái, chẳng đứa nào dám vào đâu. Đứa nào lạ mặt lảng vảng đến là bọn tao cho đi tẩm luôn.

- Thằng Cẩn chuyển cho mày những thứ in ấn, mày cất đâu?

- Thì ngay dưới gầm giường mày đang ngồi chứ đâu. Liệu bao giờ ra được báo? Bao giờ mày cho chuyển giấy in về?...

- Để tao đi chuyển này về hăng hay.. Tình hình dưới Phòng hồi này lung tung lắm, đứa bị bắt, đứa vọt lên Hà Nội, đứa chạy sang Hải Dương.. Đám Đông Triều thì chỉ loanh quanh bên đó, còn cánh Kim Sơn chưa phát triển sang bên này được.

Luyện vừa xuống nhà, bỗng nghe tiếng nổ rất đanh như tiếng pháo phía nhà thờ. Luyện cùng người ở gái chạy lên thấy Văn đang cúi húi ngồi nắn nắn bánh xe đạp. Văn quay nhìn hai người:

- Xe nổ lốp, chán quá. Lát nữa mày phải cho tao mượn chiếc xe của mày mới được...

Người đầy tớ gái che miệng cười và đi xuống nhà dưới. Luyện vẫn đứng im, ngờ vực nhìn hai bánh xe của Văn vẫn căng phồng. Văn đứng dậy phủi tay:

- Lốp có nổ đâu, súng cướp cò đấy.. Chúng nó đưa tao khẩu súng tòi quá, vừa chạm đến đã nổ. Súng ống thế này thì giết anh em còn gì... Rồi Văn moi trong cặp, dơ ra cho Luyện coi khẩu súng ngắn cỡ 7,65 han rì. Văn lại vạch cho Luyện xem cả cái lỗ thùng mà viên đạn vừa xuyên qua, miệng cười hì hì...

- Mày đi ngay à? - Luyện hỏi.

Văn gật đầu:

- Lát nữa, nhưng bây giờ mày kiếm cho tao cái kéo và cái gương

soi... Cho tao mượn chiếc áo the nữa...

Lát sau, Luyện ngồi chăm chú xem Văn cắt vụn mớ tóc rời thành đám trên mảnh báo. Xong Văn mở hộp nhựa vá xe; bôi nhựa lên cằm, lên má. Văn dính những vụn tóc vào đấy. Chốc lát Văn biến thành một lão già đến sáu chục tuổi...

Vừa hoá trang, Văn vừa liếc nhìn Luyện, đôi mắt rất hiền và rất hồn nhiên của Luyện đang mở to vì ngạc nhiên và thích thú trước công việc Văn đang làm. Văn thấy tâm hồn mình dịu lại như buổi sáng, Văn đứng từ ban công căn phòng nhìn ra mặt hồ lăn tăn nước và gió thoang thoảng thổi tới ve vuốt hai má Văn...

Bao giờ cũng vậy, mỗi lần ghé thăm Luyện, Văn cũng thấy tâm hồn mình yên tĩnh trở lại. Mọi xao động, mọi nỗi lo âu thường dịu đi mỗi khi Văn gặp Luyện, ngắm khuôn mặt hồn hậu đến thơ ngây của bạn. Có lẽ do cái không khí vốn đã êm ả trong khu trại của gia đình Luyện nó quá cách biệt với cuộc sống bên ngoài hay do cách sống đơn lẻ, sự quá mê say với nghệ thuật của Luyện... Đối với Văn, Luyện coi Văn như một thần tượng. Luyện nhìn nhận Văn như một tài năng đặc biệt, soạn nhạc, vẽ tranh, làm thơ và cuộc đời gió bụi đầy hiểm nguy mà Văn đang dấn thân vào vì sự nghiệp cách mạng. Hồi còn ở Hà Nội, Luyện đã lắng nghe bằng tất cả lòng kính phục khi Văn kể lại quãng thời gian Văn sống với anh em thợ mỏ ở Mạo Khê, Tràng Bạch, những cái tử nạn như vĩa, như quặng, hầm lò, lán thợ, mong, nhau... làm cho Luyện vô cùng thích thú. Giá như lúc ấy Văn rủ thì Luyện sẵn sàng đi với Văn ra mỏ ngay tức khắc. Tất nhiên, Văn không thể nói rõ cho Luyện biết, ngày Văn ra mỏ là khi Văn hoạt động trong Công nhân cứu quốc đoàn...

Rời khỏi khu trại của nhà Luyện, Văn thông thả đạp xe ra đường 5. Trời đã sâm sẩm tối, thời gian lúc này đối với Văn rất thuận lợi. Từ đây về Hải Phòng còn hơn 10 cây số, khoảng 8 giờ tối. Văn sẽ về đến nhà. Vào giờ ấy bọn chó còn mãi mê trong những quán ăn, chúng chưa đến những nơi canh gác.

Chiếc xe đạp Văn đang đi là xe của Luyện thừa hưởng từ ông bố. Chiếc xe cũ kỹ kiểu công-pho, hai bánh to và êm, phanh đĩa, chuông to và kêu vang, kiểu xe của người công chức già. Chiếc áo the Văn đang mặc cũng là áo của Luyện. Vừa rời Văn đã trút bỏ hết bộ cánh cũ hện với Luyện sẽ có người của Văn đến đổi lại cho Luyện. Văn cũng không nói cho bạn biết mình sắp đi đâu mà Luyện cũng chẳng bao giờ hỏi cũng như chưa bao giờ Luyện hỏi Văn ở đâu đến và sắp đi đâu, làm gì? Thường trông câu chuyện, Luyện chỉ hỏi thăm Văn về

những sáng tác của Văn, về những bài hát hay những bức tranh Văn mới vẽ.

Bạn bè của Văn, mỗi anh mỗi tính khác nhau. Luyện nhu mì như con gái, hồi còn đi học, Luyện thường đóng giả gái trong các vở kịch vui. Đạo “đen” nóng tính nhưng thẳng thắn, chưa bao giờ nề hà một công việc gì. Trước kia cùng với Văn, Đạo phụ trách nhóm Hải Phòng, sau bị lộ phải vọt lên Hà Nội rồi được giới thiệu về hoạt động vùng Hải Dương. Cẩn thì nằm bẹp, ốm đau và sầu não về chuyện chót chạ mang vợ con sớm hơn anh em cùng lứa. Viễn thì đắm đuối trong đám hướng đạo sinh của anh với những trò đi trại, đốt lửa diễn kịch. Năm trước Văn cùng đi với Viễn đến mấy trường trung học dạy học sinh những bài ca yêu nước, những “Đồng Đa”, “Bông Lau” rồi “Thăng Long hành khúc ca” v.v... Còn Trường thì lêu têu ăn diện, bát phở và đi tán các em. Trong các nhóm chỉ có nhóm của Đạo trước kia là phát triển chắc hơn, vì anh em đa số là dân thợ thuyền, dân lao động nghèo và lớp học sinh con cái viên chức thấp. Họ làm được khá nhiều công việc đến khi Đạo phải bắt đi nơi khác, trong nhóm lác đác vài ba người bị bắt khi được tha về, họ ngơ ngác, chưa tìm được cách bắt liên lạc. Văn phải tập hợp đám anh em này tổ chức họ lại trả về cho thành uỷ.

Lần cuối cùng hồi tháng ba, Văn từ Hải Phòng lên Hà Nội được hai ngày thì Dũng, em trai của Đạo bỏ lên tìm Văn. Nó báo tin hiện nay ở Hải Phòng, thằng Phin đánh hơi biết Văn đã về dưới đó và cái vụ dán cờ, khẩu hiệu và truyền đơn do chính bàn tay của Văn nên nỗ lực tìm Văn. Đỗ Đức Phin tuyên bố sẽ bắt cho được tên Việt Minh chính cống ấy giao cho Nhật để Nhật đem đóng cọc phoir nấng giữa sân Hạ Lý. Đạo từ Hải Dương cũng nhắn lên rằng Văn đừng bao giờ về nhà Văn ở bến Ngự, chúng nó đã bao vây nhà Văn rất chặt.

Vậy mà tối nay, Văn đã về gần tới Hải Phòng với chiếc xe đạp cũ kỹ và vững chắc này. Nhưng thằng Phin dù cho có gặp Văn cũng không thể nhận ra cái gã nhạc sĩ kiêm hoạ sĩ một thời làm sôi nổi thanh niên thành phố cảng...

Đúng tám giờ, Văn mới lọt về tới Hải Phòng. Cái bãi bóng Hạ Lý mà Văn đi qua chứa đầy lính Nhật và những con ngựa Mông Cổ cao lớn đầy lông lá, bờm dài, chân thon... Trong thành phố, xe nhà binh chạy thưa thớt hơn xưa. Vào thời điểm này, lính Nhật được lệnh ít di chuyển nhiều, không rời khỏi doanh trại vào buổi tối. Đường phố tù mù dưới ánh đèn phòng không.

Văn đạp xe thẳng về nhà. Chị dâu của Văn, vợ anh Mạnh ngạc nhiên khi thấy có người lạ đẩy cửa dắt xe vào. Chị nhìn chăm chăm người

đó và hỏi:

- Thừa cụ, cụ hỏi ai ạ?

Văn phải cúi xuống để khỏi lộ cái cười. Văn cúi húi tháo chiếc cặp ở khung xe và nói bằng giọng mũi ồm ồm:

- Thằng Văn có nhà chứ?...

Bà chị dâu chưa nghe ra:

- Dạ, thầy cháu đi vắng, lát nữa về ạ...

Mãi khi Văn tháo mũ, tháo kính và ngửa đầu ra cười thì chị mới biết:

- Quỷ sứ cái thằng... Chú đạp xe từ Hà Nội về à?

- Vâng, em đạp xe. Anh đi đâu hả chị?

- Chẳng biết anh ấy đi đâu với thầy ra phố từ chập tối... Chú ăn uống gì chưa? Chị đi nấu cơm nhá!

- Thôi, chị mua hộ em bát phở chín... Em đi rửa mặt cho mát đã...

Nhựa vá xe khô cứng làm da mặt Văn căng ra khó chịu. Văn đã định lấy xăng chùi đi nhưng nghĩ sao, Văn lại thôi, cố chịu đựng qua đêm nay. Cũng là thử sức xem mình chịu đựng được đến bao giờ. Vả lại rửa sạch, sáng mai lại phải bôi lại thêm phiền phức. Đêm nay không thể mò ra phố được và cũng chẳng biết chúng nó chui vào đâu mà lần tới. Một mình Văn không xong, phải có sự hỗ trợ của bè bạn.

Trước hết Văn phải tìm cách nhắn tin cho Trường, rồi bàn bạc với hai anh em Viễn và Chánh, những thằng thổ công của đất cảng. Và còn khẩu súng ngắn nữa cũng phải xem lại, lau chùi lại, lờ nó lại cướp cò như chiều nay ở nhà Luyện thì hỏng việc...

Ăn xong, Văn đi nằm sớm. Chợp mắt được một lát, Văn nghe tiếng ông bố và anh Mạnh đang nói chuyện ở nhà ngoài. Rồi tiếng lê dép loẹt quẹt của ông già. Lâu nay, ông cụ già đi và yếu đi nhiều, nhất là sau ngày bị mất việc ông cụ buồn nên hay đi xoa mặt chược cò con và kéo người con trai cả cùng đi. Việc nhà đều do tài quán xuyến của người con dâu.

Chợt Văn nghe tiếng dép của ông dừng lại trước cửa buồng mình.

Tiếng ho khan, tiếng người cha nói thông thả, dường như ông cụ biết Văn đang thức nằm đó:

- Con liệu thu xếp mà đi ngay đi... Mày không thể ở nhà được đâu.

Chúng nó rình bắt mày giao cho Nhật đấy... Đi đâu thì đi, đừng lo lắng gì về thầy cả. Thầy còn khỏe mạnh, với lại ở nhà đã có anh chị mày với thằng Chính.

Văn vẫn nằm im. Bố Văn nói xong, đợi một lát rồi khịt mũi thông thả đi về chỗ nằm của ông cụ. Lòng Văn trào lên nỗi thương cha. Lẽ ra đến tuổi sáu mươi, ông cụ phải được thư thái nghỉ ngơi, vậy mà lúc này cũng còn phải lo toan cho con cho cháu. Ngày xưa, cũng có thời

bố Văn trông coi cả cái nhà máy nước thành phố này, lương bổng khá, nhà cửa khang trang. Hồi đó, mẹ Văn còn sống, mấy anh em Văn người nào cũng được cấp sách đến trường, cũng quần áo kìa, không kém những con ông Tham, ông Phán. Nghề nghiệp của bố Văn vào loại cứng lên thẳng chủ Tây cũng phải nể, mỗi lần về Pháp khi sang nó đều biếu quà. Vậy mà, chỉ trong vài năm gần đây, ông cụ mất việc rồi mẹ Văn chết, nhà cửa sa sút trông thấy... Hồi Văn ở ngoài mỏ về, để che mắt bọn mật thám, Văn phải giả làm một anh chàng chơi bời phóng đãng la cà trong các tiệm hút. Hồi đó, chẳng riêng bố Văn mà cả vợ chồng anh Mạnh cũng lo cuống, bố thì đe nẹt, mắng mỏ, anh chị chỉ dám nhẹ nhàng khuyên nhủ em... Văn thấy thương cả bố lẫn anh chị nhưng Văn vẫn dẫu, không dám nói thật. Và chính ngày đó, Văn cũng lo đến hoảng lên cho bản thân mình bởi vì sau vài lần đến tiệm cùng bạn bè đâm quen, đâm nhớ mùi khói thuốc và có lần tự một mình Văn lò dò đi tới cái nơi có những bàn đèn ấy. Văn đâm sợ hãi cho mình, vội vã chạy lên Hà Nội, xin vào trường Bôda(15) làm chân dự thính tự do, nghĩ mong rằng lòng mê say nghệ thuật làm tan rã nỗi ham muốn của kẻ bắt đầu vướng vào bẫy phù dung.

Văn không ngủ tiếp được, cứ nằm đó thao thức. Căn buồng nhỏ mờ mờ sáng vì ánh đèn đường hắt vào. Căn buồng vuông vức như cái ô bàn cờ, tường quét vôi trắng ở giữa lù lù cái máy phát điện chiếm gần hết diện tích, chỉ còn lại khoảng trống để kê chiếc giường sắt, loại giường nhà thương mà Văn đang nằm. Rồi đến cái bàn con, hai cái ghế đầu. Sau nữa là cái nơi mà Văn thường gọi là “attelier”(16) cho oai, vền vền chừng ba mét vuông, dựng đứng cái giá vẽ cao lênh khênh. Cái giá vẽ vẫn còn nguyên đó và bức tranh sơn dầu của Văn vẽ vào mùa hè năm ngoái vẫn còn nguyên đó. Lợi dụng chất xôm xốp gai gai của bìa các-tông, Văn đã vẽ lên đó một thiếu nữ ngồi bên cuốn sách mở rộng với tấm áo the đen đôi mắt thẹn thùng nhìn xuống trang sách. Văn còn nhớ ngày đó, tình cờ Văn bắt gặp cô gái không quen biết đang đi ở phố Lacôm, mảnh áo the đen cô mặc ngoài chiếc áo cánh lụa trắng rất gợi đã làm Văn sửng sốt rồi Văn bám theo chiếc áo đến tận nhà cô.

Văn kiếm cơ làm quen và đề nghị cô ngồi cho Văn vẽ. Bức tranh còn dang dở thì Văn phải lên Hải Dương và từ đấy Văn không thể nào vẽ tiếp được nữa. Văn cũng chẳng bao giờ có thì giờ tìm gặp lại cô gái nhưng hình ảnh của cô vẫn còn. Cô cứ ngồi đấy hết ngày qua tháng khác như để trông nhà cho Văn những khi Văn đi vắng.. Cô cứ ngồi đó với cuốn sách chẳng biết đọc đến bao giờ cho hết...

Bóng mấy cành lá phượng từ đèn đường hắt vào bị gió thổi lay động chập chờn trên bức tường đã hoen ố vì thời gian và tiếng còi tàu thủy u u vắng lại từ bến Sáu Kho...

Người trong đội danh dự

Phần III

Trường trọn trường nói:

- Tìm thằng ấy khó đấy nhưng mày cần tìm nó để làm gì? Chính nó cũng đang tìm mày để bắt giao cho Nhật, mày biết chứ?
- Biết... Vì thế tao mới cần biết những nơi nó thường hay lui tới sau khi ở Sở Hiến binh về... Nó có chơi bởi cô đầu, nhà thổ, cờ bạc thuốc sái gì không?
- Phyuem... Ken cờ...(17) Nó nghiện oặt, ngày nào chẳng phải ken cờ... Nhất định là nó thậm thụt ở mấy tiệm ro ro ấy thôi...
- Thôi được hăng biết thế... Bây giờ mày đem cho tao cái cặp quần áo về nhà mày, giữ cẩn thận hộ tao. Khoảng trưa nay, tao sẽ đến lấy...

Sáng hôm ấy, Văn dậy muộn, người đau ê ẩm như bị dần từng đốt xương, giống như ngày đi mổ phải làm quần quật từ sáng sớm đến tối mịt. Thể xác thì như vậy nhưng tinh thần lại nhẹ nhàng như không. Chẳng còn gì phải bận khoăn lo lắng nữa. Lần này nhiệm vụ đoàn thể giao cho Văn có mỗi việc: tìm ra và trừ khử tên cho sẵn ấy để cứu vãn cho phong trào của Hải Phòng. Có thể thôi, nhưng với Văn thì đâu phải chuyện nhẹ nhàng bởi vì bàn tay của Văn là bàn tay cầm đàn và cầm bút vẽ đâu phải quen cầm súng dù là súng ngắn. Nhưng bây giờ Văn là chàng trai mà trai thời loạn. Nhớ đến câu Lưu Hữu Phước vừa viết: “Vứt bút nghiên lên đường tranh đấu...”. Bây giờ không còn “Buồn tàn thu”, không còn là “Suối mơ” và “anh Trương Chi với nàng con gái con quan tể tướng” nữa... Những người chết trong nạn đói vừa qua, nạn đói khủng khiếp nhất trong lịch sử nước ta, những người đã chết và những người đang sống ngắc ngoải kêu gọi Văn... Những ngày nằm ở Hà Nội chính Văn đã đề nghị với đoàn thể: phải khử nó đi để chặt mọi mối liên hệ của bọn Nhật, bịt tai và bịt mắt chúng. Anh Khang bảo: Đồng ý và giao cho Văn Tám giờ sáng, Trường được nhắn, mò đến. Cái thằng bạn tốt nhưng ba hoa này phải thú nhận là từ ngày ban bè bị bắt nhiều quá, Trường

không dám hoạt động gì hết, nằm im và chờ Văn ở Hà Nội về.

Văn hỏi:

- Mày vào đây có nhìn thấy một thằng đeo kính đen, mặt đỏ, đội mũ Bảo Đại lảng vảng ngoài ấy không?

- Tao không để ý nhưng chắc là có.

- Lúc nãy tao ra sân thử súng thấy nó lấp ló bên kia tường. Nó đã biết tao về nhà, mày ạ.

- Chết, làm thế nào bây giờ? - Trường run giọng hỏi.

- Không sao mày cứ đem cái cặp của tao về trước, tao sẽ kéo nó đi chỗ khác.

- Nhớ nó đi hai thằng?

- Đừng có hoảng chúng nó theo tao là chính còn mày chúng nó không để ý đâu.

- Thôi vậy, mà để tao ra trước mày ngồi đây một lát hẵng đi.

Văn trang phục cũ, vẫn chiếc xe đạp công-pho cổ lỗ, Văn đeo thêm cặp kính đen của anh Mạnh rồi phóng xe ra đường. Chừng hơn một trăm mét Văn ngoái cổ nhìn lại thấy ngay cái mũ Bảo Đại bám theo. Nó mặc chiếc áo sơ mi ngắn tay quần kaki vàng, trên khuôn mặt xám xịt có thêm cặp kính râm.

Văn đạp xe thông thả ra phố Cầu Đất rồi rẽ về Hàng Kênh. Tên chỉ điểm vẫn giữ cái khoảng cách như cũ. Văn đạp nhanh, nó cũng đạp nhanh. Văn đi thẳng xuống Quán Bà Mau rồi về lối Cầu Rào. Được một quãng Văn đột ngột vòng trở lại. Thằng bám theo vội tụt xuống loay hoay sửa xích xe, chờ cho Văn đi được một đoạn nó lại nhảy lên đạp theo.

Văn rẽ sang phố Tám Gian, phía sau tên mật thám vẫn theo lảng nhảng ý như nó là cái bóng của Văn. Văn lộn về Ngã Sáu rồi dừng lại trước cửa nhà băng Năm Sao. Tự dưng trong lòng Văn giận sôi lên vì cái tên chó săn mặt giống kia. Tiên sư nó, tại sao nó dám bám theo mình mãi thế. Tình hình lúc này đâu còn như mấy năm về trước thằng Nhật quy đến nơi rồi, thằng thầy nó còn đang sắp chết nữa là cái thứ nó? Văn quay ngoắt lại nhìn thẳng vào tên chỉ điểm cũng đang dừng xe cách Văn không xa. Nó cũng đang ngó chăm chăm vào Văn. Đã thế Văn tháo kính ra, nhét vào túi. Tên kia cũng làm đúng như thế. Văn nhìn rõ đôi mắt hấp háy của nó với cái mặt đầy những nốt sẹo của mụn đậu mùa...

Văn nhảy lên xe, nhằm thẳng nó phóng tới, một tay giữ ghi-dông, một tay đặt trên khẩu súng giắt ở cặp quần. Sắc mặt Văn lúc ấy chắc là dữ lắm đã làm cho thằng kia sợ hãi thật sự. Nó quay xe đạp vèo đi Văn vẫn không tha, Văn bám theo sát nó, có thể nhìn cái lưng áo lót,

đắm mồ hôi của nó. Tấm lưng ấy giá là của thằng Phin thì Văn sẽ rút súng và nã vào đấy cả băng đạn còn lại... Tên chó săn gò lưng đập miết. Tới ngã năm, nó đâm thẳng ra bãi Sáu Kho, mất hút trong những kiện hàng ngổn ngang...

Văn vòng xe lại, đạp luôn về phía ga rồi đâm sang đường Cát Dài.

Văn ngoái cổ lại, chẳng còn tên nào bám theo. Thằng ban nãy chắc là sợ đến vãi đái chẳng còn lòng dạ nào để thực thi công vụ nữa...

Văn vào đường Cát Cụt, qua cầu Carông đến nhà Viễn(18). Đã nghe tiếng Chánh đang hát: “Thiên tiên... chúng em xin dâng hai chàng trai...”. Tiếng đàn băng-giôvê rất tròn đệm theo. Trong nhà Viễn đang luyện giọng cho em trai. Chánh có giọng hát khá tốt, giọng mũi ấm và sâu rất mê những bài hát của Văn. Chú bé mười lăm tuổi thông thuộc mọi ngóc ngách của thành phố y như chú biết hết mọi ngóc ngách của những nhân vật đặc biệt đang ở đây. Nên khi Văn hỏi về con người ấy thì Chánh nói ngay:

- Em biết chứ... Trưa nào có chẳng đến phuyim ở cái tiệm ro phố Hàng Cháo.. Nó đi cái xe đạp lùn tịt giống xe của anh, nhưng sơn đen sì, xe Nhật thải cho mà...

- Liệu trưa nay nó có đến đấy không?

- Chắc chắn là đến... Cứ khoảng từ mười một rưỡi đổ đi là nó đạp xe đến hút, à không, muộn chút nữa. Nó còn ăn cơm xong mới mò đi... Mười hai giờ, hết còi nhà hát là nó đạp xe đến tiệm hút. Anh Văn cứ ngồi đây, em đạp xe đi trước, nếu nó đến em đạp về báo cho anh biết...

Chánh đi rồi, còn hai người ngồi lại. Viễn hỏi Văn về tình hình trên Hà Nội và nói tuần này Viễn sẽ sang bên Đông Triều liên lạc với anh em bên ấy. Đông Triều bây giờ có phong trào cao lắm, xã nào cũng có du kích, có tự vệ. Bao nhiêu súng ống của anh em Thuỷ Nguyên, Núi Đèo lấy được của Nhật đều chờ sang bên ấy. Lính Nhật đóng ở Quảng Yên, ở Núi Đèo mấy lần kéo sang bị đánh phải rút về. Đông Triều bây giờ là chiến khu Việt Minh rồi - Đệ tứ chiến khu. Anh em Hải Phòng anh nào bị lộ đều chạy sang Đông Triều. Tất cả đều nhìn về Đông Triều...

Văn vừa nói chuyện vừa nhìn quanh căn phòng của Viên. Trên tường treo mấy chiếc mũ vải vành rộng của hướng đạo sinh, mấy chiếc gậy cắm trại và tấm ảnh Ba đen Pôven lồng kính. Viễn say mê hướng đạo sinh từ nhỏ, ngày còn là sói con nhưng đám hướng đạo sinh của Viễn cũng khác, họ đa số là con nhà nghèo tuy họ cũng cố may sắm quần áo, mũ mành với gậy và lều bạt và cái huy hiệu hoa Bách Hợp nhưng không giống đám hướng đạo sinh con cái nhà giàu

của Bạch Thái Tòng. Những hoạt động của đám Viễn nhằm vào các trường học rồi tổ chức cắm trại bên Phù Liễn, hay bên Rế, diễn kịch cho bà con nông dân xem. Họ không hát bài tây, lúc nào cũng “Ngọn cờ lau” cũng “Hội nghị Diên Hồng”, cũng “Phi Khanh - Nguyễn”. Năm ngoái, Văn đã cùng đi với Viễn đến dạy hát cho mấy trường cũng trên danh nghĩa hướng đạo sinh của Viễn. Suốt ba tháng hè, hai người đi hết trường này sang trường khác và những bài hát của Văn nhờ đó được phổ biến rất xa tuy chưa được phép in hẳn hoi. Những bài hành khúc yêu nước của Văn hay của Hoàng Quý, người nhạc sĩ tài hoa của Hải Phòng, của Đỗ Nhuận vượt ranh giới của đất Cảng, sang bên Kiến An, lên Hải Dương rồi qua con sông Hồng lên tận Hà Nội. Lúc bấy giờ, những người du kích ở chiến khu Cao-Bắc-Lạng đã hát những bài ấy cùng với những bài ca cách mạng khác...

Người trong đội danh dự

Phần IV

Văn đạp xe kèm Chánh đến phố Hàng Cháo. Chánh nhảy xuống trước một quán ăn của người Tàu:

- Anh nhìn thấy chưa? Xe đạp của nó dựng kia kìa, trước cửa đấy...

Văn gật đầu, trao ghi đông xe cho Chánh và dặn:

- Thấy rồi! Bây giờ em đạp xe lên quá đây vài nhà, và đứng đợi anh ở ngã tư...

- Vâng... nhưng anh cẩn thận đấy!

Văn lại gật đầu và đợi Chánh đạp xe đi khỏi. Văn nhìn bốn phía thấy không có kẻ theo dõi, Văn lững thững đi về căn nhà thấp lè tè, cửa đóng kín, bên ngoài dựa ba chiếc xe đạp trong đó có chiếc xe Nhật đen sì.

Như một khách quen thường đến tiệm hút, Văn đẩy cửa bước vào nhà. Bên trong tối âm u mặc dù ngoài đường nắng chói. Văn giả bộ ôm ngực ho khan mấy tiếng, đưa mắt quan sát, chỉ thấy một người đàn bà ngồi trên tấm phản phía sát tường. Người đàn bà gật đầu chào và nói: Xin mời cụ lên gác...

Cầu thang gỗ ọp ẹp, mỗi bước chân nó kêu lên cọt két. Văn nhẹ nhàng trèo lên gác. Căn phòng phía trên cũng không sáng sủa gì hơn nhưng đôi mắt đã quen với bóng tối, Văn nhận ngay ba chiếc phản gỗ kê ba nơi. Cái phản ngoài cùng, sát cầu thang có hai người

đang nằm hút, mùi thuốc phiện thơm toả ngào ngạt, hương vị quen thuộc làm Văn muốn hắt hơi. Văn lấy mù-soa lau mũi và ngấm chiếc phản kê giữa còn bỏ trống. Văn đến bên, vén tà áo dài ngồi mớm lên trên và đưa mắt nhìn sâu vào bên trong. Ở đấy, kê chiếc sập chân quỳ có hai người nằm, một người đang ghéch tẩu lên miệng đèn, vè vè que tiêm, một người nữa nằm ngửa vắt cánh tay lên trán. Ý chừng gã đã hút xong đang nằm say lơ mơ, không thấy nó đâu cả, cái thằng giáo sư tiếng Nhật ấy, nó chui vào chỗ quái quỷ nào không biết? Mùi thuốc phiện cháy cứ ngào ngạt, thơm hắc với mùi mồ hôi khấn khấn, mùi mốc và mùi mắm cứ quyện vào nhau...

Người bồi tiêm từ dưới nhà chạy lên, đến bên Văn. Gã mặc bộ quần áo cánh bằng vải trúc bầu trắng lâu ngày không thay giặt biến thành màu ngà ngà, ám khói. Gã nhảy tót lên tấm phản, đánh diêm châm đèn rồi lấy khăn lau bàn đèn. Gã móc túi lấy ra hộp thuốc phiện, miệng mời:

- Mời cụ xơi chén nước nóng... Cháu tiêm ngay hầu cụ ạ... Cụ tháo giày, cởi áo dài cho mát.

Văn cầm lấy cái tẩu, đưa lên mũi ngửi. Cái mùi thum thum làm Văn muốn ọe ra ngay, Văn đặt vội xuống, đảo mắt nhìn suốt căn phòng lần nữa. Văn không thấy nó, quái lạ thật.

Văn hỏi gã bồi tiêm:

- Nhà có mấy bàn này thôi à?

Người bồi tiêm dùng con dao nhọn khế nạy nắp hộp thuốc, ngẩng đầu lên chưa nghe rõ lời khách nên gã không đáp. Cùng lúc ấy, Văn thấy người khách đang nằm vắt tay lên trán nhồm dậy, giờ tay coi đồng hồ. Y văng tục câu gì đó, rồi lê đít tụt xuống, ngoáy ngoáy cái chân tìm đôi giày. Văn giật mình. Cái bộ ria Hít le và khuôn mặt choắt thâm sịt kia không thể nào nhầm lẫn được. Văn vội chụp cái mũ lên đầu, giờ tay ngăn gã bồi tiêm:

- Khoan khoan đã nhá...

Tên giáo sư tiếng Nhật đang đứng lom khom, quay lưng về phía Văn, một chân co lên mép sập để buộc dây giày. Tấm lưng lồ lộ, mảnh áo sơ mi màu nước dưa nát nhàu. Văn thông thả bước tới sau lưng hắn, tay rút khẩu súng chữa thẳng vào tấm lưng ấy.

Tên mặt thám như có linh tính gì, quay ngoắt lại, trợn mắt trừng trừng nhìn cái họng súng đang chữa vào mặt hắn. Cho đến phút này, hắn vẫn chưa thật hiểu việc gì đang xảy ra, gương mặt hắn ngơ ngàng, hắn nhắm tịt mắt lại, lắc đầu.

“Cạch”, đạn lại thối. Văn thấy lạnh hết sống lưng. Tên kia loạng choạng ngã ngồi xuống. Văn quắc mắt áp đảo tay rút quy lát súng

cho bật viên đạn thối ra ngoài. Phía sau Văn, gã bồi tiêm rú lên sầm sầm chạy xuống cầu thang.

Cái người đang nằm hút trên sập khiếp đảm eo quắp cả chân tay lê tít vào trong tường. Tên chó săn vẫn chẳng có phản ứng gì khác hơn là đang chết khiếp đi như con chuột đứng trước con mèo. Văn cứ nhăm vào mặt vào ngực nó. Văn bóp cò liên hồi. Chỉ thấy cái bia thịt kia rướn lên rồi đổ sập xuống ngã dúi trên sàn gỗ.

Văn lùi lại giữa phòng, huơ khẩu súng nói to:

- Tất cả mọi người ngồi im. Không ai được chạy ra ngoài nguy hiểm. Đồng bào đừng sợ. Tôi xin tuyên đọc bản án.

Văn rút trong túi áo ra mảnh giấy trắng và ứng khẩu đọc rất đồng dục:

- Việt Nam độc lập muôn năm... Đả đảo phát xít Nhật. Toà án quân sự đặc biệt trực thuộc thành bộ Việt Minh thành Tô Hiệu... xét rằng: Tên Đỗ Đức Phìn can tâm bán rẻ Tổ quốc làm tay sai cho giặc Nhật, phá hoại phong trào cách mạng, bắt bớ tra tấn và giết hại nhiều người vô tội. Nay quyết định:

Điều Một: xử tử hình tên Việt gian Đỗ Đức Phìn

Điều Hai: Đội danh dự Việt Minh thành Tô Hiệu chịu trách nhiệm thi hành bản án này.

Tô Hiệu ngày... tháng... năm 1945

Hôm nay đội danh dự Việt Minh đã trừng trị tên chó săn nguy hiểm này. Đồng bào hãy ngồi nguyên tại chỗ, một giờ sau mới được rút khỏi nơi đây. Hiện nay quanh nhà, các chiến sĩ Việt Minh đã bao vây kín. Đồng bào không nên ra ngoài tránh đổ máu. Xin chào đồng bào đả đảo phát xít Nhật, ủng hộ Việt Minh.

Văn nhét tờ giấy vào túi quay lại thì gã bồi tiêm không hiểu sao từ dưới nhà hùnh hục chạy lên, đâm bổ vào Văn. Gã lăn ra, quỳ mọp dưới chân Văn, miệng ú ớ như người rụt lưỡi. Văn tránh sang bên và đi xuống thang. Văn qua nhà dưới chẳng gặp ai. Người đàn bà ngồi đó biến đâu mất. Văn mở cửa bước ra đường, người lão đảo như say rượu...

Hàng phố vẫn bình thường như chẳng có chuyện gì xảy ra. Có lẽ mấy phát súng quá nhỏ lại bị bịt kín trong nhà, những tiếng nổ của đạn 7,65 lọt thỏm trong sự ồn ã của dẫy phố toàn quán ăn của Hoa Kiều này...

Văn đi được một đoạn mới nhận ra mình ngược đường. Văn rẽ sang hè phố bên kia và đi tới chỗ hẹn. Từ xa, Văn đã trông thấy Chánh đang đứng loanh quanh bên cái xe đạp công-pho, vẻ nôn nóng, sốt ruột. Văn quên mất mình đang là ông già, Văn rảo bước như chạy lại

bên Chánh.

- Xong chưa anh?

Văn gạt đầu, nắm lấy ghi-đông xe và cúi xuống dặn Chánh:

- Em quay trở lại xem tình hình thế nào anh đợi ở nhà anh Trường.

Rồi Văn trèo lên xe đạp, vút luôn.

Văn nói với Trường:

- Tao phải đi ngay lên Hà Nội, phải vọt qua cầu Hạ Lý sớm giờ nào hay giờ ấy.. Cái cặp với đồng quần áo cũ, tao gửi mày ở đây.

- Mày có đem theo khẩu súng đi không?

- Có mỗi sắc-giờ bắn hết, mang đi làm gì? Chúng nó khám thấy thì bỏ mẹ...

Rồi không đợi Chánh đến báo kết quả, hai giờ chiều Văn rời khỏi đất Cảng. Văn đạp xe qua cầu Hạ Lý rồi cầu Xi măng một cách bình yên mặc dù trong bụng nơm nớp lo bọn lính Nhật gác hai bên cầu chốt đúng mình. Dưới mắt Văn lúc đó dường như ai ai cũng đã biết câu chuyện vừa rồi, người đi đường hay những người lấp ló trong các ngôi nhà dọc phố, đều xì xào chỉ trỏ mỗi khi Văn đi qua. Và những kẻ đứng lảng vảng ở các ngã tư ngã ba, những tên cảnh binh phóng xe đi dọc phố cũng đang lúng lúng tìm kiếm kẻ vừa hạ sát thủ lĩnh của chúng.

Văn cứ đạp xe với những ý nghĩ như vậy và đầu óc càng lên chờ đợi... Bây giờ Văn đã trút hết lốt cũ. Văn mặc quần đùi mỡ gà, chiếc áo sơ-mi lụa và cái mũ panama, trông giống như một viên chức hưu trí.

Khi qua cầu xi măng, về đến Sở Dầu, Văn mới cảm thấy yên tâm nhưng lập tức hình ảnh về cái tiệm hút lại choán ngợp ý nghĩ của Văn. Thế là lần đầu tiên trong đời, Văn đã hạ thủ một con người, đã giết người. Cái người bị Văn giết ấy là một tên chó săn nguy hiểm, không hiểu sao khi thấy khẩu súng chĩa vào mặt, nó không kêu cứu, hoặc hét lên bỏ chạy. Giá mà nó làm thế thì chẳng biết cái kết cục sẽ ra sao? Chắc chắn là nó sẽ chạy thoát bởi viên đạn đầu tiên bị thôi. Thậm chí nếu nó xông vào Văn thụi cho Văn một quả vào mặt.

Không được, chẳng gì thì Văn cũng đã qua lớp Vovinam. Văn đã là võ sĩ cấp khăn vàng nên nó xông tới thì chỉ cần một thế võ, Văn có thể quật đổ nó, cái thằng nghiện oạt ấy. Nhưng tại sao trước cái chết nó lại dờ ra rồi loạng choạng ngồi xuống chịu tội? Đôi mắt của nó gần như lác giật đi, nhay nháy sau cặp kính và không hiểu sao lúc đó Văn vẫn bình tĩnh kéo quy-lát móc viên đạn lép ra khỏi nòng. Rồi Văn nhả vào cái thân hình rúm ró kia nhả đạn... Văn không nhớ đã bắn liền mấy phát, có lẽ là ba, bởi cái sắc-giờ chỉ còn vền vện có ba viên.

Người cùng nằm hút với nó “ồ giò!” một tiếng rồi lăn vội xuống gầm sập. Ông ta bị một phen khiếp đảm.

Lâu lắm thành phố mới xảy ra sự kiện dữ dội ấy, chỉ chiều nay thôi là cả thành phố đều biết người ta sẽ còn đồn đại nhân lên gấp mười lần cái việc có thật ấy... Nào là Việt Minh hành động “xuất quỷ nhập thần”... nào là đội Danh dự Việt Minh bao vây kín tiệm hút... nào là hai bên nổ súng bắn nhau kịch liệt v.v... Dân ta lâu nay quen những chuyện đồn đại và những chuyện đó chỉ có lợi cho cách mạng. Bọn thân Nhật sẽ hốt hoảng, run sợ, co rụt lại, không dám hoành hành như trước. Anh em mình dễ dàng hoạt động hơn... Chẳng gì, cái oai danh của Đội danh dự Việt Minh sẽ hỗ trợ họ...

Văn đạp xe lên Dụ Nghĩa, vào nhà Phúc. Ông ký ga đang nằm lơ mơ trên chiếc võng gai mắc ngang buồng cùng với đứa con gái hơn một tuổi nằm gọn trong lòng bố. Thấy Văn, Phúc chồm dậy nhìn chăm chăm, ngơ ngẩn. lát sau Phúc mới nhận ra bạn, Phúc vội đặt con trong võng rồi hỏi:

- Mày ở đâu về mà mặt mũi như hê thế. Đóng kịch hả?

- Đóng kịch. Tao vừa ở Phòng lên. Thăng Phin chết rồi.

- Vậy hả? Mày mày khử nó hả?

Văn gật đầu:

- Thôi, lát nữa kể chuyện. Bây giờ mày kiếm cho tao ít xăng để tao rửa mặt đã. Chiều nay tao ở đây với mày, tối nay đi tàu đêm về Hà Nội. Mày đem chiếc xe công-pho này giả thẳng Luyện trên Quán Toan hộ tao, mày lấy chiếc xe của tao về đây.

- Được, tao sẽ đi kiếm xăng cho mày... Tao gọi vợ tao về nấu cơm, kiếm con vịt về đánh tiết canh. Chẳng gì cũng phải ăn mừng thắng lợi của chúng ta chứ. Thăng chó ấy chưa khử được thì đám Hải Phòng còn gay go với nó... Phải làm tí tửu, đúng đấy Rượu ngang ở đây rất tuyệt... Đêm nay tao sẽ gửi mày đi chuyến tàu đá, bảo đảm hơn tàu khách, tao gửi mày cho thằng xếp-tanh(19), ngồi toa với nó, tuyệt lắm...

Phúc nói một thôi quên cả bạn. Khi Phúc ngừng lời quay lại thấy Văn nằm trên giường cứ nguyên quần áo, mặt mũi râu ria mà ngủ. Phúc nhún vai rất Tây, rón rén đi ra ngoài.

Xình xịch xình xịch xình xình loảng xoảng ken kéeéét. Tiếng bánh tàu nghiêng trên đường ray. Tiếng móc toa va nhau choang choang. Cánh cửa toa đập rầm rầm. Cái móc cửa kêu lanh canh. Xình xịch xịch xịch. Con tàu chạy giữa đêm trắng, ánh trăng già úa, cánh đồng hai bên hun hút mờ mờ như ảo ảnh... Và gió thổi rần rật, gió luồn trong

toa, thổi thốc cái mũ nan panama của Văn ụp trên mặt, chiếc mũ rơi trên sàn tàu quay tròn rồi chui tọt vào nằm trong gầm ghế băng nơi Văn đang nằm ngủ...

Tối khuya chuyến tàu đã mới đến ga Dụ Nghĩa.

Người xếp-tanh đứng tuổi nhận lời của Phúc dẫn Văn vào trong toa của ông. Ông ta chỉ chiếc ghế dài bảo Văn nghỉ ở đó, đưa cho Văn bao thuốc Bastos, bao diêm rồi xin phép đi vào ngăn riêng của mình. Cái ngăn vừa là nơi ngủ vừa là nơi làm việc của trưởng tàu trong đó có cả máy đánh điện tín tặc tè, tặc tè tè...

Văn ngồi hút thuốc, chán thì nằm lơ mơ trên ghế gỗ rồi ngủ thiếp đi khi con tàu chạy được một lúc. Một ngày đêm căng thẳng qua đi làm Văn mệt mỏi rã rời, lại thêm mấy chén rượu trắng trong bữa cơm chiều nay ở nhà Phúc làm Văn đã ngà ngà. Và Văn ngủ ngon lành giữa mọi tiếng động ầm ĩ, đều đều của con tàu chờ đá... Quá nửa đêm, tàu dừng ở ga Cẩm Giàng, trút xuống đây hai toa đá. Tiếng đá rơi chen nhau ầm ầm như núi lở làm Văn giật mình tỉnh dậy. Văn đứng lên nhận ra ngoài. Trên nền trời đen, mặt trăng méo mó vàng úa, chênh vênh sau những khóm tre xơ xác. Hơn một giờ sau, con tàu lại lăn bánh nhưng Văn thì không thể nào ngủ tiếp được nữa.

Văn cứ đứng tựa vào cửa toa nhìn ra ngoài.

Thật ra Văn không nhìn vào đâu hết. Dưới ánh trăng hạ tuần cảnh vật nhòe nhoẹt, hư hư thực thực không có hình thù gì rõ nét. Con tàu lắc lư lắc lư tiếng bánh sắt rin rít, tiếng xích sắt loảng xoảng chạm nhau và tiếng thở hồng hộc của đầu máy...

Trong cái không gian mờ mờ ảo ảo kia hiện lên biết bao nhiêu cảnh tượng mà Văn đã từng chứng kiến, đã trải qua. Những toán quân Nhật đổ bộ vào bến đò Khuê. Những trái bom đầu tiên rơi xuống Hải Phòng làm sập mấy căn nhà ở phố Cầu Đất. Quân Nhật theo đường Cầu Niệm tiến vào thành phố. Những con ngựa Mông Cổ cao lớn chở những tên sĩ quan Nhật với những thanh kiếm ngắn giắt bên hông. Cuộc chiến tranh Nhật-Mỹ diễn ra trên bầu trời, chiếc máy bay dakota to lớn nặng nề của Mỹ bị lũ khu trục Nhật bu đến đón đánh chúng như đàn chim chèo bẻo xúm quanh con quạ đen. Máy bay Mỹ dội bom xuống thành phố của Văn. Lính Nhật không thấy thằng nào chết, chỉ chết toàn những người mình, những đàn bà và những con trẻ, những mảnh xác người, những mảnh quần áo thấm máu vắt vẻo trên cành cây phượng vĩ. Cái chết lúc nào cũng quấn quanh suốt bao năm, rồi đến đận đói nữa như cái kết cục vô cùng bi đát của cả một dân tộc. Một vùng đất màu mỡ, những cánh đồng phì nhiêu, một dân tộc cần cù, chịu khó đến chừng ấy, vậy mà phải chết đói trong

khi những kho thóc, kho gạo của Pháp của Nhật nối tiếp nhau để đến mục ra, đổ làm phân bón...

Đã sang tháng sáu ta rồi, đã có lúa chiêm rồi mà dân mình vẫn chết vì đói. Những cái chết cay cực vì thiếu ăn và thiếu thuốc... Bao giờ, bao giờ... phải đến bao giờ cách mạng nổi lên được, cái chết mới chấm dứt, cách mạng nhất định sẽ nổi lên nhất định như thế. Lúc ấy chúng ta sẽ bắn vào đầu bọn Nhật và cả bọn Pháp nữa, những kẻ đã gây ra nạn đói, gây ra cái chết khủng khiếp vừa qua.

Chúng ta sẽ bắn, nhất định thế. Cách mạng không chỉ có tiếng đàn, tiếng nhạc, tiếng ca, tiếng kêu gọi. Cách mạng phải có vũ khí, phải có nhiều súng đạn, những khẩu súng dành cho người lính, không phải loại súng lục đàn bà mà Văn sử dụng trưa nay. Phải có nhiều loại súng, và như vậy phải có quân đội được trang bị đủ loại vũ khí cướp được của giặc.

Hôm ở Hà Nội, anh Khang đã bảo Văn:

- Nay, cậu làm một bài hát cho anh em trường Quân chính kháng Nhật đi. Phải thật hùng dũng vào...

- Được lắm tôi sẽ viết.

Nhưng cho tới lúc này, Văn chưa viết được dòng nhạc nào. Tất cả còn lộn xộn còn mờ mịt trong đầu.

Tiếng móc tàu va nhau kêu loảng xoảng như tiếng binh khí chạm nhau. Văn nhìn ra cánh đồng đang xoay tròn, cánh đồng mờ ảo như thấy ở đó bóng dáng cả một đoàn quân cách mạng đang ào lên, đoàn quân Việt Minh... Đó là những con người cùng khổ, cả đàn ông, đàn bà, rách rưới tơi tả với những đôi mắt rực cháy như lửa giữa khuôn mặt hốc hác, xám đen vì đau khổ và đói khát. Những đôi mắt màu đỏ. Những lá cờ màu đỏ... Những giọt máu rơi xuống đỏ cháy cả nền đất khô cằn... Và tất cả đều vươn cổ lên, ngẩng cao đầu lên để hát, tiếng hát lộn xộn nhưng vang đi rất xa, rất xa, giục giã và kêu gọi...

Trong lòng Văn bỗng ngân theo. Đoàn quân Việt Minh đi... Vũ trang đây, lên đường... Đúng rồi, phải như thế... Văn sẽ phải viết những câu nhạc nóng bỏng như lửa cháy ấy, những dòng chữ căm hờn đỏ như những giọt máu ấy. Từ bao lâu ta nuốt căm hờn... Vũ trang đây, lên đường... Văn thấy cay sè ở mắt, không phải bụi than bay vào mắt mà nước mắt Văn cứ trào ra. Những giọt nước mắt chảy ròng trên khuôn mặt võ vàng của Văn. Văn cũng không lau đi cứ để chúng chảy vào miệng mặn chát...

Ngày mai, Văn sẽ viết đúng như thế...

Chú thích:

- (1) Cám ơn
- (2) Tạm biệt.
- (3) Kính thường
- (4) Một trường tư thục ở Hải Phòng
- (5) Hòm thư bưu điện hoặc tư gia
- (6) Chương trình
- (7) Được - Không
- (8) Ôi, cái đêm Trung Hoa tiếng Nhật.
- (9) Đường sắt
- (10) Tên thật là Lê Văn Cật, con trai ông Ký Kiểm. Lê Văn Cật là con nuôi của bà Sáu và kiêm luôn chức lái xe cho bà. Bà Sáu, vợ thứ sáu của ông Mai Trung Cát, được thế chồng, mở sòng bạc ở làng Ro Nha (sát Quán Toan), bà Sáu chia tiền hồ cho ông Cật, do vậy ông Cật mua 15 mẫu ruộng, xây nhà và lập trại ở Quán Toan. Với thế lực như vậy, nên dinh cơ của ông Cật hoàn toàn có thể coi là an toàn (Chú thích của Nguyễn Học, chất của bà Sáu)
- (11) Tốt được lắm
- (12) Sơn dầu
- (13) Bột màu
- (14) Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương (Ecole des Beaux Arts)
- (15) Trường Cao đẳng mỹ thuật Đông Dương
- (16) Xưởng
- (17) Tiếng lóng chỉ hút thuốc phiện
- (18) Nhà ở phố Hoàng Văn Thụ, cạnh rạp chiếu bóng 1-5, thích chơi piano và ngưỡng mộ Văn Cao. Viễn là anh trai ca sĩ Trần Khánh, người trong bài mang tên Chánh. (Chú thích của Nguyễn Học)
- (19) Trưởng tàu

Nguồn: Nguyễn Học (Mỗ Hà Nội)

Người đăng: Ct.Ly

Thời gian: 09/07/2006 3:25:55 CH